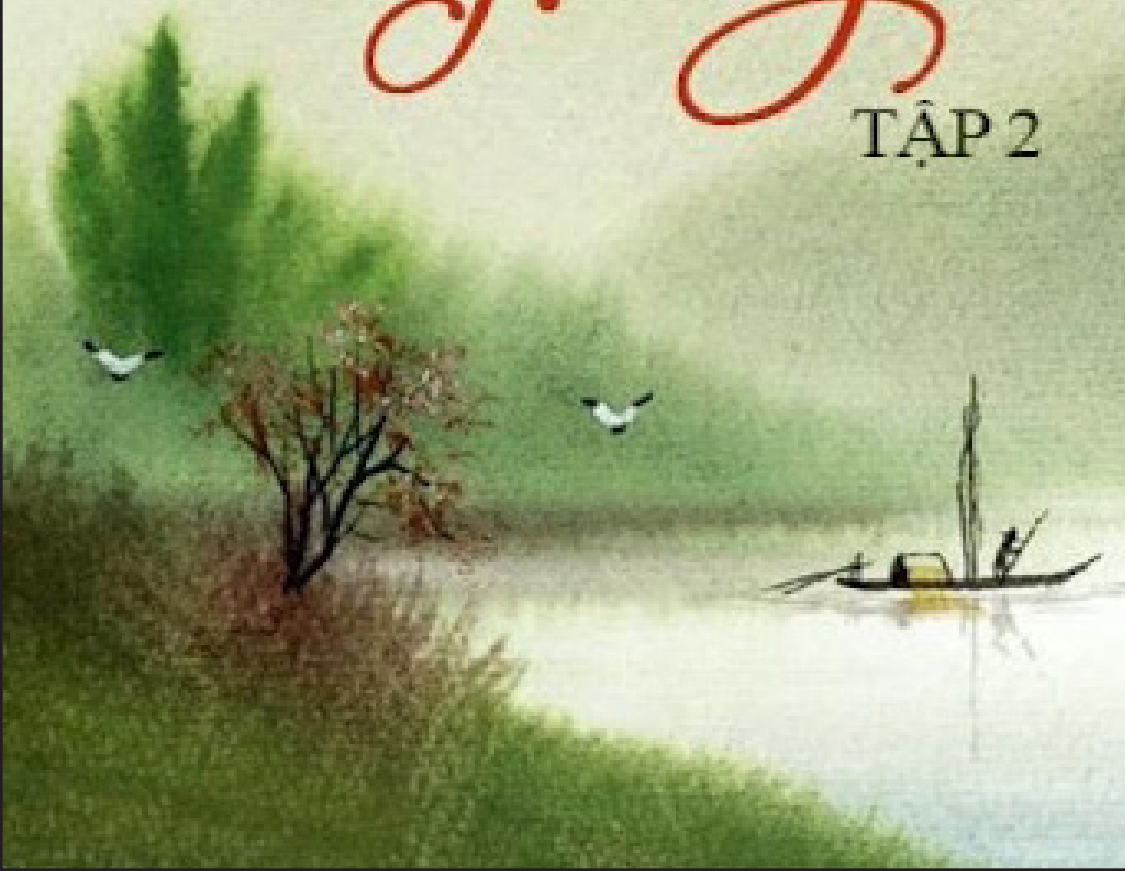


TÔ HOÀI

*Tuyển tập
truyện ngắn*
TẬP 2



**TUYỂN TẬP
TRUYỆN NGẮN
TẬP 2**

TÔ HOÀI



MỤC LỤC

Cái Áo Tê	6
Cây Mía Đỏ	34
Con Cua Tám Cẳng...	37
Đón Giao Thừa	49
Gấu Đi Chơi	53
Kỷ Niệm Chim Gáy	59
Mỗ Bốn	73
Ngày Cuối Năm	84
Những Thương Những Giận	93
Cần Những Hương Ước Đời Nay	114
Cây Cỏ Thụ Và Vườn Hoa	119
Chịu Không Đoán Được	126
Chơi Hoa	130
Chuyện Phiếm	135
Giàn hoa kim ngân	140
Hà Nội Với Hà Tây	147
Hội Làng	152
Khu Du Kích 99	164
Lại Chuyện Về Cái Túi Nilon	167
Loãng Quãng	170
Mai Châu	178
Mãi Rồi Cũng Đâm Quen	183

5 | Tuyển Tập Truyện Ngắn

Mỗi Người Một Khác	187
Qua Miền Trung	193
Quán Cây Si	213
Quán Cóc	222
Rời Thì Người Ở Một Mình	230
Suối Bình Châu	236
Tạnh Mưa	241
Tết Rằm	243
Thịt Rừng, Chim Trời Và Con Bướm	248
Tôi Lại Chơi Đế Mèn	255
Trên Sông Hồng	259
Tức Nhau Tiếng Gáy	263
Vĩa Hè	268
Khác Trước	271

Cái Áo Tế

Lúc nào lão Đợ cũng cỡi trần, đóng cái khố một, bằng mảnh bẹ chuối khô quấn đuôi lươn. Ngày trước lão cao lực lưỡng, bây giờ hai hõm vai nhô ra như cái mấu đòn gánh. Người ta hay đùa lão Đợ kiếp trước ông là ông Thiên Lô phải trời đầy xuống trần nên mới khỏe chịu nắng chịu gió thế.

Nghe dễ là gần sáng. Tiếng sấm đầu đông ùn ục như trời sôi bùng. Áp tháng chín, sấm cạn. Thế này là trái tiết, người ta dễ ốm, con cua con ếch thì lo xa tránh rét nghe sấm đã ẩn vào trong hang cả rồi.

Bao nhiêu năm đến giờ chẳng nhớ, chẳng buồn nhớ. Thuở ấy, nhà Đợ có hai cái nan, một nan vợ một nan chồng. Nan vợ thêm thằng con trai mới lên ba. Hai cái nan xuôi ngược, tới đâu ghé đấy, cũng quanh quẩn chẳng xa hơn quãng sông con. Năm kia, chẳng may nhà nó ốm rồi chết. Người chồng lên bờ, xin làng một nắm đất đắp ngôi mộ. Rồi làm túp lều lán sang bên cạnh. Lại vờ thêm mảnh đất, vun luống cải, luống rau. Chỗ ấy hõm vào một quãng bờ, như cái đĩa nước. Trong vũng nước sinh sôi mọi thứ cá mú, thế là không phải lần hồi ngoài sông nữa. Chẳng bao lâu, tháng Nhôn đã xốc vác được. Nhôn đi kiếm ăn theo nước lên ngược. Có chuyến đầy

về cả bè củ nâu đem xuống bán dưới bến Nứa ngoài Kê Chợ. Từ ngày ấy vẫn nửa lều nửa nhà, với mảnh vườn rách đầu vá đáy, chẳng bao lâu và bây giờ bác Đợ đã thành lão Đợ.

Lão Đợ ngồi dậy, ưỡn lưng vươn vai. Trờ trời mưa nắng với con cá, cũng lắm khi bận tới con người. Tiếng sấm muộn này có khi có chuyện đây, lão lấy cái giỏ giắt vào lưng khó. Chiếc nan chân liền của lão vẫn cắm ngoài mép nước. Hai tay như hai cái vây cá ve vẩy đẩy nan lướt ra. Suốt dải bờ, tiếng óc ách, óc ách như dế kêu, nhảy nhảy trong tai. Như đã trông thấy trong bờ có đến hàng trăm, mấy trăm con chạch chấu đương ngoe nguẩy đào bùn làm lỗ ẩn vào hang.

Lão Đợ cúi xuống, nghiêng cái nan vào bờ. Bắt chạch dịp này dễ ăn. Chẳng phải câu kéo, nơm vó, chỉ việc quơ tay. Chốc lát đã được lưng giỏ. Bỗng có tiếng gọi trên bờ, sau cái nan khuất chống đuôi.

- Bô cu Đợ đấy phải không ?

Đứa nào lếu láo dám réo tên cái lão ra. Chắc chỉ lại lão từ Hỏa mới dám chót nhả thế. Lão Đợ quay cái nan, nhìn vào thì đúng ông từ Hỏa. Hẳn ông thủ từ ra đình thắp hương. Hôm nay mồng một. Ông thủ từ giữ đình. Khi nào ra đình, ông từ cũng xách đôi guốc mộc gốc

tre, ông chỉ xổ guốc nghiêm chỉnh khi đi vào đình.

Ông từ Hỏa ra bờ đầm, ngồi thụp xuống, thì thào :

- Nhích cái nan vào về nhà, nói cái này.

Gì thế, cái này là cái gì, cả năm cả đời lão Đợ chẳng có cái gì phải nói ghé tai, lão chẳng hay nghĩ ngợi loăng quăng. Lão Đợ vẫy tay, quay cái nan vào, thò tay móc lòi ra một con chạch châu chúi trong bùn.

Lão Đợ làm rộn bắt mấy con chạch nữa rồi lão cũng tạt nan về sớm. Lão Đợ vác ngựa cái nan lên đồ chạch vào thúng sơn, được vừa lưng thúng, có con nhảy cả ra ngoài. Lão chọn mấy con chạch to, đem xuống cầu ao.

Con chạch vàng nhẩy, chỉ mổ moi rồi xiên vào mấy đọt tre tươi. Ông lão vào nhà chắt củi rồi cời bếp than, đặt cá lên nướng.

Ông từ Hỏa bước tới, kêu :

- Cái giống chạch phải được nước mưa cuối thế này, ăn mới lẫn thịt, thơm điếc mũi !

Một mảnh lá chuối đựng muối với mấy quả ớt vàng chóc. Hũ rượu nút lá chuối đặt cạnh. Hai cái bát đàn ăn cơm uống rượu lẫn lộn, tất cả bày ra mái hiên. Ông Đợ và ông Hỏa đều cười nói ồn ào : «Khéo vẽ ! Bày ra rồi

lại phải dọn. Cứ thế này, ăn xong chỉ việc đứng dậy».

Nhưng ông từ Hỏa cẩn thận, xuống cầu ao khoả cái chân, nhưng rồi lại chân đất đi lên. Ông ngồi vào đầu mẩu cái ống bương kê làm ghế, trong khi lão Đợ mở nút vò rượu.

Ông từ Hỏa chép chép miệng :

- Rượu nhà nấu, cá muốn ăn lúc nào thì đi bắt. «Anh hùng tiếng đã gọi rằng», cái lão này phong lưu đến nơi rồi.

- Phong lưu có hơn thằng mõ không ?

Ông Hỏa trợn mắt :

- Ấy chết, ai lại ví von giống cây chuối ngược thế. Phải nói ngay thế này. Sáng hôm qua, tôi ngồi chẻ đóm, tôi nghe rõ ông ổng. Mà các cụ vặc nhau như mổ bò, ngoài cửa đình còn nghe à uôm như đất vào tai. Có cụ bảo, cái lão Đợ mà làm chủ té thì cả làng này đi ăn mày. Có cụ nói ác nữa : cái thằng chết trôi sông phải lên bờ chôn nhờ đất thiên hạ mà bây giờ làm chủ té à. Ấy vậy mà các bố ấy cứ bàn quần đầu bắt đuôi, có nhẽ phải xuống tận bể Đông hỏi ông Hà Bá thế nào mà vẫn chỉ thấy lão Đợ vẫn chỉ còn lão Đợ làm được chủ té.

Lão Đợ ngậy mặt ra :

- Thế còn ai làm được ?

Ông từ Hỏa gật gù :

- Chỉ còn lão Đợ thôi. Tính chẻ hoa ra rồi, cắn cái rồi. Đếm mặt năm sáu mươi thì đã xuống lỗ cả. Thế mà lão Đợ dư sáu mươi vẫn lội ao lội sông ừm ừm, được là thế ấy. Bảo rằng lão thẳng ngụ cư, thế thì tông tích cả làng này ai chả là thẳng ngụ cư, ai chả là ở dưới sông bò lên, chứ cứ đâu cái ông lão Đợ. Có cụ chết cười lại bênh ông. Độ nhà ấy song toàn, trên thuận dưới hòa. Người ta đốp cho, bà lão ấy ngỏm từ đời ông ba mươi, lấy ai ra mà cãi nhau, đánh nhau, làm sao mà chẳng song toàn. Cứ lý sự kéo co cả buổi...

Ông từ Hỏa tợp một ngụm rượu, cười khè khè :

- Thế là ông lão được chân chủ tế. Sướng chưa ?

Lão Đợ buông sông :

- Chẳng thấy sướng chỗ chớ nào.

Ông từ Hỏa uống cạn bát rượu, đứng dậy hét :

- Không được lão, nói thế thánh vật đây !

Lão Đợ lẳng lẳng ra xé mảnh lá chuối, gói nốt mấy con chạch nướng, đưa cho ông từ Hỏa. Ông từ vẫn hăm hăm mặt giận lão Đợ báng bỏ thần thánh nhưng vẫn cầm gói cá, lập cập bước ra. Hai ông lão này hay dối nhau từng lúc, quá trẻ con.

Lão Đợ ngồi lại một mình. Trước mặt, chỉ còn mấy cái que xiên cá nham nhở. Lão Đợ cắn cả nửa quả ớt rồi uống nốt bát rượu, sau lão nằm kênh ra nền đất. Cái đầu lơ thơ tóc một búi túm đằng gáy gói lên mẩu tre vừa ngồi.

Lão không say, cũng không buồn ngủ. Lão đương nghĩ vẩn vơ về cái việc chủ tế, tế chủ không biết ra làm sao.

Xem rước, xem tế thì lão xem rồi, xem nhiều rồi khi sang tháng ba rồi tháng chín, ngoài đình có kỵ thánh đều có lễ, có tế, có năm lại rước chạ. Chốc đã mấy chục năm qua. Đến cái năm Đợ được vào làng được cất chân đình vác cái thùng lưng theo bác khán thủ đi tuần, đi hộ đê, đóng hàng giáp, việc làng, lấy phần, đẩy mới thật ra trai làng. Xem hội đũa nào làng lạ bằng nhẵn, đánh nhau ngay.

Thế mà có điều là đình đám làng này chẳng ra gì Xem hội to thì rủ nhau lên phủ, sang tỉnh khác. Những miền

lắm cửa, voi gỗ ngựa đá thờ, đao đình vẩy rồng, cột trụ có con nghê sành. Làng này chỉ có đình cột xoan, cột mít, mái lá cọ. Năm gian đình bày mỗi cái cuốn thư, chiếc kiệu long đình sơn then đã loang lổ tro gỗ mộc cả bốn chân. Không thăm vào đâu với những cột đình sơn son thếp vàng, những dải y môn buông tua điều quanh long đình kiệu bát cống, lại con ngựa bạch có bánh xe...

Chuyện về cửa cái những đình chùa nhà hàng xứ người ta thì biết thế nào kể xiết. Thạo đi xem hội thiên hạ rồi. Đi xem hội thiên hạ mà nô nức chen chân, có khi cơm nắm cơm đùm trẩy hội vài ba ngày mới tới mà vẫn nô nức.

Ấy như hội làng thanh bạch mà vẫn có cái nghiêm hội làng. Trong gian ở hậu cung thấy bảo có các đạo sắc phong thần của nhà vua, nhà chúa. Mọi người đều thuộc sự tích ông thánh làng ta. Thánh cũng như người làng, ai cũng cởi trần, đeo giỏ đi bắt ếch. Thánh làng ta thấy bảo cũng thế. Rồi ngài nổi tướng theo vua đi đánh giặc. Gặp giờ linh, ngài hoá.

Ngài thiêng lắm. Đến ngày kị, hàng giáp mổ lợn, mổ trâu, mặc lòng, bao giờ trên bàn thờ, dưới tay ngài cũng phải buộc đôi ếch - phải vào tận chân núi kiếm ếch hương về nuôi vỗ béo hàng tháng. Làng lại kiêng những húy. Con ếch được gọi là «ông ộp», mà phải nói

13 | Tuyển Tập Truyện Ngắn

nhẹ nhàng như khăn, sợ to tiếng, ngại quở.

Lão Đợ đương gờ gờ mắt nghĩ lơ mơ về đức thành hoàng. Lão nghĩ cũng lạ : ông thánh cỡi trần, ông thánh đeo cái giỏ, thế thì ta là ông chủ tể tể ông thánh là phải rồi. Cứ nghĩ về ông thánh, về ông chủ tể, lão Đợ tan mất cơn buồn ngủ. Lão Đợ đứng lên đẩy tàu lá chuối lên mặt cái thúng sơn, ở trong đám chạch chấu đương ngoi lúc nhúc. Lão cắp thúng cá đem ra chợ hôm ngoài bến, như mọi khi đi nan về. Một lúc, lão Đợ bán hết cá, đã úp cái thúng không lên đầu, đội về. Trông thấy ông từ Hỏa đang cầm cúi bằm chân gánh thùng nước. Chiếc đòn gánh lắc lư, hai cái thùng tre ghép, mặt đập hai chiếc lá bàng, nước sóng sánh nhẹ nhẹ. Cơn say ban trưa còn lại hay chân lão vốn chân vòng kiềng cho nên thùng lắc.

Lão Đợ đã quên chuyện bực bội. Lão hỏi bô bô :

- Gánh nước cúng à ?

Ông từ Hỏa nhìn lên cũng trả lời mau miệng :

- À nước tắm đình.

Rồi lại thì thào :

- Sắp đến rằm.

Chẳng biết quên hay chợt nhớ ra, lão Đợ cười khờ khớ :

- Ờ nhỉ ?

Lão Đợ rút trên đầu, cái râu mấy con chạch nhét trong đít thúng, lại đưa cho ông từ :

- Cầm về tôi uống rượu nhé.

Rồi ông tự nhiên chuyển sang chuyện khác, như hỏi giữa giờ :

- Chẳng biết làm chủ tế nó ra thế nào...

Ông từ Hỏa cầm râu cá, nói :

- Đã có ông bồi tế giúp một tay. Không thấy mọi khi đây à.

Ông từ Hỏa đã gánh nước vào khuất chân tre cổng đình. Lão Đợ vừa đi vừa gõ ngón tay lên nóc cái thúng sơn trên đầu, bắt chước như đánh trống tế. Đã có ông bồi tế ? Đã có ông bồi tế giúp một tay. Lão bước nháp nhỉnh. Cái lạt râu tiền bán cá buộc bên mép khó kêu róc rách, róc rách... tế chủ tế chủ...

Một hôm, có mấy cụ hương kéo đến nhà lão Đợ. Bác khán thủ đi với hai trai tuần, một người bung cái mo cau, trong đựng mấy miếng trầu, một rẻ cau, một be rượu, bác khán hai tay ôm cái tráp gỗ mộc. Ông từ Hỏa đã mách cho lão Đợ biết làng đem rượu và trầu cau với áo tể đến, thế là làng đã có lời mời rồi.

Bác khán đặt cái mâm chõng xuống giữa nhà rồi để ra cái tráp, hết cái hòm thợ mộc. Rồi mở cái mo trầu cau đã tẽ sẵn lên trên mặt tráp phủ vuông vải điều. Cụ hương hai tay nhắc vuông vải, mở tráp.

Trong tráp, gấp sẵn cái áo tể. Hàng năm, mỗi hôm tể ngoài đình, ông tể chủ được mặc áo tể, làng nước ai cũng biết cả. Áo thụng tể không phải áo nâu da bò, không phải áo lương áo kếp nhà giàu đâu, áo thụng của làng là của thần, của thánh chỉ ông tể chủ mới được xỏ tay. Làng chỉ sắm được có một cái. Cụ nào lên lão được kén vào chân chủ tể được lộc mặc. Quanh năm, cái áo tể được cất trong tráp để vào hòm gian ở hậu cung.

Tráp vừa mở, mấy con gián cuống quít bò ra. Anh trai tuần giơ gót chân dạp con gián. Cụ hương kêu to :

- Ấy chết. Lạy thánh. Không được ! Không được làm thế.

Cụ hương nhẹ tay rũ cái áo tể rồi xóc lên. Cái áo thụng the quynh hoa chanh nhuộm lam, đã ngả bạc, nhưng gấu áo, gấu tay còn đứng nếp.

Cụ hương vuốt áo như nói một mình, nhủ khăn :

- Lay thánh xá cho, áo lễ làng ta lắm nào cũng mới nguyên như năm nào.

Rồi cụ nói với ông Đợ :

- Hôm kị thánh có chạ dưới lên góp lễ, cụ chủ tể mặc áo thụng đứng lên cho chạ anh chạ em người ta trông vào.

«Ồi dào, mấy chục năm nay tớ vẫn giữ chân đánh trống tể đến bây giờ mới được lượt chân chủ tể Chẳng lạ gì cái chạ dưới mà phải trông vào trông ra. Bất quá lại kiêng cái long đình gãy chân, có bó nhang đen, có nải chuối xanh để bàn thờ, với đầu xôi nén, năm nào cũng cỗ chay. Chẳng có gì mà phải lo, được rồi !»

Lão Đợ quen miệng hay nói «được rồi», mà cũng chẳng để ý được cái gì. Khi mọi người đã về, lão Đợ ngồi chờ ra một lúc. Lão cầm cái áo tể đưa lên mũi ngửi, lại nói «được rồi». Lão không để áo ra mặt đất mà trải lên đồng lá chuối khô vuốt từng tà áo, gấu áo nhả nheo. Không biết áo tể đã bao nhiêu đời các cụ xỏ tay có chỗ

17 | Tuyển Tập Truyện Ngắn

lồng tay ào. Áo nhẹ như bắc, rộng thênh thang, giơ hai tay lên đỉnh đầu hạ hai tay xuống, những vạt áo lam mờ phất lên như làn gió mát. Lão có cam tường như ông quan, lại như ông thần.

Lão Đợ vẫn đứng nghiêm, hai bàn tay đặt trước bụng. Lão đương nhớ lại những lần ra đình xem tế.

Ông từ Hỏa ở đâu đến, chưa thấy người đã thấy tiếng.

- Tế một mình à ? Lão này tập tế. Rồi có người đến tập cho, ra đình thử mới hết.

Lúc ông từ Hỏa vào đến trước cửa, hấp háy mắt ngắm lại, ông từ kêu choang choác :

- Ôi giời ôi, tế cõi truông. Chết chết, phải tội, phải tội lòi con người ra.

Cái lão nửa đời này chỉ được cái vu vạ. Lão vẫn đóng cái khó đuôi lươn đầy thôi. Nhưng mà nhìn lại, lão Đợ cũng giật thót mình. Lão trông xuống cái vạt áo thụng thưa như mảnh mảnh, rõ ra cái cẳng chân, cái đầu gối như gốc tre, cái ống nứa. Thế này thì khác nào chưa mặc quần ! Ông từ Hỏa ngồi xuống, rút đằng sau lưng ra một cái quần. Ồ cái quần mới của ông từ vẫn mặc những ngày sóc, ngày vọng lên đình thắp hương. Ông từ nói :

- Phải mặc cái này nước được. Chứ đến chỗ lễ bái mà tô hô ra thế kia thì hàng chả ngả vạ đấy. Mặc thử xem nào.

Cái quần lá toạ của ông từ Hỏa, quần vai gộc dần bùn rồi nhuộm cậ, màu bùn màu cậ như cái mo nang, chó cắn phải gãy răng. Không bước của con cái đũa nào biểu hay là của làng may cho ta năm ông ta giữ chân thủ từ, ông từ Hỏa chỉ mặc cái quần này ngày tết nhất và những hôm làng có việc mà thôi. Thế là ông từ tốt bụng với lão Đợ lắm.

Lão Đợ đứt ống quần luôn cái khố vào trong, ông từ Hỏa toan quất lên, nhưng lão Đợ đã mặc cả quần cả áo thụng rồi lão quạt đầu xuống hỏi :

- Tôi mặc mất quần ông rồi, hôm làng vào đám ông mặc quần nào ?

- Không phải lo, không lo.

Rồi ông sửa sang cái quần chùng cho ông Đợ. Ông từ Hỏa đã vớt cái dây chuỗi khô làm dải rút. Ông thắt vắn hai lá toạ quần lại. Ông làm thoăn thoắt như bác phó may thử áo. Lão Đợ cứ đứng giong hai tay áo thụng, có ý kính nể vẻ tháo vát của ông từ. Lão thủ từ lo việc lễ bái đã mấy năm, bắt con cá con mú thì lão vụng nhưng việc

19 | Tuyển Tập Truyện Ngắn

đèn hương lão co chừng khéo. Đẳng nào cũng được được rồi. Lão Đợ cười :

- Đứng ngay lưng lên xem nào ?

Lão Đợ đứng ngay người. Hai vai áo thụng nhô ra, cong cong như cánh con dơi. Thành thử trông lão hốc hác to lớn, oai lạ. Lão Đợ không nhận thấy, thế nhưng ông từ Hỏa ngắm nghía ông bạn già đóng bộ vào rồi cũng phải nghĩ thầm : ông này đứng chân tế chủ, lạy thánh mớ bái, thánh phù hộ đây.

Lão Đợ sốt ruột :

- Thế nào, xong chưa ?

Rồi lão thông hai bàn tay xương xẩu gầy khô xuống cái vạt trước áo lam, nhăn nhó :

- Rậm quá, như có đàn rệp bò trong bẹn.

Ông từ Hỏa cười khe khẽ :

- Cả đời có mặc áo quần đâu mà biết con rận con rệp. Đừng nói nhảm, việc đình chùa nhà thánh không dám khuất mắt đâu, người ta phải đập rồi phơi mấy nắng rồi đây.

Ông từ Hỏa kéo cái quần sồi lão Đợ đứng mặc đem gập lại, đặt cẩn thận xuống dưới cái áo tể trong tráp, lão Đợ cứ đứng trơ ra cho ông từ lột, lát sau như chột tỉnh, lại hỏi lẫn lẫn :

- Ông từ cũng phải vào hậu cung thấp hương mà không có quần mặc thì...

Ông từ Hỏa nhăn nhó vẻ khó chịu :

- Cứ lo con bò trắng răng, đã bảo đâu khắc có đây rồi.

Cũng chẳng biết «đâu khắc có đây rồi» là thế nào, lão đâm ra cuống, đến lúc lại nghe yên tâm nói thế, ông Đợ lại yên tâm vu vơ, lại thấy ông từ Hỏa mới là tay tháo vát.

Bỗng nhiên lúc này, lão Đợ có ý mong thằng Nhõn. Đã biết là thằng Nhõn đi, năm nào đến kị thánh làng thì Nhõn cũng nhớ về. Nó bảo : «Ông thánh làng ta thiêng lắm phải về lễ tạ thánh mới cho ăn lộc». Chả cứ nó, nhiều người đi làm ăn xa cũng về hội làng. Cái lệ, cái nét làng nước thế. Năm nay, lão Đợ được giữ chân chủ tế, lão càng có ý ngóng con. mấy lần ra bến, lão Đợ lại nhẩn người buồn bề đường ngược. Rồi chiều chiều tha thân ra bờ sông. Lão Đợ càng mong.

Cái ngày thằng Nhõn còn bé, ông lão cũng đã đi kiếm ăn trên rừng. Bây giờ Nhõn lại theo nghiệp ông. Vào rừng kéo gỗ mướn, đến vụ thì đẩy bè củ nâu xuôi bến Nứa dưới Kẽ Chợ. Con sông này chỉ lên một ngày đường nước đã sang đồng đất đường rừng. Xẩm tối, từ ngoài bến, hôm ấy Nhõn về. Cái đòn ổng buộc cái bu đựng hai con gà trống. Những con gà, gà nhà làng Mùòng cũng chẳng khác gà rừng, mã tía, đuôi xòe dài như đuôi công, chốc lại cong cổ gáy the thé.

Từ bờ rào ngoài đường cái trông vào nhà, Nhõn đã oang oang :

- Lạ bố. Nhà ta có cái tráp đẹp thế kia.

Lão Đợ ra đến trước mặt Nhõn, thì thào quát khẽ :

- Làm gì mà réo như đánh mõ thế. Cái áo tể, nghe ra chưa, cái áo tể.

- Người lên bến trên ấy đã khoe cả vùng biết bố làm tể chủ rồi. Tôi nay thịt gà cúng cụ.

Lão Đợ nói :

- Chỉ thiếu có cái quần, thì ông từ Hỏa cho mượn. Phúc đức chưa.

Nhõn nói :

- Được rồi. Mai kia lên Mường nhuộm đôi quần vải chàm, cái quần chàm mới hợp với màu áo lam tề.

Ông lão như khoe, lại như đánh đố con :

- Lại còn đi tập tể, ối cái rắc rối quá.

Nhõn cứ nói dễ như bỡn :

- Không phải đi đâu cả. Tôi biết rồi. Ra ngoài ông đồ Bùn, hỏi các thứ. Trẻ con xem tể cũng đã thuộc cả. Hương... báí... Cúc cúng báí... Năm nào chẳng thế.

- Lạy thánh, thằng này chỉ bố lão !

Nhõn cười âm lên. Một mình Nhõn đã nhộn cả nhà.

Lão lại ngồi nhắm từng thứ. Cứ lĩnh kinh mà rối cả ruột. Mà phải đi mượn chứ, ai lại đi sắm đồ ngày sau làm tể chủ, rõ rồ. Quần cái khăn lượt, mượn đâu ra cái khăn lượt. Rồi mai kia thằng Nhõn lên ngược, may cho ông đôi quần chàm, à cái thắt lưng chàm nữa.

Còn đôi hia, các cụ tể chủ mọi năm đi hia, nhuộm bùn rơm rồi tét bện lại, như cái chôi lúa, thế thì trông không được mắt, không được. Không, không, ta sẽ làm đôi hia cho ra hồn.

Lão Đợ xuống ngắm nghía dưới bờ tre. Lão chọn một cây tre chết róc đã vàng ửng xác xơ. Lão cúi xuống tận gốc rồi đào bặt cả chòm rễ cây tre chết đứng, bừa đôi ra.

Chỉ nửa buổi, đã đẽo xong đôi guốc gộc tre, gọi là đôi guốc, đôi giày, đôi hia gộc tre cũng được. Nó không cần quai, thúc vào mũi nó hùm hụp như cái gáo dừa. Nung cái đỉnh lên, dùi một bên một lỗ, như hai con mắt trỏ ngoài mũi thuyền. Cái gót thì đẽo tròn, để nguyên cả tảng. Thế là được đôi hia vạn đại.

Xong rồi, lão Đợ đem vui đôi hia gộc tre còn mộc xuống bùn ao.

Hôm ấy, trống đình đánh liên hồi từ sáng sớm. Tề ở đình có chạ dưới lên góp lễ - như mọi năm. Trẻ con các xóm đã nháo nhác từ hôm qua. Các bác hương, bác nhiêu, chú trai tuần mặc áo năm thân, búi tóc chít khăn xúm xít giải chiếu mộc, chiếu hoa khắp các gian trong đình, cả hai bên tả vu hữu vu, vào tận hậu cung. Mái lá tối như hũ nút, chỉ thấy những chấm hương đỏ ngòn, cây hương đen thơm ngào ngạt.

Các bác, các cô cũng ra đông. Cả những chị con mọn cũng vừa xốc con bú vừa chạy te tái. Đàn bà con gái không được vào đình, không được lươn phươn nhòm ngó chổng mông vào cửa đình. Tất cả đứng tụ lại thành

đám ngoài gốc đa, xem cái long đình của chạ dưới vừa lên. Những bà già ở các xóm ra, chốc lại lằm nhằm chấp tay vái vào trong cánh cửa đình đã mở toang, khói hương lửa ra xanh rờn từng đám.

Ông chủ tế ra ông chủ tế, lão Đợ đã như đồng thuộc. Chả là lão cao lêu nghêu lại to xương, quai hàm, bả vai nhô, cái áo thụng phơ phất như cánh phướn nhà chùa. Lão chít cái khăn lượt vĩnh từng vớ Cái quần nhuộm cây buông lừng xuống trên đôi guốc gộc tre lênh khênh như ông lão đi cà kheo. Cả đám tế chỉ mỗi một mình cụ chủ tế được mặc áo thụng. Rõ ra đáng ông tướng, ông quan hầu thánh, quan hầu thành hoàng.

Lão Đợ xách đôi guốc gộc tre vào đến sân đình rồi đặt xuống, đi vài bước làm phép, rồi lại tụt ra bước chân không.

Cái trống cái kê nghiêng đã nổi ba hồi một. Kiệu long đình của chạ dưới rước lên đã đổ gốc đa ngoài mái hiên.

Nhõn hôm nay ăn mặc bảnh chọe, không như mọi khi cời trần vác cái đòn ổng đẩy bè.

Nhõn chít khăn lượt. Nhõn mặc chiếc áo nâu năm thân đứng ngay sau lưng ông chủ tế. Chẳng phải đã được cắt đặt thế nào, Nhõn cứ tự nhiên đứng lẫn vào

với chân ba bốn người bồi tể. Tồi qua, Nhõn còn dặn bố. «Bồi tể người ta xướng thế nào thì ông mặc kệ, ông cứ nghe tôi nói sau lưng ông mà làm. Người ta bảo bái thì tôi xướng quỳ xuống. Người ta bảo bình thân thì tôi bảo đứng chấp tay ngay người, người ta lại xướng hương thì nghe tôi bảo đứng lên, ấy cứ thế mà làm...

Người đông xướng : Tiên tước. Nhõn giục : Buộc lên. Lão Đợ ngay người thùng thỉnh bước lên. Người tây xướng : Độc chúc. Nhõn nói sau lưng bố : Đưa văn tể cho nó đọc. Cụ chủ tể cầm một tờ giấy lệnh gấp đôi, vái rồi đưa cho bác đồ Bùn đọc văn tể.

Giọng bác đồ lạnh lạnh... Từ Liêm huyện, Hoài Đức phủ...

Trong đình, ngoài đình im phăng phắc. Một hồi trống, một câu xướng : Nghệ ẩm phục vị. Đến câu này, thằng Nhõn chưa giục, ông Đợ đã thuộc. Ông Đợ quỳ xuống. Hai người bồi tể hai tay bưng chén rượu và coi trầu. ẩm phúc... Cụ tể chủ nhận chén rượu, vái một vái lên bàn thờ rồi ngửa mặt uống một hơi. Lại vái một vái, cầm miếng trầu ăn. Uống rượu ăn trầu, không biết từ lúc nào, ông Đợ đã thuộc ngay.

Lễ tất. Nhõn nói vào sau lưng ông Đợ : «Xong rồi». Rồi lại nói : «Nhớ đi ra thì phải lùi, không được đi

chông đít vào. Thế thế».

Lão Đợ đã biết rồi, lão Đợ lùi đứng đến chỗ lão xếp đôi guốc gộc tre.

Suốt buổi tế hương đốt nghi ngút trong hậu cung ra ngoài các án thư. Chốc chốc, tiếng trống rền rĩ từng hồi. Tiếng đông xướng tây xướng, tiếng độc văn, giọng kim giọng thổ ồn ào. Người tế, người xem tế từ trong ra ngoài, ai đứng đâu nguyên đấy, có lúc im phăng phắc. Trẻ con thao láo mắt nhìn vào Có tiếng trẻ bỗng khóc thét. Người mẹ bế xốc lên, chạy huỳnh huých.

Ông tế chủ đã xong việc đi sang gian bên, ngồi với các quan viên chạ dưới. Mỗi cụ xơi một miếng trầu rồi uống ba tuần rượu chay. Năm ngoái có con gà, ván xôi nhưng năm nay làng dưới đã lên có lời trước, chạ em đuổi quá, không lo được, mà lệ làng thì phải giữ, quan anh đánh cho chữ đại xá. Ở đằng sau cái long đình có tiếng gọi :

- Ông tế chủ ! Lạy ông tế chủ !

Lão Đợ ngẩn mặt ra nhìn mấy người khiêng kiệu. Lớ nhó một bọn chân đất, vai trần, trai kiệu đóng cái khó bao. Lão Đợ nhận ra các quan viên chạ dưới. Lão nhớ mặt cái người già hơn lão, ngày ngày vẫn chỉ đào chuột,

đi đơm cá. Những người bạch đình, chân trắng này vẫn phải đi khiêng kiệu, cũng là giai già mới được cắt đầy. Hôm nào lão Đợ chẳng đụng mặt với các lão ấy cắt vó, xách giỏ đi dưới bãi.

Lão nói :

- Cụ được chân tếch, hơn đàn em rồi, sướng nhỉ ?

Sướng chứ. Nhưng mà bắt con chạch chấu dễ nhằn hơn, có cái be cay đấy không ? Lão kia cười khì khì, lồi trong đáy long đình ra một vò rượu.

- Lạy cụ, trông khăn áo đi hia gộc tre thế cũng biết là cụ khó nhọc mướt mồ hôi rồi. Cụ làm một ngụm giải cảm.

Lão Đợ, hai tay áo thụng xắn lên, bung vò, ừng ực liền mấy hơi. Rồi quệt tay chùi mép. Lão kia cú ngóc lên nhìn rồi chắp tay vái : «Trông cụ có tướng lắm !» Lão Đợ nói : «Tướng cướp à ?» rồi lại giơ cái ống tay áo lên chùi mép lần nữa rồi mới thùng thỉnh vào đám các chạ trong đình cũng đương tíu tit rượu suông.

Cái long đình bốn người khiêng. Bốn người chân trắng đi túc trực đám rước, lại lững thững về làng bên. Tuy năm nay chẳng bày vẽ nhưng chạ nào có cái lễ, thì phải có rượu rồi chẳng biết người ta biện rượu ra ở đâu,

cả đến những người khiêng cũng lắc lư, như kiệu bay. Cái long đình gỗ mộc tả tơi như cái vồng vong đám ma mà cũng bay, cũng bay. Chốc chốc trống đánh tong tong, tể trong đình rồi, bây giờ người bay kiệu bay.

Lão Đợ bảo ông từ Hỏa :

- Đóng cửa đình rồi về vào nhà tôi nhé !

Ông từ Hỏa cười khi khi :

- Xong ngay đây.

Ông từ Hỏa cầm cái bầu khoá đuôi chuột to bằng quả mướp, đặt vào then rồi rút khoá, buộc thắt lưng. Thằng Nhõn đi trước, hai tay cung kính bưng một xâu những con ếch thờ của cụ tể chủ được phần. Nhưng lúc nãy Nhõn đã bẻ cả xương đùi cho những con ếch mất giã. Cả mấy người đều chệnh choáng.

Lão Đợ, mỗi tay cầm một chiếc guốc gộc tre. Cái áo thụng đã cởi vắt lên vai. Ông từ Hỏa rút cái áo thụng, gấp lại cắp xuống nách, nhưng lão Đợ không biết.

Lão Đợ nhìn mấy con ếch bóng nhẫy thằng Nhõn xách trong cái lạt tre. Chốc nữa, những «Ông ộp» này được hoá kiếp đi rồi thành thần. Ông thánh làng ta đi bắt ếch rồi theo vua đi đánh giặc. Thành hoàng làng ta

hàng trăm năm hàng nghìn năm có công rồi hiển thánh, bói ra khoa thấy lấy lòng. Ông thành hoàng làng ta hiển thánh sinh ra cái hèm thịt ông ộp. Hôm hội nhà ai cũng có một giỏ ông ộp, cả làng ăn cỗ om, cỗ rán ông ộp. Ông thành hoàng làng cũng ăn tiệc ông ộp. Vừa hay, gió heo may nổi, con chạch châu chúi xuống bùn, con ếch vào ngủ trong mà, ếch đi tránh rét nằm ngủ đông như cua, tha hồ nhà nào cũng có cỗ «Ông ộp».

Lão Đợ đã về đến trước đồng rơm. Lão ngược mắt lên mới thấy vàng mặt trời. Bỗng dưng lão trông thấy một ông râu quai nón đi vào. Ông lão râu quai nón đóng khố bao, lại đeo cái giỏ bên hông, tay chăm chăm con dao bẩy sáng nhoáng ông lão đi nhanh như gió nổi dào dạt qua đồng rơm, rồi lại biến mất.

Đích là người về rồi, người về rồi. Lão Đợ giật cái áo tể ở nách lão từ Hỏa, cuống quít mặc vội. Lão lúng túng quên cả chít khăn.

Lão Đợ giục Nhõn :

- Nhanh lên ! Đền nhang lên ! Ngài về ! Ngài về !

Lão Đợ đi guốc gộc tre, mặc áo thụng nằm phủ phục xuống giữa cổng. Ông từ Hỏa cũng nghển đầu lên rồi cũng thụp xuống sau lưng lão Đợ. Thằng Nhõn ra rút

một nắm hương đen đặt vào đồng rằm. Hai ông lão cúi móp xuống đất. Mắt ông lão trùng trùng nhìn lên rồi nhắm lại, hai người cũng nói lẫn lộn, loác choác, như ngủ mê, lại rì rào như khăn :

- Đấy, đấy Ngài cởi trần thắt lưng điều, ngài cầm con dao bầy, ngài chỉ dao về đằng kia, đưa quân ngài trảy về đằng kia. Nhõn ơi ! Mày đem thả ngay xâu con ộp xuống sông, cho ngài lấy lương ăn. Ngài đang đánh giặc to lắm. Ông Hoa ơi, trong bếp còn mấy vò rượu ông khuôn ra cho tôi. Ngài đi ngoài kia, đấy tiếng tù và, lại tiếng tù và... đấy đấy.

Hai ông già cứ nghi ngóp rót rượu ra bát lồi ừng ực uống, rồi lại ngóc đầu lên. Ông từ Hoa ơi ?

- Đấy, đấy ngài...

Lúc ấy, Nhõn đi ném cả xâu ếch xuống sông. Nhà tôi om, Nhõn nhóm lên một đồng củi. Nhõn cũng trông thấy loạn cả mắt trong ánh lửa nhảy nhót. Thánh đã biết ta bẻ hết chân những con ếch thờ rồi. Nhõn quỳ xuống, sợ dựng tóc gáy. Rồi Nhõn rà rà vào bếp cấp một hũ rượu. Nhõn lại chạy xuống bến. Cái bè củ nâu ba cây luồng vẫn nẹp đấy Nhõn cởi chèo néo đẩy cái bè băng ra giữa dòng. Không biết Nhõn lại ngược hay xuôi Kẻ Chợ. Xâu ếch chết rồi. Nhõn sợ đánh mất xâu ếch của

thánh. Nhõn vẫn thấy quân đi ồn ào trên kia.

Bây giờ thì xung quanh đã im ắng. Ông từ Hoa định về ngoài đình, ông vẫn nhớ đường. Người say bao giờ cũng nhớ đường về nhà, về đến nhà ngủ thiếp đi lúc trở dậy mới không biết ở đâu. Ông Hỏa lại vẫn trông thấy cái áo thụng rớt dải ọe ra ướt hết ngực áo lão Đợ. Thế thì ông phải đem về, giặt ngay. Chẳng có thì cái áo thụng ố ra, nó bị chuột cắn, nó bị gián nhấm, cơ chừng mà thánh vật chết, mà phải làng bị vạ.

Ông từ Hỏa lò lôm côm đến chỗ lão Đợ. Ông run rẩy lần tay cởi cái dải áo. Lão Đợ nhắm mắt nói khao khao :

- Đứa nào ?
- Từ Hỏa đây.
- Thằng kẻ trộm à ?

Ông từ Hoa rên hừ hừ :

- Áo thụng ố hết rồi phải đem ra ao đình giặt.

Lão Đợ ngồi dựng lên :

- Áo này áo thánh, tôi là chủ tể tôi phải rước áo về đình cho ông từ người ta giặt. Phải thế mới được.

Lão Đợ cởi trần, hai tay bung cái áo tể lên trước mặt. Lão Đợ cũng không nhận ra ông từ Hỏa vẫn đi sau lưng.

Đã ra tới đầu ao làng tối om. Nhưng con đường này, tảng đá, hòn gạch bờ bụi các người đi cả đời đã thuộc nhãn.

Hai người say vẫn đi. Rồi lão Đợ giơ cái áo nâng lên ngang mặt, đưa cho ông từ Hỏa.

Rồi lão Đợ quay về tay không. Hai ông lão đường đi đường về như đi trong đường mê mà ai cũng về được cả.

Đến ngõ, lão Đợ trông thấy cây rom, cây rom là đến nơi rồi. Lão lăn ra ngủ dưới chân cây rom. Mờ sáng hôm sau, ngoài đình viếng đập cửa chan chát :

- Từ Hỏa ơi, từ Hỏa !

Ông từ Hỏa mắt nhắm mắt mở ra mở cửa. Nhòm ra, lão Đợ cái mặt rượu bây giờ nhợt nhạt bệch ra. Lão Đợ lơ lảo thì thào.

- Mất cái áo tể rồi. Lạy thánh mớ bái hay là quân ngài lấy tôi gọi thằng Nhõn hết hơi. Mất cái áo tể mất...

Ông từ Hỏa lẳng lẳng vào, lão Đợ bước theo đến chỗ cái mái vẩy chỗ cái sân đất bên hậu cung. Ở mảng sáng

33 | Tuyển Tập Truyện Ngắn

chỗ sợi mây chẳng ra, cái áo thụng vừa được ông từ phơi lên, nước còn nhỏ giọt. Lão Đợ quỳ xuống vái cái áo tể. Ông từ Hỏa nói như phân trần, lại như phàn nàn :

- Dốt dãi cả ra áo phải giặt ngay, không có thì phải tội chết.

Lão Đợ thở dài thượt một cái :

- Thế mà lo sốt vó từ gà gáy.

Lão Đợ dừng dừng bước ra, lão nói :

- Tôi phải ra sông bảo thằng Nhõn lấy cái nan xuống địa kiếm mấy «Ông ộp», hôm nay mới được làm cỗ kị thánh.

Cây Mía Đỏ

Nhà nào cũng gói bánh chưng hôm hăm bảy tết. Nồi thịt bò quăn lạt kho chín nục, đã treo lên cột chạn bếp rồi. Những chùm khánh đất trên cây nêu reo leng keng trong gió ngoài vườn. Năm nào bà cũng đi buổi chợ tết cuối năm - có khi hăm chín bắt làm ba mươi, ngày áp Tết thật túi bụi, tất bật. Hầu như chẳng còn việc gì bận bịu đến chợ búa, bà vẫn đi phiên chợ tất niên. Bà đi với cháu. Thằng bé năm nay đã lên tám.

- Bé lon ton đi sắm Tết với bà.

- Bà ơi ? Bà lại đi mua cỗ ăn Tết à ? Bà mua những gì nữa ?

Bà nói :

- Không. Bà chỉ còn đi sắm gậy cho cụ. Đường xa mà mưa phùn lầy lội cả ngày thế này các cụ phải có gậy chống mới về kịp ăn cỗ tối ba mươi được Mai đã ba mươi rồi.

Hai bà cháu đã đi đến cây đa đầu làng. Mới hôm nào, giữa trưa nắng hè, những quả đa chín vàng rụng lộp độp, rơi cả xuống đầu. Nhưng không phải tự dưng có quả đa rơi đầu. Trên cao cao kia, những con chim bồ

các đứng len lỏi rúc trong những đám lá đa tìm ăn quả đa chín. Thế mà gió bắc về lúc nào không biết. Cây đa cổ thụ kia đã trơ trọi cả lá chỉ còn nghe tiếng gió à à. Những con quạ phờ phạc trong hốc đa tung cánh bay ra thế là lại đến Tết.

Bà vào hàng mua mía ngay đầu chợ. Cô hàng mía chít khăn vuông kín mít chỉ còn thấy hai con mắt to hỏ, cô đã đặt gánh xuống hai bó mía. Cô cời ra từng cây, dựng đứng ngoài tường. Những cây mía mỗi đốt đỏ lựu màu mận, trên ngọn để búp lại như cái bắp ngô xanh xanh. Rõ là cây mía thờ bán chợ Tết.

- Bà ơi ? Bà mua mía làm gì ?

- Đã bảo mà. Gậy của các cụ chống, các cụ về ăn Tết.

Bà chọn hai cây mía. Cô bán mía lấy cho bà lão hai cây mía mầm hơn, rồi bó lại. Bà xách đuôi cho cháu vác ngọn mía. Cháu nghênh ngang đi trước. Cái chợ ồn ào đằng sau lưng như không còn gì.

Một quãng xa.

Đã lại về đến gốc đa, gió rét thổi ràn rạt. Chẳng biết vẫn con quạ ban nãy hay những con quạ rét quá vừa ngủ dậy, bấy giờ mới bay ra gió sồn cả lông lên. Bà cháu đã mau chân về đến nhà. Cái mâm chống làm bàn

thờ đã được kê bốn hòn gạch vồ đẩy lên cao. Trên mâm, bên cạnh ống hương, cái mâm bông ngũ quả nhô ra nải chuối xanh. Nén hương đen dài khói lơ lửng khắp gian nhà cũng được bố thấp từ sáng sớm.

Cháu đã thuộc mọi việc bày bàn thờ Tết. Cháu vác hai cây mía ra chum nước rửa. Bà thắp một tuần hương nữa rồi xếp cây mía vào bức vách hai bên giường thờ.

Bà ngoảnh ra sân mưa phùn rồi bảo cháu : Các cụ phải đi nhanh mới về kịp giao thừa được chiều ba mươi rồi.

Cháu nhìn lên giường thờ, nói :

- Thế thì các cụ đã có cây mía làm gậy đây rồi.

Con Cua Tám Cẳng...

Ông lão đang ngồi lơ mơ. Bỗng thoáng một cái gì đùng đậy ngoài sân đất. A, con cua, con cua bò lổm ngổm dưới bờ ao lên. Lại một con nữa. Hai con cua, cái càng giờ lêu ngêu. Ngoài đồng bây giờ chẳng có bóng một con cua. Người ta bỏ cái thuốc sâu, như thuốc mỗi thuốc một ấy mà, đến thẳng nhện nước loãng quăng cũng chết mất giống. Những con cua sống sót này ranh ma thế. Nó khôn bằng mấy người già đây, biết chạy chết vào các ao trong làng.

Ông lão cúi ngấm nghía con cua đồng như chưa trông thấy con cua bao giờ. Cái càng cua huơ lên định quắp. Con cua tám cẳng hai càng, một mai hai mắt rõ ràng con cua. Con cua có tám cẳng, con cua đến lăm chân. Cứ đương bò ngang con cua lại bò dọc, hu riu chẳng chân nào bảo được chân nào. Phải rồi, cho nên người đời mới mắng nhau : Ngang như cua, ngang như cua bò.

Chẳng phải đưa nào đâu xa, bà lão nhà này vẫn nhiệt tở, tở chỉ được cái nói ngang, ngang như cua. Chẳng biết bà lão hay lắm bằm về tở như thế từ bao giờ. Ở với nhau cả đời, sao mà cứ ngày lại thấy ra một cái tật, một cái chẳng hay ho ra làm sao. Bà lão bảo lão ngang như cua, lão chỉ thấy cái miệng bà lão nói dối dựng đứng.

Nó đi chợ về, nó bảo nó ra bên. Nó ngỡ nếu nói là đi chợ thì lão này lại cho là bà lão đi chợ ăn quà. Không biết lão có nghĩ thế không, nhưng lão đoán có phần có khi đúng, không phải lão ngang như cua.

Thế là lão bực, lão dúm một cái. Bà lão ngã ngời xuống. Nhưng bà lão đã nhồm lên, đẩy ông lão một cái ông lão lăn chiêng ra, hay là ông lão nằm ăn vạ ông lão quờ quạng như con cua bò thế rồi lại rên phè phè như con rắn hổ mang.

Bà lão lập cập bước ra ngõ, nói trống không :

- Đứt đuôi con nòng nọc, đứt đuôi con nòng nọc, từ đây com ai người nấy ăn.

Mấy hôm sắp trở trời hay sao, cái mảnh mìn giắt trong bắp chân làm ông lão lại nhức nhối. Ông lão được trợ cấp thương tật, nhưng có đứa bảo đấy là ngày trước tại lão đi vô ý giẫm phải. Không biết mìn ta hay mìn Tây, ông không cãi lại với ai bao giờ. Chỗ ấy là ven đường thẳng Tây qua lại, chỗ nào Tây gài mìn thì đấy là mặt trận, có là du kích cảm tử như tao mới dám ra đấy biết chưa. Bà lão dối thật. Cả ngày hôm sau, cái bếp im ắng. Đúng là bà lão dối thật rồi. Mặc kệ. Có lúc ông lão muốn lên tỉnh chơi với thằng giáo. Nhưng mới nghĩ đến nó, ông lão đã bực mình. Trẻ con bây giờ hõn. Đòi

ông, cầm súng cũng có, cầm cuốc cũng có, ông chẳng phải đi học trường thấp đẳng, cao đẳng gì cả. Nhưng cái gì ông cũng biết, cái gì không đúng «quy lát» cũng không qua được mắt ông. Mày cậy mày có đôi ba chữ, mày cũng bảo ông nói ngang như cua. Mày bảo ông im đi, ông đừng nói nữa. Con nhà láo đầu mà láo thế. Cái con mẹ mày cả đời chỉ biết dựa cột cũng vào hùa với mày. Chúng mày ếch ngồi đáy giếng thì có. Mẹ mày bảo từ giờ mỗi người một niêu. Ông sợ gì. Ông lên nhà thương nhà nước trên huyện ông ở cho mà xem. Ông có sổ ốm, ông đi bệnh viện lúc nào cũng được. Nhưng mà ông cũng nghĩ dọa chúng nó thôi, có bản cùng mới đến cái chỗ chứa người bệnh, người chết cho nó ốm đau sâu não người ra.

Ông cũng có việc của ông. Đến mùa hanh hao, ông đi mua những cây tre chết dóc. Tre ấy chẳng bán thì cũng đẵn bỏ cho măng mọc, người ta bán như cho không. Ông vác tre về, chặt từng đốt, ngâm bùn phơi rồi chẻ ra vót đũa cả, đũa quấy bánh đúc. Cái tre chết dóc, lại tre cật, trông đôi đũa chưa gác bếp đã muốn mua rồi, mà nhà nào cũng phải có đũa, có đũa cả, chưa dùng đến thì cũng cắm vào rọ cho đẹp bếp, đẹp chạn, cho vẻ nlla phong lưu. Nó là cái đũa cả, đũa đầu họ nhà vua bếp. Ông chỉ vót đũa cả. Cả chợ gọi ông là cụ «đũa cả» ông cười. Chẳng qua ông lão nghĩ ồn ào thế chứ

anh giáo có dám láo, hỗn gì với cụ đầu. Anh giáo chỉ ngượng mỗi cái gì ông cũng bảo ông biết, ai cắt nghĩa ông cũng có ý kiến. Cái radiô, cái truyền hình ấy a, chỉ hơn được là trông thấy cái thằng người chứ nó cũng ở cái galen mà ra. Chỉ được cái không phải dựng cây tre ngoài sân, không lo bị sét đánh, chứ nó cũng eo éo thể thôi, có gì đâu... Hội hè à, ngày trước, ông mà đi hội Lim ấy a, con gái Lim có mà theo ông hàng đàn. Chúng mày bảo tham ô là thế nào, đũa nào cầm tiền trong tay chẳng muốn tiêu, ngày xưa việc vua quan việc thằng Tây cũng vậy thôi. Ông đã bảo mà... mày thấy tao nói cái gì không đúng. Ông không biết à ? ông biết tất... Rồi cả mấy hôm nay không có khói bếp. Cơ mà bà lão bỏ bếp thật. Thế thì ông đi. Ông đi cho mà biết tay cho mà thấy là ông đi đâu cũng được. Nhưng ông không lên nhà anh giáo trên tỉnh. Ông lại lên bệnh viện. Cái sổ ốm của ông lão và cái chân ông đau, cả hàng huyện người ta đã quen mặt, quen bệnh ông rồi. Từ hôm lên đây lão không nhấc thằng giáo, nó không biết mà về thăm ông đã đành, nhưng cũng không thấy mặt bà lão. Thế là ra sao nhỉ, ông mà có thể nào ở đây, ông mà chết ở đây cho chúng mày trắng mắt ra. Ông lão nói quở mình thế, nhưng mấy hôm nay ông lão cũng ê ẩm cái chân thật. Có người thấy ông vắng nhà, hỏi thì bà lão nói : «Ông lão đi ăn cơm hà nước rồi». «Ông ấy đi ăn cơm tù hay

sao mà cơm nhà nước ạ ?» Biết người ta trêu, nhưng bà lão cũng chửi : «Quân này xác nào ? Nhà nước mời ông ấy lên trên nhà thương, không phải chuyện đùa đâu» - «À ra thế... Thế thì bà cũng lên huyện ăn cơm nhà thương một thể, tội gì !» - «Ăn cơm nhà thương ghê chết được».

Bề ngoài thì cứ như thờ ơ, như đủng đỉnh, chả biết ông bà khinh khỉnh với nhau từ bao giờ. Cái lúc còn trẻ chẳng biết thế nào, mà lúc còn trẻ bao nhiêu chuyện, thì nói làm gì. Vả chẳng, ông lão ba hoa cứ ba hoa ông lão vẫn vót dừa bán được tiền, bà lão chỉ để ý có thế. Rồi đôi khi ông lão hay vặc nhau với thằng giáo trên tỉnh về - nhưng thằng giáo mà giảng giải, mà đưa tiền biếu, lão cũng im. Nhiều lần như thế bà lão mới nhận ra quả là ông lão hay nói ba hoa như tướng thế mà cái số ông lão sượng. Ông lão là tướng xó nhà. Nhưng bà lão không như thằng giáo, mà bà lão thấy ông trái mười mươi cũng chẳng biết nói thế nào, bà lão im, bà lão nhin. Cái khó chịu nhau lịm vào trong từ bao giờ.

Ừ cứ để nằm như con gà rù ở đấy vài hôm cho bớt rác tai. Bà lão bảo thế, nghĩ thế nhưng rồi cũng sốt ruột. Buổi chợ hôm ấy có người dưới bãi đem lên chợ bán cái mía bãi mềm và ngọt. Bà lão mua hai cây.

Chốc nữa tan chợ, tạt sang bệnh viện.

Bấy giờ ông lão vẫn đứng nhìn con cua ở ngoài sân. Ông đi bắt cua từ thuở bé, mà cũng không bao giờ tận mắt nhìn con cua như hôm nay. Những cái chân cua, càng cua lú, rú xô ngang đằng này, xô dọc đằng kia, tám cái mỗi cái một phách làm cho cái mai cua cứ xoay ngang xoay dọc. Buồn cười đấy Nhưng mà cái thằng giáo bảo ông ngang như cua thì không được. Con cua là con cua, con cua bò ngang con cua bò dọc, thì nó là con cua chứ nó có phải là ông đâu.

Ông lão đã ra ngoài thêm, ngồi xuống, tay cầm cái túi nilông. Con cua bò nghênh càng lên định cắn, ông lão chớp chớp... hai ngón tay nhón xuống, nhắc mai con cua, ông lão thấy ông vẫn nhanh vẫn thạo chẳng khác ngày trước đi bắt cua ngoài đồng. Ông lão đã nhón được mấy con cua bỏ vào túi. Những chân cua quào quào trong cái giấy bóng mà không leo lên được. Còn ở khe gạch thập thò mấy con cua nữa. Ông nhắc gạch bắt nốt. Chốc nữa, ông xuống nhà bếp. Hái vài cái rau dền cơm, thế là được bát canh cua ngọt. Hay là đem nướng ăn chơi, cua nướng chấm muối nhắm rượu, nghe cũng được đấy

Bên kia bờ ao, thoáng bóng người đi vào. Hình như trên tỉnh người ta sắp về khám, cho nên nhà thương đã đuổi không cho đám người nhà thổi cơm ngoài hiên, lại

che mắt cán bộ đem chậu vôi quét trắng nham nhở lên những góc tường ám khói bếp. Thôi, nghỉ tay cái đã. Ngộ nhớ các cô y tá vào, thấy ông bắt cua phê bình ông «đau chân mà đi bắt cua, cụ khỏi rồi ạ» rồi bảo ông bác sĩ cho ông đem sổ ốm về thì rầy rà. Ồi, mà cũng phải ngả dưng. Chỉ cúi xuống nhặt con cua mà cái sống lưng đã lục cục tê tê như bị ai dằn xuống.

Ông lão nghiêng đầu nhìn ra. Người nào lù rù đi vào như cái bà lão đụn rạ nhà mình. Không, không phải. Nhận ra người nào, nhận ra ai rồi. Cái bà lão ngày trước ở dưới bãi đây mà, chỉ thoang thoáng cũng nhận nhau ngay. Thuở con gái, ả này mê mình, mê toi, đã thề không lấy được nhau thì nhảy xuống sông trầm mình, thì uống dấm thanh thuốc phiện mà chết. Thế rồi mỗi người lại đi một ngả. Cho đến bây giờ, dường như đã quên nhau. Bây giờ làm sao lại biết ta ở đây mà mò vào. Vào đây có việc hay là bà lão thăm ai, nhưng mà ông lão cứ bỗng nhiên thấy mình như ngày xưa, như ngày xưa. Đẳng ấy biết tớ ở đây, ư, gái phải hơi trai như thái lái gặp cứt chó, đi đâu cũng đánh hơi được Thánh thiên tử thật. Mà đã bao nhiêu năm nay ai biết ai thế nào, nó đi lấy chồng xa tận đâu, tí tận đâu chẳng biết. Ông lại càng thấy ông đương trở về ngày trước. Mà đến chấp chới tảo.

Thế đấy... Thế đấy...

Bà lão đã bước lên thêm.

- Ông đấy à ?

Bà lão cất tiếng trước. Ông lão làm như bây giờ mới nhìn ra và im lặng, ông lão thật thấy bà lão nhưng bởi vì cái giọng rè rè của người già lại làm cho cái thuở trẻ mơ hồ kia nhàn nhạt đi. Không phải cái bà lão rồi... Bà lão lại kêu lên trước :

- Ôi giời ôi ? Sao lại hom hem mỡ ra thế kia ?

Tiên sư con quạ mỡ, ông chúa ghét cái đũa độc miệng. Đã kêu giời, lại rửa hom hem mỡ ra là thế nào. Ông lão bực mình, ông lão lảm lì không hỏi lại một câu. Ông cảm như thóc. Nhưng bà lão dường như thương hại ông gầy yếu quá, bà lão tần ngần ngồi ngay xuống đầu giường.

- Ông ốm đến thế cơ à ?

Ông lão lại cúi nĩa. Bà lão nói :

- Tưởng ông đi đông đi tây ông lên xe xuống ngựa thế nào chứ ông lại co quắp mốc meo thế này à ?

Con mẹ này nói đến thế thì ngu quá. Thôi chấp gì cái đũa lú lẫn đến nổi cái lưng còng như con rùa cả đời nằm trong xó luồn bắt muỗi thế kia mà. Nhớ rồi, con này ngày ấy là cái đũa ăn nói ba toác, bạ gì nói đấy. Đàn bà ti hí mắt lươn, chúa ớ, chỉ khỏe nhìn trộm. Bây giờ mà cái quần vẫn bê bết bùn như lội dưới ao lên. Cái đũng sút chỉ xuống đến đầu gối mà vẫn để toác tè he như thế. Mày mới là con mẹ mỗ già, mày mới là con mẹ sắp xuống lỗ.

Nghĩ thế, tưởng như đã hả, lão ra ý thương hại. Lão dịu giọng hỏi :

- Làm sao biết ở đây mà vào ?

Bà lão cười nhe hai cái lợi nhọt nhọt chẳng còn chiếc răng nào. Ông lão cúi mặt, ghê cả người, không nhìn.

Thì bà lão nói nhỏ :

- Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo... Nói đùa chứ, nghe ở ngoài chợ họ rửa cái lão «đũa cả» lên nằm nhà thương rồi.

Ở ngoài chợ cũng phải đồn về tở. Ông lão khoái bởi cái câu bà lão nói, nhưng ông chỉ thích nghe ra cái nửa câu nỉ non véo von Yêu nhau tam tứ núi... ông lại hỏi khe khẽ, đã nhãng những khó chịu từ nãy.

- Người ta nói lão thế à ?

- Chúng nó còn bảo nhà lão ấy bây giờ hai niêu. Thế mà lão cứ bốc vung com, bà lão tức không thôi nữa. Đói quá phải lên xin com nhà nước. Nghe thế cũng chạnh lòng, thử tạt vào xem thế nào ?

Hai tiếng «chạnh lòng» làm cho ông lão nghĩ lại cái đời mình, cũng thấy ngậm ngùi, ông quên cả những lời đồn ác. Nhưng ông lại tỏ ra cứng cựa ngay. Ông hét :

- Xà ! Mồm thiên hạ như cái đít trẻ con ?

- Nằm chong gong một xó thế này để người ta bêu xấu oan đây ?

Ông lão không nói gì nữa. Chẳng nhẽ lại đi cãi nhau với cái đứa lẩm lòi này. Bây giờ ông mới tần mẩn nhìn mặt bà lão, hai hàm răng rụng tiệt, cái cằm móp dẹt lại, trông như mặt con tườu. Ông lão nhớ ông có cái thú thỉnh thoảng ông ngồi đếm tay xem ngày trước đã có bao nhiêu đứa con gái mê ông, lần nào cũng đếm lần, ông thích đếm lần. Nhưng mà tở phải cái tính dễ tặc Lưỡi, gái nào cắn câu cũng tặc lưỡi. Chứ người như con khỉ con tườu thế kia, đâu đã đáng lọt vào đuôi mắt, thì lão phải lòng phải bề nổi gì. Trong khi lão rửa thềm, lão chê bà lão thì bà lão thở dài :

- Ngỡ những thế nào rồi mà bây giờ ngồi vót đũa...

- Xà Mày thì... mày thì... Câm đi

- Ồ, cái gì sột soạt... Cái gói kia, cái gói gì đấy ?

Ông lão nhìn chiếc túi nilông treo trên đầu giường ngay bên chân bà lão. Ông nói ơ hờ :

- Máy con cua...

- Đồng áng nước trong như mắt mèo thế này mà bắt được cua, giỏi nhỉ ?

- Mày thì biết gì ! Cua thằng chủ nhiệm biếu... Người ta biếu ?

- Thì vưỡn !

Ông định nói có ăn cua thì mang về. Mỗi con cua bây giờ cũng bạc trăm, mà phải lên chợ, chứ ra bến đâu dễ đã chuốc được. Ông lão định bảo bà lão thế, bởi ông lại nhớ cái tính ông huếch, ngày trước hay đi bẫy con gáy, có khi vác cần đi câu được con cá con chim lại đem cho các cô nhân ngãi. Ôi chao, bây giờ thì ông nói : Của thằng chủ tịch, thằng chủ nhiệm... nghe cũng oai oai.

Bà lão nói : «Vào cỡ này cua đồng ngọt thịt. Ngày trước, chỗ cánh ruộng nào cũng ới cua...». Ông đương nói : «Này có...» thì có một bà lão xách hai cây mía, tò tò vào. Bà lão ở trong vắn ngồi vắt chân lên đầu giường. Ôi chao, mắt toét nhoén mắt quáng gà hay sao.

Bà lão kia chống hai cây mía đứng ngoài hiên. Rồi nói vào như quát :

- Có nuôi được nhau thì đem nhau về.

Rồi vác hai cây mía, cung cúc đi ra. Ngoài cổng, các cô y tá ở ngoài chợ về, thấy bà lão đi xăm xăm, nước mắt nước mũi giàn giụa. Các cô hỏi :

- Cái gì hả bà ? Ông ấy làm sao, hả bà ?

Bà lão đứng xững lại, không nói. Máy cô hốt hoảng chạy vào, xem ông lão làm sao.

Đón Giao Thừa

C hẳng nhớ đã mấy năm qua, mùa nước năm ấy đương nửa đêm, sóng ngoạm cả cái xóm bãi xuống sông. May, người còn chạy kịp. Thế là cái xóm tan tác, nhà thì phiêu bạt, nhưng vẫn có người còn bám vào mặt nước. Vợ chồng nhà ấy ôm đứa con đỏ đem nhau xuống ở thuyền. Từ cái đêm nước lên khủng khiếp ấy thế mà chốc đã ba mặt con, ba con vệt giới. Mới chỉ có cái Gái đỡ đàn được, hai nhóc ba năm đôi kia thì mới chỉ biết ăn chưa biết gì.

Mấy năm gần đây, cá mú trong sông biến đâu vẫn cả. Có hôm bơi lên đến cửa sông Hát, cả buổi mò mẫm chỉ kéo được mấy con thồn bơn. Rồi cái chợ Long Biên mọc lên ngay bên chân cầu Cửa chìm của nổi các tỉnh xuôi về thành phố lên đậu cả vào chợ. Thì thuở xưa xa đã là vậy. Bởi thế mấy cái phố mép sông mới có tên từ thuở nào là Hàng Khoai, Hàng Đậu, Hàng Nâu và các chợ Gạo, cái bến Nứa mới trên bến dưới thuyền.

Nay vẫn thế. Cửa rừng đổ về, con người kiếm cái ăn quanh công việc vận chuyển đó. Sông Đà, sông Lô vào sông Thao xuống sông Hồng, rừng đồi đưa các thức về đồng bằng. Sắn khoai, trứng gà, buồng chuối, sọt dừa, xa nữa đến mùa có muỗm châu Yên, mạn Bắc Hà và

những bè gỗ, bè vầu. Nhưng mà nhà mình xác xơ, chỉ trông thấy của người ta.

Chồng bảo vợ :

- Nhà nó này, tôi lên chợ Phương kiếm cái Tết.

Hôm trước, vợ chồng đã bàn chuyển này lên chợ Phương Lâm tải củ mài về bán. Tết nhất người ta ngán mỡ, chè củ mài hẳn đắt hàng. Ở nhà, mẹ con cái Gái lại như mọi ngày lội xuống bãi đón thuyền, những lái thuyền vào thuê người vác, người đội, người xách hàng lên chợ. Những cuộn lá dong thì vác vai, những giỏ trứng và bu gà thì cống. Có những cái thùng nhôm, thùng thiếc bọc lá chuối khô, chẳng biết là sơn ta hay thùng mỡ, chủ hàng mặc cả quấy một lèo không được đỡ.

Chập tối, vẫn chưa thấy mẹ và chị Gái về. Hai đứa thức dậy, khóc văng một lúc mỗi mồm rồi im. Trông lên, ánh điện trên đường đã sáng viên suốt thành đê và trên cầu. Không rõ tiếng nước vỗ óc ách hay tiếng chân người lội. Những cái thuyền to mọi đêm vẫn về đậu trong bóng cầu, bây giờ mờ mịt đã lẫn vào bóng tối. Có lẽ tiếng người, hình như chân mẹ. Nhưng sao mãi không thấy vào. Hay là cứ mong thì tưởng ra như thế. Lúc sau tối hẳn, mẹ và chị mới lên đến chân cầu thật.

Nghe tiếng khoả chân nước róc rách.

Đêm ba mươi, ở cái bến chân cầu cũng chẳng khác mọi khi tối om. Lúc nào cũng chỉ nghe tiếng nước nói thì thào. Các thuyền đã đi ngủ cả rồi. Mùi hương ở thuyền nhà ai cũng thơm ngát trong gió heo rào rạt. Ba đứa trẻ vẫn ngồi nhòm sáng điện ở lưng đê hắt xuống. Mẹ bảo :

- Chúng mày ngủ đi chứ.

Cái Gái nói :

- Còn đợi xem pháo bông giao thừa.

Mẹ dỗ :

- Nằm xuống cho ấm chỗ. Lúc nào có pháo bông tao gọi.

Hai đứa em thì nói một câu mọi tối vẫn nói :

- Đợi bố về mới đi ngủ chứ.

Vừa hay, một ánh đuốc lóe lên chân cầu. Rồi trông thấy bóng bố cao cao đi chập chờn tới. Lũ trẻ đứng cả lên reo to.

Bố hỏi như quát :

- Chưa đứa nào ngủ à ?

Lũ trẻ tranh nhau nói :

- Đợi bố ! Đợi bố về !

Bố cầm đóm đuốc, buông bịch một buộc sấn xuống đất. Minh bố bóng nhoáng không biết là quần áo ướt hay là bùn ướt.

Bố nói :

- Chẳng mua được chó gì. May quá, được người ta thuê chở đá. Neo dưới bến rồi, đến mừng hai tốt ngày người ta mới ra lấy bảy giờ mới trả công mở hàng nhân thể.

Người vợ làu bàu :

- Nhỡ cái...

- Chẳng nhỡ gì cả. Đá là của mình, mình giữ trên bến rồi.

Bọn trẻ con ngỡ bố chở đá uống nước đá, có đưa thít lên tưởng tượng làm vẻ ghê rợn. Mẹ chúng nó đã biết đây là những tảng đá người ta tải trên ngược về bày ở ngoài chợ Long Biên, để bán cho người chơi cây cảnh.

Gấu Đi Chơi

Theo thống kê của các cơ quan có trách nhiệm, cho đến tháng 12- 2000 ở Hà Nội có 697 con gấu nuôi trong nhà. Cách đây 3 năm (1997) mới có 62 con.

(Tin các báo)

Bé tha thân chơi trong phòng một mình. Bé đang xếp các thứ đồ bày cỗ. Mẹ bảo Bé bày cỗ đón năm mới, cũng như bày cỗ tết trung thu ấy mà. Bàn vuông trên cao, phủ khăn hoa. Có quả bông tròn xoe, vàng hây to tướng đặt giữa, hai hộp súc cù là giấy bóng vàng nhấp nhánh và bao thứ màu xanh đỏ vui vui. Giá có các bạn đến chơi bày cỗ thì hay biết mấy. Hình như có tiếng bước nhẹ nhẹ. Bé ngẩng đầu nhìn ra. Bé không kịp giật mình. Một chú gấu lưng lửng vào. Con gấu đã trông thấy trong chuồng trần song sắt ở vườn Thủ Lệ. Con gấu đen sì, lông xồm xoàm to ngang cánh phản gần vừa cái cửa. Gấu đã trông thấy Bé, gấu bèn đứng hai chân lên. Gấu ra điệu hai chân ve vẩy như hai tay người đi làm dáng.

Bé hốt hoảng. Bé lấy hai bàn tay bịt mắt. Gấu nói :

- Đừng sợ tở. Gấu đây mà.

Bé hé mắt trong kẽ tay. Gấu lại nói, như phân trần :

- Tớ to con thế này nhưng chưa bằng tuổi ấy đâu Tớ mới được lên ba, chắt ấy thì đã lên tám rồi chứ chẳng chơi.

Bé đã bạo dạn hơn :

- Tớ lên bảy.

Gấu cười he he :

- Thế thì ấy là anh tớ rồi.

Từ lúc nào, Bé đã hết sợ, lại như Bé đương mong bạn đến chơi thì bạn đến. Bé hỏi :

- Đẳng ấy ở vườn Thủ Lệ về đây à ?

Gấu xua một tay.

- Kém quan sát. Kém quá. Không, không, tớ là hàng xóm ấy thôi.

- Sao tôi không biết nhỉ ?

- Không biết cũng là phải. Lão chủ cũ tớ ở trong buồng cả ngày cả đêm.

- Làm thế nào mà lần sang được đây ?

Gấu nhe hai hàm răng trắng tênh cười khé khé.

- Người ta nhớ đến thế nào thì cũng có lúc quên chứ. Lão chủ vội đi, quên cài then. Thế là tó đẩy then chuồng, vứt cái khoá xuống đất, tó đi chơi. Hai đứa dần dần trò chuyện rôm rả.

Bé hỏi :

- Đẳng ấy cứ bị cùm thế thì cuồng căng lắm nhỉ ?

Gấu kể :

- Lâu lâu lão ta lại giờ lên cái kim thực dài. Tó chẳng có tội gì mà lão điên ấy cũng đâm tó. Tó vừa giờ tay định gạt cái kim thì tó đã ngã lăn ra nằm mê luôn.

- Lạ nhỉ ?

- Không lạ đâu. Người ta bảo đấy là lão đánh thuốc mê để chọc kim vào bụng tó lấy mật của tó. Tó chẳng biết gì cả, mà cũng không thấy đau. Đến lúc tỉnh dậy, thấy lão cười cười, tay cầm một túi khẩu mía. Lão ta bảo : ăn đi, ăn đi, ăn tằm bồ. Mía cũng ngọt thật tó nuốt cả bã. Lúc nào tó cũng đói.

- Quả trên bàn kia là quả gì mà to thế ?

- Quả bông để bày cỗ tết.

- Cho tớ nhé. Tớ chén hết quả bông ngay.

- Hôm nay là ba mươi, ăn bánh chưng trước đã. Mẹ bảo thế.

Gấu lắc đầu :

- Tớ ăn bánh chưng rồi. Nhai dính răng bỏ mẹ !

Bé như chợt nhớ ra :

- À tôi cho đằng ấy cái này. Đằng ấy đã biết kẹo súc cù là chưa ?

- Chưa biết.

- Các bạn tôi đều thích súc cù là ghê ?

Bé quay vào bàn, lấy một miếng súc cù là nâu bóng nhoáng. Bé đặt súc cù là vào cái đĩa, chìa ra phía Gấu :

- Ném thử xem.

Gấu cúi xuống, thè lưỡi, nuốt chừng một phát cả miếng súc cù là. Rồi Gấu ngẩng mõm, hai con mắt hấp háy như thèm ăn nữa.

Bé hỏi :

- Ngon không ?

Gấu kêu to :

- Ngon quá ! Ngon quá ! Ngon hơn mật ong trên rừng.
Cho tớ miếng nữa.

- Chốc nữa, mẹ tôi về, tôi xin cho. Thế thì tớ nằm đây
đợi mẹ ấy.

Lúc ấy, ngoài cửa có tiếng chân người rậm rịch. Rồi
nhiều người chạy ra.

Lao xao tiếng kêu : «Con gấu chạy đi đâu rồi ? Có ai
trông thấy con gấu nhà tôi không ?»

Người ngoài đường nhón nháo cứ vừa xúm xít lại
vừa tản ra, ai cũng rối rít, hốt hoảng. Nó mà gặp, nó mà
vồ, nó mà tát cho một cái thì chết cả. Con gấu nhà đưa
nào xô ra thế. Phố phường cũng hoá ra đường rừng rồi.
Đôi bên hàng phố đóng cửa rào rào. Phút chốc, suốt dọc
phố vắng tanh. Bé nhìn Gấu :

- Người ta đương đi tìm mày đấy. Về đi.

- Tớ còn đợi ấy xin mẹ cho tớ miếng súc cù là. Bé nói
ngắn gọn :

- Người ta sắp vào lôi ấy về.

Gấu cười nhe hàm răng trắng phau.

- Chẳng sợ. Vào đây, cứ vào, có đứa nào chịu nổi cái tay bàn vả của tớ không. Tớ mà tát một cái thì bật má.

Thong thả, Gấu khoanh hai chân trước, nằm kê mõm lên. Hai con mắt Gấu lim dim, lúc ngược lên nhìn Bé, lúc lúc lại nhìn ra cửa. Vẻ tỉnh nghịch, Gấu chờ mẹ Bé về.

Kỷ Niệm Chim Gáy

Ngày trước, chỗ này vắng hoe, hoang vắng từ bao giờ hay nghìn xưa vẫn thế, không rõ. Con chích chòe bay vào bên bờ ao cạn, chim nhảy một cái, rún đuôi, hót một tiếng chòe ngân nga giữa buổi chiều lặng im. Con đực gọi con mái về tổ. Chích chòe thịt gầy, mà tanh. Nhưng bầy được đem chợ bán cũng có người mua chơi. Chích chòe khó nuôi, có khi rửa ăn con châu chấu cũng nghẹn đứt hơi. Đợi phiên chợ, lắm khi chim đã toi bầy đời.

Con chim gáy, con gáy béo nùng nục, chim mùa tháng mười bay vào, là là giữa vòm tre. Ngon mắt quá. Tôi cũng sành bầy chim gáy. Lại hay nghĩ đùa một mình : sao chỉ có con gáy đực mắc bầy, con mái cũng đực rựa, con đàn bà mượn tay ta hại ta. Còn tao lừa cả hai, thăng vào tròng thì bây giờ già rồi tao mới nhớ ra tội tao.

Tôi vót nan, đẽo cột đem gác bếp làm chiếc lồng quả vả. Cái lưới dây đay căng trước nan lồng trên cành chuối - Ở trong Nam, cái cầu máy chém này là lưng tàu lá dừa.

Con mái trong lồng cất giọng, tiếng gọi con cái. Một thằng nhào tới, đậu xuống cái cầu định mệnh, thò ngay

mỏ vào đám tình địch. Lưới bủa xuống, thằng ấy ngã ngựa, gãy lưng nhùng trong lưới. Tôi bóp cái thăn. Cánh đồng đương gặt, lấm thóc rơi rụng, đùi vế con gáy nào cũng nần năn. Tôi vật lông, nướng chim ở vườn tre bên gốc những cây chàng ràng. Con nào ra mẽ, đầu tím, cổ cườm, vể tài tử gáy hay, tôi bỏ vào lồng đợi phiên đem lên chợ bán.

Tôi đã sang tuổi thôi chơi nhặt hạt chanh ràng vờ làm tiền. Tôi biết bẫy chim có tiền thật. Lại hay nghĩ ngợi lằng bằng về anh chàng, chị chàng chim gáy. Tôi cũng như chim và tôi cũng có con mái. Khoảng vườn hoang này cũng là cái cội của tôi, trong Nam gọi nơi thanh vắng chim gáy hú hí nhau gọi là cội. Cái Răm thường ngày vào quét lá tre về đun bếp. Bố nó nói đặt tên Dăm là có ý ước ao lúc nào trong thất lung cũng rùng rình dăm ba đồng xèng sai nó đi mua chút rượu, nhưng những quân chết tiệt cứ réo cái Răm, cái Răm. Bọn rồi miệng lại tán : «Cái rau răm hạ hoả. Nhà chùa thì phải hái răm ăn đêm, chứ ở đời có miếng dồi chó lại kiêng thì có mà đại hơn con chó. Nhưng cái con Răm này thì ăn lại ngon, thế mới chết !»

Cái Răm có hai con mắt lá răm, đuôi mắt dài ươn ướt, nhìn ai cứ như sắp tứa nước ra. Tôi chẳng tha, nó vương bấy cò ke tôi rồi. Nhưng tôi lại mất của về nó.

Rằm thích chén thịt chim gáy nướng. Tôi sĩ diện, có hôm không bày được, tôi đã đem ra cả con gáy ở nhà định đợi bán chợ. Rằm nhanh tay vặt lông chim, mổ moi. Tôi trở tài nướng chim cả con trên đồng than que củi nó vừa kiếm được một bó. Ngày ấy, tôi chưa biết mùi rượu. Mà chỉ nhá thịt chim gáy cũng say. Tôi nhìn cái Rằm ăn như đũa chết đói, con mắt lá rằm long lanh đầm đìa lên thế kia thì tôi phải say rồi.

Tốn mồ hôi mà nào có ăn thua. Cuối năm, Rằm lấy chồng. Một thằng ở làng trên chài được nó. Chẳng biết người mới lái hay gặp nhau ở phiên chợ, ở hội hè, ở bờ bụi nào. Thằng ấy làm vat man tàu điện. Làng tôi lam lũ thế này thì thằng vat man lái tàu, thằng sơ vơ bán vé tàu được tiếng đi làm việc Tây ngoài kẻ chợ, có lĩnh lương tháng, có ngày chủ nhật nghỉ, tôi sao địch nổi.

* * *

Nghề canh củi làng tôi long đong quá. Tơ Tàu bên Hồng Kông không bán sang nữa, mà tơ tầm thì chết đã lâu. Xưa rày, lụạ Hà Đông lái vẫn buôn vào Sài Gòn, bây giờ đường xe lửa bị nhà binh Pháp rồi Nhật sung công. Người làng bỏ đi cao su đất đỏ, sang tận xưởng dệt ở Kampôt bên Cao Miên. Nhiều người chẳng bao giờ về.

Tôi cũng bơ vơ đi. Thoạt đầu vào Sài Gòn. Có người mách trên Bến Cát mới mở Sở Củi đang cần nhiều người vào rừng hạ cây, đốt lò, tải than ra sông xuôi Sài Gòn. Tôi lên Bến Cát, xin được một chân chăm công. Ngày ngày cấp rổ vào rừng, ra các lò than, xuống bến điếm công cho cu li làm cả ngày, nửa ngày, làm đêm.

Xảy ra một chuyện không may chẳng bận gì đến công việc. Ông Tây chủ Sở Củi, lão già bao nhiêu tuổi không đoán được. Đầu tóc, râu xồm tua tủa trở kín mặt, nhô ra cái mũi nhọn hoắt, đỏ tím. Lúc nào lão cũng kè kè bình toong rượu. Đến khuya, lão xuống nhà dưới chỗ tôi nằm. Lão dựng tôi dậy, kéo tụt quần tôi. Tôi khiếp quá, đẩy lão, biến ra rừng. Sáng hôm sau đã thấy lão ngồi bàn giấy, cái bình toong để trước mặt. Lão đưa quyền sở chăm công, lão không nhìn tôi, như không phải con dê đêm qua.

Tôi vẫn công việc như thường ngày nhưng đêm đến lại bị lão mò xuống. Tôi lại chạy vào rừng. Hôm sau, lại như mọi ngày bình thường, khi lão cầm củi sở sách, khi lão cầm gậy hò hét, đuổi đánh cu li. Và vẫn thản nhiên đưa tôi quyền sở chăm công. Mấy đêm tôi phải ngồi gốc cây, không dám chợp mắt. Sương rơi xuống lá khô tí tách như hạt mưa, như tiếng con thú, con rắn đang ngoằng tới. Có thể, con sói, con beo rình tha tôi đi.

Tôi ra ngủ nhờ nhà thằng Gạc Rang dưới bến. Gạc Rang hàng ngày chạy thư trên huyện về xã. Ở làng tôi người trạm trắng thường được gọi tôn lên là bác Đội trạm. Đây gọi là gì, nhưng chắc Gạc Rang không phải tên người, không phải tên việc phát thư. Có lẽ trước kia nó gác rừng trên Dầu Tiếng, còn lại cái tên «Gạc Rang» hay là tên gốc Miên thế. Gạc Rang cao lớn, mắt lồi đen như củ gấm. Gạc Rang ở một mình. Một gian nhà che ván như lều chợ. Gạc Rang đeo cái túi dết bao bố, khi cời trần đi chân không.

Tôi ngủ đêm yên tĩnh ở nhà Gạc Rang, hôm sau vào bàn giấy, lão râu xồm chủ sở lại đưa cho quyển sổ chấm công cu li. Cuối tuần lĩnh lương, ngày ngày uể oải triền miên thế.

Một buổi, tôi vào cửa, lão đứng dậy. Lão héch râu thở phì phì rồi giơ cái gậy song lên, hét một câu tiếng ta thật sôi :

- Mày vô, tao đập bể sọ, nghe không ?

Trong bàn giấy, một người ló ra. Dáng hăn lão đã một thằng này thay tôi. Mặt nó bủng beo, không biết cái mặt bệnh ngã nước hay thằng này bị lão Tây hành cho đến xanh rớt như thế.

Gạc Rang bảo : Thầy ở xứ xa đến, không biết thôi. Vùng này đã khiếp vía thằng Tây dụ khị. Gạc Rang thật tốt bụng. Có tôi, Gạc Rang hay thổi cơm ở nhà. Tôi chỉ còn vài đồng bạc trong túi nhưng Gạc Rang cũng không bao giờ hỏi tiền. Máy hòn đá bắc làm ông đầu rau, cái «tay cầm» đất nung... Gạc Rang xách về một ôm bánh mỳ, có hôm ăn trừ bữa cả túi quả bơ, vú sữa.

Tôi nằm khàn cả ngày xem kiến bò, đếm đi đếm lại, tai nghe tiếng chim bay, chim hót. Dưới sông tiếng người í ới qua đò bến Củi. Đứng trông thấy chòm núi Bà Đen, từ đây lên Tây Ninh rậm rạp, toàn đồn điền cao su. Rừng cao su dày lá, bí hơi, cỏ cũng không mọc được quanh gốc, chim chóc lạc vào thì chết ngạt trong vòm âm u. Thành thử, các dải ven sông Sài Gòn, những rừng tre, cây dừa, cây capôc và mặt nước thanh thoi, bao nhiêu thứ chim ra tụ hội nhảy nhót tung bồng. Tiếng chim gáy, chim gù, giọng chuông, giọng thổ ngân rền tới ngày. Tôi bỗng động lòng, bảo Gạc Rang :

- Chim gáy nướng, ăn ngon lắm. Gạc Rang hỏi : Khoái gác cu à ?

- Ngoài quê tôi bẫy chim gáy được cái ăn lại bán được tiền. Gạc Rang cười hề hếch : ở đây mà màn nghề gác cu đất.

Gạc Rang xin ở đâu về mọi đồ nghề bẫy chim. Một chiếc lồng gãy nan, cái núp gác bếp đã lên nước hồ bóng. Thoáng trông con cu mỗi tôi đã ưng. Vừa đặt lồng, chim đã gật gù : cuc cu... cuc cu... Trong tôi như còn hơi hướng bóng vía cu đực, thằng mỗi gáy khích nhau chắc ? Thế là, cũng chẳng khác quê tôi, dầu cho lạ nước lạ cái, xa xôi đường đất, tôi đã quen ngay, tôi gánh chiếc lồng bẫy cu ra rừng tìm cội, nơi có chim đôi tụ tập. Cửa lụp mở sẵn, tôi gác lên đầu tàu dừa, mỗi sáng lá thành hai cái cầu tự nhiên.

Cu mỗi cất tiếng. Lập tức, nghe cánh chim liệng tới. Con cu đực đi đánh nhau đậu xuống kèo, xù lông cổ, dang hai cánh, cựa mổ, xông vào cửa lụp. Khốn nạn, chưa được mổ nào đã nằm chổng gọng trong lưới.

Mỗi hôm, tôi quảy về cả chục con cu đất mập ú. Gạc Rang cũng khéo nướng. Gạc Rang giã lá sả với muối ớt hiểm, lại có nước mắm một tinn ướp thơm rồi cặp cả con lên cái vỉ thép. Củi than hồng rực, mỡ cu xèo xèo vàng nhầy chảy xuống, than càng đượm. Gạc Rang còn ngắt về cả một đồng ớt hiểm. Mỗi miếng thịt nhai kèm quả ớt, cay xé lưỡi, ăn ngon lành. Chúng tôi chén cu đất nướng đều đều, nhiều hôm khỏi thổi cơm.

Có lẽ số phận đã bày ra thế, khi tôi có thịt chim gáy ăn thì lại có đàn bà mò đến ám ảnh, gỡ gạc. Cái con

Rằm ở quê lại hiện ra. Ở Bến Củi này, nó là con Bảnh. Bảnh chở đò dưới Bến, cách lều Gạc Rang mấy bước chân. Mọi khi, đôi lúc rồi, Bảnh ghé vào. Hồi này có thịt cu đất hôm nào Gạc Rang cũng gọi Bảnh lên.

Bên kia Bến Củi vẫn rừng thưa, nửa ngày đường xe thổ mộ mới ra tới Trảng Bàng, chợ huyện Bến Cát lại ở bên này, có hôm cả buổi chỉ một chuyến đò sang. Cái Bảnh vào xin than trong lò của Sở Củi lên ngồi châu quanh chiếc vỉ nướng chim.

Gạc Rang nói ghẹo Bảnh : Rồi cho con nhỏ này theo thầy Huế ra Bắc đi gác cu.

Cái Bảnh cười, má phúng phính. May mà bấy được nhiều, lúc nào cũng có cả chục con gáy trời căng treo trên mái. Bảnh ăn tợn hơn cả hai chúng tôi. Thịt nướng vĩa dầm nước mắm, nó nhá cả xương cứ răng rắc như con beo xé thịt nai, thịt hươu. Từ hôm có Bảnh ở Bến lên ăn cu nướng, tôi lại thấy say say, thịt chim mà say như rượu. Tôi mơ màng nhìn đôi má bầu bĩnh đỏ dần lên của Bảnh. Nó đã no nê, nó vươn tay nhắc cái bê chèo. Trong ống tay áo cộc, nách nó mây mây, trắng trắng, tròn tròn. Có khách đâu mà Bảnh xuống Bến. Đò chùng no rồi ả cũng say, ả xuống nằm ngủ dưới đò.

Gạc Rang nheo mắt : Tôi nay cho thầy Huế xuống Bến ngủ với con Bảnh, nghe không !

Nhưng lẽ nào tôi lại ở đây vui đời đi bẫy chim gáy. Tôi đã gặp những người phu cao su xưa quê ngoài Hà đông, Thái Bình đi cu li mộ vào rồi trốn đồn điền. Không có thẻ thân, không dám ra đường cái, đã vào làng ở đợ rồi lấy vợ, có vợ con rồi ở luôn trong làng rừng đã mấy chục năm. Nông nổi tôi rồi cũng thế a ? Tôi đi gác cu bị beo vồ, bị bệnh, chết bỏ thầy ở xó rừng này ?

Hôm tôi đi, Bảnh bỏ buổi đò, lội bộ theo ra tận Trảng Bàng. Tôi nói :

- Anh về Sài Gòn kiếm được việc làm, anh sẽ lên rước em xuống.

Câu hứa vu vơ thế thôi. Những chạy vạy nhón nháo nơi đô hội thật bộn bề, mà cũng chẳng moi đâu ra việc làm, đến chỗ ở cũng không còn nơi ghé lưng. Thành phố đang kinh hoàng, mỗi hôm lại có máy bay Mỹ đến ném bom. Các phố quanh chợ Bến Thành, ga xe lửa Mỹ đã bị trúng bom, người chết, nhà đổ từng dãy. Chẳng lẽ cứ loanh quanh nơi khủng khiếp thế này ? Lần hồi, tôi trở về được quê, nhưng làng tôi cũng đang trong tình cảnh tao loạn, tan tác. Cái vườn tre bị bom chỉ còn lại một gò đất lở lói, những xác người chết đói đem chôn

ở đây. Ai còn sống thì tha phương. Nhiều người bí mật vào Việt Minh đi cướp kho thóc, ra chợ mittinh kêu gọi khởi nghĩa. Tôi vào thành phố theo anh em lập Hội Cứu quốc.

Đôi khi tôi viết thư cho Bảnh. Viết thế, nhưng tôi chẳng bao giờ nghĩ còn trở lại cái Bến Cát, Bến Củi phương trời ấy. Có hôm, nhận được thư, xem dấu bưu điện Bến Cát, đoán thư của Bảnh nhờ ai viết. Chỉ có mấy câu hát cũ, ngâm ngùi :

*Rồng châu ngoài Huế Ngựa té Đồng Nai
Nước sông trong chảy lộn sông ngoài
Thương người xa xứ lạc loài đến đây.*

Một hôm khác, tôi nhận cái thư, mở phong bì thấy tờ giấy nguệch ngoạc chữ viết liền không dấu. Mấy dòng thật kinh hãi : «Thằng thầy Huế Tây, mày mà viết thơ thọc đ. con Bảnh là vợ tao thì thằng Gạc Rang này ra giết mày không phải hăm mà thiệt đó».

Hơn ba mươi năm sau, tôi trở lại Sài Gòn. Không còn một quang cảnh, một tâm trạng thế nào giống thời ấy nữa, cả tôi và cả thành phố.

Một hôm tôi đi đám cưới với Đoàn Minh Tuấn tại nhà một người bà con anh trong Chợ Lớn. Ăn cỗ, ngồi

cạnh một ông bộ đội đứng tuổi đã ngót bốn mươi năm đi đánh Pháp, đánh Mỹ, đi nhiệm vụ quốc tế. Chân tóc người lính Nguyên Phong đã lưa thưa bạc trắng. Ông không chơi chim, nhưng kể rạch ròi các chuyện nuôi chim, nghe đến mê. Ở thành phố bây giờ nhộn lên cái thú chơi chim. Người ta ngày càng ép mình trong những vĩ tường cao, tường thấp lại thích nhốt theo con khướu, con chích chòe để nghe chúng nó hót giả như trong bao la.

Tôi hỏi :

- Ông có thấy người ta nuôi chim gáy không ?

- Chim cu à ? Nhiều chớ.

Ông kể có một ông già treo lồng cu khắp nhà. Tới khuya cu vẫn gáy từng chặp - «Chả đèn điện sáng mà». Không cần đồng hồ, chỉ nghe cu gáy mà biết giờ giấc.

Bỗng tôi lên cơn nhớ con chim gáy, chim cu với từng mảng đời đã qua.

Ông già nuôi một nhà cu ở một hẻm vùng chợ Đũi. Thời trẻ có nghề lái xe tải. Bây giờ thỉnh thoảng vẫn có nơi gọi đi chữa máy. Ông già nuôi rõ nhiều lồng chim. Nhiều hơn cả trong tưởng tượng tôi lúc nghe ông bộ đội kể. Đứng chỗ nào đầu cũng đụng lồng chim. Trong

bếp, trong nhà cầu, gầm ván, cả trong cánh cửa. Chim cu còn thính tai hơn con ngỗng, có tiếng giày bên ngoài đi tới, tiếng gõ cửa, con chim treo trong lỗ cửa mắt bò đã cuc cu đánh tiếng. Chốc lại nhộn nhịp cuc cu... cuc cu... như cả tá đồng hồ cùng nổi chuông, tiếng trầm, tiếng dẳng, tiếng thanh. Toàn những cu đục, mấy chục thằng sa bầy phải về tù ở đây, tiếng gáy dường như u uất, mà hay.

- Sao ông nuôi lắm chim thế này ?

- Đến mùa thì về quê đi gác cu, đổi con ốm, con bệnh. Có khi cả tháng nghe khắp rừng ruộng mới gặp được cái cội, những con dữ dằn khó kiếm thì khi nào cũng tốt tiếng. Người ta bảo phải miệt vườn Vĩnh Long mới nhiều chim cu, không đâu, quê tôi, trên rừng cũng cả bầy cu bay rợp trời.

- Quê ông ở đâu ?

- Trên gàn Bến Cát, gàn thôi. Mùa tới, bác về Bến Cát đi gác cu với tôi.

Lúc ấy tôi chẳng nghe ông tài già nói gì cả. Kỷ niệm trong sương mù, cái đò ngang Bến Củi tưởng như mới hôm qua...

- Coi bộ bác cũng giỏi nghề gác cu ? Ngoài Bắc đi gác cu nhiều lắm a ? Bác cầm mấy con về làm cu mồi.

Tôi xin ông già một con cườm cổ dày long lanh, hai chân đỏ tươi. Tôi xách cái lồng bước đi mà con chim vẫn cuc cu... cuc cu... như ở bụi tre.

Ừ, có khi mùa này tôi theo ông tài về Bến Cát bắt chim. Rồi qua Bến Củi xem mọi người bây giờ ra sao. Nhưng thằng Gạc Rang đã dọa giết tôi. Có thể lắm, thằng chết dịch ấy. Mà không thì nó bỏ thuốc sâu vào nước mời tôi uống. Tôi ngần ngại nghĩ mọi chuyện như mới đây. Cái yêu và cái ghen chẳng khi nào biết mình già. Gạc Rang mà trời còn để cho chúng sống thì cũng gấp nghe tuổi ngoài tám, chín mươi. Có thể Bảnh bỏ đi từ lâu rồi. Con cu mái không bao giờ thấy con cu đực vì mình mà bị sa lưới, những người đàn bà thờ ơ và khôn ngoan.

Ừ, một chuyến đi. Tôi cùng ông tài già lên Bến Cát. Đoàn Minh Tuấn sẽ cùng đi với tôi. Tuấn tháo vát, lại khoẻ. Văn võ được cả. Cứ phòng xa. Tôi lại lú lẫn, lại quên tôi rồi. Ấy nghề đời cứ buồn mà ưa quên thế.

Con gáy Bến Cát tôi đem về dạn dĩ, dài giọng và trong hơn những chú chim đực ở cánh đồng ngoài này. Một lần, tôi đi đâu vắng, đến hôm về, nhà tôi bảo :

«Con chim gáy của ông châu trời rồi». Nhìn chiếc lồng trống trơ đầu nhà. Cóng thóc vẫn vàng óng. Cóng nước đầy nhưng đục vẩn. Tôi quên dặn ở nhà hằng ngày thay nước cho chim. Chim gáy uống nước đục thì chết ngay. Đã lâu, tôi nhãng cách thức nuôi chim gáy rồi.

Tôi cũng không trở lại nhà ông tài già chợ Đũi lần nào.

Mỗ Bốn

Bác Bốn ở tận đâu đến không biết. Có người tình cờ trông thấy bác một mình từ cổng đồng đi vào. Cái khác mắt một chút, đương giữa ngày mùa, xóm làng quảy mạ, vác gầu nhện nhịp, bác Bốn gánh, một bên hai hòn gạch vồ, một bên cái rọ lót rom, trong đặt đứa bé độ lên ba. Đứa bé ngồi nhòm nhồm, hai tay vúi mép rọ, mắt thao láo tròn xoe nhìn ra.

Đây là bác Bốn và cái Muống. Bác nhật được con bé ở gốc cây nào. Hay là vợ bác bỏ bác, hay là vợ bác chết, vợ bác ra làm sao, nào ai biết được ngọn ngành cái người đàn ông quảy đứa bé với hai hòn gạch vồ cho cân, người ấy đi đâu, đến đâu. Người ta ai cũng có cái phận, cái may cái rủi, cái được, cái hẫng, bác Bốn cũng thế. Đầu làng có con sông chảy qua, những gò rác lù lù nhô lên mấy cái cọc cột phoi lưới tôm hay là cái khung mái lều chợ. Thế là bác Bốn thấy được, dầu sao cũng trông thấy cái sống cái ăn. Bác Bốn dễ tin vậy. Tre pheo bốn bên xanh ngắt. Trong dòng nước, trong bùn có con mải mải, con lươn, con trạch. Thì ta đan cái nôm, cái đó, thì ta vót cái cần câu. Bác Bốn đặt gánh rọ. Bác Bốn ở lại chỗ ngoài cổng đồng. Nơi hoang vắng đầu đồng, trong làng chẳng nhà nào dám ra chỗ trống không ở với

ma đói cô hồn. Bác Bốn cầm que như đánh dấu chỗ. Rồi vào tam quan đình tìm chỗ ẩn trong chùm rễ đa xù xì cái đã.

Bác Bốn nhòm vào cửa đình. Thấy ngoài bậc thêm một ông lão búi tóc củ hành chon chỏn, gầy lồm hai xương bả vai. Ông lão đương cầm cúi đan cái lờ cá.

Bác Bốn nói to :

- Lạy cụ từ, cụ cho bố con cháu ngả lưng nhờ gốc đa ngoài kia...

Ông lão vẫn giơ tay giữ cái lạt. Bác Bốn đã trở ra, ông lão mãi làm - hay là lão nghễnh ngãng. Bác Bốn cũng chỉ ở tạm gốc đa tam quan một đêm rồi ra gò rác cắm cái cọc và bác đi làm mọi cái bác đã định hàng ngày. Bác đan đó, bác tết ống lươn. Vợ vẫn dần dà rồi cũng kiếm ra miếng ăn. Năm tháng đi qua không đếm được, chỉ biết mới ngày nào cái Muống còn ngồi trong rọ, chẳng bao lâu Muống đã nhỉnh dần, đã đẹp gái. Rồi cứ chập tối cái Muống đi đặt ống lươn trong cửa cống rồi cả ngày Muống ra bờ đìa thả trum hót tôm muối. Bác Bốn đã thông thuộc các xóm, trong làng, các nhà ở túm tụm vào nhau, cả làng tứ phía vây um tùm những khoanh tre kiên cố chống cướp. Ngoài kia, dọc sông chỉ có cái chợ hôm chốc lát. Không một cái lều giạt đến.

Đằng công đồng có cái bãi tha ma của làng.

Cứ đến tháng ba, làng cúng thần có hội lệ. Làng thịt trâu chia cho các giáp. Xóm đình có một giáp, chiều hôm trước, trương tuần đã dắt về một con trâu què, đem buộc vào búi rễ đa.

Bác Bốn hỏi :

- Bao giờ thì xóm ngả trâu ?

Trương tuần chép miệng :

- Tối mai thui.

- Đã gọi thợ thui chưa ?

Trương tuần lại chép miệng :

- Vẽ chuyện, chúng tớ mỗ lấy.

Bác Bốn cười, xun xoe nói :

- Cho tớ một tay. Chỉ xin công một cái vó què thôi.

Trương tuần nói :

- Trưa mai vật trâu, thui ngay ở bãi cỏ bờ sông này.
Làm được không ?

- Đã bảo tớ là đồ tể mà.

Trưa hôm sau, bọn trai làng khuôn ra tấm ván, con dao bầu, cái chĩa đựng tiết, lại cả mấy gánh rơm chất lên. Mọi người xúm lại xem bác Bốn mổ trâu đông như đám trong sân đình đang đào lỗ cắm cờ kỳ, đánh trống ngũ liên giục giã râm ran.

Có một lũ kéo ra bờ sông hóng thuyền phường chèo Bắc.

Bác Bốn buộc tròng lọng chảo vào rế đa, kéo một cái con trâu ngã chổng bốn vó. Cái rọ buộc mõm khuỷp sừng trâu xuống, bác liếc má dao lên cỏ, rồi chọc tiết, con trâu rống ò ò. Giội nước, cạo lông, làm lòng xong đầu đấy, bác Bốn đội cả con trâu đã mổ phanh lên giữa bãi, chất rơm thui. Một mình bác làm tất, gọn như mổ con ếch.

Hàng giáp được chia thịt, ai cũng khen thợ thui khéo, các mảng nách chân, khoeo đùi, khoanh cổ chín vàng đều như nhau. Cổ trâu các giáp không bao giờ được ngon mã thế.

Một hôm, cụ từ ra bảo bác Bốn :

- Làng đương khuyết chân mỗ, cụ chánh cho gọi mầy đây. Bỏ con sừng rồi, từ giờ được vào ở sau đình, khỏi lo chạy mưa nắng ngoài bãi.

Từ đây, bác Bốn làm chân mỗ làng, mỗ Bốn. Mỗ Bốn vẫn chạy vạy sấp ngửa đơm đó, chợ búa như mọi khi, chỉ thỉnh thoảng quét rác, mở cửa đình cho cụ từ. Làng có việc thì đánh cái mỗ tre đi rao các xóm... Chiềng làng nước... Chiềng làng chiềng chạ... Bác Bốn cũng không nghĩ trong đời lại có khi đi làm, mỗ nhưng cũng chẳng sao. Người ta làm gì mà chẳng được.

Có điều Cái Muống đã lớn như thổi. Có hôm bố bận chạy việc làng, Muống xách giỏ cua, mớ ốc, một mình ra chợ chiều, mừng nó đã đỡ đàn được. Nhưng bác Bốn có nỗi lo khác. Cái lo âm thầm mà nặng chiu, không như cái lo đói. Trai gái đến tuổi thì bố mẹ phải lo toan dựng vợ gả chồng, làm con người thì phải lần lượt đến những đàn như thế.

Nhưng mà cái thân con cua con cáy bây giờ lại cũng cái đời thẳng mỗ đi hầu thiên hạ thì tính sao được vuông tròn cho thân mình, khi cái con người ta sai đi đâu được đến đấy. Bao nhiêu năm đến ngụ đất này bố con bác Bốn chưa hề được bước chân vào cửa nhà ai.

Nhiều khi, bác Bốn với cái Muống đi chợ - chỉ ở ngoài chợ thì mới không ai biết ai, lại có khi sang tận chợ tổng bên kia. Chợ vẫn người hay chợ đông, đi như hóng cái may mà cũng chẳng khi nào thấy gặp phúc bất được của rơi. Nhưng mà cái Muống thì đã nhớn

rồi. Nghĩ vu vơ [1] càng lo. Nhớ những năm 1940, tôi lại nhớ đến Không Văn Cu - thật tên cái anh mỗ ở làng đồng chiêm thế, đi làm mỗ mà có họ với ông Không Tử, người mỗ cuối cùng làng Nghĩa Đô. Anh Cu đã đứng tuổi, vóc dáng bánh bao, khoẻ mạnh thế mà cũng chưa bao giờ kiếm được một mún vợ.

Lại nhớ dạo ấy thường về chơi quê Nam Cao ở làng Đại Hoàng, làng vùng ven sông cuối tỉnh Hà Nam. Chúng tôi nghe chị Nam Cao kể chuyện con gái lão mỗ làng này còn dễ trông hơn nhiều cô gái đương thì trong làng. Có hôm tôi ra bờ sông, qua lều nhà mỗ, thấy một cô gái mảnh dẻ, trắng trẻo mặc áo cánh chòì vắn khăn nâu non đỏ hoe như con gái làng hay chít khăn đỏ, cô ngồi trước cổng bán mía cây. Chị Nam Cao bảo cô ấy đây. Đã ngoài ba mươi rồi, chắc là ế, con nhà mỗ mà. Truyện ngắn Tư cách mỗ của Nam Cao viết bấy giờ không đả động đến người con gái cao số ấy, nhưng rõ ràng anh miêu tả và lý sự về những thân phận người đi làm mỗ.

Làng Hạ còn một tối hát chèo ngoài sân đình đêm nay. Dường như các xóm đồ cả đi xem kéo rồi lại phải đợi sang năm đến dịp mới lại có chèo hát. Nhiều người rón đứng đến tan chiếu hát gần nửa đêm.

Đương còn trăng cuối tháng. ánh trăng sông quyện sương mờ bàng bạc trên bóng lặn tắt cảnh tre non mới nở lá. Người từ cánh đồng vào đầu xóm cười nói ồn xao. Chẳng biết trong đám có những bọn ở đám xóc đĩa cuối xóm ra, có những tay đôi từ chập tối đã lén xuống bờ tre bây giờ tan hát mới nhập nhòa lẫn vào đám người về các xóm. Người ta còn đương bàn tán, bắt chước và kể lại những đào kép vừa ra vai. Nàng Châu Long con mắt chín lù. Chú tiểu đồng cầm roi giả cách dắt ngựa khéo quá. Ông Lưu Bình vinh quy xênh xang bước vào cổng nhà quan huyện họ Dương...

Bỗng nhón nháo một đám đằng kia chạy lại.

- Những tiếng cười nói, bỗng hoá ra những tiếng kêu hốt hoảng. Cái gì, cái gì thế ? Kẻ trộm à ?

- Quân ăn sương khéo chồm vào lúc cả làng vắng nhà?

- Không, không...

- Thế thì cái gì ?

- Giai gái !

Có một người cất giọng hát tuồng :

- Giai trên gái dưới ra sao nào, quân bay ! Tiếng cười hô hô.

- Không phải ! Không phải !

- Thế thì cái chó gì mà âm làng lên thế ?

- Bắt được con nhà hương Sạ với cái Muống.

- Cái Muống nhà mỗ Bón ấy à ?

- Lại còn cái Muống nào nữa !

- Thế thì loạn rồi. Đem trôi sông thôi.

Cả xóm người chạy lộn ra ngoài điểm canh. Sau bờ tre đã rừng rực ánh đuốc. Chen vào trong điểm, rõ ràng trông thấy mỗi bên cột trói đứng một ngời. Thằng Sạ mặt xanh lét, cái Muống tóc bết kín mặt, đứt một bên cổ yếm váy bê bết bùn, hai đứa lấm như vùi chắc chúng nó trồn xuống đìa nước, mới bị lôi lên.

Lệ làng không có điều khoản cấm trai gái son rồi tằng tịu với nhau. Chỉ ngả vạ đứa lộn chồng, đứa chùa hoang. Những dính với nhà mỗ lại là cái điều xấu xa xưa nay không ai dám phạm. Dây đến đồ mỗ, đến đứa ngụ cư cha căng chú kiết thì tội nặng tội nhẹ không biết đến thế nào. Tuy ở quan làng. Thế nhưng cũng lại tương phiên khán thủ bắt tội bắt vạ thế nào cũng được

lắm khi chẳng phải bận đến các quan làng.

Ấy thế vẫn cứ phải hỏi lấy lệ. Ngay lúc ấy khán thủ vào nhà ông chánh. Ông chánh ở cuộc rượu tan hát về vừa ngất ngưỡng nằm lên cái tràng kỷ. Ông chánh hờ mắt mơ màng nghe người khán thủ lắm bả «trình cụ». Ông chánh ngóc đầu lên quát :

- Làng này bắt lính còn chưa xong bắt ngay thằng Sạ đi chuyến này. Được được, con dĩ nhà mỗ Bốn thì đem trôi sông, tống hủ đi cho khỏi bản làng. Cút về mà làm thế.

Tuần tráng lục đục hủ hải suốt đêm.

Bác khán thủ cầm gậy đến ngõ nhà ông hương, đứng ngoài cổng, hét vào :

- Trên huyện truyền thằng Sạ phải lên ngược đi lính chuyến này. Ở nhà lo xống áo lương ăn ba tháng cho kịp ngày đợi lên huyện.

Bác mỗ Bốn ở nhà thì chẳng biết gì cả.

Nhà ở sau đình, trước sân có chiếu hát mà bác rượu vào đã đi nằm từ chập tối.

Tuần đình dẫn tre, chẻ lạt, chặt cả chục cây chuối đóng bè. Phải thả bè cho nó trôi sông từ mờ đất, không

được để người nào trông thấy. Mấy ông chức dịch đã chạy ra quát như thế.

Gà gáy sang canh ba. Mấy người tuần trở dậy vào điểm bật hồng đốt đuốc lên. Chỉ thấy hai cái cột chơ vơ. Những nút thừng rơi loảng ngoảng dưới mặt đất. Chúng nó cần đứt cả dây thừng.

Cái Muống, thằng Sạ đã trốn mất.

* * *

Nửa đêm kia có hai bóng người len lén vào tam quan trong đình. Nén hương đen cả đêm thơm thoảng như mùi mật. Đèn đèn dầu lạc đã lụi tắt còn leo lét xanh loè. Cụ từ ngồi tựa lưng vào cột, không biết cụ thức hay cụ vẫn quen ngủ ngồi.

- Lạy cụ từ.

Tiếng rè rè hỏi lại :

- Đứa nào ?

- Lạy cụ từ, bố cháu đâu ?

- Thằng mõ Bốn hả ?

- Vâng ạ.

- Nó ra nằm tha ma ngoài cổng đồng rồi.

Giữa cơn mưa rào ào ạt đầu mùa hạ, thấp thoáng những đốm ma trời xanh lơ trên các ngôi nhà mới ngoài cổng đồng. Hai bóng người quỳ trong cơn mưa nặng hạt, chấp tay vái vào bóng tối bãi tha ma.

Ngày Cuối Năm

Cõi đất hoang cuối làng Hạ ngay bên bãi tha ma. Chỗ đất trống ấy bỏ um tùm vì nhà nào có mồ mả cũng không muốn để sát vào lũy tre bên xóm có người ở trong. Chỗ này mọc lên những bụi cây ké, cây lá cối xay, cây dương và bụi lau. Đôi khi, con trâu đi qua quơ mõm chẳng có cỏ rả nhai được, lại lảng ra.

Thế mà vẫn có người ở. Chỗ tận cùng nào chẳng có người ở. Nhưng trong làng không bao giờ coi đây là xóm, là ngõ, kẻ đến kẻ đi không biết thế nào. Chỉ những người lưu lạc đến đây ngụ cư, trai tráng không có tên trong sổ đinh, không được đóng hàng giáp. Thằng mõ làng còn được chia phần ngồi một mình ngoài cửa, chứ người ngụ cư thì chưa được bằng cu mõ. Ấy thế nhưng hàng năm khi nước sông Cái lên to, trên phủ sức về lấy đinh đi hộ đê thì ông phó lý lại tróc đến cái xóm hoang này. Mày đến nương nhờ đây, mày uống nước giếng đầu làng đây thì mày phải làm thân con lừa công việc quan sai. Lão ta trôi giạt đến bãi hoang từ bao giờ. Người ta gọi lão là lão, tên lão là lão hay đây là cái tiếng để gọi người già mà lão già từ khi nào lão cũng không nhớ.

Chẳng mấy lúc đã đến ba mươi tháng chạp. Phiên chợ áp Tết, tiếng à à chợ búa nháo nhác đặng cây đa

bên kia cánh đồng đã vang động từ sớm. Tiếng vịt cạc cạc, tiếng bò rống, tiếng người chửi nhau... Có xào xạc thể mới ra ngày chợ vét. Bởi vì sớm mai đã mừng một năm mới rồi. Ai dư dả tiền thì chúng họ thông dong đi sắm sửa từ những ngày chợ trong năm. Phiên chợ này của người cô cùng mới chạy được vài tiền, vội nhoáng nhoáng đi vợ cút rượu, thỏ hương, miếng thịt lợn cúng, lẻ gạo nếp... Lão cũng chẳng đào đâu ra đồng nào mà mó đến những thứ sắm sửa ấy. Lão chẳng màng đến phiên chợ. Cái Tết, lại cái Tết, rồi lại cái Tết, những tết nhất thờ ơ qua đi.

Khôn khổ, ấy thế mà lão, chỉ có lão, lão thuộc tất cả ruộng lúa, ruộng màu, ruộng đồng cao, đồng xa của mọi nhà trong làng. Bởi vì lão quanh năm đi làm thuê đã cày bừa tát nước tháo nước nhả các mặt ruộng.

Bây giờ thì lão đi cuốc. Ruộng trồng màu phải cuốc mới kỹ được đất. Để cắm dây khoai lang, khoai nghệ, lại cải thìa... lắm giống mới quá. Ruộng huệ hoa trắng lôm lốp như dừa chít khăn đại tang. Chúng nó hoá rồ đến nơi, trồng các cái ăn cái uống linh tinh. Chẳng bận đến lão. Lão chỉ biết bỏ nhất cuốc, lão mong được có việc làm suốt giêng hai. Nhưng đến năm cùng tháng tận thế này thì cũng chẳng nhà nào còn mướn cuốc ruộng nữa. Lão không làm đôi, mà có lẽ bởi lão cuốc chậm.

Cái già đã hất miếng cơm của lão. Nhưng chẳng cần, lão có việc khác, lão ối việc, có người thì có việc. Nhà kia gọi sửa bờ rào, đóng cổng ngăn, đào cái rãnh tát nước dưới ao, lại đánh gộc tre và không đi làm thì lão đi đặt đó, đánh lò, kéo vó tôm, câu ếch, lão không đi chợ, nhưng thấy người ta đi chợ Tết thì lão cũng nghĩ có khi ta nên đi chợ đông lẻ gạo nếp, mua thẻ hương, khôn khó đến thế nào thì cũng phải lo nhớ đến các cụ. Nhưng chỉ nghĩ chứ chưa Tết nào lão đông được bát gạo, mua được thẻ hương, rồi cái nghĩ nhạt dần, rồi thôi, mà cứ mừng một Tết, lão múc bát nước mưa đem vào đặt lên hòn gạch ông đồ rau trong bếp cúng ông vải và vua bếp, lão cúng chay.

Ờ thì cũng phải đi chợ một cái xem làng nước họ chợ búa ra sao. Cái phiên chợ chửi nhau, đánh nhau, cướp giật của nhau cũng vui mắt đấy. Vẫn còn hàng lá dong, lạt giang bởi vì cũng chẳng thiếu nhà tối ba mươi mới luộc được đôi bánh chưng. Bác hàng dừa bày lên mặt gánh một đồng gạo dừa có chuỗi cả sọ, có cái đã đeo thành muôi, chỉ một chốc đã bán hết nhẵn. Thiên hạ mua gạo, mua muôi làm gì mà đổ xô vào thế. Tết nhất lắm thứ phải đông, phải mức, phải khảo chẳng. Có đứa bảo sọ dừa già gọt làm quân xóc đĩa còn nảy rền trong bát hơn quân võ diêm. Chẳng biết thế nào, chỉ biết vào những tháng củ mật tháng ăn chơi thế này thì đâu cũng

có đám thò lò, đám xóc đĩa.

Dãy hàng tranh lơ thơ chỉ còn mớ tranh tiền rẻ nhất. Tờ giấy hồng điều đỏ khé in từng chuỗi hình mười đồng tiền. Một chinh Khải Định được lấy mười tờ tranh tiền.

Có năm lão đã mua chơi tranh tiền. Lão dán các cột lều, ngoài cửa, trong bếp. Để bói xem năm mới có tiền vào nhà không. Nhưng không khi nào có tiền vào nhà, cũng không có tiền đội nón ra đi, chẳng thấy gì cả.

Lão vào bãi bán trâu bò. Lúc này chắc có nhiều trâu, nhiều bò, bởi cái bãi lầy bùn còn in vết móng trâu, lại lắt nhắt móng dê hay móng chó. Lúc này thì chợ trâu bò vắng tanh, chỉ còn mỗi một người mỗ bò thuê đương cọ mấy con dao trong cái xảo thả dưới ao làng. Trong cái xảo còn có bốn cái móng bò đen gồ ghề nổi lơ lửng trên mặt nước.

Lão nói :

- Đây đây cho tứ bốn cái móng bò nhé. Tứ xin cái móng chứ không xin cái vó đâu !

Bác đồ tể mặt còn đỏ lựng. Dáng hảnh lúc này vừa mỗ, vừa xả thịt vừa nốc rượu. Bác đồ tể nói to :

- Có cái bong bóng nữa. Định đem vút cho chó gặm, người có tết thì cũng phải cho chó cái tết chứ. Lão giơ hai tay như can đôi bên đánh nhau. Ấy chết. Ấy chết, đừng phí của giờ. Cái móng bò ninh lên cũng được nôi nước xuýt. Cái bong bóng thì đem phơi nắng may ra bán cho con mẹ hàng rượu. Một đồng tiền cả đấy. Ông ơi !

Người đồ tể cười hê hê :

- Ở thì cái bong bóng để đấy chốc nữa bán cho con mẹ buôn rượu. Còn cho bố cầm cái guốc bò này về, của thằng con rể sêu tết đấy nhé.

Câu tán dại đâm ra mất cái bong bóng. Phải mau mau kéo nó không cho cái móng bò nữa thì có mà ăn mày. Lão vợ đâu được cái giỏ mất hom, nhét cả bốn cái móng bò còn dính lầy nhầy lông và bùn lấm. Rồi tắt tả đi ngay.

Ra khỏi chợ, lão nhìn lại cái giỏ móng bò mới thực yên tâm. Chẳng có đồng mớ nào, đi chợ cũng được những thứ này. Cái xương, cái móng cứ đun mãi tắt phải ra sụn ra nước xuýt. Thế là có tết rồi.

Đến cái quán giữa đồng, lão ngồi buộc lại giỏ. Bà hàng nước đã nghỉ dọn hàng quán trống gió thổi ào ào vào lều. Lão trối vào lại tháo ra, lại cầm từng cái móng

bò lên ngấm, ngấm chán rồi lại đâm nghĩ ngợi lẩn thẩn. Khốn nạn thân ông, cái móng bò không phải là cái vó bò, cái vó bò thái ra chấm tương gừng, nhai rau rầu, cái móng thì... thôi thôi ông cứ đắp bùn hầm cho mấy ngày mấy đêm thì đến sừng trâu móng trâu cũng phải chảy ra nước xuýt. Thuở xưa thằng vua còn ninh mầm đá ra ăn cơ mà...

Ngoài ruộng, một đàn quạ khoang xúm xít trên một luống đất cày ải. Bọn chim chóc trộm ngày này đương chơi trò tranh nhau cái gì đây. Lũ quạ thoáng thấy người ra bay rào rào lên, lão trông thấy trong luống đất một chiếc bong bóng lợn, à mà không phải bong bóng lợn cái bong bóng trâu mới to ngồn ngộn lên thế. Không biết bọn quạ tha ở đâu về hay là đứa nào ném ra đây.

Thằng mỏ bò kia không cho ông thì ông cũng được giò cho, giò cho ông cái bong bóng trâu còn to bằng mấy cái bong bóng bò. Thật là của giò cho.

Những con quạ chết đói lại tấp xuống. Có con nhảy vào mỏ cái bong bóng. Có con táo tợn đập xuống vai ông lão, như toan quào vào mặt cái thằng người đến cướp cơm của nhà quạ. Những những con quạ khoang địch sao được lão ông mà tóm được con nào thì ông cũng cho chúng mày vào nôi tắt. Tết này ông ăn tết thịt bò ông ăn thịt quạ. Lập tức, lão huơ tay lên. Những con

qua khôn ngoan đã đọc được cơn giận nổi bùng bùng trên mặt lão. Cả lũ bay biến đi. Thế là lão nhặt cái bong bóng nhét vào giỏ. Lão nhổ cái cỏ xước tết làm lạt buộc những cái móng bò xách một bên tay.

Lão chột lẳng tai. Tiếng chuột kêu chí chí ở góc tường đất. Không phải tiếng chuột nhắt đuổi nhau. Hình như tiếng chuột nhút nhít mới đẻ chưa mở mắt, đương chen nhau trong ổ, lão rón chân bước lại. Lão nhắc hòn gạch vồ.

Một ổ chuột tý nhau lúc nhúc đỏ hon hỏn. Con chuột mẹ nằm giữa chưa kịp ngoái đầu lên, bàn tay lão đã chít cổ lôi ra. Con chuột mẹ giãy được mấy cái, tắc thờ. Thế là cả chuột mẹ chuột con lão dúc tuột vào giỏ. Đã có thịt bò, lại thêm thịt chuột, được quá

Lão về đến những túp lều cái xóm người ngụ cư. Cái lều của lão như đông rạ lỏm chỏm. Gió rét ngăn ngắt. Tự dung, lão lẩm bẩm một câu bơ vơ : «À à thế này mới là Tết» lão đương hả hê ta đây. Mấy cái lều ở ngoài chưa thấy hơi hướng ai về. Gió thổi kéo kệt như có ma ở các ngôi mộ đằng kia lên đánh đu trên bụi tre.

Người ta đi đâu, lão không biết, lão cũng chẳng để ý. Chúng nó trốn tết hay chạy tết, có khi kéo nhau bỏ đi luôn cũng nên. Ở ngoài tha ma có nhà nào đi sửa mộ

cuối năm. Gió tạt vào mùi hăng hắc hương đám ma. Nhưng trong đầu lão chỉ đương có những cái mừng. Nước xuýt lược bỏ, cho thêm cái bong bóng này vào thì ngon ngọt đứt đuôi rồi. Lại còn xó rượu đầy, rượu nhắm với thịt chuột bao tử nướng.

Lão đã tưởng ra tiếng pháo xa xa, tiếng trống đình, tiếng chuông chùa nổi lên. Ba ngày tết qua rồi, đã có người gọi hẹn mừng tuổi lão từ trong năm, mừng bốn vào dọn vườn động thổ. Hôm ấy thì được chén tuỷ lụy thẳng thùng rồi.

Lão nhìn cái bờ rào cúc tần. Để những thức ăn sống sít này chỗ cao ráo cho khỏi con kiến bò vào, không khéo thì có khi cả con chó đến ngoạm mất. Nhìn trước nhìn sau, rồi lão gài cái giỏ chuột vào hốc thân cây dương. Bốn cái móng bò và cái bong bóng trâu thì treo trên cành cây dương ở ngay cửa lều, trông ra thấy ngay.

Lão vào bếp thổi lửa, vợ mấy cái que củi đốt sủi rồi ngã người xuống ổ rơm.

Lão cứ nghĩ vợ vẫn toàn những cái vui, tưởng như vừa được một buổi sắm sửa bận rộn rồi lại đã com no rượu say ngoài chợ. Hai con mắt lão gà gà díp lại trong tiếng pháo lạch tạch đâu đây.

Lão chớp mắt một lúc. Tiếng gió lùa rào rạt trong vòm trời âm u, trở dậy không biết sắp tối hay còn ban ngày. Lão ngồi dậy lò dò ra đem các thứ vào bếp.

Trong hộc cây dương để cái giỏ chuột. Bốn cái móng bò, cái bong bóng trâu thì treo trên. Nhưng chẳng thấy các thứ ấy đâu cả. Đứa nào đã thốn mất. Hay con cây, con cáo tha rồi.

Lão nhìn quanh xem như còn có cái gì rơi xuống đất. Không thấy. Lão đứng tần ngần, cũng chẳng nghĩ ngợi ra sao.

Những Thương Những Giận

Cái năm Tây về lập bột ngay đầu đình, nhiều nhà phải bỏ làng tản cư đi các nơi. Đến năm Tây thua ở Điện Biên Phủ rút chạy vào Nam thì những nhà ngày trước đi bây giờ lại lần lần trở về.

Bác Thạm về muộn nhất, mà về một mình. Những đứa trẻ chạy theo, đổ nhau đoán xem ông ấy là cán bộ hay là bộ đội. Đứa nào tò mò thì đến đêm xem trên áo ông có mấy cái huân, cái huy, ông mặc áo đại cán bốn túi hay áo lính trơn hai túi, thắt lưng da.

Thạm với tôi là anh em họ. Thạm bậc trên. Thạm trở về làng nhưng Thạm ở đâu hay công tác đâu, tôi không biết. Chỉ thấy Thạm vẫn cao to, mặt gồ ghề xương hóc. Thạm mặc áo cổ Tôn Trung Sơn, ka ki màu xi măng, đi đôi giày tây đen, đầu đội mũ cát kết tím, lưỡi trai bóng nhoáng. Thạm dắt cái xe trâu Trung Quốc, quan trọng là cái xe đạp đeo biển sơn xanh, xe biển xanh là xe cơ quan, xe của nhà nước. Cán bộ cỡ nào mới được cấp trên cho đi xe đạp công. Thế là Thạm đã là cán bộ khá rồi.

Tôi hỏi :

- Bác công tác tận đâu mà bây giờ mới về ?

- Ở trên Việt Bắc. Bận quá, không lúc nào dứt ra về chơi được. Rồi Thậm hỏi lại tôi một câu thân mật :

- Cái lão thịt chó ở gốc cây đại trên chợ còn chứ ?

- Còn.

- Hay đấy ! Tớ thết chú. Chẳng mấy khi. Chợ quê vẫn tản mát thế, chỉ đông vào ngày phiên. Chủ quán gầy gò ngồi lù lù sau cái mâm thông. Thịt luộc xả ra bày lên những tàu lá chuối. Chậu mắm tôm, cái bát đàn riềng ớt thái sẵn, một rổ rau ngổ, húng quế, mơ tam thể bẻ bộn cạnh một lũ vò rượu nút lá chuối.

Tôi hỏi Thậm :

- Nhớ lão quán này không ?

- Nhớ chứ, quán rẻ nhất, lão bán tinh chó chết bả.

- Tây bắn ông lão ấy chết năm kia rồi. Thằng này là thằng con cả ngồi nổi ngời đây. Thậm nhìn lại chủ quán rồi im lặng như biết rồi. Lát sau, Thậm hỏi tôi :

- Chú có gặp anh cán bộ hồi bí mật... anh gì nhỉ ?

- Cán bộ Bản.

- Phải rồi, cán bộ Bản. Có gặp không ?

- Thấy bảo rồi ngày ấy anh Bản đi Nam tiến.

Tôi cũng ngạc nhiên nghe Thạm hỏi thăm cán bộ Bản. Bởi tôi còn nhớ một việc xấu hổ cho Thạm hồi sắp Tổng khởi nghĩa.

Trưa hôm ấy, cán bộ Bản vừa đi vào làng thì một bọn lính khố xanh với lính Nhật thành lập về vây ngoài lũy. Bí quá, tôi đưa cán bộ Bản sang nhà Thạm. Đứng ấy xóm vắng có lối trở xuống đồng thoát ra được Thạm đương vác cái giậm, sắp ra ngoài địa càn cá. Thấy tôi và người lạ, Thạm đoán được ngay. Thạm hạ cái cán giậm, quỳ xuống chấp tay :

- Lạy các ông, các ông đi ra ngay không thì chết cả bây giờ. Hôm sau, Thạm chửi tôi :

- Mày dắt hội kín về, định gieo vạ vào nhà ông à ? Tiên sư mày ? Thạm uống hết chén rượu, rồi nói như kể chuyện :

- Tớ quên thế nào được cán bộ Bản. Gay go thế thì chuyện phải nhớ đời chứ. Lúc ấy tớ vạch trở bờ tre sau nhà, rồi lấy cái thúng bơi đưa cán bộ Bản sang bên kia sông an toàn. Bọn Nhật vây đẳng đầu làng trơ mắt châu ra, không biết. Thế Việt Minh mới tài chứ ! Ha, ha...

Chốc chốc, Thập lại hỏi :

- Chú có nhớ không ? Chú có nhớ không.

Câu chuyện dựng đứng thật ly kỳ mà thật cụ thể khiến cho tôi đâm ngờ ngờ cả trí nhớ tôi, hay là thế thật, tôi quên cũng nên.

Từ đây, đôi khi bác Thập thường về nhà tôi.

Bây giờ thì bác Thập với tôi đã thân hơn, tôi đã quen lối chề chén suồng sã và kiểu ăn nói phét lác của bác và cũng được biết bác thật hơn.

Tôi hỏi Thập :

- Các người tản cư đã về làng cả, bác còn nấn ná trên ấy mãi sao ? Bác Thập nói :

- Mười mấy năm công tác rừng xanh núi đỏ lặn lội đến ngã nước, chết đi sống lại nên trên mới ưu tiên, các anh ấy cho được về nghỉ sớm. Lại nghĩ đã quen thung quen thổ, thôi thì đất nước đã độc lập, đâu cũng là nhà, ở đâu chẳng được.

Tôi đã có lần lên chơi nhà bác Thập. Kể ra nhà bác cũng chẳng xa xôi núi đỏ rừng xanh tận đâu, chỉ qua huyện Chương Mỹ sang đầu huyện Lương Sơn đã đến. Bác gái chuyển đi rừng kiếm măng về ngâm lại buôn

chè tươi ngồi bán ở chợ huyện. Thằng con cả bác lái xe tải thỉnh thoảng có chuyến Sơn La - Hòa Bình lại lai bố đi chơi.

Nó bảo tôi :

- Tính bố cháu hay huếch một tắc đến giờ, cho người đi đây đi đó một chuyến về khoe cả tháng chưa hết chuyện.

Rồi dần dần tôi hiểu hơn cái nông nổi bác Thập không muốn về ở làng. Bác hay đi vắng, xóm giềng thì thảo bác là công an chìm, có tuổi rồi mà vẫn phụ trách công tác đặc biệt. Thật ra, bác thạo chạy chợ, các chợ nửa quê nửa đường ngược. Bác Thập buôn thùng, chảo ở ô Cách đem vào các mối bán chợ Bắc Qua, có khi ngược chợ Phương Lâm, chợ Bờ mua gang, nửa, đày, tre... tải về cho các thổ đánh thùng ở ô Cách. Sắp Tết lại thò ống gang về các hàng làm lạt gói bánh chưng, bánh giò. Thằng con tài xế phổi bò đã thuộc tính bố, lại nói giễu : ấy chỉ thương nghiệp dân doanh vậy mà bố tôi đi đâu cũng đóng đại cán, cái xe đạp biển xanh. Khi về đến nhà lại chững chạc cái kính đen bí hiểm, cái túi da đeo vai làm túi tài liệu kỳ tình trong đẽ mấy tờ báo. Đôi khi bác Thập đạp xe thông dong như cán bộ trung ương về quê chơi.

Một hôm bác Thạm khẩn khoản mời tôi. Bác nói lý do :

- Phiên chợ này có việc vui với mấy ông bạn ở địa phương. Chẳng là sắp bầu lại hội phụ lão, anh em muốn giữ ở lại khoá mới. Tiếc là nghỉ mà đã được nghỉ đâu. Một quá. Thế nào cũng lên chơi với tớ nhé.

Tất nhiên, chẳng nói tôi cũng biết là bác Thạm có việc cần tôi thế nào chứ chẳng phải chơi không. Hôm ấy đánh chén thịt vịt. Đương mùa vịt Bàu Bền béo, cái xương cũng như cái sụn mà đánh tiết canh thì tuyệt cú. Mấy ông khách đến chơi, nghe loáng thoáng mỗi lúc bác Thạm giới thiệu với tôi ông uỷ ban, ông đảng uỷ, người này người này, tôi lơ mờ đoán được ý bác Thạm.

Rồi Thạm nói về tôi, chỉ một câu như đinh đóng cột :

- Báo cáo các đồng chí, chú em tôi đây, anh em chúng tôi đã cùng nhau hoạt động từ bao nhiêu năm còn bóng tối, nằm ổ rơm, ăn sẵn trừ bữa, rải truyền đơn, đánh Pháp đuổi Nhật.

Tôi nghĩ ngượng và bực. Nhưng chẳng nhẽ nói thế nào. Hôm sau, đưa tôi ra bến xe buýt, bác Thạm nói :

- Thế là ăn chắc chân chủ tịch, chú ạ.

Ít lâu sau, bác Thặng lại về chơi. Bác bảo bác đi công tác, nhân tiện tạt vào. Bác cởi ở xe đạp ra một bọc bún lá với gói nilông mắm tôm đồng, cả củ sả, gừng, tía tô. Bác bảo : «Thịt chó chính cống Cầu Giẽ đây !» Cái chảo còn quán chồm cả lên yên xe với hai vành bánh bunn đã khô lở từng mảng. Chắc là bác vừa tải chuyên thùng chảo về ô Cách rồi qua đây có việc chẳng phải tình cờ.

Quả nhiên thế.

Mấy chén vào rồi, bác Thặng cười khớ khớ, bảo :

- Chú biết đây, tôi đã đi rải truyền đơn, tôi đã hoạt động từ ngày bóng tối với cán bộ Bản. Thế mà phần thưởng lão thành, thưởng tiền khởi nghĩa, tôi chưa có cái gì cả. Thiệt thòi lắm, phải không chú ? Tôi nghe mà gai cả người. Tôi nghĩ bụng, dạo trước mà tôi chẻ hoe với bác sự thật về cái hôm chạy mật thám Nhật ở làng thì tôi đã rảnh thân. Nhưng tôi đã trù trù, rồi tôi câm miệng hến. Tôi nghĩ giật lùi thì nó lại cứ xưng xưng ra thế này rồi tôi đâm ra quên cả tôi.

Tôi chỉ còn hăng máu lúc tôi một mình. Thặng thì thảo :

- Bây giờ xin chú chứng nhận cho tôi, chỉ có chú mới chứng nhận được cho tôi.

Tôi không dám làm chứng không phải vì tôi biết Thạm không hoạt động và tôi dám lật tẩy Thạm. Mà tại chỉ vì tôi biết thể thức chứng nhận hoạt động cách mạng phải có hai người cùng hoạt động ở thời kỳ ấy ký vào làm chứng thì mới bảo đảm giá trị. Biết thế, nhưng tôi lại chỉ lờ mờ hoãn binh. Để tôi nghiên cứu các văn bản thể nào rồi tôi nói lại với bác.

- Cần lắm, chú cố gắng cho. Chả là có bạn tôi đương làm tổ chức trên huyện uỷ, cả trên tỉnh uỷ.

Tôi cũng đớp mấy chén rồi, tôi lại đương hăng :

- Tôi đã bảo mà. Bác vô tư đi.

Tuần sau, bác Thạm lại xuống. Tôi lo, nhưng lo thế nào thì cái câu trả lời cũng phải có, mà tôi không còn lối nào để huênh hoang được.

Tôi thở khurót một cái :

- Em chẳng có cách nào giúp được bác.

- Sao thế ?

- Luật đã ra là phải có hai người cùng hoạt động, cùng ký chứng nhận, một người không ăn thua.

Nói được thế rồi, tôi được đà, tôi chửi vu vơ :

- Bây giờ lắm người chữa lý lịch, khai man, xoay xoã gian dối lắm.

Tôi trông thấy bác Thận nhăn nheo, rúm lại, bàn tay run bần bật. Thế là tôi mất hứng lại sinh ra động lòng và thương bác Thận. Có thể giá lúc ấy có ai ký cho bác Thận thì tôi cũng cầm bút ngoảnh một cái theo cũng nên. Bác Thận thần thờ một hơi như người nhả khói thuốc lào.

- Thế là tôi tay không, tôi công cốc. Chú bảo tôi làm thế nào ? Tôi chỉ còn biết một câu nói lại lơ mờ :

- Tôi đã báo cáo cả với bác rồi.

Thận ngồi thờ một lúc, rồi như nhớ ra :

- Bây giờ chỉ làm thế nào mà gặp được cán bộ Bản thì mới xong được. Có phải không chú ? Tôi lặng yên.

Thật ra tôi đã gặp Bản. Nhưng lúc này tôi đâm ngại, không muốn vẽ chuyện mà sinh sự vợ vào mình làm gì, cái thằng tôi cả nể.

Chuyện tôi gặp lại Bản cũng là tình cờ. Lần ấy tôi sang ô Cách, ngồi nghỉ chán uống bát nước chè tươi ven đường... Tôi trông thấy đi qua ngoài kia một ông lão dường cũng chưa già mấy nhưng lưng đã còng, bộ quần áo và cái mũ bộ đội đã xám xịt. Ông xách bốn cái lồng chim gáy. Trời hơi lạnh, mỗi lồng phủ vuông lụa điều như các cụ ngày trước chơi chim gáy hay bọc cái lồng quả vả vào mùa rét như thế. Cái ông gánh bốn chiếc lồng chim gáy đã là lạ, nhưng với tôi càng thật ngạc nhiên, bỗng nhiên mà bồi hồi.

Tôi nhớ chim gáy ở miền Nam thì bay rợp trời, nhiều vô kể. Cái ông lão quẩy chim đang đi ven sông Đuống này chẳng khác những bác già sành điệu gác cu đương thần thơ mà mãi miết chăm chú lợi ruộng qua các cánh đồng liền bờ ở Vĩnh Long, ở Bạc Liêu. Không phải các tay chơi này bấy cu, gác cu đem bán chợ, đem nướng chả. Không, các lão này gác phải con cu dỏ thì thả ra, thì ném xuống sông, được con cu tướng mạo hay, mỏ nhọn đuôi thon, gáy như hát thì nuôi luyện thành cu mỗi - có những con cu mỗi đã ở cả đời với người gác cu, trường thọ đến ngoài năm mươi năm.

Ông lão gác cu, cái tai lúc nào cũng khoái tiếng cu cao thấp, giọng đồng giọng chuông, giọng thổ lại mê man nhìn hai con vờn nhau trước cửa cụp, trên đồng

mênh mông cánh cò, hai chân bước giữa trời đất giữa đồng không, chỉ tràn đầy tiếng cu gáy. Những cái điều còn làm tôi đến ngân ngơ cả người. Ấy là ô hay trông cái ông lão gánh bốn lồng chim gáy ở quãng đường này sao giống cán bộ Bản thể. Đã đành ngày ấy Bản, khỏe mạnh, tầm thước, nhanh nhẹn, không gầy còm thế này, nhưng mà cứ hao hao. Đến lúc ông gánh chim ngược mặt bước lên tam quan đình cạnh gốc đa, thì dẫu cho đã bao nhiêu năm cách xa rồi, tôi vẫn trông ra ra anh Bản thuở ấy.

Tôi bước đến, chấp tay :

- Chào ông. Ông đi chơi.

- Chào ông.

Ông già cười đáp :

- Người đi chơi thì cũng cho chim được đi dạo không khí chứ. Thê mới công bằng, có phải không ?

Tôi rụt rè :

- Xin lỗi ông, tôi hỏi điều này khí không phải, ông có phải là cán bộ Bản cái hồi Việt minh không ?

Ông nhìn tận mặt tôi, rồi giơ bàn tay gồ ghề, xương xẩu nắm vai tôi, lắc lắc :

- À anh... anh... - Rồi ông ôm chầm lấy tôi - Nhớ rồi, nhớ cái hôm chạy Nhật... Nhớ rồi...

Thế là anh Bản với tôi ngồi chuyện suốt cả trưa sang chiều bên hốc cây đa. Vậy là anh đi Nam tiến rồi ở lại chiến trường miền Nam cho đến khi đất nước thống nhất.

Nửa đời người chiến trường khi thì ở chủ lực, khi sang địa phương quân là cán bộ tổ chức du kích huyện là bộ đội tỉnh. Giải phóng rồi, trở về miền Bắc và giải ngũ. Ở ô Cách. Vùng đây cũng chẳng phải quê anh mà chỉ là nơi có khi đóng quân lâu từ ngày trước khi đi Nam tiến. Ông đại tá về xin làng đất làm nhà, rồi ở đây như quê. Anh Bản nài tôi đến nhà anh chơi ngay hôm ấy ở mấy hôm cũng được, nhưng tôi hẹn khi khác. Thế rồi nán nã lâu lâu dăm ra ngại. Đã mấy lần định đi rồi lại thôi.

Ấy thế nhưng rồi việc lại chẳng dừng. Bác Thâm lại về chơi. Đã thành lệ, xe của bác thế nào cũng đeo cái bọc, cái gói. Lần này bọc lá chuối tươi to lù lù. Mở ra thì là mấy gói quà, quà rẻ thôi nhưng không phải mấy khi đã dễ kiếm mà bác vùi tôi là dân ưa nhấm nháp với đôi ba chén. Ấy là gói bún lá, hai chục cái đậu phụ nghệ nướng. Bây giờ chỉ có mấy nơi chợ búa quê xa mới còn bán cái món lôm lam ngày xưa này. Đậu phụ nghệ vàng

nướng để nguội uống rượu chấm với muối, cắn ớt cả quả.

Và thế nào bác Thập cũng có chuyện mới, chẳng khi nào không. Bác Thập thườn mặt ra một lát, rồi thì thào như thờ ơ nói một mình :

- Tôi vận rập quá. Có đưa tố cáo tôi khai man lý lịch, tôi không phải đảng viên. Chúng nó đòi đầu tôi.

Quả là việc nghiêm trọng. Tôi hỏi :

- Thế thì bác thấy thế nào ?

Bác Thập quắc mắt, quát :

- Chú lại hỏi anh thế nào ? Chú cũng nghi anh à ?

Tôi nhẹ nhàng :

- Là em hỏi bác đã giải quyết như thế nào ấy mà. Bác Thập xắn một bên tay áo, sừng sộ.

- Tôi phải cho chúng nó biết tay. Tôi phải giết, giết hết.

Nghe bác Thập nói tròng trợn thế mà trong bụng tôi lại êm ả. Thật tình, cả tôi cũng ý ngờ bác chứ chẳng phải ai. Bác vào đảng khi nào mới được chứ ? Thiên hạ

bây giờ cơ man người man trá, tôi chẳng tin mấy ông tự nhận, lại có cả người chứng nhận nữa, đã «tham gia» từ năm tuổi mười ba mười bốn, bây giờ là cán bộ tiền khởi nghĩa, là cán bộ lão thành. Những năm ấy nước ta chưa có cơ quan lưu trữ, chưa có nghề lưu trữ. Cái năm tôi hay anh chuyển công tác, thường chỉ là cầm lý lịch đem về nộp cơ quan mới. Thì tội gì mà tôi chẳng mở ra xem, chẳng chữa, chẳng thêm bớt. Ở chỗ khai sinh, tôi chữa chữ số 0 sang số 8, ở mục khác thì khéo thu xếp cho khớp, kéo thêm 8 năm hay 18 năm mới đến tuổi hưu. Ngon ơ. Ấy là tôi còn ngu ngơ, chứ ma mãnh như bây giờ người ta còn vá lắp được khối chỗ, tôi còn giật được mấy cái bằng trình độ chính trị trung cấp cao cấp và bằng các thứ chuyên môn nghiệp vụ nữa chứ chẳng chơi. Tôi ấy chứ không phải ai, kể gì bác Thạm.

Nghĩ thế tự dung tôi lại đâm ra thương cho thân phận bác Thạm. Cả đời loay hoay vừa bóc phét lại vừa dối trá, mà cũng là người làm ăn tử tế mình nai lưng ra xoay xở lấy miếng cơm manh áo chỉ có cái là cứ lúc nào cũng muốn cao cao thì bây giờ lại ngã ngựa ra, thế cũng là khôn khổ thôi.

Tôi thương bác Thạm thật, bác chưa được là cái đỉnh, khối đũa còn táng tận, còn muối mặt gắp vụn bác. Bác Thạm ơi, bác Thạm, tôi thương bác.

Tôi gật gù bật nói :

- Bác ạ, tôi đã gặp cán bộ Bản, ừ cán bộ Bản tôi đã gặp.

Bác Thạm đề rơi bịch cái chén không xuống chiếu, trợn tròn mắt, kêu :

- Ôi giờ ôi ?

Rồi hét :

- Thế thì phen này chúng mày chết rồi.

Tôi không đề ý con giận dữ sung sướng đến phát rồ của bác Thạm. Tôi nói thông thả những việc sắp làm :

- Tôi đưa anh đến chơi nhà cán bộ Bản. Chắc là bác ấy mừng lắm, bác ấy đã có hẹn tôi mà. Bác ấy và tôi sẽ viết giấy xác nhận cho anh. Tôi đã nói phải có hai người cùng hoạt động chứng nhận cho lý lịch cho thành tích.

Ngồi giữa chiếu rượ mà bác Thạm cứ thở hồn hên như người đương chạy cật lực. Còn tôi trong lúc rượ vào, tôi thấy tôi đương thông cảm với anh em, tôi vẫn được, tôi chẳng mất gì. Phiên chợ sau, bác Thạm xuống nhà tôi. Đằng sau xe chằng thùng đay một cái lọ, trong có đôi gà trống tơ, một buộc chè Thái, bọc cái lá gồi, lại một quả mít chín cây vừa mở mắt vàng hây.

Nhưng mà cái hôm tôi bốc đồng muốn đưa ngay bác Thăm đến nhà cán bộ Bản, lúc ngủ dậy lại tần ngần không còn hăng như đang khi ở trong chén rượu. Đến lúc trông thấy bác Thăm xăm xăm đi vào thì tôi nhụt hẳn chẳng còn được như hôm trước nữa. Thế là cái va miệng đã đưa việc đến đấy rồi, không lui đi đâu được.

Bác Thăm đẩy cả cái xe đạp thồ lĩnh kính như thế đi với tôi dật dờ sang ô Cách. Đến quán bà bán nước chè tươi hôm trước, rẽ vào làm bát nước nhân tiện hỏi thăm đường.

Bà hàng như nhận ra người quen, lại nghe hỏi thế, mặt bà tươi tỉnh hẳn lên. Bà giờ cái gáo, chỉ ngay :

- Cái ông vẫn gánh lồng chim đi chơi phải không ? Hai bác sang qua bờ ao đình rồi vào xóm hỏi nhà ông đại Gáy thì trẻ con lên ba cũng biết. Rồi lại biết thoát đầu người làng chào hỏi ông là đại tá chim gáy, sau rồi thân hơn thì đâm nhờn, bây giờ quen gọi tắt là ông đại Gáy. Ông đại Gáy chỉ móm mém cười đùa lại : «Đứa nào rủ được ả ấy ả ấy về ở với ông đại Gáy thì hay đấy». Đàn bà con gái ô Cách cũng chẳng vừa, còn nói lờn nhả hơn mà chắc bà hàng nước này cũng được một mũi. Bà kêu : «Giời ơi là trời, đứa nào đến ở nhà ông để nghe chim ông gáy cả đêm thì còn ngủ nghê lúc nào nữa».

Nhà ông đại Gáy không ở ngay xóm Đình nhưng quả là ai cũng biết. Trẻ con ríu rít hội nhau chạy theo dẫn đường chúng tôi.

Nếp nhà một gian hai chái mái lá cọ, mặt ao bên kia vườn tha bè củ ấu lẫn rau muống. Lối cổng vào đầu ngõ kê rải rác những hòn đá tảng mặt phẳng vừa bước, phòng những hôm mưa ngập. Hai bên giàn thiên lý và kim ngân treo chim gáy, có đến hàng mấy chục, hàng trăm lồng quả và không đếm hết được. Mỗi khi người đi qua, những con chim gáy ríu rít cong cổ dặng chân cúi đầu cất tiếng gáy. Như những chiếc đồng hồ quả lắc, cứ đúng giờ thì nhả chuông liên liên. Ái chà chà, tiếng đồn thật không ngoa về ông đại tá chim gáy, ông vua chim gáy.

Trong nhà, bàn khách ẩm chén tinh tươm, sạch bóng nhưng ngăn nắp, gọn ghẽ quá mà lạnh lạnh : có thể đoán được nhà người i có tuổi ở một mình với vùng trời và mặt đất toàn chim gáy.

Ông đại tá đương rửa cái cốc, rồi ông từ cầu ao bước lên sân. Cả trăm con chim từ ngoài đầu ngõ vào hai lên vườn lại nhao nhao gáy rập rờn...

Trông thấy, ông đại tá nhận ra tôi ngay reo to :

- Ô mày ! Tao đợi mày mãi !

Rồi ông đại tá nhìn bác Thập. Ông đại tá bỗng mở chùng mắt, dựng ngược ca lông mi, lông mày :

- Nam, thằng Nam ? Ồi giờ ời, thằng Nam !

Ông đại tá nắm hai vai Thập lắc lắc, hai hàng nước mắt đổ lã chã. Ông nói đứt quãng không la đầu không ra đuôi :

- Mày chết rồi kia mà. Chỉ có một mình tao nhảy ra khỏi hầm được. Ồi giờ ời, tao thấp nhang cho mày kia. Có phải thằng Nam ? Thằng Nam : mày là con ma hay mày là thằng Nam ?

Rồi ông lập cập kéo chúng tôi sang bên vườn. Trong giữa luống đất có một bụi gừng và một cây bằng lăng rợp bóng đang ra hoa tím tùng đám như cây rừng miền Đông trong kia. Bên gốc bằng lăng là một cây hương cao ngang mặt. Một cái lư hương đắp hình con chim gáy đồ sộ, trên lưng con chim khoét thành cái đỉnh thấp hương. Hai bên dựng hai hàng bia đá nho nhỏ. Ông đại tá nói :

- Bao nhiêu năm, đánh bao nhiêu trận, tao nhớ được thằng nào hy sinh thì tao khắc tên vào bia đặt lên cây, anh em thờ nhau ở đây. Chiều nào tao cũng thấp hương

thỉnh một hồi chuông chiêu hồn chúng nó.

Ông đại tá đánh diêm châm một nén hương cắm vào hình lưng con chim cu chi chít chân phượng. Ông nhắc một tấm bia. Trên mặt bia khắc dọc dài những hàng tên người. Nước mắt ông đại tá nhỏ cả xuống mặt bia ông miết ngón tay cái chùi vào hàng chữ khắc : Liệt sĩ Nguyễn Văn Nam hy sinh ngày... ấp Sóc Đồn, xã Hùng Hội...

- Tên mày. Tên mày đây... Anh em nào mà tao nhớ được, tao khắc vào.

Rồi đột nhiên ông đại tá cười to, cười sảng sặc như người lên cơn. Ông vừa cười, vừa khóc :

- Nam ơi. Mày ! Mà thật còn sống à ? Thế mà tao cứ tưởng mày đây kia mà, làm sao mà mày sống được ?

Ông đại tá tức tốc rồi rít la lệnh :

- Chúng mày với tao dồn mấy con gà đặng chuồng, bắt mấy con cũng được. Chúng mày làm gà. Tao buộc cái chũm, xuống ao kéo mấy con cá. Ở đây, ở đây mấy hôm... ở với tao vài tháng, ở mãi cũng được. Mày kể cho tao nghe hết, nghe hết từ trong hầm ở ấp Sóc Đồn, nó thả lựu đạn xuống, rõ ràng mày chết rồi mà mày lại về được tận đây là ra làm sao ?

Bác Thận mặt tái ngoét, run lẩy bẩy :

- Cho tôi ra... mua thuốc...

Tôi hỏi :

- Bác mua thuốc gì, tôi đi cho.

Bác Thận lắp bắp : «Không, không», rồi bác Thận lật đật lom khom chạy ra chỗ để xe đạp. Cân chè, quả mít và đôi gà vẫn buộc sau xe. Bác Thận dùng dùng lôi cả cái xe ra cổng. Ông đại Gáy giật giọng hỏi tôi :

- Nó đi đâu thế ?

Tôi nói :

- Nó lên cơn động kinh ấy mà.

Tôi lúng túng không nói hết câu. Ông đại tá cau mặt, buồn hẩn, rồi trầm ngâm :

- Thằng này đã nhiều phen hụt chết lắm rồi, tôi biết, tôi đã chứng kiến. Cái dạng thần kinh này không bao giờ lành được. Có khi còn điên nữa. Anh chạy theo xem nó mua thuốc gì mua cho nó. Hay là đỡ nó, đưa nó vào Trâu Quỳ. Đây gần bệnh viện Trâu Quỳ, người ta có thuốc chuyên trị thần kinh.

Tôi lúng túng chưa biết nên thế nào, ông đại tá lại gọi tôi :

- Anh không đi một mình được. Tôi phải đi với anh ra giúp nó mới được.

Tôi vội can :

- Anh mặc tôi, tôi thuộc bệnh nó rồi. Anh cứ ở nhà, còn thịt gà, còn chũm cá chứ.

Ông đại Gáy nghe tôi, vác cái chũm xuống ao. Bác Thạm mất hút từ hôm ấy. Cũng không lai vãng xuống nhà tôi nữa. Còn tôi cũng lẩn thẩn, đâm ra ngày một nhát như con cáy. Cả đầu hôm ngồi bó gối, nghe tiếng ô tô chạy trong phố ra qua đầu nhà hay có khi chỉ một tiếng ai gọi cũng hốt hoảng giật mình. Không biết tại sao.

Nguồn : Cái áo tế (Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Cần Những Hương Ước Đời Nay

Cuộc vận động nếp sống văn minh gia đình văn hoá ở khu dân cư không sôi động như năm trước. Người lạc quan thì nhận xét cuộc đấu tranh đã phát triển xuống tận cơ sở. Người uể oải thì chép miệng : có cóc khô gì đâu, đánh trống trên trời xong rồi.

Tôi không có họ với mấy ông uể oải. Nhưng tôi lúc nào cũng thấy băn khoăn, cũng thấy là khó. Lấy hai việc cưới và đám ma ra mà bàn. Xem ra về bề mặt sự hưởng ứng chưa được đều, ở phố có đôi chút nhúc nhích, ở làng thì chưa mấy, còn nhiều lơ lửng lắm.

Ở phố, đám cưới ít ăn ở nhà, người ta đặt ở nhà hàng,бет ra cũng vài chục mâm. Hoang phí và hủ tục này có cơ lại rầm rộ lên. Giá có báo nào cử phóng viên kinh tế xã hội đi điều tra các khách sạn, nhà hàng trong thành phố xem một tháng họ đã làm bao nhiêu cỗ cưới, chừng nào bàn, bàn loại tiền nào. Thiết tưởng cũng là những con số hời hợt có ý nghĩa chê trách người rò tiền góp phần xây dựng nếp sống mới đấy.

Lại nói về đám hiếu. Cũng như việc hỉ, đạo đương cuộc vận động, cũng khá nề nếp. Đưa đám rồi ai về nhà nấy. Đến cúng 50 ngày hoặc 100 ngày thì tùy nhà,

không phải là lệ trả nợ miệng, gia chủ làm cơm cúng làm vài ba mâm mời họ hàng, bà con, bạn bè.

Bây giờ lại tràn lan và nhiều khô. Ở phố, ở khu tập thể còn giản dị, bởi lẽ dễ hiểu : không mấy ai quen biết và họ hàng đông như ở các phường có làng cũ.

Nhiều đám ăn uống, đánh tổ tôm từ hôm linh cữu còn ở trong nhà. Rồi thì kèn trống, lại cát xết mở băng khóc than, băng tụng niệm hát chầu văn suốt đêm cả xóm phải nghe.

Ấy là chưa kể những hủ tục được cho sống lại mà không ai dám gàn quải, bởi «nghĩa tử là nghĩa tận», nào xem ngày giờ đào huyệt, hạ huyệt, chuyển cữu rồi bùa chú dán yểm mọi nơi, rồi vàng giấy, cả tiền thật rắc dọc đường đưa đám. Nhiều năm đã bỏ được cái nhà táng, bây giờ lại thấy nhà táng con con che trên quan tài, rồi cái nhà táng trang kim vàng mã sẽ to, to hơn ngày xưa, có thể thế. Hủ tục đương sống lại. Ma chay hay cưới xin, nhà có thì mượn có mà khoe dõm, nhà nghèo thì méo mặt. Lại nảy ra cái thói tính lỗ lã trong việc hiếu hỷ. Có nhiều địa phương đã có phong trào và bình bầu làng văn hoá. Nhưng bền bỉ làm đến đâu đến đấy để thành nếp thành thói quen, thành phong tục mới thì vẫn còn là khó. Câu tục ngữ nghìn đời «phép vua thua lệ làng» hiểu theo nghĩa tích cực của nó là cái lệ làng được

quy định thiết thân ấy là những tín điều người ta bảo vệ, người ta thực hiện hàng ngày.

Ở phường, ở xã, ở tổ bây giờ phải có lệ làng kiêu mới. tinh thần mới. Gọi là phường ước, xã ước hay là những điều tự nguyện quy định về nề nếp văn hoá ở xã, ở thôn, ở tổ.

Từ quy định chung đến cụ thể là hai công tác nối tiếp nhau. Cũng như những phường có các phố, có khu tập thể và ở thôn xóm cũ thì chi tiết và đặc điểm càng khác nhau. Thành phố theo địa giới hành chính. nội thành có quận rồi phường, phường rồi các tổ dân phố. Ở ngoại thành có huyện, các thị trấn rồi xã với các thôn.

Ngày nay thành phố càng mở rộng. Nhiều xã các huyện đã nhập vào nội thành, thành phường, thành tổ dân phố.

Nhà nghiên cứu dân tộc học người Pháp Papin, tác giả cuốn Lịch sử thành phố Hà nội (nhà xuất bản Fayard, Paris 2000) trong tập nghiên cứu có một câu rất đáng chú ý.

Nhận xét về làng Đại Yên phường Ngọc Hà quận Ba Đình ông viết : Làng Đại Yên có một ngôi nhà rất đẹp nằm trên một khoảng sân rộng, nhắc cho ta nhắc cho ta

nhớ rằng Đại Yên là một ngôi làng trong thành phố.

Những con số cụ thể có thể dễ dàng hình dung được vấn đề trên. Nội thành Hà Nội có 7 quận :

1. Quận Hoàn Kiếm 18 phường, 17 phường là phố cổ, phố cũ đời xưa. Phường Phúc Tân dưới bãi sông Hồng mới có người đến ở thành phố trong ngoài 50 năm nay.

2. Quận Hai Bà Trưng 22 phường. 10 phường trước 1954 là làng xã ngoại thành.

3. Quận Ba Đình 12 phường. 4 phường trước 1954 là làng xã ngoại thành. Phường Phúc Xá dưới bãi sông Hồng trước kia là bãi cát và cánh đồng mới có người ở thành phố trong ngoài 50 năm nay.

4. Quận Đống Đa 21 phường. 6 phường trước 1954 là làng xã ngoại thành.

5. Quận Thanh Xuân 11 phường. Cả 11 phường trước 1954 là làng xã ngoại thành.

6. quận Tây Hồ 8 phường, 8 phường trước 1954 là làng xã ngoại thành.

7- Quận Cầu Giấy 7 phường. 6 phường trước 1954 là làng xã ngoại thành. Phường Nghĩa Tân trước kia là cánh đồng bây giờ là các hộ ở nhà tập thể.

Các nhà tập thể sinh hoạt như mọi phường ở trung tâm, như quận Hoàn Kiếm.

Ở cùng phố, chỉ có dịp gặp nhau trong cuộc họp tổ. Các làng họp lại thành phường thì không như thế. Dẫu cho bấy lâu nay nhiều người ở phố ra ven nội tậu đất làm nhà và có nhà máy, trường học cơ quan xây dựng chen vào, nhưng các làng xóm phần đông vẫn là bà con, họ hàng đã ở với nhau lâu đời. Cho đến bây giờ, mọi cái tết trong năm vẫn giữ được - nhất là ở các nhà còn các cụ trong ngoài 60 tuổi Từ tết «giết sâu bọ mừng 5 tháng 5» đến tết «cơm mới mừng 10 tháng 10». Có thịt con gà, thổi chỗ xôi, thật ra phong tục ấy cũng đi đôi với thói quen cũ quanh năm thường ngày ăn uống tán tiện «chứ chúng em ở trong làng đâu được như các bác ở ngoài phố thứ bảy lại có bữa ăn tươi».

Bây giờ tôi vẫn hàng năm về làng ăn giỗ tổ họ. Tục lệ cũ - có điều tiếp tục nên phát huy, có những cái phải xoá bỏ, trong sự chuyển động ấy rất dễ phát sinh lẫn lộn, như đã thấy bấy lâu nay về ma chay và cưới xin.

Một cái lệ làng kiêu mới thật cần thiết. Ngày trước, không phải làng nào cũng có hương ước, mà làng có làng không. Cái quy củ, trật tự của hương ước thì không có danh giới, thấy hay thì người ta bắt chước, người ta tự nguyện làm theo.

Cây Cổ Thụ Và Vườn Hoa

Xưa kia ở vùng tôi có nhiều cây cổ thụ không ai biết tuổi không đoán được tuổi bởi ai cũng thấy nó từ bao giờ. Như cây đề ở cạnh chợ, khi tôi còn bé u tôi thường dắt tôi lên ngồi ăn ở hàng gánh đa ước cạnh gốc người Kẻ Cót, ngày ấy cây đã cao lưng trời - trẻ con ngước mắt lên nhìn đã khiếp, bây giờ cây đề vẫn cao vẫn rườm rà thế.

Cây gạo ở ngã ba cuối làng rẽ ra cánh đồng đã biến mất từ bao giờ không biết. Nghe nói cái bột Tây ở ngoài đồng đã vào chặt để quang mắt cho đại liên nó lia được lên tận bờ đề chặn du kích ở bên kia sông kéo sang. Tôi cũng chẳng ngần ngại ra sao về nỗi không còn cây gạo. Bởi «thần cây đa, ma cây gạo» đã làm cho tôi sợ sấn huống chi chỗ ngã ba gốc gạo ấy lại là nơi mỗi khi làng có đám ma, nhà táng được khiêng đến đây thì người ta lại gõ một hồi sinh cho đô tùy nghỉ vai chỗ này là cái độ dừng lại sau cùng của chỗ xác chết hồn người còn ở trên mặt đất, các tay đô tùy uống chén rượu, ăn miếng trầu xong tiếng sinh lại cất lên, các tay đô lại ra đứng vào nâng đòn nhà táng lên vai đi chặng đường cuối ra đến huyệt. Những cái ý nghĩ vẩn vơ con ma, cái hồn, người chết, đám ma đã làm cho trẻ con sợ từ thừa bé.

Vẫn còn cây đa đầu làng, thật ra là hai cây đa, hai cây đa vắt rễ sang nhau như người khoác vai. Mùa hạ tới, con yểng, con vàng anh về chui vào trong lá mổ những quả đa chín vàng hây. Bây giờ cây đa vẫn còn, có lẽ vì câu «thần cây đa» nên không ai dám đụng đến. Và đến mùa, quả đa chín vàng ối rồi mà chẳng thấy con yểng, con chim vàng anh về. Chỉ thỉnh thoảng có mấy con chào mào lảng vảng qua.

Ba cây muỗm đại thụ trên quán chỉ còn một. Hai cụ muỗm kia cũng là chết oan. Đội cải cách bàn vấn đề về trường học. Mấy năm Tây đóng không cho làm trường học, bây giờ ai cũng sốt sắng, nhưng đóng tiền học cho trẻ con thì được, còn làm trường thì tiền đâu ra. Một cán bộ đội phát biểu hăng hái : «Cái cây là phong kiến không nên để mai kia làng nào cũng có điện, đất nước điện khí hoá rồi cái cây bóng cây này mát thế nào được bằng quạt điện chạy vù vù. Thế là hai cây muỗm bị hạ xuống, vừa bán gỗ bán củi để mua gạch ngói, vừa xẻ ra làm bàn ghế cho lớp học.

Chỉ còn trơ trọi một cây, không biết cái cây lo nghĩ gì mà cũng phờ phạc. Những cây cổ thụ mất đi, chẳng thêm được cây bóng mát nào nữa. Có một cây bóng mát không phải dễ. Người trong làng cũng đi trồng cây vào dịp tết, một phong tục hay.

Nhưng người ta chỉ chú trọng đến cái có ăn liền và lấy thành tích. Cây điền thanh lấy lá bón ruộng, cây sa mộc, cây xà cừ lấy củ đun.

Các cụ ngày xưa đã bao đời trồng cây cho mai sau lấy bóng mát. Các cụ trồng những cây đa, cây đề cây muỗm. Quanh hồ Hoàn Kiếm nhiều cây cổ thụ được trồng từ đời xưa như thế. Mười năm nay đã có những cây đã chết. Một cây đa lông chỗ cổng nhà máy đèn trông sang. Một cây sanh đứng chết khô khuất trong lòng hồ. Và một cây gạo ở lối đi vào cầu Thê Húc chết bệnh già.

Cây gạo ấy ở chỗ nhiều người qua lại, mỗi năm đến mùa hoa nở đỏ ối, thành phố đã trồng vào đây một cây gạo mới, đánh từ huyện Thanh Oai đem ra. Cây gạo mới đẹp mơn mớn, nhưng cho đến lúc cây có bóng mát, cây có hoa thì phải tính từ vài chục năm trở ra mới lên hoa lên quả được. Trên thế giới, nhiều nơi có những hội Xanh «bảo vệ môi trường», thành phố Bắc Kinh có cơ quan phụ trách cây và công viên, mỗi cây có lý lịch và bệnh lịch từng cây cổ thụ. Hà Nội vẫn còn nhiều cây cổ thụ, đến bao giờ Hà Nội mới trông nom, giữ gìn những đồ cổ sống này ?

Lại nói về vườn hoa. Trong Nam ngoài Bắc, nhiều cơ quan, các nhà máy, khu công nghiệp đã xây dựng khung trang, xung quanh bao bọc những công viên : có những hàng cây, những luống hoa được cắt tỉa gọn gàng. Có cây xén cầu kỳ như những mâm xôi, như con hươu, như cái búa cái liềm. Đây là cây và hoa trồng trang trí ở những nơi công cộng theo kiểu công viên Pháp. Thời xưa, các cụ ta ở nhà chỉ chơi cây và hoa trong vườn, đến khi Pháp đô hộ ta mới có công viên ngoài đường phố. Vườn hoa kiểu Pháp, các vòm cây đều xén tròn, xén vuông kỳ quặc. Ở thủ đô Addis Ababa nước Ethiopia bên Đông Phi có hàng cây hai bên đường đều cắt vuông trông lên như con đường lợp mái xanh.

Trên thế giới có một số vườn hoa được bắt chước vườn hoa Pháp gọn ghẽ cắt tỉa và những luống hoa màu rực rỡ. Vườn hoa kiểu Anh như thiên nhiên cây cỏ hoa lá bao phủ tràn lan. Vườn hoa Nhật có suối chảy, có cầu tre, có hòn đá tảng làm ghế ngồi bên bụi trúc và cây liễu hoa đỏ.

Ta cũng có vườn hoa kiểu Việt Nam. Tiếc rằng chưa bao giờ người ta bàn bạc và chỉnh đốn cho ra nếp truyền thống và chưa có cơ hội thành công viên quốc tế một kiểu vườn hoa Việt Nam. Đã bao đời tổ tiên ta chơi cây cảnh và vườn hoa. Vườn cảnh của ta. Ở mỗi nhà hay ở

đình ở chùa bao giờ hoa lá cũng đi đôi với màu và mùi, màu hoa và mùi hoa, màu đi đôi với mùi. Vườn nhiều màu đẹp của hoa hồng hoa sen, hoa ngâu, hoa lý, hoa móng rồng, hoa nhài hoa mộc và lan chầu, lan treo ngọc lan, những loại hoa này đều toả mùi hương, những khi tĩnh mịch hay trong đêm khuya hương hoa đưa càng ngát, càng dậy mùi.

Các tay chơi cây cảnh của ta cũng có nét riêng, lối riêng. Đặt một cây giả cổ thụ trên hòn non bộ tí hon, cây cũng bé bỏng bên cầu, như ở cửa đình, cổng chùa đây là những cây lộc vùng, cây si, cây sanh già lão lắm. Nên nhớ điều nghề nghiệp mà các cụ uốn cây, gò cây cảnh mà không cắt cành, không xén cành như những cái cây làm thành hình con nai, con voi ở các công viên Bờ Hồ, công viên Thống Nhất hiện nay. Cho rằng cắt xén như thế làm cho đau cây.

Tôi đã nhiều lần vào Quán Gió chuyện chơi với những người công nhân săn sóc cây và hoa bên hồ Bảy Mẫu. Những cây ngâu, cây hoa giấy ở đây được uốn thành những con hươu, con chim phượng hoàng rất khéo. Những công nhân sở ươm cây bây giờ hầu hết đều là cháu chắt các cụ ở Ngọc Hà ngày trước thời Tây cũng làm nghề này ở sở «La Pho», bây giờ là Sở ươm cây hay là Công ty cây xanh. Sở này làm việc

ươm cây trồng cây trồng hoa các công sở, các công viên các đường phố. Đến nay, những công việc ấy vẫn tiếp tục công nhân trồng cây làm vườn ở đây hầu như cha truyền con nối. Các ông thợ cây này cũng đều cho rằng cái vườn cảnh của các cụ ta truyền lại có cây thì có hoa, mà hoa thơm. Ở ngay chỗ bờ hồ Bảy Mẫu, các ông thợ đã làm như để chơi một giàn hoa thiên lý.

Bốn cột vầu to trên đan nan tre cật, không chằng dây thép, sợ mùa hè nắng to héo lá. Những dây thiên lý leo lên xanh thẫm một góc bờ hồ, những chùm hoa vàng rươi, phảng phất mùi hương thoảng rất xa. Biết thế, nhưng không làm thế. Ngày ngày vẫn đi cắt cành, xén lá và trông những bồn hoa có màu nhưng không có mùi hương.

Một ông lão, tuổi về hưu đã lâu, vẫn làm hợp đồng cho công ty ông lão đã đi theo bố vào làm sở «La Pho» từ thời trước.

Ông lão nói :

- Những hoa này đều hoa Tây cả, tên Tây khó gọi, chúng tôi mới đặt tên theo hình dáng là cây lá đóm, cây lá đuôi lươn, cây hoa đồng tiền, hoa loa kèn, hoa giấy, hoa mồm chó... Những hoa Tây này chúng tôi đã trồng cả đời, bây giờ các anh các chị đi học trồng hoa bên Tây

về, cũng vẫn những hoa ấy mà thôi.

«Còn như hoa của ta có màu có mùi biết là đẹp đấy, cũng chịu. Có trồng giàn hoa lý kia cho vui một tí. Chứ bây giờ có được hoa đơn trắng đơn đỏ, hoa ngâu, hoa lý, hoa hồng ta, hoa tầm xuân, hoa sói, hoa nhài, hoa kim ngân, hoa móng rồng có mà đem ươm rồi trồng cả vạn cây ra các công viên thì lại phải có chủ trương, có kế hoạch, có tổ chức, có tiền chứ chẳng phải chỉ trồng vài ba cây, bồng dung mà có».

Chịu Không Đoán Được

Chiếc máy bay sáng hôm ấy từ Đà Nẵng vào thành phố Hồ Chí Minh.

Hai mươi sáu năm trước, hồi mới giải phóng, tôi cũng đi một chuyến Đà Nẵng - Sài Gòn thế này. Bảy giờ máy bay B6, bây giờ là 320 chỉ bay có 50 phút. Còn cái B6 năm ấy, khi lên trời, rên ục ục như cái xe bò bay. Nhiều khách ở Đà Nẵng ra sợ B6 đã bỏ vé. Tôi cũng đã thấy ở sân bay Nha Trang bảy giờ cũng tương tự như thế.

Tôi không nhớ cái máy bay ọc ạch năm xưa mà tôi nhớ một chuyện khác. Chuyến máy bay ấy có vợ chồng một anh y sĩ vào thăm bà con ở miền Nam. Anh ngồi ghế cạnh tôi, nhìn quanh rồi đứng dậy. Anh chỉ trỏ cất nghĩa cho vợ biết mọi thứ xung quanh. Cái túi để nôn, cái bật đèn đọc báo, cái công tắc quạt thông gió, rồi anh lại ra chỗ cô chiêu đãi viên ngồi, anh mó vào cái cửa thoát hiểm, lại giải thích. May sao, cô chiêu đãi viên đứng lên nói : Máy bay sắp cất cánh, mời quý khách về chỗ, cài dây an toàn.

Anh về chỗ. Nhưng anh không biết cài dây an toàn. Cô nhà tàu đã cài dây hộ hai vợ chồng. Tôi đã ngỡ anh ấy đã ngưng mất thở. Nhưng không, ông A. Q. cười

với tôi, nói :

- Người ta phải phục vụ mình hết ý chứ, có phải không đồng chí. Hơn hai mươi năm đã qua rồi.

Lần này, ngồi cạnh tôi trong khoang là một người hơi đứng tuổi, đội mũ phớt, giày da đen, thắt cà vạt hoa, gài giữa chiếc ghim vàng chói. Anh lên sau, tôi nhác trông chân anh đi vòng kiềng chữ bát. Lớp trẻ bây giờ không bị mẹ bế xóc nách, không ai đi chân vòng kiềng nữa. Anh này không phải là lớp người bây giờ. Tôi nghi ngờ ngay ý tứ và lễ phép của anh. Anh ngồi xuống, oải người ra vẻ tự nhiên rồi cầm tờ báo tôi vừa cầm ở ngoài quầy vào. Chẳng hỏi tôi một câu. Tôi nhắc khéo : «Báo tôi vừa lấy ngoài quầy». Anh không nói gì, mở báo chăm chăm đọc.

Lát sau, nhìn sang, tờ báo đã úp lên mặt, vừa rơi xuống. Nhưng rồi anh mở mắt, hỏi tôi :

- Bác đi Nhật bao giờ chưa ?

Tôi nhìn lại anh và không nói gì. Anh chép miệng :

- Nước Pháp, nước Nhật tôi đi tất tật rồi. Chán bỏ mẹ ? Một chốc, lại thấy anh nhắm mắt hờ hờ, ngáy khò khò.

Tôi không đoán được anh là cán bộ từ thời bao cấp nào, là kiều bào Tân Đảo hay là giám đốc công ty hữu hạn. Chỉ nghe giọng nói đa đá Nam Định.

Máy bay xuống Tân Sơn Nhất. Anh hỏi tôi :

- Bác về đâu ?

- Tôi xuống Vũng Tàu.

Anh nói :

- Hay đây. Bác đi ô tô hay tàu cánh ngầm ?

- Tôi đi tắc xi.

Anh lại nói to :

- Hay đây. Tôi cũng về Vũng Tàu.

Anh và tôi đã ngồi trong tắc xi. Anh bảo lái xe :

- Bật máy lạnh lên chứ ?

Lái xe lắc đầu :

- Không có.

Anh nhảy xuống. Không chào tôi, nhưng nói :

- Không có máy lạnh, không chịu được.

Lại ngất ngưỡng mũ phớt, cà vạt cài ghim vàng, chân đi vòng kiềng trên vỉ hè. Tôi vẫn chịu không đoán được anh ta là hạng người nào, thời nào.

Chơi Hoa

Các cụ ưa chơi hoa cây. Cây ngọc lan búp hoa trắng ngọt đến cuối xuân. Những cây ngâu cổ thụ hoa vườn, người chơi cảnh chỉ tía, ít chặt cành, bẻ cành, bởi thương cây tránh làm đau cây Vườn chùa ấy trồng cây mẫu đơn có hoa đẹp.

Còn nhớ tích xưa cô tiên Giáng Hương ngoài cửa bể Thần Phù vào chơi hội chùa và vô ý làm rơi bông mẫu đơn, bị tuần làng ngã vạ trói vào gốc cây, quan huyện Từ Thức phải cởi tấm áo lương làm tiền chuộc mới cứu được cô tiên. Cái hoa trên cành rơi mà quý, đến phải phạt nhiều thế ?

Có lần tôi thấy trên sân khấu diễn đến đoạn vua Quang Trung cùng đại quân vào giải phóng Thăng Long giữa tết Nguyên Đán. Nhà vua sai quân quan vác một cành đào hoả tốc ngày đêm vào kinh đô đem tin mừng thắng trận đến công chúa Ngọc Hân. Chỉ băn khoăn không biết ngày xưa có chặt cành đào mừng xuân như ta bây giờ không ?

Hình như không.

Người ta cũng ít chơi hoa bó - chỉ có mỗi hoa huệ thì bó từng giò, mà hoa ngắt từng đoá là hoa để cúng. Trên

bàn thờ tổ tiên và ở đền chùa, đĩa hoa cũng có mấy đoá hồng ta nhỏ nhỏ đôi ba cánh, có chùm hoa sói, hoa ngâu với lá trầu không gói hờ trong mảnh lá chuối tươi buộc lạt.

Thời người Pháp còn ở Hà Nội trên thành phố thường có người gánh hoa bán. Người gánh hoa ở làng Ngọc Hà còn có tên là trại Hàng Hoa - đất trồng hoa vùng 13 trại xưa ở kinh đô. Các nhà mua hoa cúng, có người đặt tiền trước ngày rằm mừng một sáng sớm cô hàng hoa đem đến treo gói hoa vào cái đỉnh trước cánh cửa. Các nhà người Tây thì mua hoa về để cắm bình. Hoa hồng, layon, hoa loa kèn, hoa đồng tiền, hoa mồm chó (người trồng hoa đặt các tên hoa theo tên gốc hoặc hình dáng, bởi đây là hoa Tây nhập nội).

Trong vườn hay trước giai bể nước trồng cây trà đỏ, cây trà bạch, cây đào bích, đào phải có khi hồng đậm, hồng nhạt, trắng tinh và bụi hoa mào gà đỏ choé. Người chơi lan chậu, địa lan. Sau này, lan rừng, phong lan treo đầu tường từng giò man mác hương bay.

Trên mặt đất, kiếp hoa và cây cảnh này cũng lưu lạc sông hồ chẳng ở yên lâu. Hãy xem lý lịch cây lục bình. Lục bình đến nước ta từ thế kỷ trước.

Đầu tiên có tên là sen Nhật Bản, cây cảnh hoa cảnh mới được chiều chuộng hết cỡ. Ngày ấy tưởng tượng một cái bát thủy tinh nước trong veo thả vào bát những cái phao trắng nõn, lá xanh mơn mớn, màu hoa tím tím ngấn ngơ, tao nhĩ biết bao. Nhưng rồi cái cây hoa ấy mọc nhanh quá - nhanh hơn ốc bươu vàng ? Mặt nước hồ Tây mênh mông, mới đây còn quang đãng, chỉ dăm hôm đã xanh om, những đám rễ bám dày đặc dưới mặt nước, cá mè cá chép ngạt thở chết cả. Xưa kia, nhà thầu cá hồ Tây phải thuê dọn quanh năm. Cái gì nhiều quá cũng đâm rẻ rúng, sen Nhật đã thành bèo tây để nuôi lợn. Nhưng đời cây húng lại khác. Cây húng gia vị rau xanh ta ăn với thịt chó, thịt vịt tiết canh, tên nôm na là cây húng chó, mà gọi kiểu cách là cây húng quế. Nhưng đi ra phương trời xa thì cây húng đòi đời ở Cuba và các nước Nam Mỹ mỗi cốc rượu cốc tay (cook-tail) phải thả một nhánh húng quế vào thì rượu uống chơi mới lên hương. Ở thủ đô Kabul nước Afghanistan, ở Addis Abeba nước Ethiopie, cả Trung Đông và Đông Phi, các công viên với những bồn hoa vòng tròn như mặt trăng đều trồng húng quế. Vẫn cái húng quế trở hoa tím tím li ti, dậy mùi thơm hắc mùi húng chó ở quê ta. Mới đây trên mặt trận Afganistan nhờ có cây húng quế hái được ở công viên mà món mỳ ăn liền của các phóng viên chiến tranh báo An Ninh thế giới từ Hà Nội tới có được

món rau thơm hợp khẩu vị.

Đến cây xương rồng lộn kiếp vào nước ta thì lại khác. Ở nước ta cây xương rồng làm hàng rào vườn. Xương rồng ông cắm quanh các giếng đất, ven góc mộ ở nghĩa trang. Xương rồng bà để rào ngõ, chắn vườn rau và tha gai ngăn ruộng mạ cho vịt khỏi rúc. Ở châu Phi, xương rồng như chai lọ vứt đi, như qua lê thối lăn lóc trên sa mạc.

Bây giờ ở châu Âu, xương rồng thành cây cảnh loang thấp nơi, lộn kiếp lần nữa đến Việt Nam, xương rồng không phải rào bờ rào, mà xương rồng ngồi trong chậu cảnh. Có hàng trăm, mấy trăm giống xương rồng kỳ lạ được nâng niu trong bát, trong cốc, trong chậu đặt giữa phòng khách, phòng ngủ và thư viện.

Gần đây, người ta hay chơi hoa giấy. (Phân biệt cây hoa giấy với hoa bằng giấy làm đề trang trí. Cây hoa giấy là một cây hoa người Pháp đem ở Tân Đảo sang thường trồng làm bờ rào các công sở. Bởi hoa cũng như lá, hoa tím nhưng không có mùi người ta gọi là hoa giấy). Hoa giấy đề trang trí này là hoa gia bằng lựa bằng ni lông, làm hoa hồng, hoa cúc, hay là lung tung, cũng xanh xanh đỏ đỏ hoa gì cũng được. Hoa giấy lan mọi nơi, ở bàn thờ, bàn nước, hoa làm khéo đến độ ai tò mò phải mó tay mới biết hoa thật hay hoa giả.

Cái xứ sở có người chơi hoa giấy - chỉ ở phương Tây, nhưng ở đây, hoa giấy bày ở những chỗ xa xa, cho có bóng và màu cây hoa mơ màng. Không cắm hoa giấy ở bàn uống nước, bàn làm việc như ta ở ta khách có hỏi :

- Việt Nam bốn mùa hoa, chơi hoa giấy làm gì ?

Thì cũng khó trả lời.

Chuyện Phiếm

Có anh bạn trẻ cho tôi biết có bài báo viết rằng bây giờ nếu có hội những người không xem vô tuyến truyền hình thì có thể cất nhắc tôi làm hội trưởng được.

Cũng có thể dễ phong cho tôi cái chức mất vui ấy. Bởi vì chỉ trong việc viết bản thảo đã qua mấy thời kỳ bạn bè tôi viết bằng đánh máy, đánh chữ và bằng những gì gì nữa, còn tôi cả đời vẫn cày, vẫn cặm cui bới từng chữ trên giấy. Bảo sao không tụt hậu đáng chế giễu được.

Nhưng người ta đồn nghịch thế thôi. Tôi vẫn xem vô tuyến đều đều. Có điều tôi xem theo ý thích của tôi. Ai chả thế, có gì lạ đâu. Tôi nghe lịch thời tiết trong ngày. Tôi xem mục phong cảnh đất nước, các phóng sự về đời sống các con vật trên rừng dưới nước, trong nhà. Tôi không xem thời sự - vì đã đọc báo. Tôi không tập thể dục theo đài được vì các động tác nhanh quá sức với tôi. Tôi không xem tiết mục văn nghệ vì tôi thích đọc sách để tưởng tượng ra hình ảnh hơn là trông thấy hình ảnh. Tôi không thích người đóng phim như người diễn kịch. Thế đã là xem nhiều rồi và tôi chắc cũng nhiều người xem vô tuyến như tôi.

Vậy là mình cũng không đến nỗi quá ngán ngạo. Nhưng mà tôi đương có nỗi buồn và sự lạc hậu còn hơn cả cái tật ít xem vô tuyến. Ấy là mỗi hôm mở trang báo hàng ngày, có những chữ nước ngoài không đọc được, có những câu, những bài chẳng hiểu mô tê thế nào. Báo hàng ngày là thời sự, thời sự mà không biết, chao ôi là thụt lùi. Những máy vi tính, công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm, tin học, internet cà phê, truy cập mạng, các thứ gen... và bao nhiêu chữ lạ tai nữa. Tôi chịu. Tôi chưa mó đến cái điện thoại di động bao giờ. Trong khi ấy thì người đi đường, người ngồi hạp, người trên tàu xe chốc chốc lại áp máy vào tai nói nói nghe nghe, sao người ta ngày nay lắm chuyện gấp gáp thế. (Nhưng tôi để ý cũng có khi chẳng gấp gáp gì cả. Tôi ngồi đợi máy bay ở ga Tân Sơn Nhất, một ông ngồi cạnh, chốc chốc lại nói vào máy : Máy bay sắp bay, em ời ? Hôn một nghìn cái nhé !. Ôi thế thì nói máy di động cũng chẳng ra chó gì, tầm phào quá.

Trên mọi ngã đường quanh ta và ở mỗi chúng ta, quang cảnh và con người cứ cũ cũ mới mới rồi rít tang bồng như thế. Nửa đêm ở Sài Gòn, nghe ngoài cửa sổ nhà trọ tiếng gõ thanh tre. Đây là người bán mỳ gõ rao hàng.

Cái này ban đêm ta đã nghe từ hơn nửa thế kỷ trước ở thành phố này. Bây giờ gọi là gõ sục tắc, sục tắc, sục tắc, tiếng Tàu là ăn được, ăn được. Đây là tiếng báo hiệu xe hoành thánh (văn thánh), xe hủ tít, xe bò viên đã tới đầu phố, ai mua thì ra mà mua.

Bây giờ tôi chẳng còn thói quen ăn khuya.

Nhưng mà không ngủ được, tôi cũng xuống đường. Đã quá nửa đêm. Những nhà mái ngói một tầng, những bức tường loang lổ ngày trước không còn nữa mà chỉ thấy liên liên những bức tường cao thẳng đuồn, những cánh cửa xếp hạ xuống và cái phố dài như mím môi lại. Thế mà ngoài vỉa hè vẫn còn rải rác người nằm người ngồi suốt đêm hết như ngày xưa những người ngủ nóp trên vỉa hè. Thỉnh thoảng, có cái xe máy ghé rồi lại đi ngay. Không biết thì thảo cái gì hay đã dúm cho nhau cái tép trắng.

Trước tam quan chùa Xá Lợi, mấy người nằm trùm mảnh vải vỏ chăn kín đầu, chẳng biết chui ở trong là đàn ông hay là đàn ông với đàn bà. Tiếng mỳ gõ gần gần rồi qua trước mặt tôi. Không phải như ngày trước thằng bé con đi thoăn thoắt như chuột chạy mà một thanh niên cao dong dong, điển trai, mặc bộ quần áo ngủ sọc xanh sọc tím, hai tay cầm thanh tre gõ đều đều. Hồi này quần áo rẻ, không ai mặc vá mặc rách nữa.

Rồi anh chàng ấy ngồi xuống một hàng hiên trải mảnh chiếu. Đây là cái chiếu tấm quất. Thì ra anh chàng tấm quất này vắng khách, đi gõ rao gọi.

Mỗi vùng đều có thói quen riêng, những thói quen lâu đời. Ở Hà Nội hay ở Sài Gòn bây giờ vẫn có, vẫn thế. Ngoài Hà Nội, ngày đêm nghe tiếng rao, giọng cất lên như hát. Xôi, bánh giò, cơm nắm đây. Tào phớ đây... Bánh rán nóng đây... Bánh cuốn bánh nếp, khoai nóng đây... Bánh khúc đây... Lại có người rao như hò hò : chữa khoá đây... Ai giấy báo, quạt điện, công tơ, xe đạp hỏng... Cái gì cũng rao. Ai mua cóc. Ai mua rắn không. Có dạo một người đi xe đạp bán thuốc bả chuột không rao, lại mở băng cho cả phố nghe bài nhạc vàng thấm thiết. Thì lại không ai ra mua bả chuột cả. Ít lâu sau thấy biến anh chàng. Ở đây người ta nghiện tiếng rao. Ở phía Nam lại chẳng nghe tiếng rao hàng trong phố. Cái tiếng mì gõ kiêm gọi khách tấm quất cũng vẫn chỉ là tiếng gõ. Ở Vũng Tàu, cái xe bán kem chốc lại nổi lên một tiếng nhạc như một hồi khèn Mèo.

Thành phố đương hiện đại, vẫn nghe tiếng rao, tiếng gõ, ngày nào.

Sáng sớm, ngồi uống cà phê vỉa hè với bạn Đoàn Minh Tuấn bên đường Thiện Chiếu. (Trời, mới như năm nào ngồi uống trà với sư Thiện Chiếu ở chợ trung tâm bên

Bắc Kinh, nay đã thấy ông ngồi trong tấm bảng tên phố bên đường). Cả lúc quên lúc nhớ xa xưa này mà vẫn cứ mới mới cũ cũ ngồn ngang trước mặt. Hè bên kia, có đũa rọc của nào đang xây nhà. Hàng rào bao quanh cấm chân song sắt tua tủa cao đến hơn chục thước, cái nhà bọc trong lồng sắt. Có thể nó còn thả điện chống trộm cũng nên. Rõ thật thằng kẻ cướp lại sợ thằng ăn trộm.

Sáng rồi mà mấy người đắp mền ngủ đàng tam quan chùa Xá Lợi vẫn chưa dậy, tiếng xe qua lại âm âm rền rẹt bên tai. Cũng những cái xưa cái nay khác nhau mà lại sóng đôi với nhau.

Giàn hoa kim ngân

Trên mép tường xám, có mấy cái cọc giàn dây kim ngân. Mùa hanh hao, đám cỏ gà cũng xơ xác, nhưng kim ngân thì ngược đời. Tháng chạp khô héo, hoa kim ngân rung rung nở vàng từng búi.

Khi hoa kim ngân rực rỡ góc sân thì mẹ con bà bán lá ngoài chợ vào hái hoa về phơi làm thuốc. Đã đặt tiền cọc từ trong năm cho trẻ con bỏ ống lợn để dành. Hai mẹ con bắc cái ghế đầu đứng hái xuống từng chùm hoa vàng trắng.

Con chim gáy quanh đầu quanh đuôi trong cái lồng quả vả dưới giàn kim ngân kia. Tưởng như cả đời nó chỉ vẩn vơ thế rồi chóc lại bới, lại nhặt hạt kê trong cái vầu tre. Không, cuộc đời con chim trong cái lồng con con cũng lắm éo le chẳng tưởng được đâu

Con gáy này được đem về từ trong thung Kim Bôi trên Mường. Nó uống hết một cống nước. À trên đường ngược nhiều sông suối, người thì uống rượu, mày thì uống lắm nước thế. Đến lúc vàng mặt trời, con chim đứng xù ra, lông bay như bướm bay. Sáng ra, thấy nó rụi mỏ vào thành nan, ngả mình chết trông lên đỉnh lồng.

Con gáy lách nan lòng bị nghẹt cổ. Có phải thế không? ông lão lật xác con chim rồi nói :

- Nó chết bệnh ngã nước đây mà.

Ông lão bảo con người cũng bằng con chim, nhặt hạt thóc hóp hụm nước đều quen có chốn có nơi. Từ thửa biết bay chuyền ở rừng, về đây phải uống nước lạ, không gặp đâu hạt nước đọng trên mặt đá, không có ngọn nguồn chảy trong khe đá ra, thì đành mang bệnh ngã nước phải về đường ma thôi. Con chim mảnh dẻ, khác nào con kiến bọ giọt, con bọ nẹt có đốt ngứa chân người ta đẩy thì rồi màu xanh cỏ úa cũng lẫn vào lá rụng, vào lòng đất. Quên đi, rồi ông sẽ kiếm con chim khác về. Ông lão đem đến cái lồng tròn xoe. Con chim gáy ngó nghiêng nhìn ra. Cái lồng gác bếp, bồ hóng đã lên nước.

Tàu lá thiên tuế và một mảnh vải điều che trên nóc. Như những ông lão trong làng ngày trước xách lồng chim đi chơi.

Con gáy mới này quê gần ở trong khoanh tre bên kia sông. Những tưởng dưới đường xuôi không đâu còn chim gáy trú ngụ. Nhưng thi thoảng để ý kỹ vẫn thấy chim gáy liệng xuống ruộng. Có điều bây giờ cánh đồng quanh năm có mùa gặt hái, con chim cũng bỏ thói

quen chiêm mùa ăn đôi, ăn đàn tháng năm tháng mười như xưa kia.

Con gáy này hợp thổ ngại, chẳng mấy lâu đã béo mồm, cườm lốm đốm biếc. Chẳng ai dạy bảo nó. Con chim tha thui trong lồng thì biết bắt chước ai. Thế nhưng con chim vẫn giữ nếp các cụ họ nhà gáy, sớm sớm chiều chiều, gáy lên ba hồi đầy đủ. Tiếng cúc cu cu giục giã. Phải ta đây có dọn giọng cất tiếng, thì người thợ cày mới thức dậy kịp tháo cái dãi chuồng trâu, và ai ai gồng gánh lặn lội ngoài đồng xa nghe tiếng chim mới nhớ chiều về. Con chim gáy đậu trên cầu trong cái lồng quả vả và dưới giàn kim ngân. Con cu cườm... cúc cu cu cũng phách lối ta đây lắm chứ.

Thế mà rồi thằng cu cườm cũng phải một trận ốm sắp chết.

Buổi sáng không nghe cúc cu dồn dập như mọi khi. Bao nhiêu lông tơ lông cánh con gáy lả tả từng đám quanh chân. Hai bên mi mắt nó lộn vành trắng, nhắm lại gật gưỡng. Ông lão nhìn rồi nói :

- Thôi thôi, thằng này bệnh chấy rận, bệnh chấy rận ?
- Sao lão biết ?

- Con chấy con rận ở người lây sang con vật thì biết chứ sao. Nó rửa thể kia rụng hết]ông, con ngựa điên lên, toi đến nơi rồi.

Nó vẫn đứng được kia. Quanh năm nó đứng mà. Con chim hơn thằng người ở chỗ suốt đời chỉ mặc một cái áo, cả đời không cần năm. Con chim hơn thằng người Ha... Ha... ông lão cầm một nắm vôi bột rắc lên mình con gáy trần trụi :

- Tao tẩy uế cho mày được mát mẻ đi kiếp khác. Con chim gáy hoá ra cục vôi.

Bỗng dưng, gáy ta chớp chớp mỏ. Báo hiệu hấp hối chẳng. Lại gáy như mọi khi chẳng. Rồi tiếng cú cu mìn mành, mướt mà. Con gáy ốm lúc này biến mất. Gáy ta lại nhặt hạt kê, nhặt ăn hạt sỏi. Con chim gáy không chết, có phải nhờ cái vôi bột chẳng.

Từ hôm khỏe, gáy thêm một tiếng gáy. Ông lão vừa lò dò đến. Con gáy đã đứng mép lồng hai chân riu lại chen nhau như chọn chỗ đứng. Rồi chim cất cổ cái đầu và con mắt bỏ xuống cú cu... cú cu... Con gáy chào ông lão. Con gáy nhớ mặt người, con gáy biết ơn người. Một vệt chân người lên núi Mớ Đá. Lưng núi, gió thổi ngả nghiêng nương ngô và những cây chuối. Người trong xóm đi kiếm bữa hái quả ớt gió, đào củ gừng đại.

Đàn dê ăn trên núi về chuồng đi trong ánh nắng nhạt còn rớt lại.

Có con khướu mun đậu trên lưng con dê nẹ. Tiếng chim thánh thót theo dê con lữ cữ đi từ ngoài núi vào đến đầu xóm rồi lại bay về núi. Dưới giàn kim ngân thêm cái lồng chim khướu. Ai bấy được con khướu mun đen về đây cho hai con chim hót nhớ rừng. Con khướu mun đen tuyền, má ngăm ngăm màu mun. Con khướu mun, không biết có phải con khướu mọi khi vẫn đậu trên lưng con dê trên núi Mớ Đá ? Con khướu mun trong cái lồng bấy nhảy hót hoảng như lưới bấy vừa sập.

Lồng khướu mun có lọ nước, có công cám trứng lúc nào khướu mổ ăn cũng sẵn. Đã quên mùi những con nhặng, con ve nhặt được trên lưng con dê trên núi.

Con khướu hót cả ngày. Con gáy ở cuối giàn thì gáy có buổi. Nhưng xem ra đũa nói tiếng ta, đũa nói tiếng Tây, việc ai nấy làm. Con khướu nghiêng mắt, lắng nghe tiếng động ở đâu ngoài kia.

Dây kim ngân bốn mùa không biết màu úa, cả giàn không một chiếc lá héo. Lá kim ngân sóng đôi, xanh mơn, lông tơ vân vân như lá được trổ trong bụi mưa. Cả giàn nở hoa vàng xôn xao. Giữa tháng chạp khô héo,

cây kim ngân có giềng hai hoa lá của mình. Bọn trẻ đi chơi chợ Tết rồi. Ngoài chợ có cả trăm cái lồng chim, nhưng trẻ con bây giờ thiết gì chim với cò. Chúng nó

đòi mua cái mũ đỏ của lão Nô-en ở xứ sở nào tới và chúng nó chỉ thích nhai kẹo đắng súc cù là. Chẳng đứa nào biết tên con chim gáy, con khướu mun. Chúng nó bảo chỉ có con gà gáy con chim thì biết nói như người. Cứ nói lung tung thế. Chúng mày không biết rồi, ngày trước ông lão đã nuôi một con yểng xanh lơ. Con yểng bị xích chân đậu trên cành đuôi làm cảnh. Con yểng nói tiếng người, nghe rợn cả tai. Ai đấy ! Nhà có khách. Nhà có khách. Mà trông trước trông sau chẳng có ai. Ông lão sợ như nghe tiếng con ma nói. Lão thả con yểng. Chẳng biết về được trên rừng, con yểng có còn nói «Nhà có khách, có khách» nữa không.

Bỗng nhiên, buổi chiều lặng im. Tiếng động thành phố xa xa động lại ở bên kia những chóp mái nhà ngất ngưỡng. Không phải lão đứng một mình. Con khướu mun đương hé mỏ líu ríu khe khẽ. Chốc chốc lại to tiếng quát quắc quắc. Nó còn nhớ cái tiếng man dại trên núi ? Con gáy thì lặng lẽ lại cục cu cục cu chào ông lão.

Ông lão cố đoán, nhưng không đoán ra những con chim nói gì. Con khướu mun, con chim gáy đương reo hò quát lác hay đương chửi, nó đương khóc, đương cười,

nó bảo mày bỏ tù tao cả đời thế này, mày đang tâm thế sao. Lạy mày, tiên sư mày. Ôi, con chim hót, con chim gáy, con chim nói. Nào biết được. Hoa kim ngân vàng rực. Đã lâu, không thấy mẹ con bà mua lá thuôn vào hái, mà hoa kim ngân không ngắt bây giờ thì chỉ đến khi ngoài giêng có mưa dây mưa dạn, cánh hoa trắng rã ra, không còn lấy hoa sao thuốc, sắc thuốc được. Lão bắt chiếc ghế đầu, lão hái hoa. May ra, mai còn được nắng. Lão phơi hoa hộ mẹ con bà hái hoa khỏi hòi của.

Trên thình không, những đàn sếu trú đông đã xuống đến đây. Đàn sếu bay hàng ngang, bay hàng dọc đều đều. Tiếng vỗ cánh ràn rạt. Ở xa tận đâu, đàn sếu bay qua những cơn bão tuyết cuồn cuộn suốt đêm. Nhưng sáng ra, ở đây chỉ thấy một làn nắng phẳng lặng vàng óng. Những đóm tuyết còn giắt vào chân vào cánh những con giang, con sếu về trú đông trên mặt hồ.

Hà Nội Với Hà Tây

Hà Nội và Hà Tây, Hà Nội với Hà Tây - Chữ với khác chữ và. Với là ta với nhau, tôi cố gắng cắt nghĩa chữ với, ta với nhau, ta với mình, Hà Nội với Hà Tây.

Quan hệ giữa Hà Tây và Hà Nội lâu đời như cùng trên cội đất phát tích của dân tộc, bởi nó là một miền đất không thể kể sự khác nhau của mỗi thời kỳ theo tên gọi và theo địa giới hành chính. Hà Nội là thủ đô Thăng Long nhiều triều đại. Ngót một trăm năm trước Cách mạng Tháng Tám 1945, Hà Nội là thủ phủ xứ Bắc Kỳ và Thủ Đô của ba nước Đông Dương, Hà Nội là đất nhượng địa cho thực dân Pháp giữa xứ Bắc Kỳ bảo hộ. Hà Nội chật hẹp theo địa giới hành chính, phía bắc đến bãi Giữa dưới cầu Long Biên đã thuộc tỉnh Bắc Ninh, các phía khác thì cuối phố Huế bây giờ đã ra ngoại thành, đến Ngã Tư Vọng đến sau trường Chu Văn An và ra ô Yên Phụ đã sang tỉnh Hà Đông. Hà Nội chỉ chu vi trong thành và khu phố cổ, khu phố cũ với một dân số khi đông nhất cũng mới trên dưới 20 vạn người.

Dân số Hà Nội, trong từng giai đoạn lịch sử và do tình hình, cả nước di cư đến nhiều khi từng đợt, vì con người cả nước mà tạo nên thủ đô, nhưng có một hiện tượng

thứ vị là chắc chắn trong thống kê dân số ở Hà Nội thì mục nguyên quán ở Hà Đông và Sơn Tây là con số lớn nhất. Hà Nội là trung tâm, là thủ đô thời nào cũng có những ràng buộc, gắn bó với cả nước; các quan chức và binh lính đến Thăng Long theo chức trách, những làng nghề về nơi đô hội làm ăn và buôn bán. Ở lâu rồi định cư cả đời, nhiều đời. Hà Tây và Hà Nội cũng không ra ngoài quy luật trên. Nhưng khác tất cả các nơi, Hà Nội với Hà Đông và Sơn Tây còn là láng giềng liền vách, có thể nói là cùng ở một vùng, một thổ ngơi. Hà Nội là thị thành thì sức hút của nơi đô hội tất nhiên là to lớn mạnh mẽ mà trước nhất sự hấp dẫn chỉ có một chiều ấy đã tác động tới mọi tầng lớp, mọi giới ở lân cận.

Giới trí thức, cho tới ngày nay, đời nào cũng có những quan chức ở Thăng Long rồi nhiều người có trang ấp, nhà cửa toạ lạc các làng xóm xung quanh. Từ Chu Văn An ở Thanh Trì, Nguyễn Trãi ở Thường Tín, đến Phan Huy Chú ở Quốc Oai, Đặng Trần Côn ở Thanh Trì, Hà Tông Quyền ở Thanh Oai, cho đến cuối thế kỷ vừa qua, khi ra đời văn học quốc ngữ các cây bút tài danh thừa ban đầu như Phạm Duy Tốn, Nguyễn Văn Vĩnh ở Phú Xuyên, Phan Kế Bính ở Thụy Khuê, Nguyễn Khắc Hiếu ở Khê Thượng. Tôi chỉ kể một vài nhân vật tiêu biểu làm ví dụ.

Nhưng tôi muốn nói đến số đông. Số rất đông, đó là người ở những làng nghề, những người thợ khéo mà hầu như cơ sở nòng cốt của thủ đô được tạo nên chủ yếu phải do lớp người này, đã cha truyền con nối từ bao giờ cho đến tận bây giờ. Thậm chí, khi nhà Nguyễn thiên đô vào Phú Xuân đã phải đem một số làng nghề và nghệ nhân vùng Hà Nội, Hà Đông vào Huế. Thời nào cũng vậy, trong thành các quan lại đến và đi theo chức trách, chỉ có ngoài thị mới là người ở lại lực lượng này đã sinh hoạt, đã phục vụ đời sống phố phường, thành hình thù dáng vẻ, cốt cách người Hà Nội. Đó là những làng nghề xung quanh thành phố như Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Nam Định, Thái Bình, nhưng Hà Đông và Sơn Tây đông đảo nhất, có điều kiện khách quan là ở cùng vùng với Hà Nội.

Trong 36 phố phường Hà Nội, những phố nghề và phố buôn bán, cùng với những phố người Hưng Yên, người Bắc Ninh thì số nhiều các làng nghề khác nhau là người các làng xung quanh. Phố Hàng Bạc có thợ kim hoàn Thanh Trì, phố Hàng Lược, Hàng Nón là người Thường Tín, phố Hàng Khay, thợ khảm Phú Xuyên, phố Hàng Trống, phố Hàng Tàn làm lọng người Thường Tín, phố Hàng Bừa là thợ rèn Từ Liêm.

Có biết bao nhiêu người, bao nhiêu làng ở Hà Đông ra Kẻ Chợ hàng ngày làm ăn. Ngày trước, cứ đến mùa hanh hao, gặt hái đã xong, lại có từng bọn thợ đấu ở Phùng, ở Đan Phượng vào các làng ven nội đào ao đắp nền nhà. Cả phố Hàng Quạt, quạt nan làng Lủ - Thanh Trì, quạt thóc ở Vẽ - Từ Liêm, quạt lông ngỗng trong Đor Đình, quạt Vác ở Canh Hoạch.

Cũng nghề vót nan làm quạt bây giờ phát triển linh hoạt, thức thời, ấy là nghề làm lồng chim làng Vác. Ở các chợ chim, phố chim ngoài Hà Nội hôm nay, các lồng xịn mà đúng kiểu cách cho mỗi thứ chim đều là lồng Vác. Có người chơi cầu kỳ không mua lồng chợ mà đã về thừa lồng tận nơi sản xuất. Và cũng đến bây giờ, các cơ quan xuất khẩu nông sản và thực phẩm, đến dịp đưa hàng đi nước ngoài, có chuối có dứa, có chanh quả, khi đóng gói đều phải cần đến sọt Huyền Kỳ. Xe bò kéo sọt ra thành phố cả ngày, sau cấm xe ban ngày vào thành phố thì xe bò đi cả đêm, bây giờ cấm cả đêm, thì không biết sọt xuất khẩu đưa ra Hà Nội bằng phương tiện gì. Từ xa xưa, phố Sinh Từ - nay là phố Nguyễn Khuyến, là phố bán dao kéo Đa Sỹ và Phùng Xá, bây giờ dao kéo Phùng Xá và Đa Sỹ vẫn tấp nập và đặc dụng. Mặc dầu dao kéo Thái Lan đẹp mã cũng không thay được các kéo đại ở các xưởng may xuất khẩu của người thợ rèn trong Bùng hay là con dao phay,

dao rựa lò rèn Đa Sỹ vẫn được dùng hàng ngày ở các bếp nhà hàng, khách sạn Đại U, Sô Phi Ten sang trọng. Còn biết bao liên quan rất đặc điểm nữa, cả cái rế cây quần quanh tảng đá, nhỏ nhưng chắc, đốt thành than hoa để nướng chả, quạt bánh đa, đun thuốc sắc thuốc trong nhà máy ngành dược, cũng được tải từ chân núi Ba Vì về chợ Long Biên.

Sự liên quan mạnh mẽ và sâu sắc của Hà Nội với Hà Tây có thể nhận xét cả trong tiếng nói. Tiếng nói là một minh họa của sự liên quan và phát triển. Tiếng Hà Nội, giọng Hà Nội rành rọt và thanh lịch ngày trước chỉ nghe ở trong vùng tụ hội người tứ xứ, cái giọng cái tiếng trộn lẫn không giống bất cứ vùng nào, không của địa phương nào chỉ thường nghe phổ biến trong phạm vi nội thành, ra tới làng Thụy đã bắt đầu giọng ngoại ô, giọng kẻ Bưởi, và đi quá chợ Mới Mơ đã sang vùng kẻ Mơ, nói ngọng. Bây giờ tiếng Hà Nội đã lan khắp. Tiếng Sơn Tây nhạt hẳn, đi chợ Nghệ chỉ còn nghe phảng phất ở mấy cụ lão bà trên Bát Bạt xuống chợ. Tiếng Hà Nội đã tràn lan. Không cần phải bắt chước phải sửa giống người ta cứ nói khác đi lúc nào mà không tự biết.

Hà Nội với Hà Tây đó là sự gắn bó và phát triển trong một vùng.

Hội Làng

Trong làng, không kể nhà giàu nhà nghèo, người có cái ăn hay người không một đồng xu, cũng không tính các ngày giỗ và đám ma, đám cưới, bốc mộ, «dưng» sao giải hạn, đặt tự ở đền chùa và ốm đau phải cầu cúng, từng nhà cũng như việc làng, việc xã và những ngày giỗ tổ của họ, chi họ, việc hàng giáp, chòm xóm - nghĩa là những dịp phải đóng góp và có động dũa động bát, và cứ kể riêng cái thứ lo tết nhất trong một năm, mỗi nhà theo cho có được bát nước cúng và nén hương, cũng đã vất vả, đã khurót, huống hồ lắm khi lại phải kiếm ra lẻ gạo nếp, miếng thịt lợn và cút rượu đặt lên giường thờ.

Con người ta làm ra cái ăn đều khó nhọc cả. Hãy đếm những cái Tết trong một năm. Trước tiên, tết Nguyên Đán, tết cả. Kể cho kỹ trước và sau cái tết lớn này, còn có những ngày rêu rĩa mà nhà nghèo rớt mồng tơi cũng phải lo cho có được gói hoa, nén hương. Hai mươi một giỗ tổ - tổ nghề giấy, tổ nghề lụa, chẳng biết tổ là ông bà nào nhưng mọi nhà vẫn phải đầy đủ giỗ chạp. Hai mươi hai, ngày sắp ần. Các quan làng cất triện, nghỉ việc. Làm người bạch đình chân trắng thì chẳng bận gì thế mà nhà nào cũng cúng lễ sắp ần. Hai mươi ba, tết

ông công - vua bếp hai ông một bà. Chiều ba mươi, lễ tiên thường rồi tối cúng trừ tịch. Cúng trừ tịch tiền năm cũ và lễ tiên thường khấn mời các cụ dưới âm về sớm sớm kịp mừng một ăn tết với cả nhà con cháu. Thế rồi, mừng một, mừng hai, mừng ba, đến mừng bốn lễ hoá vàng, mừng bảy hạ cây nêu và động thổ, nhà nhà vào khung cửu đưa mây nhát thoi lấy may. Đến rằm tháng giêng, ngày Phật lên chùa «lễ Phật quanh năm không bằng ngày rằm tháng giêng», mới thật cạn hết những cái tết trong tháng đầu năm.

Sang mừng ba tháng ba - tết bánh trôi nước, bánh chay cúng ông Giới Tử Thôi bên Tàu chết cháy trong rừng, ngày hôm ấy các nhà phải kiêng lửa. Mừng năm tháng năm, tết Đoan Ngọ, mừng hoa quả mới. Và đến mùa hè nắng nôi oi ả, trời đất toàn những cái khiếp đảm. Cửa đền cửa miếu cúng quan ôn, nấu cháo vẩy ra bờ bụi cho các âm hồn bơ vơ lang thang đói khát được hớp nước ngũ cốc, ngọc thực. Kịp đến tháng bảy, tết rằm vong nhân xá tội. Rằm tháng tám, trung thu của trẻ con và của cả người lớn. Rồi gió heo may thổi giải đông, vào tháng mười, mừng mười gặt hái đến, làng không có một miếng ruộng cũng mừng tết cơm mới. Kể ra đếm đầu cái tết, chứ còn có lo được mọi tết đủ các việc làng, việc họ, việc nhà cùng là các thứ giỗ chạp như thế, không phải nhà nào cũng chạy vạy bằng nhau được. Nhưng

mà «sống ở làng, sang ở nước», đến ngày tết ngày ky, thấy hàng xóm bốn bên rộn rịch cũng áy náy, không yên. Rồi phải vay mượn, giựt nóng, bán tào bán huyết. Cùng quá không trông vào đâu được, đành nhìn. Nhưng thế thì là thằng liêu không còn mặt mũi nhìn ai, rồi phải đến bỏ làng, tha phương. Những tang thương ấy, các làng ở đâu thế nào thì người thiếu thốn khó khăn ở làng tôi cũng tương tự. Lệ làng, giỗ tết và hội hè đình đám vừa mong ước vừa nghiêm ngặt. Mỗi năm, làng nào cũng có một dịp việc làng. Tế thành hoàng, mở hội hay không, còn tùy. Có làng hội hè linh đình. Cho là có hèn, đói cũng cố phải làm vậy. Có làng chỉ xôi gà qua loa cho xong rồi ông từ đóng cửa đình, cửa đền. Người ta cho là cũng vì cái «sự tích ông thánh» thế. Nhưng thật ra chỉ vì từ xa xưa đã làng thì có, làng thì chẳng bằng ai mà thành lệ. Làng tôi không có hội, kể từ khi tôi biết, cả đời chỉ đi xem hội làng thiên hạ.

Dưới làng Mộc Cự Lộc, Mộc Quan Nhân tháng giêng vào hội to, có cả đánh cờ người. Sắm sửa xống áo quân cờ cũng phải nhà khá giả mới lo được. Các làng này giàu có nhiều quan to và người đi làm việc nhà nước. Cả vùng com đùm com nắm trảy hội Mộc từ gà gáy, nửa buổi đã tới cổng Mộc. Tháng giêng, tháng tám hội đền Ghềnh bên kia sông. Hàng quà có khế com không chua không ngọt, bánh đa đường gấp, bà đồng khăn châu

áo ngự về đền, người xem hội càng nô nức. Đền Trại ở Thủ Lệ thì rước kiệu bò. Kiệu bát cống sơn son thếp vàng nguy nga. Mười tám trai kiệu thông dong bốn bên. Người đô tùy nào cũng lực lưỡng cưỡi trần, đóng khó điều, đầu chít khăn nhiễu tam giang, mắt đeo kính râm. Một tay mở quạt tàu lụa bạch. Lúc cất tiếng hí, kiệu bay kiệu bò, một tay lại xòe quạt che miệng. Nhiều nơi rước xách, song chỉ đến đền Trại mới được xem kiệu bò. Đám rước kiệu bò từ cánh đồng lên cái gò dài song song với hồ nước trước đền mà người ta bảo đây là lưng con rồng. Rước đến chỗ kiệu bò lên đồi mới là lúc hay nhất, thiêng nhất. Các đô tùy nghỉ ở chân gò được nhấp một chén rượu, mặt đỏ phừng đứng cùng một loạt nhấc đòn kiệu lên vai, cất tiếng hí ran như cả đàn ngựa động đực rồi nâng «kiệu bay» xoay tròn trong cánh đồng.

Các trai kiệu lần lượt người quỳ người đứng giữ bát nước cúng trên mâm bồng không đổ một giọt, cái kiệu từ từ bò lên mặt gò. Người xem hội đông nghịt khắp đến các chân tre. Trên gò cao đứng xa đến đâu cũng nhìn được cái kiệu bát cống bò được lên gò rục rồ lộng lẫy, thật sướng mắt.

Các làng quanh làng cũng có hội. Những hội nhật nước ốc, chẳng mấy nô nức. Hội bơi ở Đăm, mấy chiếc thuyền đã tróc sơn bơi rào rạt trong cái địa đầu làng.

Vui xem hát, nhặt xem bời là thế. Hội làng Noi thì, quan viên đi rước quần nâu xắn móng heo. Chỉ đáng xem có mỗi cái kiệu bát cống mà cái năm Tây hạ thành, người Noi đã vào trong thành Cửa Bắc khiêng ra được. Hội làng Đông, làng Hồ được chờ đợi hơn cả.

Hội Đông Hồ khoảng từ rằm tháng tư trở ra, kéo dài một phiên chợ Bưởi. Nhưng làng Đông cũng chỉ có tế thần và mấy tối chèo hát sân đình. Bên làng Hồ vui hơn.

Làng Hồ có rước to. Rước về đình từ đền Voi Phục bên kia cổng Đỗ hay từ cái miếu ở xé cổng xóm Đông Lân không nhớ. Chỉ thấy người xem người cứ đông ngộn lên. Các cô gái làng khiêng long đình. Mỗi cô một cái quạt đào. Chốc lại xòe quạt che miệng, khẽ hí đều một tiếng. Các cô kén đầu được khăn sa tanh, áo dài hoa đào, quần lĩnh tía giấy cườm. Con trai cầm tán, che lọng. Các ông trạc năm mươi, vừa mới lên lão, áo the hoa khăn lượt, bụng đồ bát bửu dùi đồng, phủ viết thông thả bước sau phường bát âm, tiếng trúc thánh thót sinh tiền réo rắt, tiếng nhị cò cữ, người gõ cảnh đánh tiêu...

Trẻ con xúm quanh xem anh đánh trống.

Chiếc trống cái hai người khiêng. Người thủ hiệu diện khăn nhiễu tây nón dứa chóp mạ kền, quai lụa

điều. Mắt đeo kính râm, áo the hoa cặp. Quần là ống sớ. Chân bít tất lụa đào xỏ trong đôi giày Gia Định mồm ngóe đen nhoáng. Tay lót mùi xoa lụa mỡ gà viền chỉ hồng, cầm cái dùi trống sơn đỏ. Khi đánh trống, múa đạo mấy vòng, đổi bên tay mùi xoa, rồi giơ cao, quay người uốn éo, nhô lên cúi xuống thấp thoáng qua lại, mắt kính nghiêng ngả nhìn ra hai bên người đương trầm trồ, tấm tắc khen thủ hiệu múa dẻo. Thế rồi, một tay chống nạnh, nghiêng nghiêng thông thả buông một dùi vào mặt trống. Xong lại lúi ra, hoa dùi lên múa mấy vòng rồi mới đứng yên. Rồi lại đổi mùi xoa lót tay bên kia cầm dùi, bắt đầu múa lại. Tiếng trống nổi. Đàng kia, tiếng chiêng nhịp nhàng đáp. Tùng... bi... li... Tùng... bi... li... bi... li...

Những người xem càng đông hơn quanh đám phường chèo đóng đường. Các đào kép phường hát đón bên Bắc về đi diễn ban ngày giữa đám hội. Môi son má phấn, mũ giáp, cờ cắm tua tua sau lưng. Có người đóng ông phễnh đeo chiếc mặt gỗ to bằng cái mẹt điệp bạc, áo thụng tay phe phẩy chiếc quạt mo. Trẻ con và bọn con gái thì xán đến trước mặt hai anh trai làng mặc giả gái làm «con đồ đánh bông». Áo the đổi vai cánh sen, vạt hoa lý thất qua gàng, quần lĩnh tía, khăn vuông láng thâm, cũng má phấn môi son trai lơ. Đôi vú độn to bằng cái âm giò phồng lồi trong yếm, vai đeo quai chiếc trống cơm

dài ngoẵng. Các «cô đi bước núng nính, hai bàn tay toẽ cong ngón, đập khe khẽ vào mặt cái trống. Tiếng trống côm bùng bùng, xầm xập, ngân ngơ. Những cô gái làng càng chen xô vào nhìn tận mặt «con đi đánh bông», như chưa biết bao giờ, rồi đâm lung nhau cười rinh rích. Hai anh trai làng đóng đi đánh bông, vẫn thản nhiên núng nính hai tay vỗ bập bùng hai mặt trống côm, «các anh ả mặt chín lừ» - mấy cô cười tí mắt bầm nhau thế.

Trẻ con chạy theo à à. Đám rước rồng làng Hồ cuốn hút người hơn cả. Con rồng nhấp nhô mỗi khúc một người đỡ, có đến hơn chục khúc. Người cầm đuôi, người cầm đầu, người múa ngọc và người đánh trống, bốn người được cất chân quan trọng nhất đám, diện bảnh chọe giống hệt nhau. Khăn nhiễu thiên thanh, áo cánh lụa thâm, thắt lưng điều quần tùm ống vào trong xà cạp hoa đào. Chân đi đôi giày tàu vải thâm. Lại như những chàng trai ăn diện đương thành mốt, mỗi người một đôi kính râm, mắt kính đen kịt.

Chiếc xe trống cái một người kéo thông thả. Người đánh trống xe, một tay chống nạnh lấy điệu, ngả người nện liên hồi. Con rồng vươn lên vờn ngọc, đầu bắt đuôi vẩy vùng, rồi đuối ngọc, nhấp nhô trong tiếng trống cái dồn dập.

Trong sân đình làng có hội thi cây cảnh. Cây cảnh người đem về thi treo quanh hiên ngay cạnh các giải thưởng : vòng vải điều, bánh pháo, chùm dừa. Những quả hồng, quả na, quả bưởi, quả cam bằng sáp nhuộm khéo như thật. Người xem tha thần, ngắm nghía. Gần đây, bên góc sân đình, cánh đu tiên tròn xoe cao hơn ngọn cây ngọc lan. Những người đánh đu trai lẫn gái ngồi trong vòng quay bỗng lên, trầm xuống như guồng vè cây suốt. Tiếng mây tre trên đu cọ vào nhau cót két, kiu kịt giữa tiếng hát inh ỏi. Rạp chèo rung trống từ lúc lên đèn đến nửa đêm. Người chen ra chen vào, đông như nê m cối.

Mấy ai biết mỗi năm, bên trong đám hội diễn ra biết bao cảnh ganh đua, tranh giành, những cái khổ công đóng góp hàng phe hàng giáp nặng nề đến từng nhà. Người chững chạc vai vế thế nào mới được kén vào cầm bát bửu, cái kích đồng, quả chùy... Con trai nhà ai vào chân thủ hiệu đánh trống, con gái được khiêng kiệu vai trước hay vai sau. Cũng phải ngời thứ mới được cầm tán, cầm lọng và người được chọn múa đầu rồng, cầm đuôi rồng cũng khác những chân cầm độn các khúc giữa. Anh trai bạch đình kéo xe trống khác với anh thủ hiệu đánh trống, giàu nghèo cách bức trời vực rồi. Chỉ có mấy gã đeo mặt nạ làm ông phễnh, cầm quạt mo, và người đóng làm dĩ đánh bông, đây là những anh ả trợ

trên ăn chơi đã có tiếng, thì không kể thứ bậc gì. Và những người lép vế mới phải cẳng chân khiêng trống, cầm cờ ngũ hành đuôi neho. Lại còn công phu sắm hay đi mượn, đi thuê đầu kỳ được, xoàng ra cũng phải có tấm áo the mà xỏ tay. Chẳng may phải là người chân trắng, không ai ngó ngang tới, đóng vai phát phơ len lén đi xem thì thật xấu hổ.

Tôi được đi xem hội làng Đông, làng Hồ từ khi còn nắm váy bà, đòi bà cống. Chín mười tuổi thì theo các dì đi hội. Lớn nữa, cùng bạn bè đua đá đi không nháo, chim gái, đánh nhau. Trong ngày đám, con trai thường gây gổ như những con gà chọi hay con hoạ mi sĩ diện có mái xùy. Trai làng choảng trai lạ đến ve vãn gái làng. Làng này đánh nhau với làng khác. Chẳng tối nào không có tiếng hô hoán, người chạy âm âm. Nhưng ác nỗi vác gậy đi giữ mình, khác nào bảo chúng mày đi ra đây đánh nhau với ông. Như thế, có thể vừa tới cửa đình đã bị ăn đòn vỡ đầu. Thế là chúng tôi thủ thân trong túi mấy hòn đá đường tàu, hòn gạch củ đậu. Hay để sẵn gậy gộc ngoài bờ bụi đường cái. Nghe đầu ồn ào, xô đến. Không bận đến mình cũng đánh hôi. Chẳng biết thằng ấy là thằng nào. Đòn hội chợ, phang lung tung, không phải đầu cũng phải tai.

Nhưng các trai làng cứ đi hội, không biết hã. Còn tập võ để đi đánh nhau là đẳng khác. Trong vùng có nhiều lò võ, ở làng tôi có lò ông lang Dương, đêm nào cũng đông người đến tập. Đình tấn, trảo mã tấn, tảo tảo đái vào bẹn rồi bóp cho săn gân, tập cả mấy tháng vững vàng thế đứng tấn rồi mới đến các món quyền cước. Tôi cũng đi tập võ. Nhưng tôi theo ông Tâm đi tầm sư học đạo bí mật tận lò xa. «Để cho chúng mày thấy ông giỏi võ lúc nào mà không biết», thế mới đặc biệt. Tôi xuống học lò võ ông Hồ ở Thử Giao, cái xóm giữa đầm lầy cạnh hồ Bảy Mẫu.

Hội quanh vùng chỉ như thế.

Thế mà làng tôi chẳng bao giờ có hội hè gì. Chỉ mang máng nhớ đã lâu, tháng hai dưới làng Dầu, Yên Phú các quan viên khăn lượt áo the lên chạ Nghè, chạ Tân rước thần, khênh xuống cái long đình. Mỗi năm vào mùng mười tháng hai, làng «có tiệc», ông từ ra mở cửa đình. Anh mõ Tư Mít vào vườn tre bà hương Nhầm xin cây tre, chặt về, phần đóng cọc, phần làm cột cờ. Lá cờ may bằng vuông nỉ đỏ có chữ thần to tướng, bay lất phất trên bờ sông. Trẻ con đầy sân đình, đánh trống tòm tòm cả ngày. Năm trước, còn có tế, có việc làng. Mỗi năm mổ lợn, có năm tậu bò về thui mổ, chia phần. Những năm sau đói kém thiếu ăn quá, rồi cũng bỏ. Rồi còn kém

nữa, sơ sài nữa. Cái năm mất trộm bộ áo thánh, làng chẳng sắm nổi cái áo mới cho ông thành hoàng. Lạy thánh mớ bái, phải lấy vật cờ đuôi nheo trùm lên ngai làm áo khoác cho thánh. Năm có chèo hát, năm không. Làng Tân, làng Dầu chẳng mấy khi gom nổi tiền đóng phường chèo, chỉ đi xem kẹ chèo hát hội làng bên. Làng Yên Phú đứt nút phường tuồng vào cái cầu giữa làng. Phường kiệt xác, không đủ hơi ra diễn rạp giữa trời. Một bó giáo thanh gỗ đã tròn vệt đầu, tróc hết sơn. Có mỗi một cái hòm mộc phải đựng quần áo, mũ măng. Anh kếp gánh đồ, quảy một đĩa bé một bên cho cân.

Chúng tôi chen hẳn vào trong cầu lúc chập tối đã rung trống giáo đầu rồi. Thế nào mà chui ngay chỗ buồng trò nhìn ra. Không biết đương diễn trò gì. Thấy một bác kếp đóng, tướng nách cài hai miếng gỗ, cầm sáu lá cờ con con, sắc sỡ như trẻ con đeo bùa túi ngày tết mừng năm tháng năm. Bác kếp vừa nghỉ vai, nhẩy phắt một phát vào buồng trò che cái chiếu. Bác ấy cỡi phăng giáp trụ lôi thôi, hở trần lưng mồ hôi nhễ nhại. Bác vội rút miếng gỗ cầm cờ đằng lưng, gõ lạch cạch mấy cái xuống mặt hòm. Một lũ rệp đói lép kếp to bằng móng tay đen mờ rơi lả tả trong ánh đèn hoa kỳ nhạt nhẽo. Rệp đã đốt bác từ lúc còn đứng múa hát ngoài kia.

Nguồn : Cái áo tề (Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Khu Du Kích 99

Khu du kích chống Pháp trong kháng chiến có mật danh là 99. Một vùng rừng núi hiểm trở bắt đầu từ huyện Phù Yên, Bản Thải xuống qua sông Đà quanh đến bến Pac Lùm và Pac Ngà. Vùng Pac Lùm và Pac Ngà bây giờ ở trong vùng sẽ xây dựng thủy điện Sơn La. Khi ấy, giấy tờ trong giao thông thường viết tắt hai chữ PP, người đọc quen nhầm là 99 rồi thành tên.

Đường giao thông bí mật khu 99 từ Phú Thọ, Yên Bái vào Sơn La, Lai Châu suốt qua hậu địch Tây Bắc, các làng và các chiến khu người Mường, người Thái, người Dao, người Mông.

Bây giờ là năm 1952 bộ đội ta đang tiến quân vào giải phóng Tây Bắc. Trận đầu tiên tiêu diệt quân khu Nghĩa Lộ rồi sang giải phóng Phù Yên. Đại quân tập trung ở cửa Vạn, vượt sông Đà tiến sang châu Mộc.

Các khu du kích tập nập đi tải lương, tải đạn, tải thương phục vụ mặt trận. Là phóng viên báo, tôi cũng tham dự mọi công tác phục vụ chiến trường. Tôi đang đi đôn đốc dân công trên các làng người Mông trong những rừng núi khu du kích 99. Suốt ngày, máy bay địch bắn phá, ném bom hai bên sông trong khi ở trên

núi người Mông ăn Tết Nguyên Đán.

Theo phong tục cái Tết đầu năm của người Mông thật ngày rộng tháng dài có khi hàng tháng. Bấy giờ trên nương đã gặt xong, thóc và ngô đã cất vào kho rồi. Thế là cả xóm cả làng nhà nhà mổ lợn làm cỗ uống rượu, các đầu làng rộn rã những người chơi, thổi sáo, nhảy khèn, đánh pao. Những cuộc vui và những đám cỗ được ăn lần lượt từng nhà. Hôm nay nhà này ăn Tết, ngày mai đến lượt nhà khác lại mời khắp xóm đến, ăn thịt uống rượu rồi vui chơi cả ngày cả đêm cho đến khi ngoài trời có mưa mới, các ruộng quanh núi ngập trắng nước, bấy giờ mới cày nương làm mùa. Và bấy giờ mới hết Tết.

Nhưng cái tết năm ấy khác thường. Máy bay địch bắn phá suốt cả đêm. Trong đêm tối âm u, máy bay điên cuồng thả bom. Cứ chỗ nào có ánh lửa là bom dội xuống. Nhưng đêm rét buốt giữa rừng thì không thể làng xóm nào vắng được lửa sưởi những cây gỗ phơi mu làm củi sưởi thơm ấm khắp nơi. Bom ném xuống nhà cháy rừng rực. Cả các xóm Xín Vàng, Háng Chú, chớp bom sáng trắng vách đá.

Ngoài dốc đầu núi, từng đoàn ngựa thồ người dắt lùi lùi xuống. Những con ngựa thồ đi lặng im trong chớp bom như sét đánh. Người ngoảnh lại không biết lửa bom vào rừng hay lửa cháy nhà. Tờ mờ sáng bỗng nhiên im

phăng phắc. Không nghe tiếng đàn vượn trên núi gọi sáng như mọi khi. Bốn phía sương mù như mây trắng mù mịt. Bỗng tiếng chó sủa tang tang. Trong các khe cạn, người trốn bom lũ lượt chạy ra. Cùng lúc ấy, đàn ngựa bên mép núi đá lũ lượt đi lên. Những con ngựa trẻ trằng trên lưng chất cao những bao tải không còn một túi ngô, bây giờ là những cái tải xếp không, dẹp dẹt, mấy người rúc vào, ngồi núp trong tải tránh rét, những con chó cũng ẩn vào đấy. Chó sủa lác rác trong bước chân móng ngựa vấp đá.

Suốt ngày hôm ấy không một tiếng bom.

Được tin bộ đội đã sang sông, nửa đêm chiếm được đồn Bản Hoa, đại quân đã tràn qua châu Mộc rồi.

Ngoài đầu xóm, các sân chơi pao, chơi quay có người đã ra lúi húi dọn đá nham nhở. Người già nhìn lên trời, nói :

- Nước mưa chưa về. Ta lại ăn Tết nốt thôi.

Lại Chuyện Về Cái Túi Nilon

Cuộc đời miếng ni lông khá chìm nổi, phiêu lưu. **C**Mấy chục năm trước, ai có áo ni lông màu vẽ hoa lá - phải là được người ở nước ngoài về cho hay được biếu. Thật ra, trong khi ấy ở các nước người ta thì cái ni lông đã xuống dốc rồi. Người nghèo kiệt mới mặc áo quần ni lông. Cái thần tình là ni lông có thể đem giặt rồi ngồi cời trần đợi một lúc nó đã khô, lại mặc vào ngay được. Nhưng thời đó cũng đã qua lâu rồi và miếng ni lông lộn kiếp đương biến hoá ba đầu sáu tay. Bàn ghế nhựa ni lông đã đánh quy các đồ mộc thông dụng và các túi ni lông to nhỏ thì bóp chết tươi mọi thứ rổ rá, thúng mủng, túi đay, túi cói rồi. Để xem một bà, một chị đi chợ, chợ xa thì xách cái làn nhựa, chợ gần thì hai tay cầm túi ni lông to nhỏ mà bên trong còn có túi ni lông nhỏ nữa, đựng mắm tôm, dưa muối, khúc cá tươi, lòng lợn, cà muối, dấm ớt... đủ thứ, đủ thứ.

Cái túi ni lông thì nhà hàng sẵn quá, đã biếu không, coi như giấy gói, lá gói. Ni lông cần thiết nhưng đem về đến nhà, bỏ các thức ăn ra rồi vứt ni lông vào thùng rác, cái rác ra xe rác, ra bờ bụi, cống rãnh nào đấy, mỗi nhà mỗi phố mỗi làng cả nước hàng ngày thải bỏ vô vàn túi ni lông, hàng gò đồng túi ni lông.

Túi ni lông không như cái rổ, cái lồng bàn, cái ghế hỏng đem làm củi đun, cái túi ni lông không tiêu, ni lông trơ ra, ni lông có tan biến cũng phải mất hàng trăm năm ? Tôi đã trông thấy trên đường số 5 Hà Nội - Hải Phòng, công ty làm đường Hàn Quốc lấy cát đắp thay đất làm nền đường. Lót tấm ni lông ở dưới, xe đổ cát lên trên rồi trên làn cát phẳng lý thì lát đá, trải nhựa, có tấm ni lông đỡ sau cùng, đường không bao giờ lún sụt, lồi lõm. Ni lông được dùng vào công trình vững chắc đời đời. Nhưng mà cái túi ni lông không bao giờ chết ấy vút lung tung khắp nơi khắp xó. Không phải ở đâu và ai cũng có ý thức tìm cái thùng để bỏ rác. Ni lông đùn lại trong cống làm tắc cống, ni lông lẫn vào đất tắc mạch nước ngầm làm chết cây và hoa màu. Triệu triệu cái túi ni lông ném ra hàng ngày thành tai họa ni lông. Tai họa ni lông là tai họa môi trường mỗi đất nước và toàn cầu, nước ta cũng trong vòng báo động ấy. Vài năm trước đây chỉ có người thành phố đi chợ về là xách túi ni lông, bây giờ túi ni lông đã lây lan khắp chợ cùng quê.

Trên thế giới, nhiều nước đã có kế hoạch, đã xây dựng cả nhà máy diệt ni lông thải. Ở ta chưa có phong trào và quy mô như vậy. Nhưng có những sáng kiến thích ứng rất hay.

Báo Hà Tây số tháng sáu 2001 đăng một tin : Tái chế túi ni lông góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường. Ở làng Thượng Hiệp xã Tam Hiệp ông Trần Nghĩa Đàn có cái máy tái chế túi ni lông thành các đồ dùng hàng ngày: dây buộc hàng, ni lông lót cặp học sinh, lưỡi trai mũ, khuy, hạt nhựa... và những vật dụng con con khác. Túi ni lông do người các làng xung quanh nhặt nhạnh đem đến bán. Mỗi tuần tái chế được một tấn. Mỗi năm tiêu thụ hết hơn 40 tấn nguyên liệu túi ni lông.

Làng Thượng Hiệp có nghề may gia công. Làng nông nghiệp này không chỉ độc canh mà nghề phụ may gia công đã đưa làng Thượng Hiệp trở thành một làng nông công nghiệp giàu có, nhà nhà sản xuất có xưởng có cửa hàng may mặc và bán sản phẩm. Thượng Hiệp trở thành phố làng và được tỉnh công nhận làng văn hoá Thượng Hiệp. Ở một làng kinh tế và văn hoá đang phát triển sáng kiến cái máy tái chế ni lông có một ý nghĩa đặc biệt ngoài cái nhỏ bé trong phạm vi gia đình.

Bài báo nói ông Trần Nghĩa Đàn đã mua các thiết bị về lắp máy, tiền vốn hết 50 triệu (không cho biết cái máy có mẫu mã sẵn hay sáng chế của ông Đàn). Cái máy tái chế ni lông của ông Trần Nghĩa Đàn ở Thượng Hiệp là một công cụ có lợi ích và thiết thực có thể nhân rộng mọi nơi.

Loãng Quăng

Tôi đã viết đại khái : mỗi năm mình một già không phải soi gương hay đôi khi gặp người ta than hộ mấy câu mất vui «dạo này sao xuống thế», mà chỉ cần lặng lẽ đi ra ngoài phố. Phố xá người qua lại nhiều, mấy năm trước đôi khi còn có người chào hỏi, bây giờ thì đi cả hàng phố, cả mấy phố, cả buổi cũng chẳng gặp ai ới ới, chẳng có người nào bắt tay, ngả mũ gì cả. Biết rằng ta đã vào cái lớp người sắp xuống đất với giun, tự dung xa lạ với xung quanh. Thế là tự dung đôi tâm đôi tính cứ mỗi ngày một đâm ngại, chẳng muốn ra đến cửa nữa.

Thôi chuyện loãng quăng cho đỡ buồn nào, đôi khi sau tiếng thở dài lại sinh ra cái cười cũng nên. Hôm mới rồi tôi đi qua hồ Thiên Quang. Buổi sáng, sắp đến giờ làm việc, lòng đường vỉa hè tấp nập người. Tôi lùng khùng đi. Có một cô đẩy đà, đứng tuổi quần phăng áo vét xanh nhạt, cái mũ vải mềm như mũ đương mốt, chiếc xe đạp Trung Quốc mới cứng, cái làn mất cáo trước ghi đông trong để cái túi. Không đoán được người ngành nghề nào, nhưng chắc là người cơ quan đi làm. Cô ấy dắt xe lên vỉa hè lại tôi. Thoạt tiên, tôi ngỡ người sắp hỏi đường. Nhưng nhìn lại cách ăn mặc của người

quen thuộc đường phố thì chắc không phải.

Cô ả hỏi tự nhiên :

- Anh đi đâu đấy ? Anh có đi không ?

Tôi biết ả hỏi việc gì và gạ đi đâu rồi. Tôi yên lặng, không nhìn và vẫn lững thững đi. Dáng chừng ả đã nhìn lại lão già, ả đẩy cái xe đạp xuống đường rồi lại điềm nhiên đạp đi giữa những làn xe cộ tấp nập. Câu hỏi thật dễ dàng như nhớ thiếu tiền thì hỏi mượn mấy đồng mua rau, mà mới sáng ngày ra.

Đến chỗ họp, tôi kể với Vũ Cao cái chuyện gặp xúi quẩy Vũ Cao hỏi tôi :

- Năm nay ông bao nhiêu tuổi ?

- Tám mươi một.

- Mình cũng hơn bảy mươi. Vẫn đạp xe từ nhà đến đây, đi ngang thành phố mà chưa lần nào được có đứa hỏi như thế.

Ồi, ông mặc áo bốn túi lại người to xương hóc thế kia thì nó hỏi ông để làm cái gì, con điếm hay đứa có tính điếm thì nó xá gì tuổi tác. Nhưng thôi để yên cho nhà thơ bắn khoăn và băng khuâng, còn tôi thì buồn, buồn đời.

Chắc rằng cái chuyện thăm ấy cũng hiểm, có phải không ? Tôi xin kể những mắt thấy tai nghe vui vui vậy. Ngoài đường bây giờ chỗ nào cũng nhốn nháo, chỉ chốc lát có ngồi trên bờ trông ra hồ, mặt nước hồ Thiền Quang hay hồ Tây cũng được, thì tai mắt và trong bụng có lẽ mới có thể yên yên được. Bởi vì chỉ có mặt nước, mặt nước sáng trong, mặt nước xa xa gần gần mới thấy như muôn thủa. Nếu ai còn nhớ, hãy nhớ ngày trước hay trông thấy con chim bói cá, đốm trắng đốm đen, chim đương bay trên thình không bỗng rơi tõm mình xuống mặt nước, quắp lên con cá mương trắng loáng. Vâng, ở nơi trống không nay mới được mơ màng với tưởng tượng.

Cứ nhìn ra mặt hồ kia, chứ ngoảnh lại đằng sau lưng thì bên phải bên trái phía nào cũng ngổn ngang, rầm rập những xe đạp, xe máy rồi mắt, các kiểu ô tô không lúc nào dứt. Cái hè, con đường không còn dành cho chân người nữa. Vía hè cũng không yên, người đi mua bán, đi ăn uống vào cửa hiệu hàng hàng xe chát đông như đắp đê cao cao. Người đi bộ hoá con kiến, nhưng phải là con kiến gió thoăn thoắt nhanh chân lúc chui lúc tránh, nếu không thì xe quệt, không thì đâm vào xe. Có một cụ chỉ đưng nào cái ghi đông xe để trên bờ hè, cũng quy xuống, gãy xương ống chân. Có một lão đầu hói sáng sớm đi tập dưỡng sinh ở công viên Pát-tơ, quả

bóng trẻ con đá rơi xuống đỉnh đầu, cụ ngã, cụ chết.

Bất giác, tôi nhớ lại hậu vế những xe cộ bây giờ lênh kênh như đám củ rêu trôi ngoài sông Cái mùa nước lên. Nhưng nước lũ to đến đâu cũng không có củ rêu trôi ngược. Chỉ có cái gậy thần của Từ Đạo Hạnh đi đánh sư Đại Điền thì mới dựng đứng lên trôi ngược sông Tô Lịch, mà cũng chỉ trôi từ Láng lên Cống Vị thôi. Bây giờ những cái xe lúc nào cũng phát cuồng chạy loạn xạ khắp nơi.

Người nước ngoài thường khen Hà Nội xanh và êm đềm. Hãy nghĩ thêm về những lời nói khen, câu viết khen. Ông ấy chưa đến Hà Nội, thấy cái thành phố này mới vào công nghiệp và thị trường hiện đại chưa rồi rít bằng cái thành phố quê ông ấy, hoặc chỉ là câu khen đãi bôi «dạo này trông ông khoẻ quá» và «phở Hà Nội ngon hơn phở gia truyền Nam Định» chứ người châu Âu nếu phải ăn «súp» phở điểm tâm sáng sớm thì còn lâu họ mới quen được. Cũng như khách nước ngoài trước kia ngày Tết cổ truyền của ta họ đều ngán tiếng pháo vì tiếng pháo chẳng khác tiếng súng, nhưng có hỏi cảm tưởng thì các bạn chỉ mỉm cười.

Chao ôi, thương nhớ những cây bằng lăng mùa hạ nở hoa tím thắm và những rặng liễu thướt tha ven hồ. Bây giờ đương vào mùa hạ, hoa bằng lăng tím ngan ngát thế

kia, những cảnh liễu rủ mơ màng quanh ta, có đỡ hơi mà đi thương với nhớ, nhưng mà như những người già đi đường mới có thể cảm được nông nổi, còn sức đâu mà nhìn mà ngắm được nữa, đấy chỉ là tơ tưởng cái đã qua. Chợt nghe chim chích choè vi vút khoan thai từng tiếng đầu đây. Ô hay chim chích choè về giữa thành phố con chim vốn hay nhảy dưới bờ ao buổi chiều. Bỗng dưng nó lạc loài vào nơi đô hội thế này. Trông lên dưới cái mái tôn đầu hè mới biết. Không, đấy là những con chim chích choè mắc bẫy về phải tù trong những chiếc lồng người ta treo bán dưới mái hiên. Con chim chích choè, con cà cuống con khướu mun, khướu bạc má... không biết chúng hót vui hay hót buồn, ai có nghe được tiếng chim thì mới hiểu ra đấy là con chim đương than khóc hay là đương chửi rửa người nhốt nó. Ngồi nhà mà viết loăng quăng như thế này, chứ ra đường thì còn bụng dạ đâu mà để mắt đến cái cây và con chim. Chỉ lo bước nhanh bước chậm và đứng dừng tránh xe đã hết hơi rồi. Lão họa sĩ Mai Văn Hiến có một cách vượt qua ngã tư rất đúng luật đi đường. Cụ đứng nghiêm trên bờ hè, hai bàn tay chấp lại rồi giơ thẳng ra trước mặt như sắp nhảy «pờ lông đông» xuống hồ. Nhưng không, cụ cứ giơ hai tay như thế và từ từ qua đường mặt chăm chăm không cần nhìn hai bên. Đứa nào dám đâm vào cụ Cụ đi sang đường khí thế lắm. Nhưng bây giờ cụ Hiến

đã bệnh, chỉ lết được trong nhà, không chắc khi nào còn cần phải bơi cạn sang ngang nữa rồi. Nhà thơ Trần Lê Văn đồng tuế với tôi thì đi đường, sang đường còn khoa học hơn nữa. Anh dắt xe đạp ra phố. Đương nhiên có xe đạp thì đi xe đạp nhưng anh chỉ đạp xe quãng đường nào vắng. Còn chiếc xe đạp kênh càng, để dùng làm cái lá chắn. Cái xe đạp làm hiệu cho người ta biết có xe có người đương dắt đây, thẳng xe máy, thẳng ô tô, chúng mày phải lùi lại, hãy tránh ra cho ông đi, mà ông chỉ đi từ từ thôi, chúng mày la hét thế nào mặc kệ, rõ ràng có cái xe đạp, dắt đi cũng qua có vững tâm hơn.

Còn tôi, tôi hèn hơn hai ông có mẹo sáng tạo ra luật đi đường. Có khi tôi đứng cơ hồ cả nửa tiếng mới sang được ngã tư, mà vẫn phải nhón nhác mắt trước mắt sau. Từ khi các ngã ba ngã năm có đèn xanh đèn đỏ thì ai nấy cũng cảm thấy người đi đường được thành phố tôn trọng và thương người ta hơn trước. Nhưng đôi khi vẫn thót rón. Ấy là có lúc cả trên hai bên cột đã bật đèn xanh có hình thẳng người chạy qua hẵn hoi, thế mà có đứa mất dạy vẫn lao xe chui qua mép đường. Chẳng lẽ cái luật đi đường lại còn có khe hở định giết tôi à ? Dù sao, chấp tôi hôm ấy chúng tôi lóp ngóp qua giữa các thứ xe rồi chúng tôi cũng đến được cái quán ăn quen. Một ông Trần Lê Văn bữa nay không dắt xe đạp. Một ông Thợ Rèn Phạm Lê Văn, người dẹp đét như con rệp đói, đi ra

đường cứ nem nép tựa con cò gặp bão. Vào được đây cả, ngồi ghé có bàn, có chai rượu, thơ vẫn lại cong cớn lên rìa rồi.

Tôi cất tiếng mừng công trước :

- Ấy này các ông ạ, nhiều bài thơ của Nguyễn Bính ngày trước hay ghi nơi viết ở «gác Sơn Nam». Có cái gác Trần Huyền Trân trọ trong ngõ Sơn Nam thật. Nhưng không phải Nguyễn Bính đã hòai cổ cái trấn Sơn Nam của hai ông quê Nam Định đâu. Cái phố hẻm Sơn Nam cạnh Cổng Trắng ở Khâm Thiên ấy, cả dãy nhà là của triệu phú Bạch Sơn Nam, lão lấy tên lão đặt cho tên ngõ. Như ngõ Tân Hưng là ngõ toàn nhà của cụ Chấn Hưng hàng Bạc đấy.

Biết cả rồi.

Đã nhạt hết những cái hú vía đi đường, câu chuyện miên man sang thơ.

- Này có ông nào nhớ bài thơ «Nhạc xuân» của Nguyễn Bính khai bút năm Canh Thìn 1940, trong bài có bốn câu kết, mà bây giờ in lại, báo sách nào cũng in sai.

Sai thế nào ?

- Huyền Trân ơi ! Mùa xuân, mùa xuân, mùa xuân rồi. Giờ đây chín vạn... Không phải thế. Tết năm ấy, Nguyễn Bính có viết bài thơ chữ như rồng bay phượng múa vào một tờ giấy lệnh treo trên tường nhà tôi ở Nghĩa Đô. Những câu kết bài thơ ấy như sau :

Huyền Trân Huyền Trân Huyền Trân ơi ! Mùa xuân
Mùa xuân Mùa xuân rồi.

Mùa xuân chín vạn bông trời nở. Riêng có tình ta khép lại thôi.

Ông Thợ Rèn tán :

- Tôi cho là ông nhớ đúng. Bài thơ này dài, mạch câu đều bảy chữ. Cả bài câu bảy chữ mà một câu ba chữ mở đầu thì khắp khiêng. Thơ Nguyễn Bính cũng đá Nho, không bao giờ chịu hẫng thế, lại còn cái tình nữa, đến đoạn cuối tác giả xuống thang lên thang thăm thiết gào lên nhưng cũng vẫn chỉ trong vòng bảy chữ.

Ông Trần Lê Văn cũng gật gù. Câu chuyện thơ càng làm chúng tôi tạm khuây cái lo đường xá phố phường. Nhưng đôi lúc cứ phảng phất lúc ra về, không biết đương còn vui hay lại nhớn nhác, lo ngay ngáy.

Mai Châu

Mai Châu, một vùng du lịch của tỉnh Hòa Bình. Ở huyện Mai Châu sinh sống các dân tộc Mường, Thái, Kinh, Dao, Mông. Đông nhất là Thái và Mường, chỉ có hai xã Mông O, Mộc Hạ di cư xuống đã lâu đời.

Trên bốn mươi năm trước, lần đầu tôi đưa các bạn nhà văn Ấn Độ thăm các làng Thái, làng Dao ở Mai Châu. Rồi các nhà văn Nga, Pháp, Trung Quốc...

Hôm nay mới có dịp trở lại. Huyện đã có quy định ba thôn được đón và tiếp khách du lịch. Khách trong nước và nước ngoài đến Mai Châu, tha hồ đi khắp nơi nhưng khi ở lại hay nghỉ ngơi thì trở về ba thôn : các làng Bản Lác, Bản Vắn và Phong Chóng.

Vào trong xóm, những tấm thổ cẩm màu lam màu điều dịu mắt vắt từng lớp trên dây, căng trên bờ rào, quanh gốc cây. Có thể mua làm quà lưu niệm - những chiếc mũ lưỡi trai hoa văn đương là cái đội thời thượng của thành phố. Hay là ta hãy vào dưới sàn xem những cô gái dệt thổ cẩm, cánh tay trần dịu dàng đưa thoi, so le mảnh áo ngắn ngang lưng, rồi hãy ra chọn hàng.

Vào trong thôn, khách có thể ở bất cứ nhà nào, nhưng có đủ tiện nghi thì mỗi thôn chỉ có một hai nhà. Những nhà này là những ngôi nhà sàn lớn, có nhà vệ sinh, vòi nước tắm và điện thoại. Trên sàn, góc ngủ xếp đệm hoa và chăn gối mời khách qua đêm như phong tục cũ ở những nhà khá giả. Sàn nhà rộng thênh thang ta ngồi chề chền rồi cùng nhau xoè múa và thi hút rượu cần. Tôi vào Bản Lác đến nhà cụ Hà Công Nhảm - nhà cụ Nhảm bây giờ cũng là ngôi nhà to, cột gỗ nghiêng sáu cạnh. Năm xưa, tôi đã có dịp đưa khách đến nhà cụ. Khi đó, nhà chỉ có ba gian, lợp tranh, nhưng cũng thật nền nếp. Giữa nhà, trên bếp đặt cái ninh sôi đêm ngày không bao giờ tắt lửa. Khách nằm chơi ở gian ngoài, gối đầu lên thành cửa sổ trông ra chân cột sàn và ao cá nước chảy trước mặt. Trên mặt nước, những khóm lúa nếp cao cao. Mời cơm khách, ông chủ chỉ việc đem cái vợt ra chao xuống là được con trắm, con chuối, nhanh hơn bắt thịt con gà. Đã thành tục ngữ Mường, lâu đời câu «cơm trên, cá dưới» trên cây lúa dưới con cá miêu tả cái phong lưu cơm sôi và cá nướng của người phong lưu thích vui là như vậy. Cụ Nhảm đã yếu, lại đau dạ dày phải ăn kiêng và bỏ rượu rồi. Cụ Nhảm vẫn nấu rượu, nhưng chỉ để mời khách rồi xem khách uống và hỏi chúng tôi cái rượu của cụ có được không. Tôi muốn ở lại trò chuyện với cụ về những Mai Châu Đà Bắc

ngày xưa. Nhưng hôm ấy Bản Lác đã đủ khách, không thể ở thêm. Trông sang cửa sổ nhà bên, những Tây đầm tóc vàng, tóc bạch kim và đầu trọc ngồi lố nhố. Dưới sàn, Tây ba lô dắt xe đạp khấn gói con cóc đeo lưng, đi nghênh ngáo. Còn nghe kể chẳng mấy khi ở đây vắng Tây ba lô và sinh viên ta lũ lượt cười xe đạp xe máy ở Hà Nội lên. Cụ Nhắm hẹn tôi dịp khác.

Chúng tôi trở lại bản Phong Chóng, đã được đặt chỗ nghỉ dưới ấy. Ngôi nhà sàn ở đây cũng thanh thang chẳng khác nhà cụ Nhắm. Chập tối, cơm rượu đã dọn ra, mỗi mâm cũng thịt luộc, cá không thui, mà cá rán xào cà chua chẳng khác đám nhậu ngoài phố. Nhưng gói xôi nếp bọc lá chuối, người ta vê bóc từng nắm và uống cái rượu gạo men lá nặng giọng còn hơi hương biên giới miền tây.

Rồi các cô trong bản đến hát múa. Thấy bảo chị em hàng ngày làm đồng dệt củi và đi rừng kiếm củi, tối có khách gọi thì đến «giao lưu» được trả công. Chỉ tiếc các cô Thái hát tiếng Kinh. Dầu tôi không biết tiếng Thái, tiếng Mường nhưng chắc là nghe những giọng lạ tai ríu rít, líu lo lên, hẳn là được mơ màng hơn. Và cũng chiêng cũng phách đệm lại thêm đàn măng đô lin và ắc coóc, nghe trống xuôi kèn ngược những cái bà con tự biên tự diễn này. Lại nực cười, có cái khèn Mông

rởm không có lỗi thôi chỉ cần trang trí, một anh chàng Mường nhảy lò cò.

Ở đất du lịch còn hoang sơ này cũng giống ở bản Thanh Lương trên Điện Biên, trong làng có ông già Thái ngày trước lái bè vốn tháo vát cũng cất cái nhà sàn to đón khách. Điện Biên đặc biệt có nhiều khách Pháp. Những ông tù binh thua nào vẫn hay đem vợ con đến thăm lại nỗi khủng khiếp buồn. Huyện cũng chẳng có hoạt động du lịch, nhà ông lái bè được tiếp Tây, cho Tây ngủ đêm. Thanh Lương cách cửa khẩu Tây Trang sang nước Lào có mười bước đường, tôi hỏi Tây lên đây có đòi hút hít không, chủ nhà lắc đầu, cười nhả nhỏ, khó hiểu.

Đêm gió man mác dưới khe sàn lọt lên lạnh một bên má, tiếng gà gáy xa xa eo óc, trong cái ao trát xi măng, chóc chóc con cá chuối quẫy đuôi đen đét và tiếng sàn cọt kệt dưới lưng mới nhớ được đương trong đêm làng rừng. Buổi sáng Mai Châu vào thu băng khuâng. Làn sương mờ ảo băng lảng qua triền núi thấp thoáng xanh đậm xanh mờ, mà ban ngày đi trên Thung Khe nhìn xuống nhìn rõ từng ô ruộng ô nhà thị trấn Phố Vãng giữa vệt đường sang Quan Hoá bên rừng Thượng Thanh.

Vào quán uống tách cà phê vị mặn - chứ không phải cái đắng quen thuộc. Có phải vị cà phê nông trường Cao Phong như thế hay là cà phê bã của đêm qua, cũng ở quán này có karaôkê hát hét tung bừng, phố huyện núi cũng mới thêm trò này. Khách trong ngoài nước biết Mai Châu đã trên bốn mươi năm nay. Ấy là chưa kể xưa kia, trai gái tết đi chơi các hang đẹp, các quan Tây quan binh, quan phìa, quan lang đạo, lang cun đã biết chơi hang, tắm suối dưới chân thác. Thế mà đến bây giờ du lịch Mai Châu vẫn chỉ tự phát, được sao hay vậy. Cảnh và người thì nồn nà, tổ chức thì sài đẹn, những cái xộc xệch chàng đáng có mà chẳng cấp nào để mắt đến.

Nghe nói đầu năm vừa rồi tỉnh Hòa Bình đã ra quyết định đưa đất trời Mai Châu vào ngành công nghệ không khói hái ra tiền. Người yêu Mai Châu mong tin ấy chóng từ công văn sang công việc. Đã ngót nửa thế kỷ qua rồi.

Mãi Rồi Cũng Đậm Quen

Ban ngày và cả ban đêm, ở ngoài phố, chóc chóc lại nghe rao «Khúc ơ ! Khúc ơ !» Cái xe đạp thồ bánh khúc nóng đã kéo kẹt lẩn vào bóng tối, vẫn còn văng vẳng... Khúc ơ... khúc ơ... Chắc cũng chẳng mấy ai còn biết cây lá bánh khúc thế nào. Cây lá khúc, khi mùa đông tới, chỉ chít mọc hoang ở những thửa ruộng đồng cao bên chân tre. Lá non mốt trắng, hoa khúc li ti vàng, như hoa cải. Gió bắc đã thổi, thế là đến mùa làm bánh khúc rồi. Người trong xóm ra hái cả lá cả hoa ôm về bỏ vào cối đá giã như giã cua, rồi trộn với gạo nếp, nhân đậu xanh với miếng mỡ lợn, nặn từng cái bánh để vào chỗ đồ lên.

Người ta hay nấu ngô bung và làm bánh khúc ăn chơi vào những ngày mưa dầm rét mướt. Nhưng bây giờ các ruộng cao trồng màu quanh làng đều đã xây làm lò gạch hay đắp nền xây nhà ở cả. Có lẽ chỉ những nơi xa lắm mùa rét mướt dài ngày mới còn cây lá khúc, bánh khúc. Thế mà ở Hà Nội cứ quanh năm rao «bánh khúc». Mùa hè nóng vãi mỡ vẫn bánh khúc, bánh khúc. Cái bánh khúc vẫn còn nhân đậu xanh như cũ, nhưng miếng nở đã chảy dầu mất và lá khúc thay bằng cọng rau muống già, nghiền ra.

Đáng lẽ gọi là bánh rau muống mới đúng nhưng cái tên bánh khúc đã quen và người ăn cũng chẳng biết lá khúc và lá rau muống khác nhau như thế nào, rồi cũng quen.

Ngày trước, trong bát vằn thắn (hòanh thánh) nhất thiết phải rắc lá hẹ và cũng chỉ có lá hẹ làm gia vị mới nổi mùi vằn thắn. Bây giờ các vườn rau quanh thành phố chẳng ai trồng lá hẹ, người ta thay lá hẹ bằng lá củ kiệu, lá củ kiệu cũng lẫn tăn xanh như lá hẹ. Kiệu trồng để lấy củ, củ kiệu muối, kiệu ngâm giấm ăn với thịt quay. Cây hẹ chỉ có lá, nên không «kinh tế», thế là lá kiệu thành lá hẹ.

Cô hàng vằn thắn bảo : Lá hẹ đấy ! Tôi nói : «Lá kiệu thôi, không phải lá hẹ». Thấy ông khách đứng tuổi, có vẻ «người ngày xưa» cô bán hàng cười hiền lành : «Nói thực, cháu cũng chẳng trông thấy cái lá hẹ bao giờ. Khách có hỏi, cháu cứ nói bừa là lá hẹ, người ta cũng ăn tất !» Tôi cũng ăn tất, tôi ăn lá kiệu đã lâu, hôm ấy hỏi chơi thế thôi. Còn như bây giờ muốn biết mặt lá hẹ có lẽ phải lên tận các làng người Nùng ở huyện Chợ Rã cạnh hồ Ba Bể ngoài sân ảnh mỗi nhà bắc một mảnh vầu trong trồng mấy khóm hẹ, đôi khi ngắt vào ăn với tiết canh lợn. Nhưng ai mà cất công đi và về mấy trăm cây số lên hồ Ba Bể, lên thác Bản Giốc hái vài lá hẹ về

bỏ vào bát vẫn nhẩn.

Cái lá mùi tàu vốn là cỏ, lên Tam Đảo thấy có này mọc từng đám khắp các bãi. Bây giờ người ta ăn phở ở Hà Nội thích lá mùi tàu hơn cả húng Láng lai húng Sơn Tây và rau mùi. Ở Sài gòn khách ăn bỏ cả canh lá mùi tàu vào bát phở. Tài thật không biết từ bao giờ ông tổ sư nghề rau nào đã hoá phép biến cái cỏ thành cái rau và đặt tên nó là mùi tàu

Rau cũng như cỏ, rau cỏ mà, rau thế thì thịt cũng đại khái thế. Mấy năm trước, người ta ăn thịt vịt chỉ chén tiết canh vịt, khinh thịt ngan chê thịt ngan tanh, xương ngan rắn. Bây giờ thịt ngan đã lên ngôi, các quán đã treo bảng : phở ngan, miến ngan, cháo ngan tiết canh ngan. Người vào ăn đông lắm.

Có gì đâu, chỉ vì ngan thì nuôi đàn, ngoài chợ có ngan bán quanh năm. Còn vịt lệ thuộc vào mùa vụ cấy hái, ruộng gặt quang rồi mới thả vịt và vịt chỉ được ra đồng khi ruộng xấp ải, cày bừa, cho nên con vịt ra chợ có lúa, không phải lúc nào cũng sẵn. Bây giờ người ăn sáng, người ăn tối lắm quá, các nhà hàng làm ảo thuật cho vịt biến thành ngan, thực khách xơi tuốt.

Một hôm, tôi ăn phở trưa, một hàng phở bình thường ngoài phố. Đã qua lúc đông khách, cửa hàng vắng không

còn ai. Một cái xe máy tã thừa xe «cá vàng» phanh phạch đổ. Một người mũ cát, áo ka ki như ở trong làng ra, anh ta bê vào một túi ai lông, đổ ra hai cái rô sảo thịt và xương bò.

Người bán thịt đã đi rồi, tôi hỏi chủ quán :

- Xương trâu hay xương bò ? Chủ quán chép miệng :
- Lăn lộn cả, trâu hay bò thì cũng thế. Tôi nói đùa :
- Mà vẫn cho tao ăn phở thịt trâu à ? Anh ta cười :
- Ai lại dám hỗn với ông, ông đã ăn các thứ phở ở phố này từ thời còn sống phở Chí với cà phê Hòa ở góc si kia mà.

Tôi không được dị tướng như bác Nguyễn, mà nhà hàng cũng nhớ, kẻ cũng quý. Thế rồi anh ta tổng tộc ruột ngựa nói luôn với khách thân :

- Chẳng phải chỉ thịt trâu mà thịt ngựa cũng có. Trâu già, ngựa ốm ngựa què, bọn lò mổ tận trong Thanh Oai đem ra đây cũng thành thịt bò cả.

- Thế khách có biết không ? Anh hàng phở kêu lên :
- Ôi giờ ôi, bây giờ người ta ăn như mưa rào. Mà cái gì cũng đâm ra quen hết.

Mỗi Người Một Khác

Báo Thế giới mới số tháng năm 2000 đăng một tin ngắn : «Ông Hồ Ngọc Mỹ quê ở Quảng Điền (Thừa Thiên) lên dạy chữ cho người dân tộc Tà Ôi trên vùng núi phía tây Thừa Thiên từ 1947. Năm 1957, cũng ở vùng ấy, ông Mỹ lại lên chuyên dạy đào tạo giáo viên cho địa phương. Ông giáo Mỹ có tên tiếng Tà Ôi là ông Ku Nô. Ông đã soạn được bộ chữ tiếng Tà Ôi la tinh hoá. Bộ giáo dục đã cử cán bộ về giúp ông hoàn chỉnh bộ chữ này để dạy người Tà Ôi».

Có nghĩa là ông giáo Ku Nô Hồ Ngọc Mỹ, khi ở vùng bị chiếm, khi thì là vùng giải phóng, đã trên 30 năm dạy học ở với người Tà Ôi. Báo không đưa tin cho biết ông giáo lấy vợ người Tà Ôi hay có vợ ở quê. Tôi thật phục cái chí và can đảm của ông giáo Hồ Ngọc Mỹ Ku Nô.

Tôi đã đặt tên bài này là «Mỗi người một khác», ấy là tôi cũng có một anh bạn có chí, nhưng lại là cái chí khác, cái can đảm khác. Đó là tấm gương mờ. Anh bạn chơi với tôi nên tôi biết anh nhiều hơn là chỉ được đọc cái tin trên báo về hành động dũng cảm và kiên trì của nhà giáo Hồ Ngọc Mỹ. Tên anh là Phạm Nhân. Chữ Nhân chỉ bỏ dấu thì thành tên Phạm Nhan, cái tên con ma hay quấy rầy trẻ hờn đêm. Ngày trước, cứ trẻ con

mà khóc dai thì có cái hèm là người mẹ cầm một con dao rựa ra chém vào bờ rào mấy cái, quát to : «Thằng Phạm Nhan ! Thằng Phạm Nhan. Mà mà về quấy con bà thì bà chém mày chết». Không biết có phải vì đòn phép thế mà ma Phạm Nhan phải bỏ chạy hay là vì trẻ con khóc làm mỗi hôm thì im, nhưng bấy giờ người trong làng hay dỗ trẻ con bằng cách ấy.

Anh Nhãn bạn tôi hiền lành - hay ít ra là những cái tôi thấy tôi biết về anh đã khiến tôi nghĩ như thế. Tôi chỉ nghĩ có cái đầu húi cua của anh. Những người mới già thường hay để tóc ngắn. Ai còn nhớ cụ nhà thơ Thanh Tịnh, khi cụ chạc ngoài 60, cụ rất chăm cắt tóc, mà cắt thật cao. Chỉ rồi đến những năm già quá cụ chẳng buồn tân trang nữa, cụ mới lười lo chuyện cái tóc ngắn, cái tóc dài. Chỉ bởi vì để tóc ngắn thì người ta chỉ trông thấy người mới cao tuổi lắm tấm bạc ở chân tóc, không ngờ là cả cái đầu đã trắng phơ. Tôi không rõ anh Nhãn húi tóc của để làm gì, trong khi tôi biết tóc anh đã bạc cả.

Tôi cho là Phạm Nhãn hiền lành, vì thấy anh chơi với bọn bợm bia, rượu, mà anh chỉ mới làm chưa hết góc vại, mặt đã đỏ lựng. Anh ngồi xem họ uống mà lấy làm vui. Không những thế, còn phục vụ tận tình là đằng khác.

Cứ khi nào lão hoạ sĩ Mai Văn Hiến mà cơ sắp xin thì nhất định phải đến tay Phạm Nhân đưa về. Đỡ nhau đi bộ từ phố Huế đến giữa phố Hàng Dẫy, Hiến bước chệnh choạng - anh Phạm Nhân phải giúp Hiến đi lão đảo tựa vào vai mình, không có thì Hiến đến vồ ếch mất. Tây Hiến mũi lõ cao to thế mà đồ giữa đường thì ê chệ quá đồi. Phạm Nhân chưa hết khó nhọc đâu. Hiến say rồi Hiến lại hay vừa đi vừa can thiệp mọi sự xung quanh, còn hăng hái hơn nhà văn Nguyên Hồng nhiều. Đến vườn hoa Cửa Nam, thấy trẻ con đá bóng, ông cũng vào làm chân giữ gôn. Thấy một bà đương mặc cả xe xích lô, ông đến cắt nghĩa đường xa đường gần và mặc cả hộ. Có ông công an trên vỉa hè, ông nói «đề nghị đồng chí đứng ra giữa đường mới là chỗ chỉ huy xe cộ được», và vân... vân... Cứ nhẩn nha như thế, có lần nửa đêm mới dìu được lão hoạ sĩ tới nhà, lại còn phải dắt đưa vào tận buồng, tận giường, kéo ông đi nhàm nhà. Nào đã xong, cái điều đâu, tìm mãi không thấy, cậu Nhân xem hộ mình cái điều...

Phạm Nhân thật chịu khó với bạn. Và tận tình, như tôi đã kể trên. Một hôm, Phạm Nhân bảo tôi :

- Mình sắp đi Hà Lan.

- Đi làm gì ?

- Về hưu rồi, đi ít lâu kiếm cái vốn con con. Vả lại, mình cả đời công tác dịch tiếng Pháp mà sắp xuống lỗ rồi vẫn chưa biết châu Âu ở đâu thì buồn quá.

Tôi cũng thông cảm cái băng khuâng lảng mạn và thực dụng xưa nay của Phạm Nhân, tôi hỏi :

- Đi bằng cái gì ?

- Khi còn công tác, tôi quen nhiều bạn ở nước ngoài đến đây. Sẽ bảo một thằng ở Hà Lan viết thư mời sang chơi. Cầm cái có ấy đi xin giấy tờ thì xong ngay. Bây giờ dễ. Còn tiền thì sẽ tự xoay.

Anh kể anh sẽ mua một số tranh lụa gửi bán và đem theo, vừa tiền tàu xe vừa làm cái ăn đường. Tôi chịu những tính toán thiết thực và táo bạo của anh. Phạm Nhân đi thật. Rồi anh viết thư về, khoe : đã tìm được việc làm hợp khả năng, khỏi việc. Đã thuê được nhà ở, có điện thoại. Lại gửi ảnh cho xem, đã đi Thụy Sĩ, đi Pháp, đi Anh, đi Tây Ban Nha... tài quá. Có điều chắc anh phải mưu mẹo thế nào, mới may mắn thế mà tôi không biết. Nhưng rồi Mai Văn Hiến nói thì tôi mới rõ được những ma mãnh của anh. Sang tới nơi, anh đã làm đơn xin nhà nước Hà Lan cho cư trú chính trị. chẳng là nếu đơn thất nghiệp, đơn kêu ốm, đơn bị tai nạn giao thông thì không ăn thua bởi thế thì anh chỉ là người qua

đường không dính dáng gì đến nước người ta. Nhưng cái tệ nạn chính trị, lồi thòi đến nhân quyền và tự do, mấy nước ú ớ này nhận đơn và bảo đợi trả lời.

Trong khi đợi, một năm chưa trả lời thì hai năm, đến bây giờ sáu năm qua rồi vẫn chưa được trả lời, mà người ta vẫn trợ cấp cho người đưa đơn có tiền để thuê nhà ở, có tiền ăn, có tiền đi giải trí và có thư anh đã hỏi tôi «có muốn sang Hà Lan chơi, mình sẽ bày cách cho, dễ ợt, sang chơi nhé». Rủ tôi thế, là chắc Phạm Nhân đoán tôi đã biết cái khôn, cái mẹo của anh. Anh viết thư giải thích cho tôi biết xin ty nạn là biện pháp tình thế, cái có để ở lại và có tiền tiêu, chứ cái điều anh đã tâm sự năm trước rằng đi vài năm kiếm cái vốn con con và được dịp đi chơi nữa, thì anh vẫn đinh ninh, anh đã có kế hoạch chi tiết cho một ngày thắng lợi trở về.

Tôi cũng tin anh nói thật, với những mơ màng ấy. Chỉ có điều tôi không hiểu thì vẫn không hiểu. Phải chăng cái đó thuộc về tâm tư con người, mỗi người một khác. Anh không giàu, nhưng cũng không bao giờ thiếu. Khi về hưu, những công việc dịch tài liệu, dịch ở các hội nghị hội thảo, lúc nào cũng bề bộn và kiếm ra tiền, anh đi chơi vung vênh vào Nam ra Bắc như con thoi. Lại không bia, không rượu, ngồi với anh em chỉ chén đầy cơm và thịt, có nhắm (chứ không uống) vài

củ lạc, miếng bánh đa. Thế thì đi mấy năm, chẳng biết mấy năm nữa mới «kiếm cái vốn con con về» để làm gì. Tôi hỏi Mai Văn Hiến, Hiến cũng chịu không cắt nghĩa được Chỉ nói thêm : «Thằng này có máu com-mec (commerce : buôn bán). Và chỉ có máu thôi. Một hôm, đọc chỗ đuôi trang tư Báo Hà Nội mới thấy gia đình Phạm Nhân đăng tin buồn. «Ông Phạm Nhân đã tạ thế ngày... tháng... năm ở nước Hà Lan». Cũng không nói ông tịch ở thành phố nào, tại sao ông chết. Có lẽ ở nhà cũng không biết. So ngày mất với ngày đăng tin buồn thì thấy cách nhau hơn bốn tháng ?

Thế là toi cái mộng và cả người chủ mộng.

Qua Miền Trung

Núi Chứa Chan

Người qua cực nam Trung Bộ thường hỏi núi chứa Chan ở chỗ nào, mà không mấy ai biết. Hầu như những vùng núi cao, thung lũng và cánh đồng đâu cũng là núi Chứa Chan, từ dọc dài bờ biển cực nam khuất khúc lên Tây Nguyên. Ai đã đặt tên cho núi ? Chứa Chan là tiếng thổ dài ngạc nhiên hay niềm mơ ước của người thợ rừng đeo đá, người sơn tràng gặt được của đột ngột, hay là tâm sự người chiến sĩ ra chiến trường bao nhiêu éo le chan chứa đời người.

Trong sách «Từ điển tiếng Việt miền Nam» của cụ Vương Hồng Sển có kể ở khe Dạ Lao trong núi Chứa Chan có nhà sư Ngô Chân tu ở hang đá. Thế thì cái nghĩa Chứa Chan đã đến được hư không trong khổ hạnh. Cái nghĩa chứa chan biết sao là cùng. Sớm nay, trời mưa trắng núi trắng trời từ lúc ra khỏi thành phố. Ai cũng hỏi :

Tới núi Chứa Chan chưa ? Chắc là qua rồi. Hay là chưa qua, bạt ngàn rừng cao su miền Đông, trong mưa như vắn cả trăm nghìn con lũ xả xuống. Tây Nguyên ! Tây Nguyên ? Nhớ lần ấy chiến dịch giải phóng Tây Bắc 1952, quân đi vượt đèo Khau Vác, sắp vào trận

đánh Nghĩa Lộ. Trú quân nửa đêm ở Sài Lương, trông sang nham nhờ lửa đèn đèn địch bên kia, tôi được nghe một câu nói trầm ngâm khác thường của vị tướng cầm quân đang lâm trận :

- Anh có biết trong cuộc kháng chiến trường kỳ này phải cho đến khi nào ta tới được chiến dịch giải phóng Tây Nguyên, giải phóng Tây Nguyên mới là toàn thắng.

Câu nói mơ màng trên đỉnh Khau Vác năm xưa cứ làm tôi ở Hà Nội bao nhiêu năm sau khi đã hoàn toàn thống nhất đất nước, mỗi lần máy bay lướt qua Tây Nguyên trập trùng hạ cánh xuống Tân Sơn Nhất giữa vùng sông nước Sài Gòn xanh rờn bóng dừa, lại nhớ lời định ninh chiêm nghiệm chứa chan tin tưởng ngọt ba mươi năm chinh chiến của vị tướng cầm quân giữa chiến trường.

Tạnh mưa, trời quang hẳn.

Cả trời cả biển Long Hải đương vun vút bên kia. Vùng Xuyên Mộc núi và rừng nhấp nhô liên tiếp như những dòng thời sự và lịch sử như mới hôm qua. Những ngày đêm du kích Bà Rịa Vũng Tàu phá kho hậu cần của nguy Pác, nguy Úc, chúng phải bỏ chạy về thị trấn đã qua rồi những đám người di tản đi đâu trên bờ xuống biển trong đêm tối thê thảm biết sống chết thế nào.

Bây giờ, con đường như đại lộ ra các bãi biển từ Mũi Né đến rừng tràm nước nóng khu du lịch Bình Châu bên kia. Trời xanh trong, xóa đi những đêm chiêm bao trắng núi trắng trời, rừng Chứa Chan lại thăm thẳm xanh xanh. Xe tải chở sắt thép, xi măng, cát và đồ đạc nội thất. Và những xe chồng chất từng bó lá buông cao ngất. Mỗi chiếc lá buông to như tàu lá cọ, người quanh vùng ngày ngày vào rừng chặt lá. Lá buông tải vào thành phố để người ta làm đồ xuất khẩu chơi cảnh và làm nón, đan chiếu bày bán ở các siêu thị nước ngoài.

Trong khe Dạ Lao hang đá núi Chứa Chan, không biết nhà sư Ngộ Chân có còn ngồi thiền hay đã xuống rừng chặt lá buông

Ninh Thuận

Mỗi khi qua Bình Thuận, Ninh Thuận lại nhớ Tế Hanh khi đi vào hậu địch những ngày đầu chống Pháp tháng bảy 1951, viết bài trường ca :

Tôi gặp chị một chiều Ninh Thuận
Vai mang gùi đầu quần khăn tang.
Người đàn bà Ninh Thuận.

Những ngày kháng chiến của người cán bộ ở cực nam thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ đâu đâu cũng gay gắt,

gian nan. Ôi cực Nam Trung Bộ ba mươi năm ác liệt, bây giờ chúng tôi lại đương được đi qua trên những con đường cái chính xứ, ngày đêm xe cộ nườm nượp. Phan Thiết, Phan Rang vẫn những cánh đồng phò phạc, cần cỗi, những bờ ruộng mấp mô đá tảng» vờn lên xa xa mỏm tháp Chăm như một dấu chấm đỏ lịm vừa thần thơ, vừa sừng sững. Cánh đồng đá lỏn nhón, những giàn dây thanh long vào mùa sang đông trơ trụi như những cây xương rồng hoang.

Ven đường đột ngột dựng một cái bảng lớn kẻ chữ Pháp, chữ quốc ngữ : «Nhà máy nước suối Vĩnh Hảo». Một quãng đường nhựa xếp dãy một hàng xe tải cỡ lớn, chắc là nước khoáng đem về thành phố. Nước suối Vĩnh Hảo đã được khai thác từ thế kỷ trước. Thuở ấy trên báo hàng ngày ở Hà Nội và Sài Gòn, trên những tấm pano dọc đường đề quảng cáo nước suối Vĩnh Hảo, nước khoáng Vĩnh Hảo hay hơn, bổ hơn nước suối Vichy bên Pháp. Thế mà cái ông tư sản này len lõi nhanh thật, nước suối Vĩnh Hảo bây giờ, lại đầu thai ra ngay ở cái vùng núi đá hẻo lánh mà quen thuộc này. Trong triền núi đá nhô ra, chưa trông thấy rõ đàn bò hay đàn dê lon ton, chen chúc trên đồi ào xuống, đen đũi như bó rạ ở ruộng ải. Rồi nhìn ra là đàn cừu. Những con cừu như con chó con đi đông đặc như cả mảng gốc rạ. Những đàn cừu, cả trăm nghìn con cừu đương chạy thong dong

trong nắng gió đất Ninh Thuận.

Hốt nhiên trông thấy con cừu, tôi nhớ lại kỷ niệm những chuyến đi xa. Ở Mông Cổ, khi mùa đông về, trên đồng cỏ hanh hao sông suối cạn kiệt nước. Những đoàn xe tải bịt bùng kín những nhà lều chuyển hàng nghìn vạn con cừu đi tìm chỗ trú đông ở những thung lũng có cỏ, có nước. Ở Đông Phi hay quanh vùng đất ẩm Địa Trung Hải, ngay ở đường phố Bâý rút nước «Thuy Sĩ Phương Đông» khi chiều đến, lũ lượt người ra ngoài ô công những con cừu ngoài bãi cỏ về chuồng. Quanh sân bay ở sa mạc Sahara, người chăn cừu nhắc chiếc gậy lên, đàn cừu đi rùng rùng như sóng đất. Người và cừu ở đây thật gần gũi, tấm da cừu trên vách nhà lều ẩm như vách sỏi, cả con cừu thịt treo ngoài hiên lều như ướp lạnh, mỗi bữa ra xẻo một miếng vào nướng. Mùi cừu nồng thơm, phảng phất món cà ri nghệ mua ở chợ Đồng Xuân, chợ Bến Thành về nấu giả cầy, làm nhựa mật cũng đỡ thèm rồi.

Khỏi phải chờ, ở Hà Nội bây giờ đã có cao lầu đặc sản cá hồi sống Nhật Bản và quán cà ri Ấn Độ một quán sang trọng bên kia Hồ Gươm, một quán nho nhỏ chen chúc giữa phố Mã Mây. Ông chủ Ấn Độ này kinh doanh hoặc làm quản lý của hãng buôn nào đấy hay ông làm nghề xẹt ty (chetty) cho vay lãi, ngồi bán hàng tơ

lụa ở Hàng Ngang - Hàng Đào, cũng na ná

như quán ăn Bôđêga cho tới Hà Nội 1954 ta còn thấy. Ông này cũng lấy một người vợ Hà Nội và mở quán thịt cừu giữa phố cổ 36 phố phường buôn bán sầm uất - Ông làm một công đôi ba việc và người làm chạy bàn, tiếp phẩm, tính tiền khách ăn đều là người nhà vợ. Ông bảo :

- Những người nấu thịt cừu ở cửa hàng tôi đem bên Ấn Độ sang.

Ông đưa tôi vào tận bếp cho tôi thấy một ông tây đen râu xồm quàng cái tạp dề xanh lơ, rõ thật hạt cái khăn của ông tây đen quần thừng.

Tôi hỏi :

- Thịt cừu thì lấy ở đâu ?

- Thịt cừu hàng tuần có chuyến bay Hà Nội - Cancutta. Có khi phải mua dê Mộc Châu. Thịt dê Mộc Châu cũng ngon như thịt cừu.

Chuyến này về tôi sẽ mách ông ấy vào Bình Thuận, tha hồ kén cừu chính cống. Nhưng mà rồi tôi phải chào thua những tay tứ chiếng thương hồ.

Tôi khoe :

- Vào Ninh Thuận có thể mua cừu không phải làm cà ri dê Mộc Châu nữa đâu.

Ông cười cười :

- Biết rồi, tôi biết cừu Nha Trang đem ra Hà Nội, đem vào Sài Gòn cũng được. Tôi xin báo để ông mừng cho tôi, tôi mới mở thêm một quán thịt cừu ở Sài Gòn. Thịt cừu ở Nha Trang vào Sài Gòn cũng gần hơn Hà Nội.

Làm sao tôi còn phải mất công đi mách nước cho những người buôn bán tài ba khắp thế giới như những ông Ấn Độ này. Thánh Găng Đi lúc thiếu thời đã từng đi bán vải các thành phố cảng quanh châu Phi kia mà.

Tôi lại mơ màng về những con cừu Phan Rang, Phan Thiết, những con cừu trên cánh đồng và bãi đá bao đời ở đất nước tôi đã quen thổ ngơi cái nắng cái gió nhiệt đới, bộ lông cừu cũng xoắn ngắn lại chỉ bằng cái áo gilê.

Những cái tháp Chăm chơ vơ chân trời. Có phải những đàn cừu còn lại từ khi cái tháp đo lịm nghìn năm vẫn ở đây. Con cừu và cái tháp vùng Châu Sa nói rằng các nền văn hoá văn minh của nhân loại là nối tiếp trên mặt đất khắp thế gian.

Ở sa mạc Di da ngoài thành Kê rô nước Ai Cập có tháp Kiôp vĩ đại. Những tảng đá đồ sộ kỳ

lạ quanh chân tháp dường như miết ngón tay thành vệt được. Thế thì khác nào đá ong núi Ba Vì đào trong đất thì mềm phơi ra nắng thì mãi mãi hoá đá với thời gian. Mới đây một nhà khảo cổ Pháp nêu ra một giả thuyết về đá Kim Tự Tháp được thế giới đương bàn tán. Đá tháp Kiôp không phải đá tảng mà đá luyện có khuôn đóng. Cũng như tháp Chăm xây đá liền như ghép lại, cũng như đá ong mềm mà cứng ?

Tuy Hòa

- Sông Ba ! Sông Ba !

Qua cầu sông Ba. Cái cầu đã chiến mà chiến tranh đã tàn phá bao phen, những mố cầu rêu mốc nước chảy rào rào bên bờ lau. Tôi ngoảnh lại nhìn bên kia Đồng Bò. Cái nơi tôi đã nghe ngót nửa thế kỷ mặc dầu Đồng Bò chưa bao giờ tôi được đến mà tôi đã vừa đi qua. Bởi vì trên đường số 7 từ Tuy Hòa đi, nhưng tôi đã cùng đi với đoàn quân Nam tiến những ngày ghi nhớ :

Giữa năm 1946, hơn nửa thế kỷ trước, tôi làm phóng viên báo Cứu Quốc đi vào Nam. Mặt trận đã tới Nha Trang đương lan ra Tuy Hòa. Ở Đồng Bò bên kia sông

Ba đã nghe tiếng đại bác rền tới. Thị xã Tuy Hòa mở hội chợ, những ngày ấy đương nô nức vui đất nước độc lập. Dường như mỗi người vẫn mỗi việc, không ai bận tâm đến tình hình cực kỳ khẩn trương. Chúng tôi lên mặt trận đường số 7. Dự định lên Củng Sơn, Cheo Reo. Trong đoàn đi có trung đoàn trưởng Cao Văn Khánh - sau này là tướng cầm quân cả hai cuộc chống Pháp, chống Mỹ và trung đoàn phó Thu Sơn - người dân tộc Tày - sau này là tỉnh trưởng tỉnh Tuyên Quang.

Tên Đường Số 7

Giữa năm 1953, quân Pháp đương bị vây hãm đến kiệt cùng trong lòng chảo Điện Biên Phủ. Trong thế nguy, quân Pháp phải rút một binh đoàn đương giúp Mỹ tham chiến ở chiến trường Triều Tiên. Binh đoàn tinh nhuệ này tức tốc trở về Việt Nam dự định mở kế hoạch Ất Lãng tấn công các vùng tự do ven biển nam Trung Bộ, đỡ đòn cho Pháp ở Điện Biên Phủ.

Đội quân cứu nguy này đóng dọc dài trên đường số 7, từ đèo An Khê trở lên. Quân và dân khu Năm đã khoá đường số 7, phục kích tấn công suốt đèo An Khê. Trên một trăm xe tăng, xe bọc thép bị phá huỷ, hàng trăm địch bị tiêu diệt. Cả một binh đoàn tan tác, kế hoạch Ất Lãng vỡ.

Vẫn trên đường số 7

Hơn hai mươi năm sau, mùa xuân năm 1975, đại quân ta điểm huyết Buôn Ma Thuộc thành phố mở đầu mặt trận Tây Nguyên. Cả Tây Nguyên rung chuyển. Bao nhiêu binh lính địch cả năm tỉnh Tây Nguyên dồn lại, chạy xuống đường số 7, tan tành cả ở đây. Chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh giải phóng miền Nam bắt đầu.

Năm 1952, ta đương tiến vào giải phóng Tây Bắc trên địa đầu tổ quốc, nhưng phải cho đến khi nào giải phóng được Tây Nguyên mới là toàn thắng - tôi còn nhớ lời tiên tri hơn hai thập kỷ trước của vị danh tướng cầm quân ngày ấy, khi qua đèo Khau Vác. Ngày ấy, chúng tôi không đến được Cheo Reo. Máy bay địch từ Kon Tum xuống bắn phá Củng Sơn. Chúng tôi phải trở về Tuy Hòa. Nửa đêm về tới. Những đám cháy ban chiều thị xã Tuy Hòa bị máy bay giội bom phá hội chợ, tàn lửa còn đỏ rực. Con ngựa thuộc đường trong bóng tối vẫn lúi lũi đi.

Quảng Ngãi

Tôi vội đi cho kịp chuyến bay Đà Nẵng mà con bão số 2 còn đương rập rình bên ngoài biển Đông. Không biết ghé lại thị xã Quảng Ngãi có kịp không.

Bởi vì tôi còn phải gặp cháu Dũng ở thị xã.

Dũng bây giờ đã trên ba mươi tuổi rồi. Những năm ấy Hà Nội đương bị Mỹ ném bom, thành phố cứ đông vắng từng lúc. Cơ quan đã đi sơ tán cả, chỉ để lại hai ba người thường trực hoặc ra bưu điện, hoặc đi nhà in. Nhưng loanh quanh rồi lại có mặt cả Cũng như hàng phố người ta chỉ đi khỏi nhà những khi bom bắn căng nhất. Lúc nào cũng thấy Dũng ngồi ở gốc cây sữa trên hè phố. Bảy giờ Dũng mới chỉ khoảng tám chín tuổi. Tôi hỏi :

- Cháu không đi sơ tán với nhà trường à ?

Dũng ngần ngơ lắc đầu. Về sau, tôi mới biết mẹ và anh em Dũng ở cơ quan bên cạnh. Ba Dũng vào chiến trường B đã mấy năm rồi. Một năm, Dũng bị một cơn sốt rồi sau đấy, người như ngơ ngẩn khi quên khi nhớ. Dũng phải nghỉ học, ngày ngày tha thần, thường ngồi ở cửa cơ quan tôi. Mỗi khi chúng tôi ở nơi sơ tán về, có quả ngô nướng, khoai luộc, bánh đa chợ quê, ai cũng chia cho Dũng. Nhất là khi bác Nguyên Hồng ở Bắc Giang xuống, thế nào bác cũng có bọc lạc luộc của nhà, bác cho Dũng một nắm, có khi bác lấy cái nắp bi đồng, rót cho Dũng một chén rượu ra nắp. Dũng lắc đầu, cười, bác đùa. Bác lại cầm chén rượu uống cho Dũng xem. Dũng quá quen ngồi chơi trong phòng, có khi ngủ trưa

trên bàn, có còi báo động lại chạy xuống cái hồ trú ẩn dưới gốc cây thông đuôi ngựa um tùm. Chẳng bao lâu, Dũng đã thuộc cả tên chúng tôi. Ở văn phòng, bác Tiểu, cô Hương... và bác Nguyễn Hồng, bác Tế Hanh...

Thế rồi đến ngày thông nhất tiếng pháo đót vang động thành phố. Công việc bề bộn, tôi cũng không biết nhà Dũng đã về quê lúc nào. Nhưng đôi khi hỏi thăm cơ quan bên ấy cũng được biết tin. Ba Dũng ốm bệnh mất rồi, má Dũng đã về hưu. Dũng vẫn lẩn thẩn hiền hiền như thế, và đã biết làm vườn.

Một hôm tôi nhận được cái thư gửi từ Quảng Ngãi. Trong thư có một tờ giấy trắng to nguệch ngoạc mấy dòng : «Cháu Dũng hỏi thăm sức khỏe bác cho cháu hỏi thăm bác Nguyễn Hồng, cô Hương, bác Tiểu có khỏe không. Cháu nhớ cái hồ Hiền (Thiên) Quang...». Thư cụt ngùn không ký tên, không đề ngày nhưng tôi đã biết thư của ai. Thế ra Dũng đã biết, chữ, đã viết được.

Bao năm đã qua ngoài mười năm rồi, bác Hồng, bác Tiểu, cô Hương đã mất cả Dũng vẫn hỏi thăm. Tôi viết thư cho Dũng ngay. Từ đấy thỉnh thoảng tôi lại thư cho Dũng tôi viết ngắn và nắn nót từng chữ. Tôi lại nhận được những cái thư mất dòng như thế. Nhưng bì thư thì chữ khác, đủ địa chỉ tới cẩn thận. Chắc Dũng nhờ người viết. Trong thư Dũng lại hỏi thăm sức khỏe bác Hồng,

bác Tiểu, cô Hường...

Tôi làm thế nào để cho Dũng biết là bác Tiểu, bác Hồng, cô Hường không còn nữa, để kể cho Dũng nghe cô ấy, bác ấy đã đau yếu như thế nào. Tôi chợt nghĩ ra tôi cứ kể như thế, má Dũng hay các anh các chị Dũng có thể cắt nghĩa được cho Dũng.

Quả nhiên, lần này được thư Dũng vẫn chỉ mấy chữ ngòeng ngoè, nhưng mấy chữ khác các thư kia... Cháu Dũng có lời chia buồn với bác Hồng, bác Tiểu cô Hường... cháu mong bác Hoài được sức khỏe...

Tôi vẫn nhận thư Dũng, nhất là vào dịp Tết, thư chỉ có vài chữ, nhưng bao giờ cũng chia buồn với bác Nguyên Hồng, bác Tiểu, cô Hường và cháu mong bác sức khỏe... (Nhớ cái hồ...) Dũng chỉ viết được có thế, Dũng chỉ định ninh chữ và một vài hình ảnh những ý nghĩ ấy trong đầu. Đã hơn hai mươi năm bây giờ tôi mới có dịp qua Quảng Ngãi.

Cơn bão vẫn đe dọa ngoài kia, giữa trưa mà trời u ám, tôi đã đến Quảng Ngãi thị xã xinh xắn phố xá quang đãng, tôi dễ tìm ngay được nhà Dũng.

Một bà người nhỏ bé đã có tuổi ngồi trong cửa trước mấy thập gao.

- Bà các tôi hỏi thăm nhà cháu Dũng. Bà chợt ngạc nhiên rồi thốt lên.

- Ông là ông Tô Hoài...

- Vâng.

Rồi bà bồi rồi đưa tôi đến cái cổng khoá trong ngõ phố. Tôi trông vào đã thấy ngay Dũng. Dũng vẫn là Dũng lên tám lên chín khuôn mặt trẻ đại trắng trẻo, nhưng bây giờ Dũng đã là một người đàn ông đầy đà, có râu ria.

Dũng cũng trông thấy tôi. Dũng gọi ngay :

- Ông Tô Hoài !

Rồi Dũng ngã ngất xuống gầm ghế.

Cả nhà hốt hoảng gọi Dũng, kéo Dũng ra, trong lúc hốt hoảng đi gọi bác sĩ, may Dũng đã dần dần tỉnh. Má Dũng nói dạo này Dũng yếu, hay ngã. Các em kể :

- Dũng học đến viết thư được cho ông. Nhất định không cho ai viết hộ. Dũng lại đem ra bưu điện, bưu điện không đọc được địa chỉ, bấy giờ mới để cho chúng tôi viết phong bì hộ.

Tôi ôm má Dũng, Dũng bám chặt vào vai tôi.

Nha Trang

Năm trước, ở bến Đá, gặp ông chủ Trí Nguyên, người khai sinh ra cái hồ cá Trí Nguyên ở Nha Trang thời cũ. Ông khoát tay ra ngoài khơi, nói : Vùng biển này tôi định rồi tôi ngăn lại để nuôi cá voi Khách chơi trên nhà sàn, ăn uống và ngắm cá voi. Ông Trí Nguyên được giữ lại làm công nhân trông hồ cá. Ông có mấy người con chưa có việc làm và ông phàn nàn người xem ném rác xuống hồ bẩn quá, cá chết. Ông lão móm mém nói không ra mếu không ra cười :

- Thừa ông, tôi vẫn còn bản đồ, và phác thảo thiết kế các điểm chơi, các vùng nuôi cá voi đây. Ông lão chí thú với du lịch chắc là đã khuất núi ở chân trời góc biển nào, con cái ông có người nào xin được việc làm ở hồ không, như hồi ấy ông mong ước bây giờ tôi thấy trên có biển Trí Nguyên, cũng như bên vùng biển Nha Phu, cả ngày những ca nô, tàu nhỏ tấp nập người đi xem những hồ cá, những đảo khỉ những lưới nuôi ngọc trai. Nhưng chưa thấy cái mộng hùng vĩ nuôi cá voi của ông lão nằm mơ được có.

Qua Nha Trang thành phố ven biển bây giờ chỗ nào cũng loang lổ xây dựng. Có còn tiếng chuông văng vẳng nửa đêm chùa Long Sơn, bây giờ ngược mặt chỉ thấy bóng trắng trắng toát trên tượng phật bà Quan âm

cao cao. Những đàn cò trắng trên các cánh đồng Diên Khánh đã phiêu dạt đi đâu để lấy chỗ cho con đường đỏi lên chùa Bồ Đề. Bãi biển từng quăng, được đóng cọc, rào giậu, che ni lông, ván. Chắc là chia ô để thành phố cho thuê những bãi khơi, bãi tắm, nhưng bây giờ thì còn lổn nhổn. Hàng dừa dọc bên bờ mọi khi xanh mát mắt, nhưng mùa này bụi đường và lá úa toi tã. Người ta bảo năm nay hạn nắng cháy cả lá, bọ dừa ra nhiều đục roi cả từng tàu lá. Mỗi đường phố Nha Trang đều mở ra biển. Buổi sáng buổi chiều mọi người thành lệ tập nập tắm biển.

Chỉ có tôi ngồi tựa gốc dừa nhìn ra khơi. Mấy cái tải bắp ngô luộc người ta bày ra bán. Bên mép nước, một lũ trẻ đương đùa với mấy con chó. Trẻ con và chó không biết sợ nước. Sóng đánh vùi cả lũ, tiếng chó vẫn sủa tang tang. Tôi được biết có người nước ngoài cũng đến đây mở quán. Không ở Hà Nội, ở Sài Gòn, ở Đà Lạt mà ở thành phố biển này.

Quán rượu Bittrô Cá Mập ở ngã tư phố gần biển. Phố nhỏ, có những quán khang trang, đông khách nhưng quán này chỉ có một gian sâu tối mờ mờ, bàn ghế gỗ giản dị, vách trang trí mấy cái rá làm chao đèn, bên cạnh cái niêu đất, cái rế, mảnh chiếu hoa, tàu lá buông lót vách như đan phen, to nhất là cái bảng quán rượu

«Bittrô Cá Mập» treo trước cửa.

Mấy cậu chạy bàn ra mời khách. Các cậu bé nhỏ, áo lụa vàng màu da cam, da mai mái. Có cậu mặt láu lỉnh đeo đôi tai vòng bạc. Nước da xám nắng.

- Ông chủ có nhà không ?

Một cậu khoanh tay lễ phép :

- Dạ, ông con đi dạo ngoài biển.

- Tôi không bán hàng à ?

- Ông con hay đi dạo biển chiều thứ bảy. Vừa hay một cậu khác nói :

- Ông về kìa.

Một người âu gầy và cao, mặc quần ngắn, cái áo sơ mi cộc, hai mắt sâu hoắm nhìn hau háu, đầu hói hết tóc. Nếu ông ta mặc áo chòang đen, có dáng một linh mục.

Ông nói tiếng Việt sôi và hóm quá. Chúng tôi vào bàn bìa hơi Đức ngay gần cửa. Tôi hỏi :

- Quê anh ở đâu ? Beclin hay ở Ham bua ?

Tiếng ông nói như con yểng nói :

- Dạ, quê em ở Vĩnh Phú.

- Nói đùa.

Nói thật thì em tên là Phong, Nguyễn Văn Phong.
Quê em ở Laixich.

- Vẫn nói đùa đấy. Anh cười.

- Cán bộ bắt khai lý lịch như công an hộ khẩu à ? Tôi là Genke F., 40 tuổi. Tôi có một người bạn cùng quê ở Vĩnh Phú. Anh ấy học ở Laixich mà quen. Chúng tôi kết làm anh em. Anh là Kiến, đặt tôi là Phong, Nguyễn Văn Phong. Chúng tôi chống phong kiến mà.

Nói rồi lại cười. Tôi hỏi :

- Sao lại đến đây ?

- Tôi đi Tây ba lô lang thang thôi. Đến Việt Nam mười năm rồi. Hà Nội, Sài Gòn đã ở cả. Nhưng tôi thích Nha Trang.

- Mở quán ăn.

- Vâng, quán rượu Cá Mập.

- Tên quán hay là có bán món Cá Mập thật ?

Anh nói to :

- Cá mập thật. Cá mập ăn thịt người thì người phải ăn thịt nó. Tôi kén thịt cá mập ngon. Không mua ở chợ Đầm, cầu Bống, tôi xuống Cầu Đá chọn cá mập chỉ nhỏ bằng con cá hồng. Ngon lắm, ăn thử.

Anh ta chuyện hay quá. Anh kể tôi cũng muốn ăn ngay :

- Cá mập nướng, uống với bia Đức, đã lắm.

Tối hôm ấy, tôi chén một bữa cá mập. Cũng chẳng biết cá thật hay rơm, bởi vì cá đã xay nhỏ rồi rán chả béo xèo xèo. Lại uống vodka liên doanh Nga Mỹ thì chẳng biết thịt nướng hay cá nướng nữa. Chủ quán cũng đến nhăm chơi và chúc rượu.

Tôi vuột một cái vòng bạc tròn ten trên tai cậu chạy bàn đến rót rượu. Chủ quán nâng rượu cười rung cả mặt, nhìn con mắt tò mò của tôi, trịnh trọng nói chặn :

- Tôi chỉ đồng tình thôi, không đồng tính đâu, ông khách đừng phê bình. Rồi chủ quán lại cười to, hàm răng trắng muốt, chắc là răng giả.

Sớm hôm sau, tôi ra biển. Thấy chủ quán đã cởi trần vừa đi vừa hút thuốc lá. Rồi mời :

- Sáng sớm đi Cầu Đá lấy cá mập rồi. Tôi đến nhé.
Tôi cũng rời Nha Trang hôm ấy.

Quán Cây Si

Quán Cây Si, quán Cây Dừa, quán Vườn Trúc trước đây có đôi ba lần tôi đến với Hoàng Trung Thông. Nếu bây giờ quán nào còn chắc vẫn nhớ ông Hoàng. Còn tôi thì như cái bóng, cái bóng chẳng có gì để người ta nhớ. Tôi cũng hay lượn lờ quán xá vỉa hè thích lai vãng hàng quán, nhưng phải cái tôi là ở đâu đông đông thì tôi lẩn dần. Ở quán cóc, ngồi ghế băng cả năm bảy người một dãy, được bạn uống lảng giềng hỏi han thì tôi nói tôi về hưu đã lâu, trước làm kế toán ở cơ quan x, y - không hẳn tôi nói dối, vì xưa kia tôi cũng vẽ vẽ làm phụ kế toán. Như thế, câu chuyện bao giờ cũng tràn lan và tha hồ bốc phét. Nhà phê bình văn học Nguyễn Văn Lưu có tả tôi thường uống một hai chén rồi lủi. Cũng không hẳn như thế. Tôi ngồi quán cóc cốt hóng chuyện thiên hạ, không được thế thì mất cái thú. Tôi nghĩ như nói về tôi thế này thì có thể là tả thực hơn. Ở quán cụ 71 mà gặp những ông nhà văn có tuổi và nhà văn trẻ thì tôi uống và ngồi im. Nhưng đến đây mà có ông xích lô, mấy ông bác sĩ viện Mắt đi uống rượu vụng mà uống khỏe lắm, mà tôi là lão kế toán về hưu, thì tôi cũng ba hoa chích choè lắm chứ. Chẳng biết thế là thói quen, là tật hay bệnh mãn tính. Còn như uống, có khi đến năm bảy chén suông rồi biến thì phải kể loại nhất

thì tôi biết là hoạ sĩ Dương Bích Liên - cái người lúc nào cũng sợ người, tránh người. Đã lâu mới lại đến quán Cây Si - thật có cây si cây si thả rể loăn xoăn lòng thòng xuống trước mặt chứ không phải thân già này còn nỡm đời mà trồng cây si trước cửa nhà mụ nào, con nào và mong ngóng ai ai bây giờ.

Nhưng tay long tay hổ đi với tôi hôm nay không phải hai ông bạn văn nhón nhác giờ tay xin đường qua ngã tư ngã năm hôm trước, cũng không phải cụ Kim Lân mà có hôm được các cháu nhà hàng gọi hồn đáng yêu mà cụ lại cứ muốn chúng nó gọi láo lếu là «anh Hạc», «anh Hạc» lão Hạc cũng máu phất phơ hàng quán và uống vẫn tợn. Nhưng anh Hạc này mới bị trẹo cái đĩa cột sống ngay trên mông đít đã hay đi đái giắt cứ thỉnh linh không ngóc được lưng lên, còn ông bạn chí cốt Nguyễn Văn Bổng của tôi thì nằm ngửa trên giường đã vài mươi năm nay rồi. Ôi chao, còn ai nữa... Những cái quán cóc vẫn lèm nhèm, lúi húi như thừa trước. Nhưng trong ruột xôm trò hơn xưa nhiều. Có những khách không phải hạng lép túi, nhưng họ thú vị với cái ú ớ xuềnh xoàng thế này. Trước tiên là quốc lủi, cái rượu quốc cấm ngày nào phải đựng trong bong bóng ni lông cất kỹ dưới gầm giường thì bây giờ được bày lên một loạt vò da lươn như những cái vại con, chẳng biết thừa ở Hương Canh hay Phù Lãng. Đậu phụ, đậu nường thì

ê hề. Lại mới thêm mặt hàng đương ăn khách : vó bò và chân gà, ngẫu pín, giải dê tương gừng nhà hàng mở tủ lạnh bung ra cả mẹt, tha hồ chọn. Các thứ mì ăn liền, bò hay gà thì cũng một mùi hăng hắc như nhau, ra đời từ cái ngày giải phóng miền Nam, bây giờ là món ăn cổ điển như là bún. Kể cũng tiện, ngất ngưỡng rồi làm một gói vừa bụng và cũng là xong bữa.

Các chủ quán, bà Hai hay ông 71 đã về nhà lạnh cả rồi. Nhùng ánh đèn hoa kỳ lom đom với bó đóm gỗ diêm, và cái ống điều cày thì vẫn để dưới gầm bàn - chỉ khác nó không còn phải xích vào chân cột. Thì vẫn tích cũ, «con nhà chùa thì quét lá đa» vậy. Bà bán xôi ngô hè phố Nguyễn Du cũng về với các cụ rồi thì con trai con dâu bà mỗi sáng lại ngồi xích lô chở xôi ngô từ phía chợ Mơ đến ngay chỗ ấy và khách hàng ăn quà sáng vẫn chen chúc kẻ đứng người ngồi. Cụ phở Chí đi rồi thì thằng Hải con cụ nói nghiệp «phở gà Chí», dẫu vợ chồng Hải đã tậu nhà đổi đi phố khác, nhưng con người cũng như con mèo, con ngựa giỏi đánh hơi đường cũ vẫn được khách theo. Bãi cỏ cứ đi mãi thành vết đường, người ta ăn uống cũng theo vết kỷ niệm. Lâu lắm tôi không đến quán Cây Si - có lẽ từ khi ông trạng Thông châu trời nhưng cái dáng người nho nhỏ dật dờ của tôi bước vào, cũng cho tôi tự cảm thấy tôi đã là người của mọi khi rồi. Tôi cùng đi với một thằng lạ. Nó cao lớn

mật sạm nắng gió, trong bóng tối như thằng mắc bệnh gan. Chưa hẳn đã già, mà không thể đoán được tuổi, bảo là gần bằng tôi thì cũng đại khái tương tự. Nó mặc cái áo cộc tay vải đen vằn trắng cũng như mọi người qua đường bây giờ quần áo loạn các kiểu, các màu thế, chẳng đáng để ý.

Nhưng đời nó và cái sự nó đi với tôi thì không ai có thể tượng tượng ra được. Nó ở thành phố Hồ Chí Minh ra. Chưa đến Hà Nội bao giờ. Nó đi khỏi Sài Gòn tháng 4-1975 từ lúc thiếu niên. Chẳng có thân thích nào ở Sài Gòn. Nó xuống Vũng Tàu, chỉ vì ngày trước nghe mẹ nói đã sinh nó ở Vũng Tàu. Nhưng cung chỉ đi trông lại thành phố và bãi biển mà nó không nhớ cái gì cả. Nó là con của chị vợ tôi. Bà chị lang bạt vào Nam từ thời trẻ. Vợ tôi không biết mặt nó, chưa thư từ với nó bao giờ. Nó thành linh đến. Cô và cháu phải xưng tên mới biết nhau. Nó bay ra Hà Nội, xuống máy bay rồi xe taxi đưa về đâu thì ở đấy. Nó lần ra điện thoại tôi mà nó cũng chỉ ở Hà Nội có hai đêm một ngày, mai về Sài Gòn rồi bay luôn.

Một ngày một mình lang thang đi phố. Chụp mấy cái ảnh đèn Ngọc Sơn, ảnh Lăng Bác. Tôi hỏi :

- Mà làm gì ở bên Mỹ ?

- Đi bỏ mỗi nhà ạ.

- Ở Sài Gòn cũng có nghề mỗi lái nhà.

- Vâng, trên thế giới này đâu chẳng có người bán nhà, người mua nhà, có thể cháu mới sống được.

- Đủ sống không ?

- Được mỗi tốt thì cả năm chỉ việc ăn chơi.

Cách ăn nói thế, chắc nó cũng dân bụi bên Tây. Nó lại biết ông Võ Phiến. Nó chửi ông Phạm Duy chỉ nói phét. Có mấy bài hát khá thì làm khi theo kháng chiến, đến khi về thành ông ta đổi hết lời, thế mà vẫn vênh. Có nghĩa là thằng này cũng biết về văn nghệ văn nghèo đôi chút. Đưa nó ra cái chỗ bụi lau vào Lương Sơn Bạc này được.

Nó nói, như tuyên bố.

- Cháu không hút, không rượu, không đờp, chỉ có nghiện cái món đàn bà.

Đến quán cây Si, nó hỏi :

- Đi ăn «bittrô» ạ ?

- Không phải quán ăn nhanh đâu, ngồi cả đêm được.

Quán còn vắng, khách ngày thì hết rồi mà khách đêm thì chưa tới lúc. Tôi hỏi nó uống gì. Tôi kể có rượu bán chui, gọi là quốc lủi, có lạc luộc, có đậu phụ đậu nghệ mắm tôm, đậu nướng muối ớt, có mực nướng, có thể có cả bia Mỹ- để tôi hỏi. Nó bảo nó sợ mắm tôm, nó ngửi mùi nước mắm thì hắt hơi còn bia Mỹ thì như mùi hôi nách, không chịu được. Nó uống quốc lủi, nhắm nháp hột lạc luộc. Ở gian trong, cố ghế một không ghế băng như ngoài này, khuất cái vách ni lông, chỉ thấy thấp thoáng. Cũng biết có hai cô gái chắc là gái làng chơi ra hóng khách sớm. Thằng này khoe là cháu đàn bà nhưng không thấy nó ngó nghiêng gì.

Chúng tôi ngồi im lặng.

Chỗ tôi ngồi chếch vào trong, trông rõ. Loại mắt xanh mỏ đỏ này cũng thường gặp. Nhưng hai ả xanh đỏ này có kỳ quái hơn thường. Đầu tóc mặt mũi cứ tía như đầu con gà chọi. Cái môi vàng nghệ và cái tóc hun rục như lửa, đã thấy ở Karachi, ở Tây Béclin mấy chục năm trước bây giờ mới lan đến đây.

Câu chuyện của hai ả không nói tiếng lóng, nhưng lạ tai. Và họ trò chuyện bô bô như không có chúng tôi ở vách ngoài. Cái mụ chủ quán đầu xù như con chó bông, thỉnh thoảng lại vào góp mấy câu nhảm nhảm.

- Cho tao mấy vé Hàn Quốc ấy, bao nhiêu cũng cần.
- Nhưng không bèo như chuyến trước đâu. Đây toàn tay chủ cỡ bự.
- Hôm nào vô trông ? Chuyến 9 giờ, đêm nay thôi. Thế thì...

Chuyện đến đây, hai ả giờ hai tay ngón tay thoăn thoắt làm hiệu. Như đài truyền hình đến mục phát cho người cầm điếu. Rồi cả hai cười rinh rích, đứng lên uống cạn cốc bia Cácbóc. Họ đi ra qua mặt, cũng chẳng thèm để nửa cái đuôi mắt lại. Có thể vì cái mã chúng tôi cũng cú thôi và bọn này không phải những quân đi quán, đi lường.

Thằng cháu gật gù :

- Bọn chúng nó buôn người.
- Ở Mỹ cũng có à ?
- Buôn người, buôn nhà đâu chả có. Nhưng ở đây...
- Ở đây sao ?
- Ở Mỹ thì hai con này bị bắt rồi. Chủ quán gọi điện thoại, lính đến tóm ngay chủ quán được tiền thưởng. Tôi toan nói : «Ở đây người còn rẻ, ế nhiều lắm !» nhưng

lại thôi và ngồi im. Thằng kia cũng không nói gì nữa. Nó vẫn uống rượu và bóc lạc, rồi lại trầm ngâm. Tôi cũng không hỏi, không gọi chuyện khác. Thằng này hay chuyện. Quả nhiên thế, và lại là câu chuyện mới.

Nó kể :

- Ở Cali có nhiều ông già Việt mắc bệnh mất ngủ, rồi chết, nhiều lắm, như gà chết dịch. Ông ấy đi Mỹ hợp pháp với con cháu ung dung lắm. Nhà bốn buồng. Ở tầng 15. Chúng nó đi làm cả ngày, trẻ con đi học vắng nhà suốt tuần. Một mình ông ăn sáng, ăn trưa đã có thức ăn sẵn trong tủ lạnh ăn xong, ông ngồi trước ấm chè cho đến tối mới có người về. Một năm, mấy năm, mười năm. Một hôm, các con về thấy ông ngồi trên ghế. Chết rồi : trước mặt vẫn cái chén và ấm chè.

- Nhớ nhà quá.

- Nhớ hay không, không rõ. Nhưng cái thang máy không biết xuống, mà xuống thì đi đâu. Cứ ngồi thế cả năm thì cũng chỉ nghĩ mà chết thôi.

Trưa hôm sau, ở sân bay Nội Bài. nó gọi điện về chào chúng tôi. Nó bảo :

- Cháu không muốn mắc bệnh chết ngồi đâu. Cháu sẽ về, về ở Sài Gòn.

- Mày là thằng Mỹ rồi, chết sao được !
- Thằng Mỹ dỏm, cũng chết ạ.

Quán Cóc

Không biết cái quán cóc gốc là từ năm Sài Gòn giải phóng người ta hay la cà vỉa hè uống rượu lậu - tiếng lóng là nước trắng, nước mưa, hay là «bia xanh» nhầm với quả cóc chấm muối mà thành tên là quán cóc, - chợ cóc rồi cái tên về sau lan ra Hà Nội thành quán cóc là những hàng rượu chợ như thế, và tên quán cóc, chợ cóc là như vậy chăng ?

Bấy giờ tôi hay uống ở quán cóc bà Xiếc. Gọi quán bà Xiếc chỉ bởi cái quán nước của bà ở cạnh bến tô Kim Liên trông sang rạp xiếc bên vườn hoa Thống Nhất ở đường bên kia. Bà là người Hà Nội cũ. Bà bán hàng cho vui - mà cũng có thể là kiếm được. Trông cái tay bà đếm lóng cồng tưng đồng hào giấy, cùng biết không phải là người bán quan. Rượu bà Xiếc cũng là quốc lủi tạp nhưng được cái đều giọng. Chỉ vì bà lấy rượu một thổ quanh năm - cái thổ rượu hiểm hóc mà thật chắc đấy. Rượu đồng chiêm trũng nào chò chỉ, nào Phú Xuyên... Cứ lâu lâu lại có một xe cứu thương ở phía nam lên. Xe lừ lừ không bóp còi toe toe, hai bên sườn xe có hai chữ thập đỏ, cứ thế mà bon bon. Đến chỗ mấy cây si bờ hồ Thiền Quang của vào Công viên Thống Nhất, cái xe cứu thương ấy đỗ từ từ. Bác lái xe mặc áo đại cán chỉnh

tê xách ra một cái bọc nilông xám bước vào hàng bà Xiếc. Bà cất ngay vào nhà trong cái bọc nilông ấy. Nó là cái bùi đựng rượu chui đồng chiêm lên. Người nghĩ ra được cái xe cứu thương đựng rượu lậu đã là mưu mẹo hơn một đầu các tay bắt rượu bấy giờ.

Thỉnh thoảng bà Xiếc cũng lấy rượu của ông Đặng Đình Hưng. Bà cười : «Ông này vừa bán rượu vừa uống rượu. Nhưng cái rượu Chương Mỹ quê ông, khách khen cái Chương Mỹ đậm».

Ngồi quán cóc như ngồi xem sách, có khi ham hơn xem sách vì cứ ngồi mà đoán ra lắm kiểu người. Cứ đến buổi tan cơ quan, đi làm về buổi trưa, buổi chiều người đi xe đạp tíu tít qua. Người vào quán lẳng lặng, bà hàng đã biết lệ, rót ngay cho một chén, hai chén. Ông ghéch xe, uống đứng, rồi đạp xe bay luôn. Chắc ông này uống rượu vụng, nhà đương đợi com. Có hôm thấy thằng Viễn con ông Đoàn Giới làm ở Công ty Cây Xanh bên Công viên Thống Nhất. Nó chào lễ phép, mời tôi uống. Khác Nguyễn Đình Chính có hôm nhác qua quán đi ngay, làm như không trông thấy. Cũng như cái quán ở gần rạp Đông Đô, Lưu Quang Vũ vào mua chai rượu con con rồi lủi ngay.

Cũng như uống rượu với cụ Nguyễn Tuân ở nhà hàng trước cửa ga Hàng Cỏ, cụ Tuân bước sang bàn bên kia chào cụ Cao Xuân Huy. Hai cụ bắt tay nhau. Tôi biết cụ Cao có con rể là nhà nghiên cứu văn học Văn Tâm, nhà ở phố gần đây. Cụ Cao ngồi một mình, uống một cốc bia ngũ nhũ. Cụ khẽ ho. Cụ lặng lẽ lấy mảnh báo trong túi ra khắc đờm rồi gấp lại, bỏ vào túi áo vét. Có lẽ cả thành phố chỉ còn cụ Cao giữ vệ sinh công cộng lịch sự đến thế ? Thành phố ngày ngày báo động, có lúc bị bắn, bị ném bom, chiều chiều người ta la ã ã uống bia. Trên phố Tông Đản, quán bia thường mở sớm. Người mua bia xếp hàng dài lằng lằng. Cụ Nguyễn hay đạp xe lên uống bia ở đây vì ở đây thường có bia mới rót ở thùng ra. Mà cụ đi đâu chẳng có người phục dịch vô tư. Cụ vào ngồi trong sân cơ quan có cây đại cổ thụ, cán bộ miền Nam tập kết ở, cụ cứ việc ngồi đấy. Có người kẹp hai ngón tay xách vào hai vại bia trước tiên. Cụ ư ư cái quán này uống được hơn cái bia Chuồng Cọp bên hồ Thiền Quang. «Bia Chuồng Cọp» hay «phở không người lái» là tiếng lóng thời sự chớp nhoáng, thời sự chiến tranh cả đấy. Ở ngoài Côn Đảo mấy phóng viên nước ngoài ra viết phóng sự về tù binh ngoài ấy đã mày mò tìm ra được những khu xà lim giam đặc biệt các chiến sĩ Việt Cộng bị án nặng, chúng tôi đặt tên chỗ ấy là «chuồng cọp». Sự việc được phanh phui lên tin tức

và báo chí thể giới. Các ông háu bia ở Hà Nội cũng đặt tên chỗ xếp hàng mua bia là cái «chuồng cọp» chỉ vì nhà mậ đóng song hành hai vành gỗ như vành móng ngựa để người sắp hàng phải lên lĩnh bia lần lượt không thể chen ngang được. Trong kia bia không rót ở thùng mà bia đổ ra cái bểximăng, cô nhà mậ lấy cái gáo nhựa mục bia ở bể ra cho nhanh. «Phở không người lái» có sự tích ác liệt của Thủ đô và của chiến trường miền Nam trong kia đang ác liệt cả đấy. Ngày ngày máy bay Mỹ không người lái vẫn do thám trời Hà Nội, người ta bèn đặt tên cho hàng phở ban không thịt là phở không người lái, và canh không người, cơm cũng không người lái !

Những hôm bia nhạt, các cô nhà mậ pha nước lã liều lượng quá tay chẳng, tôi phải đến các quán cóc ở cạnh rạp Đông Đô. Vì mềm môi, rồi hay rủ rê nhau, tôi cũng uống lân ở quán này.

Cái quán chẳng ra cái hàng quán gì cả. Vào một ngách nhà như vào trong lối đi của phu đôi thùng phân mỗi nhà ngày trước. Thế rồi lọt một cái buồng con. Bà bán rượu chít khăn lượt, đầu bạc, bà lôi rượu ở những chai đã đóng sẵn ở bịch nilông ra. Bà chỉ có thức nhắm lạc luộc, mấy bị lạc treo quanh tường.

Cái bà bán rượu trong hẻm này người Công giáo, sáng chú nhật bà đi lễ nhà thờ Hàm Long. Trong gian buồng chỉ có cái phản gỗ ba miếng ván. Bà lấy chai rượu và đĩa chén ở gầm giường ra. Chúng tôi đều ngồi cả trên phản, người bó gối, có người thông cả hai chân xuống. Như ngồi xem bói tướng tay. Không còn nhớ ngồi trên cái phản chỉ có một hai tấm ván ấy thì rồi mùa hè tới, mùa đông qua thế nào. Chỉ nhớ mỗi khi gió thổi hun hút như ống sao đầu tường, chúng tôi vẫn dựa vào tường, nói, cười âm ỉ.

Có cái anh Hùng viết kịch. Tôi chỉ thấy anh ngồi uống rượu trong quán cóc này. Có lẽ thấy nhiều người văn thơ đến uống thì anh tưởng là viết văn, viết kịch thì phải uống rượu, hôm nào Hùng cũng đến, ngồi lúc nhúc với mọi người. Vóc người anh tợn tợn, uống bợm lắm. Ít lâu không gặp, lại lâu lắm không gặp. Có người bảo anh chết rồi, người ta cãi anh chết vì ốm, không phải vì uống rượu.

Ở đây tôi cùng gặp lại anh Nghĩa làm ở cơ quan thông tấn, quê trong Quảng Ngãi. Nghĩa uống rượu như uống nước. Nghĩa hay dắt cả vợ đến cùng uống. Chị ấy cũng uống ra trò. Lúc về, chồng đeo xe đạp đi thông thả như không. Một năm, khi đất nước đã thống nhất, Nghĩa có ra Hà Nội chơi. Bà bán rượu đã mất, chị ấy cũng đã

mất. Nghĩa già quần queo, lúc nào cũng đội mũ nồi, vì tóc rụng trọc cả đầu. Nghĩa chịu khó đi tìm đến chơi với bạn rượu. Nhưng Nghĩa chùa rượu từ lâu. Ở các quán gần chợ Hôm này, tôi cũng hay gặp Nguyễn Thế Phương. Ấy là những hôm tôi thường cùng Dương Bích Liên, khi đã uống vài vại tà tà ở bãi Chuồng Cọp rồi đến làm thêm đôi ba chén trắng cho khỏi nhạt miệng ở cái quán trước cái may nước cút vôi ở ngã tư chợ Hôm.

Bấy giờ cũng gần lên đèn. Bà chủ quán, như người Đình Bảng chợ Dầu đã cứng tuổi chít khăn nhung đen, đôi mắt sắc như dao. Hàng nhà bà chỉ kê chiếc ghế dài, đặt hai cái ấm giở. Khách uống nước chè có chén bên cạnh. Khách dùng cái trắng thì chén cất vào trong, rồi bà chủ lấy ra rót ở ấm khác. Ông thuê chỉ bắt rượu. Chúng tôi đến quán này khi nào cũng đã sẩm tối. Nhà hàng chưa bật đèn, ở góc tường có cái đèn hoa kỳ cho người hút thuốc lờ.

Hôm nào ông Phương cũng ngồi ở góc tường trong, chốc lại cầm cái điều cày hút thuốc lờ, lúc ấy mới chỉ có một ngọn điện le lói. Cái mặt rượu lừ đừ của ông như trông thấy tôi mà cũng như không trông thấy tôi. Mấy năm nay, Nguyễn Thế Phương đã viết những truyện ngắn và mấy truyện dài. Ông hay uống bia pha cái trắng. Không biết ông nghiện hay không, ông ngồi

từ chập tối đến lúc lên đèn, cạnh cái ấm giở đưng rượu và cái điều cày. Cứ một chỗ như thế.

Ít lâu, nghe nói Nguyễn Thê Phương lại về Thanh. Rồi nghe tin ông mất. Cái quán cóc có hai cái ấm đưng nước chè và đưng rượu, đi qua không thấy và các mảnh gỗ đóng kín Cái quán ở phố Bà Triệu ngày trước có bà hàng hay có đậu nghệ nướng, đã có hôm cụ Nguyễn Tuân nhớ bánh đậu nướng có mùi nghệ chấm muối cũng mò đến. Cụ Nguyễn ngồi cái ghé dài ngoài cửa hàng, ngồi uống chen vai với khách. Thế là cụ đã chịu khó lắm. Những mặt các người quen lại tụ tập cả. Hoàng Trung Thông, Nguyễn Sáng, Dương Bích Liên, Trọng Hứa... Nhưng một cái phiên khác lại đến, gần đấy có một bệnh viện. Các thầy thuốc vẫn việc ra uống rượu, mặc cả áo trắng. Các nhà thuốc uống nhanh và uống nhiều. Hồi này có một ông thầy thuốc trẻ đi guốc mộc hút thuốc lá, đi nghênh nghênh. Tôi đành bỏ ông ngẫu pín.

Tôi được mách ông giáo Xưởng ở Sinh Từ. Cụ Nguyễn Tuân cũng hay dùng rượu ở quán ông giáo. Cụ cho là rượu ông giáo uống được. Nhưng cụ cũng chỉ cho cậu Đào con cụ đi mua về uống thôi.

Ông giáo là người Cầu Giấy. Ngày trước tôi có quán ông giáo Mai, hoạt động phong trào Mặt trận bình dân ở dưới ấy nên ông giáo với tôi biết nhau ngay. Tôi nói

tôi về hưu, làm kế toán Bộ Văn hoá - ngày xưa tôi cũng biết làm sổ sách nhà giày ba ta mà ! Cái rượu của ông giáo Xương được đấy. Đầu phố nhà ông buổi sáng có một bát phở gánh đông khách. Sáng sớm ngà ngà rồi điểm tâm bát phở chín cũng hay. Rồi lại không lui tới được rượu ông giáo Xương. Một hôm, cậu con trai đi dạy học về, trông thấy tôi cậu chào vồn vã. Thế rồi, ngay bấy giờ ông Xương lập cập đem trong nhà ra cho tôi một quyển vở, ông nhờ tôi đọc hộ mấy bài thơ Lamáctin của ông dịch để kỷ niệm bà ấy mất. Họa sĩ Nguyễn Sáng ưa cái rượu hơi khô khô của ông giáo. Cũng tiếc. Nhưng Sáng bảo cái rượu ở quán Thủy Hử mới đặc biệt. Sáng kết nghĩa với chủ quán. Một hôm, tôi đến rủ Sáng. Nguyễn Sáng đang mặc quần áo sắp đi đâu. Nghe tôi nói, Sáng nói như quát : «Đi chỗ khác thôi ! Tao vừa đánh nhau với nó».

Làm sao mà Nguyễn Sáng đánh nhau được với người ta. Không biết cái tay còn cái hồn về không, chứ cái miệng đã rụng hết răng, chỉ đi ăn cháo tiết ở chợ cửa ga Trần Quý Cáp cho khỏi phải nhai thì còn hùng hổ với ai. Nhưng cái tính hùng hổ bất thường của ông này thì biết rồi. Có lần người yêu của ông đến chơi, không hiểu trò chuyện hay cãi cọ ầm ầm thế nào, Nguyễn Sáng đuổi cô ấy hốt hoảng chạy xuống cầu thang gác rơi cả mũ mà không dám quay lại nhặt.

Rồi Thì Người Ở Một Mình

Dạo trước, trên báo Người Hà Nội tôi đã báo động ở vùng Đồng Tháp Mười trong Nam bây giờ người ta bầy chim bằng cát xét, tiếng chim đã được thu bằng, mở cát xét ra chim kêu chim hót líu lo. Đàn chim bay qua ngõ chim gọi đàn, sà xuống bờ nước, hàng trăm hàng chục con mòng két, con cu gáy, con ngói lao xuống, sa cả vào lưới.

Mỗi ngày cả ngàn con chim hoá ra chả chim, xáo chim trong các quán nhậu bên kênh rạch, ven đường, các lái chim còn tải chim lên Sài Gòn - Chợ Lớn bán vào các nhà hàng sang trọng. Bây giờ cái cạm chim ghê gớm có tiếng chim hót ấy đã được đưa ra đến Hà Nội. Cái đầu đề trong một số báo Hà Nội Mới vừa đây : có những xâu chim đem về chợ chim ở đường Hoàng

Hoa Thám. Thoạt đầu tôi lấy làm lạ con chim sâu, chim chích thì nuôi sao được mà người ta cũng đem bán. Đọc bài mới biết xâu chim đây là cái dây, cái lạt, xâu dây thép buộc con chim lại thành một xâu đem đi bán

Tôi vẫn bán khoăn nổi ở ngoài này đâu có nhiều chim như ở các cánh đồng và vườn, rừng phía Nam. Ở Hà Nội, đêm đêm chỉ còn nghe con chim lợn kêu rùng rợn mà người ta bảo chim lợn bay qua đâu mà kêu là ở đó sắp có người chết, còn muốn trông thấy con cò bay, con diều hâu miệng «xây giếng cho tròn» thì phải tìm đến lưng chừng núi Tam Đảo, núi Ba Vì may ra mới trông thấy được. Thế mà bây giờ có người đem cả xâu chim đi bán ?

Chủ nhật, tôi đến đường Hoàng Hoa Thám có những cửa hàng chuyên bán chim và cây cảnh. Hai bên đường bóng cây mát rượi, đầy nhan nhản những chim là chim, không phải chim trên cây mà chim trong lồng nan tre, nan nhôm những con sáo, con khướu, con hoạ mi... ca trăm thứ chim. Những chưa thấy xâu chim nào ở đâu. Hỏi thăm mới biết người bán chim ăn thịt, ở tận cuối đường đằng kia, dạo trước, người ta xách xâu chim đi bán rong, nhưng rồi những hàng chim trong lồng trông thấy những người cứ vác chim chết lợn lò đi, đâm ra sốt ruột. Biết đâu những con chim sống trong lồng thấy những con chim bị xâu, bị trói, nhỡ cái nó biết sợ, biết chạnh lòng, nó cắn lưỡi chết cả thì sao. Thế là người ta đuổi bọn bán chim chết không được lươn phươn đến mà phải đứng một chỗ.

Những người xách xâu chim túm tụm lại một nơi. Năm trước, tôi thường trông thấy mỗi chiều chủ nhật có ông đi xe máy vai đeo súng săn phóng xe từ các vùng đầm nước ở Suối Hai, ở Đại Lải về : buộc đằng trước xe những xâu chim bắn được, nào con le, con mòng, nào vịt trời. sâm cầm. Đây là những ông đi chơi săn chim và «cải thiện» đôi chút. Nhưng bây giờ trông những người đi bán xâu chim thì thiếu não, vất vả nhiều. Chiết xe đạp méo mó và cả người như vùi trong bùn lầy. Họ vất trước ghi đông những xâu chim chết, thôi thì chào mào sáo đá, cả con chơi chơi bé tí tẹo. Trông thấy mà thương tâm. Thế nào thì xung quanh thành phố người ta tiêu diệt hết các giống chim đến nơi.

Tôi hỏi băng quơ :

- Không bán điều hâu à ?

Người bán chim lật xâu chim lên, có con điều hâu mình vẫn máu, mỏ khoằm nằm chết rũ ở dưới.

Tôi lại hỏi :

- Điều hâu bay cao thế, sao bắt được ?

- Mở băng tiếng điều hâu kêu la, xuống ngay chứ ?

- Thu được băng điều hâu ?

- Ông ơi ? Cụ giời trên thiên đình mà nói cũng thu được tiếng cả cụ giời. Nào ông mua đi, điều hâu nướng lên thơm chẳng kém gì gà gô. Cháu lên Lương Sơn nhiều, có chục con điều hâu vào bẫy cũng hết băng, chim rừng mà.

- Điều hâu này bắt ở tận đâu ?

- Chân Tam Đảo đấy.

Tam Đảo và Ba Vì, những vùng rừng quốc gia, nguy nghiêm lắm, thế mà người ta đương phá đến kiệt cùng mà cũng chẳng ai cấm đoán, bắt bớ gì. Những con chim con cò này còn thấy có lúc nó bay trên sông, có lúc nó lội dưới ruộng, chứ còn bao nhiêu thứ của rừng, trong rừng, giữa rừng mà người ta đã bòn mót quanh năm đến hết sạch, mất sạch. Tôi đã từng viết về nạn tiêu diệt bướm ở Tam Đảo. Tôi đã mắt trông thấy những người châu Âu, người Nhật chơi Tam Đảo vào rừng tay cầm vợt vợt bướm và đeo những cái lồng đựng bướm. Đã nhiều năm rồi, người lớn và trẻ con các làng quanh núi đã hành nghề đi bắt bướm cho Tây. Không mấy ai để ý khi mùa xuân về, rừng Tam Đảo chỉ còn những đàn bướm trắng và bướm ma chập chờn bay ra, chứ những bướm rồng, bướm chúa, bướm tiên quý hiếm chẳng thấy đâu nữa.

Mới đây, tôi lại biết thêm có nghề lấy phong lan ở Tam Đảo và Ba Vì. Thật ra tôi chỉ mới được biết, chứ nghề này đã sinh ra từ mười mấy năm nay, mà toàn người tỉnh xa về hành nghề. Cũng như ít ai để ý việc mò ốc bươu, ốc vặn ở hồ Tây phần nhiều người Thanh Hoá ra, ở Nam Định lên. Nghề lấy phong lan cũng thế, nhưng công phu và bán được nhiều tiền hơn mò ốc. Người ta nói bây giờ người đi rừng kiếm phong lan ngày một nhiều, những năm trước chỉ cái rìu với cái dao, vào rừng nửa buổi đã vác về hàng giỏ, bây giờ phong lan còn mọc la liệt trong hẻm núi, ở gốc cây. Bây giờ người kiếm phong lan phải đi thành bọn vào rừng sâu mang cả bạt, đeo cả gạo và xoong nôi đi vài ngày. Mà đồ lều lấy phong lan bây giờ không chỉ có chiếc rìu, con dao mà phải đem cưa, thang dây, có cả cưa máy chạy điện quay tay, còn nhiều khê hơn thợ sơn tràng đi rừng. Bởi bây giờ chỉ còn phong lan trên lưng chừng cây, phải trèo lên cưa cây, hạ cây xuống thì mới lấy được một vùng phong lan có nghĩa là phải phá rừng mới lấy được phong lan.

Ở bên Nhật có núi Phú Sĩ ngoại ô Tôkyô, ngọn núi thiêng liêng, trong mỗi bức ảnh phong cảnh Tôkyô nhất định phải có núi Phú Sĩ nên thơ. Ở Hà Nội, đứng bờ hồ Tây cũng trông thấy núi Tam Đảo, núi Ba Vì nổi lên bên kia ngăn nước, đẹp lạ lùng. Chẳng biết núi Phú Sĩ

có nạn bắt bướm, nạn phá rừng lấy phong lan và săn chim, bẫy chim đến kiệt cùng như ở ta không ? Ở thủ đô Tân Đê Li bên Ấn Độ, đứng đợi xe buýt trên hè, trông lên cây thấy mấy con chim vàng anh đang nháy lao xao. Ở ta, chúng mày đậu thế thì chết với ông rồi.

Và ở ta, chỉ nghe khẩu hiệu hò hét trên báo về bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường chứ chẳng thấy người đề mắt đến tác hại cụ thể, tỉ mỉ ấy. Rồi một ngày kia, trên mặt đất, trên bầu trời sẽ hết chim, hết hoa thì con người ở với ai.

Suối Bình Châu

Từ bờ biển Vũng Tàu đến Bình Châu hơn sáu mươi cây số. Bình Châu cách Sài Gòn hơn một trăm cây. Tôi từ Vũng Tàu lên Bình Châu, cưỡi ngựa xem hoa một ngày.

Đường qua Long Đất, Xuyên Mộc đương mở lớn song song với những bãi biển mênh mông từ Vũng Tàu sang Long Hai rồi liên tiếp tới Bình Châu. Cơ ngơi tương lai vùng nghỉ mát và an dưỡng này không còn tính một Bãi Sau, một Long Hải mà là cả trăm cây số trải dài một bên là biển Đông, sau lưng trùng điệp rừng núi miền cuối Đông Nam Bộ giáp với Nam Trung Bộ lên Tây Nguyên.

Vùng rừng biển núi nguyên sinh đại ngàn Bình Châu, chân rừng ra tới mép biển sâu vào những bãi hoang ngập nước mọc những cây trắc đại vỏ trắng loang lổ, giống cây lai sức này chịu nắng chịu nước mới có thể trôi lên từ trong bùn thành đại thụ.

Suối nước nóng Bình Châu được hình thành có lẽ cũng khác thường. Không như những dòng nước nóng từ các hẻm núi đá tuôn ra thành suối như ở Lai Châu. Ở Sơn La hay suối Kênh Gà ở Ninh Bình, suối Kim Bôi

ở Hòa Bình. Mang trong lòng đất vùng này, dưới chiều sâu cả chục nghìn thước có những dãy núi lửa. nước nguồn chảy vào sông lên rồi lại trào ra theo mạch suối nước nóng lên mặt bùn. Suối nước nóng ở Bình Châu ẩn hiện từng quãng, từng quãng như những mỏ nước giữa rừng hoang nước lợ. Bây giờ người ta đào cho nước nóng dâng vào lòng giếng. Rồi những lạch nước có bờ đê cao hai bên đưa nước chảy đến các nhà nghỉ, các hồ bơi các bến ngâm chân, các phòng tắm bùn. Có một vùng hoang vắng hôm nay và mai kia sẽ nguy nga lên cả trăm, mấy trăm cơ ngơi an dưỡng. Đã đến vườn rừng nước nóng Bình Châu. Thoạt trông cũng chẳng khác dọc đường, nếu không có cái cổng chào đồ sộ tẹt lá hai chữ Bình Châu to tướng.

Một cái nhà con con như cái lô cốt, cái bốt gác, nhưng đây là trạm thu lệ phí xe và người vào cổng, trong khi trông ra quanh mình chỉ là rừng là rừng. Rồi lát đặc nhà mái gỗ một tầng - nhà nghỉ, nhà trọ, nhà bán hàng lưu niệm. Nhưng đồ này quá sơ sài ở Sài Gòn, ở Vũng Tàu cũng chẳng thiếu những thứ ấy. Đặc sản Bình Châu có mỗi cái mũ lưỡi trai vải trắng in hai chữ Bình Châu. Ai cũng mua để mang kỷ niệm khoe ta mới ở Bình Châu về.

Trên bãi có, mấy chiếc xe ngựa gỗ hóng khách, xe độc mã xe song mã. Người lác đác từng bọn đi chơi. Chẳng trông thấy người nào quần đùi cởi trần, khoác áo tắm như ở bãi biển. Vào một bể tắm cửa đóng, khoá xích, treo bảng «nghỉ». Không có ai mà hỏi. Thế thì tha thần ngắm phong cảnh trời nước và rừng cây. Có những con đường nho nhỏ trong lùm cây chỗ xếp đá, chỗ lát gạch quanh co khúc khuỷu một cách cố ý có chỗ lại cheo leo qua chiếc cầu nhỏ. Những con đường hữu tình này chắc dẫn đến các nhà nghỉ.

Chẳng buồn đi tìm bể tắm nữa, chúng tôi đến một nơi mà ai tới Bình Châu cũng phải biết chỗ ấy. May, nơi vui chơi này không «nghỉ» đóng cửa và không phải trả thêm lệ phí. Ấy là một cái giếng giữa bãi ngập nước, thành giếng cao tròn, đường kính ước khoảng một thước. Người ta mua sẵn trứng gà mang đến, bỏ vào cái giỏ để đáy rồi dùng dây xuống giếng. Những người đã đến chơi đây bảo chỉ bảy phút trứng chín, kéo lên, đập ăn «la cooc» rất được.

Tôi trông những cái giỏ đặt xếp hàng dưới đáy giếng trong làn nước lặng tờ, không biết nước nóng hay nước lạnh mà chỉ bảy phút trứng ăn được.

Nhiều người cũng có vẻ nghi ngờ như tôi. Quãng bảy, tám phút, ai cũng kéo giỏ trứng lên xem sao. Rồi đem

trứng ra cái chòi lợp lá cạnh đấy, cái chòi giả cỏ, ghế và bàn bằng gốc cây, thân cây, tự nhiên như giữa rừng. Ấy thế mà thật những quả trứng đã nóng hổi ăn được. Tôi khẽ đập hai đầu trứng, dằm lấy hạt muối, hút tụt vào miệng. Đặc biệt, lòng đỏ chín trước, lòng trắng còn lơ lơ, ăn thế đương ngon. Nhiều người bóc vỏ trứng, húp từng thìa.

Rồi ra ngồi trên bờ thành suối thả chân xuống làn nước nóng chảy ra. Nước nóng hần hoi. Máy chục người ngồi ngâm chân, Mặt nghiêm nghị như ngâm nước thánh, tưởng bệnh gì trong người cũng đương khỏi. Lại nhớ ngày nào nước suối Kênh Gà, trông thấy ở ga Hàng Cỏ cả trăm người xếp hàng mua vé tàu vào Ninh Bình, vai đeo sẵn cái vò đựng nước, nước suối Kênh Gà chữa bách bệnh, có người quảy cả đôi thùng.

Đây là chuyện trẻ con một thời.

Tôi ước ao và tôi tin một ngày kia Bình Châu sẽ có bệnh viện ngâm tắm bùn nóng chữa bệnh. Nước suối nóng và bùn suối nóng chữa được nhiều bệnh, nhiều nước trên thế giới được sông suối thiên nhiên ưu đãi đều có những nhà nghỉ, nhà an dưỡng, bệnh viện quý như vậy. Vùng Bình Châu của Bà Rịa Vũng Tàu đương hên doanh xây dựng với Du Lịch thành phố Hồ Chí Minh, chắc sẽ đến một ngày đẹp như thế. Nhưng mà

đến được ngày ấy, của cải và sức người còn phải bỏ ra không biết bao nhiêu. Những nơi có thắng cảnh trở thành của báu đều phải có công sức lớn lao của người mới nên được. Bình Châu tuyệt đẹp còn đang hoang dã. Rừng Bình Châu có hơn mười loài thú, có beo lửa, gấu chó... rắn cạp nong, hổ mang chúa... Con hổ con voi trong rừng sâu không dám lai vãng ra, nhưng bây giờ đi vào những bãi cỏ lau, những đồng hoang ngập nước chắc cũng vẫn sẵn những con hổ mang hổ lửa.

Tạnh Mưa

Tôi ghé vào chơi nhà Nhung tối hôm ấy. Trước kia, Nhung ở Hà Nội, rồi chuyển vào Đà Lạt, đã mấy năm nay. Những bạn cùng trang lứa khao nhau cô ấy chuyển vùng tìm người yêu, tìm chồng, ở ngoài này người đông mà đậm ra của hiểm, mà tuổi ấy cũng cứng rồi.

Trong phòng khách lúc ấy chỉ có hai người, cậu Tuấn và cô Hạnh, các bạn cùng cơ quan.

Trời đổ mưa, mưa Sài Gòn hay mưa Đà Lạt hầu như cũng tương tự, cứ thỉnh linh ào ào rồi lại bỗng dứt hạt. Chỉ khác, ở thành phố dưới kia mưa rơi vào tường, vào mái bằng lặng im hay là có khi hạt mưa đập vào mái tôn cứ thì thùng như trống ngũ liên, sốt cả ruột mà không biết việc gì. Nhưng mưa Đà Lạt, mưa to hay mưa thưa cũng rì rào trong cây.

Hạnh đứng lên :

- Chào cả nhà. Em phải về có việc, đợi mưa tạnh thì nhờ mất. Rồi Hạnh xuống nhà.

Hạnh ra khỏi, Nhung bảo Tuấn :

- Cậu cầm cái ô xuống cho Hạnh. Mưa chưa dứt hạt đâu, nó ướt hết mất.

Lúc ấy mưa chưa tạnh, nhưng đã ngớt. Tuấn mở ô, bước ra. Nhưng nhìn theo và bảo tôi :

- Bà mới đương vun vào cho hai đứa. Anh thấy có được không ?

Tôi không đáp. Vì cũng không biết nói thế nào. Năm nay tôi lại vào Đà Lạt, đến chơi nhà Nhung. Tôi thấy Nhung đã lập gia đình, hồi ấy tôi đã nhận được thiệp báo hỉ. Nhung lấy Tuấn, đám cưới làm năm ngoái.

Nhung cười cười hỏi tôi :

- Em lấy Tuấn, anh thấy có lạ không ?

Tôi nói :

- Chẳng lạ đâu. Tôi biết từ năm trước, cái lúc trời ngớt mưa cô đưa cái ô cho Tuấn. Hình như bao giờ cũng thế, không thiếu những bà mới vợ vào.

Tết Rằm

Ban tổ chức hội thảo bảo tôi tham luận về vấn đề : Tết Trung thu độc lập đầu tiên của thiếu nhi ở Hà Nội. Trung thu năm ấy tôi cũng có ở bên hồ Hoàn Kiếm. Vui quá, nhưng tôi không thể viết nổi một bài văn miêu tả dài dòng được về cái buổi tối trăng nước huy hoàng của hàng vạn thiếu nhi của thủ đô đất nước vừa độc lập, mà tôi chỉ có một ý nghĩ và một đề nghị.

Cái tết Trung thu lâu đời của ta, cần duy trì và phát triển làm cho các cháu thấy được và có kỷ niệm cả đời về trung thu cũng có nghĩa giáo dục ý thức truyền thống tốt đẹp. Mỗi năm các cháu có hai ngày tết. Ngày 1 tháng 6, các cháu vui hát nhìn ra phương trời thấy được cả thế giới thiếu nhi quây quần. Ngày rằm tháng tám âm lịch các cháu vui tết trong trăng thanh gió mát đầu thu mà đời cha mẹ, đời ông bà đã có tết trung thu như thế. Những câu vừa viết đã khiến tôi nhớ lại những tết rằm tháng tám quê tôi xưa ở cái xóm nhỏ ven thành bên hồ Tây, tết trung thu sôi nổi, thật là của trẻ con. Người ta gọi thân mật là tết rằm, không cần là tết Trung thu, tết rằm tháng tám, đã biết rồi. Tết Nguyên Đán tết long trọng của mọi người, tết mừng năm cũng tết trẻ con, được đeo bùa túi, nhuộm móng tay móng chân đỏ bằng lá móng rồi bơi

vôi vào rôn và chén quả mận, quả dưa, uống nước dưa tha hồ. Nhưng mừng năm tháng năm chỉ có một buổi sáng, tết chóng quá. Tết rằm tháng tám có những mây tối gió mát trời sáng trắng, tết rằm được mong đợi nhất. Tôi kể ra đây cả các thứ trong tết rằm. Ngày ấy không phải nhà ai cũng có tiền sắm đủ các thứ ấy, nhưng cứ kể cho đủ lệ bộ mà trẻ nào cũng mong ước. Trước nhất là cái trống. Không phải trống cái, trống đình mà cái trống chỉ nhỉnh hơn cái đầu, cái thung. Mặt trống mới, da bò ngửi còn mùi khét thú vị, lại có miếng da làm quai xách, tang trống bôi phẩm vàng nghệ. Cái dùi trống vót lấy chỉ to hơn chiếc đũa.

Trống được mẹ mua từ phiên chợ trước. Hầu như nhà nào cũng có trẻ nhất là có con trai đều có cái trống. Tiếng gõ tong tong khắp xóm, rộn rã vui tai suốt ngày đến tận tối. Rồi con sư tử. Không phải sư tử to như cái xảo đại, cái thúng đại có người chui vào múa, có người cầm vạt đuôi, có người múa ngọc như đám rước sư tử, đêm rằm giật giải ở chợ. Mà đây là cái đầu sư tử giấy bồi, chụp lên đầu như úp cái rổ. Ấy vậy mà cũng nhấp nhoáng trang kim, hai mắt lồi long lanh với bộ râu trắng không biết bằng rễ cây gì. Chập tối, tụ tập đầu xóm, những đứa có sư tử đem ra múa vờn nhau trong tiếng trống đánh giục giã.

Ông tiến sĩ mẹ mua về chỉ bằng cái khay con con. Nhưng cũng áo thụng giấy vàng, thắt đai, mặt gỗ trắng phếch, ông tiến sĩ đội mũ cánh chuồn có cò đuôi nheo cắm đằng trước, lọng che sau lưng. Cả xóm chẳng mấy nhà mua ông tiến sĩ về chơi vì chẳng nhà nào có trẻ con đi học. Cả nhà tôi chắc chẳng ai biết ông tiến sĩ là ông gì, nhưng thấy ông đội mũ, đi hia thế thì phải là ông quan, là ông quan học trò. Mẹ mua cho tôi ông tiến sĩ có ý cầu mong cho tôi học hành tấn tới cho ngày sau thành ông tiến sĩ.

Trên chợ bán nhiều đèn lắm. Đèn ông sao, đèn củ ấu, đèn trống, đèn mũ ông sư, đèn con thỏ. Mẹ mua cho hai cái đèn xếp rẻ tiền. Cái đèn này bằng giấy đỏ, gấp tròn được, nên gọi là đèn xếp. Ở giữa cắm cây nến đỏ (kiêng chơi nến trắng). Chập tối, đũa nào cũng đem đèn ra ngõ. Tiếng trống múa sư tử các kiểu đèn chập chới như sao sa. Có đèn củ ấu nhà làm lấy, trắng phếch. Chúng tôi chơi rước đèn, trông trăng múa sư tử mấy tối trước đêm rằm.

Nguy nga nhất là cái đèn kéo quân. Trong xóm chẳng nhà ai sắm được đèn kéo quân, mặc dầu có loại đèn kéo quân mỏng manh bốn mặt cũng không đắt mấy. Chập tối chúng tôi kéo lên chợ xem nhờ ở các hàng xén, hiệu tạp hoá.

Cái đèn kéo quân đồ sộ được bày ở trước cửa hàng, trên một bàn cao. Đèn lục lăng sáu mặt dán giấy tàu bạch. Ngọn nến đỏ ở trong giữa được châm lên, có đèn thấp bằng đĩa dầu lạc có bắc. Lửa lên làm gió thổi quay các hình trên vòng ở trong. Có lẽ vì quay vòng thế mà đèn này còn có tên là đèn cù. Ô kìa, hình lên mặt giấy tàu bạch bóng con voi, con ngựa, người quảy lúa, người dắt trâu, nhiều nhất hình người lính tập đội nón chóp, lính nhiều quá, có lẽ vì thế mà đèn này cũng tên là đèn kéo quân. Chợ tết rầm rới mới có hàng bán bánh dẻo, bánh nướng. Bánh nướng làm ở đâu đem ra bày bán. Bánh dẻo thì nhào bột, đóng bánh cho người ta mua ngay đấy. Mẹ mua hai chiếc bánh dẻo về bày cỗ.

Mỗi nhà một mâm cỗ trên bàn hay mâm chõng. Mâm cỗ nhà tôi bày trên án thư. Chẳng có mấy thứ, nhưng thừa ấy trông đã sừng sất. Cái đèn xếp vẫn xách đi chơi được treo lên vách, ngọn nến đỏ sáng le lói. Lại đốt mấy xâu hạt bưởi phơi khô cháy như liến, chỉ phải cái khói và khét, nhưng mà người ta đương thích thì chẳng để ý.

Giữa bàn cỗ, ông tiên sĩ ngồi chễm chệ. Cái trống để dưới chõng, chốc lại gõ mấy tiếng tong tong vui vui. Hai chiếc bánh dẻo phong giấy điều đặt hai đầu bàn. Bốn quả bưởi vỏ đỏ bốn bên, hai quả bưởi đào đã bóc

sắn bóc cùi chóc nữa phá cỗ thì chén. Trên bàn la liệt những mía đỏ đã được tiện khẩu lại bỏ đôi như cái mũ ông tiến sĩ, chỉ thiếu hai cánh chuồn.

Đấy, mâm cỗ tết rằm, chóc nữa khi trăng lên đến ngọn cau thì phá cỗ được nhai mía, lại ăn bánh, vừa gà gà mắt ngủ, ngoài kia tiếng trống. tiếng hò reo và ánh trăng rằm sáng trắng bạch. Thấy nói ngoài Kẻ Chợ, chỗ phố Hàng Thiếc bán nhiều đồ chơi tân thời lắm. Có nhiều tàu thủy, chiếc ô tô bằng sắt, lên dây cót rồi thả vào chậu nước, tàu thủy bơi xình xịch như tàu thật. Nhưng trẻ con cá xóm chỉ nghe đồn, chùa trông thấy bao giờ. Những cái vừa kể là tết rằm của trẻ con. Người lớn có tết Trung thu không ? Có chứ. Nhà nhà mua thịt lợn, giết gà, thổi xôi, trên giường thờ thắp hương cúng. Nhà tôi quấy nồi bánh đúc lá giềng xanh lét. Mẹt bánh đúc đặt ra giữa sân. ốc nhồi hồ Tây tháng tám đương béo, mẹ mua về bung một nồi với chuối xanh. Bữa cỗ tết rằm, cả trẻ con người lớn cùng vui chơi trăng.

Thịt Rừng, Chim Trời Và Con Bướm

Hôm ấy, trời hiu hiu, tôi bỗng nổi máu ăn thịt chó, đã hẹn được một bọn. Nhưng gặp nhau thì việc thịt chó đâm ra hỏng.

- Mát trời, đi đả khuyến kama hay lắm.

(Chữ kama, sáng tạo của họa sĩ Tô Ngọc Vân, trong kháng chiến ở Việt Bắc. Ka ma là bốn chữ đầu : «không ai mời ai», có nghĩa là canh ty tiền đi đánh chén).

Tôi bị hỏi lại :

- Hôm nay ngày mấy, biết không ?

- Mừng một dương lịch.

- Âm hay dương, mặc giờ, phiên chợ đầu tháng, chẳng ma nào bán cái xúi quẩy ấy đâu. Nhưng tôi chưa thất vọng. Có bạn nói.

- Ta đi chén thịt rừng. Cả bọn hoan hô.

Ở chợ Bưởi hay chợ Mơ đôi khi cũng có thịt rừng - thịt rừng rơm. Cánh gà công nghiệp chặt ra, nướng cháy vàng, chủ quán bảo là thịt gà rừng. Cũng chịu. Bởi nó thơm thơm, khen khét, lại rắc đôi chút ngọt mì chính.

Cãi với nhà hàng thì không cãi nổi, đánh nhau thì chắc thua, đành ngồi ăn lặng im vậy. Thịt rừng thú vị thật, ở trên Lương Sơn kia. Hà Nội lên Lương Sơn (Hòa Bình) hơn bốn mươi cây số, áng chừng bằng đi Sơn Tây, chỉ trong ngoài một tiếng xe ôm.

Ở phố huyện này có hai ba quán treo bảng : thịt tươi hươu, nai, gà gô... Nơi địa đầu sơn cước mà nhà hàng khá vui mắt, bàn ghế Xuân Hòa và phòng riêng, rèm trướng sáo. Nghe nói khách thành phố thường ô tô biển trắng, biển xanh dập dìu. Hàng quán ở cạnh rừng và núi đá, có thể tin là thịt thú rừng thật.

Chủ quán mừng rỡ. Các ông may quá, hôm nay có thịt rồi, con rúi mới mua được của phường săn, có tiết canh, rượu tiết. Ngày trước, ở cánh đồng Mường Lò mùa gặt, tôi đã được ăn thịt rúi đào được ở chân đồi thịt nướng thơm như thịt con nhím. Chúng tôi gọi món thịt rúi, nhưng cũng cẩn thận ăn món giả cầy, không gọi thịt lộc. Cái rượu tiết chẳng biết tiết gà hay tiết ngan. Còn giả cầy thì bì dai như da trâu. Con rúi hay con gì, nào biết được. Mới tỉnh ra một điều. Các thứ thịt quen thuộc con gà, con chó, con bò cũng có con béo, con bệnh, có con chết rồi người ta đi bán chui. Mà các bà các cô ở nhà đi chợ mua đều phải nắn lườn, xem chân, xem mỏ chứ đâu phải con nào cũng béo tốt. Huống chi con vật

hoang dại trên rừng đâu phải lúc nào cũng ngon thịt cho ta chén.

Mới đây, nhiều báo đăng tin báo động : rừng quốc gia trên núi Tam Đảo người các làng ở quanh kéo vào rừng bắt bướm, từ bướm ma cho đến bướm rồng, bướm nào cũng bắt đem về bán cho khách du lịch người nước ngoài. Có loại bướm quý được trả đến 200 đô la một con. Cho nên, ở bốn phía Tam Đảo từ Vĩnh Phúc sang Thái Nguyên người ta vào rừng bắt bướm nhiều lắm, chẳng ai ngăn cấm như rình bọ trộm gỗ, nhưng thấy bán được nhiều tiền thế cũng đâm sợ, cho nên cứ bán ngay cho Tây đã đợi ở cửa rừng mắt trước mắt sau như bán ma túy.

Núi Tam Đảo sắp hết giống bướm. Tôi tin ngay như thế. Bởi vì cách đây đến mười mấy năm tôi đi nghỉ trên Tam Đảo, lần nào cũng gặp có người nước ngoài, người Pháp người Anh, người Nhật họ leo núi tay xách lồng tay cầm vợt với một lũ trẻ con vác sào chạy theo. Thấy bảo đấy là trẻ con đi bắt bướm, mỗi con bướm được Tây cho bao nhiêu tiền đấy.

Việc xảy ra đã từ nhiều năm nay rồi đến bây giờ còn rầm rộ hơn thì bướm chẳng tiết giống thì cũng sắp mất giống.

Xin trích tình cờ một cái tin vặt về bướm đã đăng trên báo nước ngoài : Bướm họ Tridor Alôtây (Troide Aliotei) ở quần đảo Salômôn nam Thái Bình Dương được người chơi bướm cho là loại bướm đẹp nhất thế giới. Năm 1966, một con bướm Tridor ướp hộp kính bán đầu giá ở Paris, những nhà sưu tập bướm các nước đến tranh nhau đặt giá mua, sau cùng, xác con bướm hoa nõ được giá lên tới 9000 phorăng pháp

Ở trong thành phố bây giờ khó lòng còn nghe tiếng chim hót, chim kêu - không kể mấy con khướu bị giam trong lồng. Nửa đêm về sáng cũng không còn tiếng vạc đi ăn đêm về kêu xa xa tiếng một. Hoạ hoàn chỉ nghe tiếng chim lợn bay kêu éc éc rợn tai- con chim lợn báo điều không tốt lành sắp đến, ai cũng sợ.

Kể ra, người giết chim cũng đã nhiều, nhiều lắm. Mấy năm trước, mùa nào chim ấy, chim được đem bán hàng thúng những con ngói, con sẻ, con nhạn nước đã làm lông, moi bụng sẵn. Chim ngói người ta đặt lưới bắt ở những cánh đồng vừa gặt. Chim sẻ thì bẫy ở cái bãi rác. Con nhạn nước thì chăng lưới các gốc cây ở bờ hồ Hoàn Kiếm và đường Thanh Niên, hai bên hồ Tây, hồ Trúc Bạch, sáng sớm mùa đông sương mù, cả nghìn cả vạn con nhạn nước lượn về mắc lưới.

Lại dạo ấy, thỉnh thoảng thấy cái xe máy buổi chiều chủ nhật đi từ ngoại ô vào, người trên xe, vai khoác khẩu súng săn, trong túi trước mặt quàng một xâu dài các thứ chim và con cò, con diệc, con sâm cầm, con đen con trắng. Họ ra các ven hồ đầm ngoại thành bắt chim về «cải thiện». Mấy năm nay không thấy nữa. Chắc phải đi quá xa, mà đi xa quá thì lại gặp người ở Phủ Lý, ở Sơn Tây cũng đi bắt chim «cải thiện».

Những chìm nổi đời chim ngày một tàn tạ. Đọc cái truyện ngắn của Nguyễn Quốc Trung ở tạp chí Văn nghệ Quân đội thấy đời con chim, con người cứ vui ít buồn nhiều như thế.

Chuyện rằng ở Sài Gòn bây giờ, bà con đi chùa cũng bắt chước bên Nôm Pênh hay mua chim rồi thả phóng sinh lấy khước, lấy phúc. Người nhà giàu nọ đi chùa lễ cầu tài, cũng mua chim thả, lại muốn mua cả cái lồng về cho con chơi. Nhưng ông lão chỉ bán chim, không bán lồng. Người nhà giàu mắng thằng già gần sắp chết đói lại làm phách. Ông già gần xách cái lồng về, đi cùng với người viết lại câu chuyện, lên nhà ngồi uống nước trên sân thượng. Mấy con chim vừa bán đã bay về xúm xít vào cái lồng quen thuộc. Sớm mai ông già lại xách cái lồng chim ra ngôi cửa chùa, đàn chim được người mua phóng sinh lại bay về. Mẹo kiếm ăn còm, thì cái

lồng chim cũng là cái cần câu cơm của ông lão.

Thuở bé, tôi nuôi chim chào mào, cho con chào mào chén cơm muối, chào mào đâm nghiện thức ăn mặn. Có thả ra, chim cũng chỉ bay quanh quần rồi lại vào lồng.

Nhưng những vui buồn của con ấy với con chim cũng tan nát đến nơi rồi, không còn nữa. Mới đây, được tin dữ, mới đây thôi, khủng khiếp quá. Đạo này, ở Cần Thơ, ở Sóc Trăng, tận các thành phố huyện hẻo lánh, thế mà cũng có nhiều nhà hàng bán buôn cò, vạc, diệc và nhiều quán nhậu đặc sản thịt cò, cò ấu bún, cò rán chả, cò nướng nhậu lai rai.

Bấy được cò nhiều lắm, ấy bởi người ta vừa sáng chế ra cái máy bắt chim hiệu nghiệm cực kỳ. Máy gồm có : bộ lưới dài có thể úp được cả đàn chim hộp cát xết chạy pin có bảng thu được tiếng chim, cò kêu, bìm bịp kêu, cuốc kêu, chim kêu thứ thiệt. Người đánh chim căng bẫy, giăng lưới, rồi mở bảng. Trong đêm hay giữa ban ngày, tiếng chim trong loa gọi lú lo, đàn chim đương bay liệng xuống với đàn bạn, thế là toi mạng. Đồng bằng minh mang cánh đồng, lạch nước và chim sa lưới một mẻ có khi được đến trên năm trăm con vạc, con mòng két, con cò lửa...

Đài tiếng nói Việt Nam, mục «Thị trường giá cả phát lúc 5 giờ sáng kể ở các chợ thị trấn đồng bằng sông Cửu Long bán những bộ máy bẫy chim như thế, cả lưới và cát xet mỗi máy giá 3 triệu. Thế thì sắp tiệt giống chim rồi. Cả những con chim lợn kêu eng éc báo điềm xấu cũng chẳng thoát. Người ta mở băng có tiếng chim lợn mái kêu, mày ngỡ vợ mày gọi, mày sà xuống thì mày bỏ đời.

Ca dao mới :

Con cò con vạc con nông.

Ba con cùng béo vật lông con nào

Vật lông tốt tuốt cho tao.

Tôi Lại Chơi Đế Mèn

Ngày xưa ngày xưa tôi đã chơi đế mèn. Bây giờ lại chơi con đế mèn với một sự tình cờ và rất thời sự.

Đầu xuân 2001, tết âm lịch năm nay, trẻ con có thêm một đồ chơi mới. Ở công viên Bách Thảo- cả chỗ vào vườn Thủ Lệ, vườn Thống Nhất, đều có cái xe máy đồ ghêch vỉa hè, sau yên đặt một chiếc thùng gỗ mở nắp. Thoạt trông tưởng người ta bán con tò he nặn bằng bột xanh đỏ ngày trước lại mới mọc ra. Không, đây là hàng bán đế mèn. Mà đế sống, như đế ở bãi cỏ nhảy vào, không phải đế con bằng nhựa, vắn dây cọt, đế nhảy nhảy - đồ chơi Thái Lan, mà tôi cũng có một con như thế đặt trên giá sách. Đằng này là đế thật, đế mèn đang hòang. Một đám khách hàng trẻ con xúm lại bên cái thùng gỗ như mặt bàn, trên bày những chiếc lồng đế bằng những bao diêm xếp chồng lên nhau, trong mỗi lồng nhốt một con đế.

Con đế bây giờ hình như nhỏ hơn những con đế thừa xưa, thời tôi còn là trẻ chơi đế. Mình đế đẹp đét, bóng nhoáng, lưng lay hai sợi râu dài. Loại đế này dữ lắm đấy. Mỗi hộp đế, mặt trên che một mảnh lưới sắt. Dưới đấy, gài then, đấy là cửa đưa thức ăn, và cũng là cửa đấu

võ khi hai mặt hộp áp lại, đế nhảy sang thành cái đầu trường cho hai võ sĩ lên đài tỉ thí.

Trong thùng có tới hàng trăm lồng dế, hộp dế. Người bán dế bảo tôi mua hai hộp và hai con dế lại cắt nghĩa : «Dế chọi phải nuôi đôi cho chọi nhau. Chọi dế phải bắt chúng nó choảng nhau mới khoái chứ». Tôi mua tám hộp, tám con dế. Mỗi hộp dế giá hai nghìn. Tám hộp là bốn bộ, 16 nghìn. Ba đôi tôi cho bọn cháu tôi đương choai choai tuổi chọi cho biết, ở thành phố các cháu chưa biết mặt con dế bao giờ.

Tôi giữ chọi một đôi. Người bán dế đã bảo cách cho dế ăn, tôi mua một củ đậu, thái miếng, đút vào hộp. Trước kia mày ăn cỏ, bây giờ thời mới được ăn bánh mỳ cơm hộp. Cũng hay.

Tôi ghép hai hộp, mở then cửa cho chúng nó xông sang võ đài. Nhưng hai con dế chỉ đứng im. Có lẽ còn lạ chuồng - tôi nghĩ thế. Tôi đóng cửa lại, đặt hộp lên thành cửa sổ. Cả đêm lặng lẽ. Sáng hôm sau, hai con dế vẫn đứng im. Tảng rắng mỗi con ngáp trong miếng củ đậu. Chúng nó nhăm nháp củ đậu. Nhưng sao im thế. Hay là chết rồi, chúng nó chết giữa lúc còn đương ngoạm rắng vào miếng ăn. Tôi nhớ thằng dế mèn lúc nào cũng hay đụng đậy sợi râu. Tôi lấy chiếc tăm gảy gảy. Cái râu nhúc nhích. Không phải con dế chết. Hai

võ sĩ đều khoẻ mạnh, nhưng chẳng con nào hung hăng đánh nhau cả.

Tôi hỏi tụi đế ở nhà cái cháu. Có ba con đã châu trời ngay đêm ấy. Hôm sau, đế của tôi cũng nghèo một con. Nhưng con đế còn lại một mình lại sống dai. Đế nhấm cả ngày hết miếng củ đậu bằng đốt ngón tay, đế là cắt vụn đen như cắt giấm. Hôm mới mua đế tôi đã thấy cái đồ chơi đế này chẳng dính mảy may đến chuyện ông đế ngày xưa của tôi đi chu du thiên hạ đến đổi sang Thái Lan người ta phải lưu luyến làm đồ chơi kỷ niệm. Chẳng phải thế đâu. Bởi tôi đã xem vô tuyến truyền hình thành phố Quảng Châu bên Trung Quốc chiếu phim giới thiệu cái nhà máy làm đồ chơi, có một xưởng nuôi đế hàng chục công nhân săn sóc đế ăn, đế ngủ, đế đẻ, đế lột xác, đế được ở trong nhà hộp, những lồng nan nhựa xanh đỏ sặc sỡ, con đế coi thật bảnh bao công tử. Rồi những chuyến xe tải cả nghìn cái lồng hộp đựng đế đem ra chợ, bày ở các cửa hàng ngoài phố. Người mua đế về cho trẻ con chơi rất đông vui.

Chắc chắn là có người ở trong Chợ Lớn- Sài Gòn đã xem phim Quảng Châu bắt chước làm rồi đem đế từ trong Nam ra bán trong dịp tết này. Tất nhiên, so với cái xưởng sản xuất đế bên Quảng châu thì mình còn cò con, nhếch nhác, mới thấy như cái hòm đựng đế ở công

viên Thủ Lệ. Một đêm kia, con đé của tôi bỗng kêu vang. Mùa đông, phòng tôi đóng cửa kính, tiếng đé kêu đinh tai. Không biết đé khóc hay đé cười, nhưng thật chưa bao giờ tôi thấy ở đâu có tiếng đé kêu dữ dội đến thế. Vì, có lẽ con đé ngoài trời xưa nay vẫn tiếng to mà tôi không biết. Cũng như những người làm ruộng nói với nhau ở ngoài đồng không mông quạnh, cũng oang oang, khác người nói nhỏ nhẹ ở trong phố, trong nhà.

Tôi nghĩ rồi cũng đến phải cho con đé này ra ngoài mới hợp. Tôi thả con đé lên giàn hoa kim ngân bên cửa sổ.

Đêm ấy nghe tiếng đé ong ong trên giàn kim ngân, nhưng chỉ xa xa thoang thoảng. Nhà tôi ở đây xưa là cánh đồng làng, nhưng nhiều năm rồi cánh đồng đã thành phố phường, không khi nào còn tiếng giun tiếng đé nữa. Bây giờ trong bóng tối và ánh điện giữa tiếng ô tô, xe máy gầm gừ qua lại, có tiếng con đé ri ri phảng phất, cũng lạ mà cũng buồn. Đêm sau, chẳng nghe tiếng đé nữa. Con đé bò đi đâu. Con đé đi đường nào giữa những vỉa hè xi măng, những bờ tường bê tông xám mênh mông.

Trên Sông Hồng

Có người hỏi tôi sông Hồng với Hà Nội quan hệ như thế nào ? Câu hỏi rộng quá, mà tôi chẳng chuyên môn ngành nào về cuộc đời non Sông và thành phố, tôi chỉ có thể có cảm tưởng và kỷ niệm về cái nơi tôi đã được sinh sống. Dưới bến Phà Đen hàng ngày bây giờ vẫn có thững chuyến tàu xuôi các bến xuống Cầu Bo dưới Thái Bình. Ngày trước, vào mùa nước còn có tàu huỷ ngược lên Sơn, lên Tuyên.

Và hôm nay thì ở bến đầu cầu chân cầu Long Biên ngày ngày có tàu du lịch xuôi ngược sông Hồng đến hết địa phận Hà Nội, khách ngồi trong tàu ngắm lên thành phố. Chưa bao giờ có thuyền chơi đêm sông Hồng như đêm sông Châu ngày rước và đêm Việt Trì cũng như đêm sông Hương rước kia và hôm nay.

Tôi đã thường ngược xuôi Sơn Tây, Thái Bình xưa kia và bây giờ có khi ngồi tàu du lịch trên sông Hồng. Sông Hồng và thành Hà Nội thế nào, sông Hồng đã chứng kiến ra đời Thăng Long từ nghìn năm. Sông Hồng hùng vĩ từ giữa lòng châu Á ra biển Đông, sông Hồng không cùng số phận hẩm hiu của sông Thiên Phù đã bị chui vào lòng đất và sông Hồng cũng không bị phai mờ như sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu chỉ còn cái tên hoài cổ.

Sách viết tên là sông Hồng, là Nhĩ Hà, Hồng Hà đoạn qua Hà Nội nhưng người Hà Nội xưa kia đều gọi nôm là sông Cái. Hầu như khắp mặt đất trên thế gian những trung tâm đất nước có sông lớn chảy qua đều gọi là sông Cái, sông Mẹ, sông Mê Kông, người Lào gọi là sông Mẹ (Mẻ Khoỏng) sông Nin người Ai Cập gọi là sông Mẹ. Tiếng cổ Việt Nam bố là cha, cái là mẹ, con sông Cái thân thiết và thiêng liêng đời đời.

Sông Cái là sông dữ. Màu nước quanh năm rực đỏ, con sông cả đời quần quai giữa hai bờ. Trăm năm trước, dòng sông nghiêng về bên thành phố. Nước mấp mé ven đê mới có Bến Nứa và phố Hàng Nâu thì ở chân cổng ô Quan Chưởng- củ rừng được bè tải về Kẻ Chợ đổ lên đây. Trông cái bãi Giữa chân cầu Long Biên theo năm tháng bốn mùa có thể thấy được nguồn cơn vùng vẫy của con sông.

Thủa nhỏ, tôi học trường tiểu học Yên Phụ, buổi trưa thường lên cầu Long Biên chơi trông xuống bãi ngô xanh xanh ẩn hiện xóm cát, có cái thang tre làm lối lên cầu của người bãi Giữa. Chẳng bao lâu, bãi Giữa lại lặn cả vào làn nước cuộn cuộn đỏ. Và bây giờ cái bãi Giữa lại đương xanh tốt hơn hỏ bãi ngô và mọc lại đôi ba lều của người các nơi về làm màu khi mùa nước rút. Các xóm đất bãi đã sống trong những hải hùng và những

phẳng lặng ấy, không phải chỉ đến khi chạy lụt nước lên, mà sông Hồng quanh năm nước ngoạm lở đất, mất nhà, mất vườn rau và cây cối, mất người. Bây giờ vẫn khủng khiếp thế.

Thời Hà Nội thuộc Pháp trước 1945, chính quyền Tây không cho làm phố, làm nhà xây dưới bãi. Người làm cu li khuân vác, người ăn mày tụ tập dưới bãi ở nhà lá, lều lá. Có những năm vợ chồng nhà văn Nguyên Hồng về ở phố đã trú ngụ ngoài bãi. Nhà xây dưới bãi bắt đầu khoảng 1947 khi Pháp trở lại chiếm Hà Nội. Người Pháp chưa hoàn hồn, chưa chắc chắn, nhiều việc hành chính bỏ bê còn lo đối phó với kháng chiến, dân hồi cư xuống bãi ở tràn lan chen chúc. Đến bây giờ nửa thế kỷ đã qua thì nhà xây, nhà tầng nổi ra đến tận mép nước.

Đợi cho đến bao giờ trị thủy sông Hồng sang giai đoạn hết lụt mới thật là yên tâm, chứ còn thử tưởng tượng như hôm nay, đến kỳ nước lên, nước lúc nào cũng sẵn sàng đánh sóng đẩy cả dãy nhà dãy phố xuống lòng sông. Cái cảnh sụt đất và chạy lụt vẫn diễn ra, là còi báo động đầy chứ đâu. Sông Hồng có vẻ đẹp hùng tráng của con sông dữ. Trên máy bay nhìn xuống bờ bãi và con nước đỏ không có cây cỏ nào có thể mọc sát mép nước trên đất bãi chuyển động. Chẳng như các con sông miền Nam lúc nào cũng lơ thơ cụm lục bình trôi như từ

trong lạch vườn ra, không như sông Hương mảnh mai, yếu điệu, cây cỏ la đà quét xuống mặt nước xanh trong êm đềm.

Con sông dữ dộp vẻ nên thơ riêng của sông dữ. Tuy nhiên ngành du lịch và các dịch vụ chưa mấy phát hiện ra vẻ đẹp khác thường ấy của sông Hồng. Chơi trên sông Hồng, tham quan các làng mạc và đình chùa hai bên sông, còn ít ai biết. Tàu ngược rồi tàu xuôi, khách trên tàu người đi chơi giữa sông một quãng - hết như cái «thuyền rồng» trên Hồ Tây lừ đừ từ bờ ra giữa hồ rồi lừ đừ quay về, thế gọi là tham quan Hồ Tây. Tàu đổ bờ sông, lên làng gốm Bát Tràng, lên đền Chử Đồng Tử, lỏi đi ngổn ngang lầy lội chẳng khác đường sau làng ra làm đồng.

Tức Nhau Tiếng Gáy

Làng tôi vào đám.

Ngày trước, tháng ba có hội lệ. Thịt con bò, chia phần bốn giáp. Vài ba năm lại có rước chạ, cất lượt chạ trên chạ dưới. Nhưng các chạ đều nghèo, không làng nào sắm nổi cỗ kiệu, đám rước chỉ khiêng cái long đình gỗ mộc.

Không phải xưa nay đám thứ đều giống nhau. Cứ như tuổi tôi, từ thừa còn để chỏm tới ngày nay đã thấy bể dâu lắm nỗi. Cái năm kháng chiến, ngôi đình bị phá san phẳng theo lệnh tiêu thổ kháng chiến. Chỉ còn ba cây muỗm cổ thụ và một bờ rào đuổi đằng hậu cung. Đến khi Tây lại đóng đồn, sợ du kích về ẩn nấp, đã chặt nốt bờ rào đuổi, thế là cái đình cái sân nhẵn nhụi. Chỉ không biết cái long đình biến đi đâu. Có người đã lội xuống ao làng mò, hay là người ta đã giấu xuống đấy. Người không thấy.

Hòa bình lập lại, ngôi đình không dựng lại được nữa. Nhưng rồi làng cũng đóng góp xây lên được ba gian lợp ngói. Không có ông từ, nhưng tuần rằm mừng một, cũng có các cụ ra thắp hương. Đến cái năm cải cách ruộng đất, cái đình con con được cất lại ấy cũng bị bỏ

hoang, Mấy người hay ra thấp hương cũng bị quy là mê tín dị đoan. May chỉ là «mấy ông lão lạc hậu» mới kém hiểu biết, mới chậm tiến thế, nên được châm chước chứ nếu còn tuổi trung niên chắc đã bị đem ra đấu ở xóm rồi.

Nhưng bây giờ đã khác, tôi nghe người trong làng ra kể ngôi đình đã được xây lại. Chỉ có cây muỗm cổ thụ thì không thể sống lại được nữa không biết ai có sáng kiến đem về trồng hai cây xà cừ cho chóng có bóng mát.

Làng vào đám năm nay tôi về được trông thấy đình mới. Cũng vẫn trong khuôn khổ ngôi đình ngày trước, nhưng quét vôi vàng và vôi màu đỏ loè loẹt sắc sỡ. Không còn bức tường rêu đặng hậu cung và con nghê sành đắp nổi trên cột trụ ngoài sân đình ngày trước của một bà con gái làng lấy chồng xa, vợ chồng về làng nộp treo, người rể làng có máu mặt đã cung tiến con nghê. Người ta thường nghĩ theo kỷ niệm, chẳng vui chẳng buồn, thế mà cũng nhớ.

Trong đình lúc ấy rộn rã người đi lại, trống đánh từng hồi. sắp tế thần. Cả loạt hơn chục ông, áo thụng xanh lam, mũ phốc, quần lụa mơ gà hoa chanh, đi hia đế trắng xộp mũi hia bọc nhung đỏ. Thoạt trông lạ mắt, nhưng rồi nhìn dần nhận ra, toàn mặt quen. Nhiệt ông trong làng, cũng có nhưng ông người thiên hạ, lấy vợ làng

này hay tậu đất ở đây trạc trên sáu mươi, bảy mươi, cán bộ về hưu. Chà chà, xống áo tể lễ đẹp quá, sang quá. Ngày trước, năm ấy ông ngoại tôi đến tuổi đến phiên được làm chủ tế. Cả cỗ tế hơn hai mươi người chỉ có một ông tôi được mặc áo thụng xanh. Mọi người khác đều áo the, khăn lượt chít như thường ngày có việc đi đâu. Cái áo thụng lam ông tôi mặc cũng là của làng, của công, ai đến lượt làm chủ tế thì được mượn.

Ông chủ tế ra tiếp tôi. Ông ấy trước công tác ở bộ Nông nghiệp về hưu. Mấy người nữa xúm xít ra. Tôi lâu ngày mới về làng, chứ đều là quen biết trước kia, có khi còn có họ và tất cả đều là cán bộ là bộ đội về hưu - có anh ở tỉnh có anh trên ngành ở trung ương. Nói đùa có thể hội ý chi bộ hay tổ đảng ở đám tế được.

Hầu hết các ông này vẫn còn thua tuổi tôi. Như tuổi tôi mà còn ở thời ngày trước, hội hè thế này, bấy giờ đương là trai tráng trong làng. Những cuộc tế lễ như hôm nay mới chỉ được các cụ cắt ra những chân cầm cờ, che tán - gươm vàng, bát bửu thì chưa phải mặt, chưa đến lượt được vác. Ngoài ra thì khiêng long đình, kéo xe trống... Còn các anh hôm nay áo thụng đi hia ra bắt tay chào rồi ngồi chơi với tôi đây lúc ấy cũng chỉ khoảng lên mười, đầu để hoa roi, mũi thò lò, cứ ngó nháo nhác đi xem rước và ngồi châu hấu xem tế mà thôi.

Tôi hỏi một người ngồi cạnh :

- Các cậu cũng biết té à ? Giỏi nhỉ. Mấy người cùng cười.

- Mỗi thời một khác. Mời bác ngồi chơi xem, em vào việc thánh.

Trống đánh nhịp, chủ tế ra đứng giữa chiếu hoa, các ông bồi té bước lên, kẻ đứng ngồi quỳ chấp tay theo thứ tự. Các ông bồi té lặng yên, kính cẩn. Ở ngoài, hai lên đứng lấp sau cột, xa hai mép chiếu, các ông bồi té khác lần lượt xuống té : Hương... Bái... Tiến tước... Quán tẩy sở... Tiết tửu...

Theo lời xướng, các ông bồi té trong chiếu lóp ngóp quỳ xuống đứng lên, có lúc cúi đầu, có lúc hai tay bung hai chén rượu như ông chủ tế, trịnh trọng bước lên.

Các ông đứng ngoài không mặc áo thụng đi hia mà áo sơ mi quần phẳng, dép lê như tôi. Mặt mũi còn non lắm, chỉ được cái tiếng hô to. Và vì không mặc quần áo té, các ông đứng nép vào cột. Ở ngoài cửa không trông thấy.

Phần nào, tôi đã đoán ra. Tôi hỏi một người ngồi xem bên cạnh :

- Đám thợ tế là các cậu thuê ở đâu ? Người ấy nói :

- Phải vào gọi tận Mễ Trì, xa lắm. Hẹn trước cả tháng đấy mà com rượu, lại phân phò, lại tiền nong tốn kém ghê. Đạo này vùng mình hội hè tế lễ nhiều mà.

Đến trưa, vào ngồi ăn việc làng, tôi nói với chủ tế - cái lão trước làm ở bộ Nông nghiệp :

- Làm gì mà khổ thế. Mà bát nháo cả. Làng mình xưa kia chẳng có tế thì đã sao. Ông chủ tế mặt rượu đỏ lựng:

- Làng nó có làng mình cũng phải có chứ. Ông mà về làng, ông cũng đóng vai chủ tế thuê tế như tôi.

Tôi cười :

- Một chữ nho bẻ đôi không biết, tớ cũng chẳng biết tên cụ thành hoàng làng ta. Ông chủ tế xua tay :

- Chẳng cần, chẳng cần !

Vĩa Hề

Xưa nay cắt tóc theo thói quen, đôi ba tháng một lần. Ngồi đầu cũng thế, gốc cây, bờ tường và anh phó cạo, phó húi nào đề đầu tôi ra cũng được.

Lâu nay, cắt tóc cho tôi là một cậu trạc tuổi cháu tôi. Cái hộp thiếc đựng đồ nghề và cả sách vở. Làm việc chỗ gốc me, đóng sẵn cái đỉnh treo miếng gương. Trò chuyện, nghe lý lịch trích ngang cậu ta tự kể : Quê Thanh Hoá. Cả nhà bảy anh em và bố mẹ anh em đều ra ở Hà Nội. Mỗi người một nghề (không nói nghề gì). Cậu là con lớn nhất. Học năm thứ ba Đại học Giao Thông. Kết luận : «Nhà cháu nghèo lắm. Cháu lo lấy ăn học, lại phải giúp nhà đôi chút».

Tôi nói :

- Dạo nọ chẳng thấy còn cái chợ cóc ở đây.

- Vẫn đấy, ông ạ. Chỉ có trời mưa mới đuổi được thôi. Còn các ông ấy có đuổi thì cũng là đóng kịch trên sân khấu thôi ạ.

Tôi chẳng hiểu thế nào.

Tôi vừa tới, cậu cười, chào :

- Ông ra cắt tóc.

Lại nói ngay :

- Ông đợi cháu một tý.

- Có khách đâu mà phải đợi ?

- Các ông công an sắp đi dẹp vỉa hè. Các ông ấy đi qua thì cháu mời ông ngồi. Hay là ông vội thì ông vào góc tường kia, cháu đứng cắt cho ông ngay.

«Góc tường kia» là chỗ các bộm bia hay ra đứng đái. Tôi nói :

- Tao chẳng vội gì cả.

Vỉa hè chỗ ấy là cái chợ cóc. Thường buổi sáng đứng vài cái xe đạp thò rau muống, hành hoa, bó mía. Có hôm thấy người ta đem đến treo lên cột đèn con trăn rồi lóc thịt, lại chặt khúc ra bán. Ông công an hỏi, người bán trăn bảo trăn nhà nuôi, «không phải vật quý hiếm», thế là ông công an cũng mua một khúc xương trăn về ngâm rượu chữa bệnh đau lưng.

Cái chợ chính của quận quản lý thì ở cuối đường. Năm cái cầu chợ mái ngói đỏ, trông khang trang, đẹp mắt. Có chợ to, nhưng các chợ cóc vẫn lớn vồn ở đâu đây. Hôm nay tôi mới được chứng kiến các nhà chức

trách dẹp cái chợ cóc. Người ta đều đã biết trước cả. Các chị hàng hoa, hàng rau ôm rau, ôm hoa vào gửi quán bia. Cái xe đạp thồ mía đương giả vờ lững thững đi tới đương đi chứ tôi không đứng bán. Chị bán thịt gà bê cái mẹt vào gửi nhà nào không biết.

Xong đâu đấy rồi một chiếc mô tô có thuyền ba bánh ùng ùng tới có cái loa gọi cẩn thận. Những người hàng rong chẳng còn ai. Bên gốc cây, không biết người nào dùng cái đòn gánh thế là đã bắt được đem về đòn chắc để làm tang vật đã dẹp chợ. Cái xe mô tô âm âm qua thế là dẹp chợ cóc xong.

Xe đi khỏi các chị rau, hàng hoa và mẹt thịt gà, cái xe mía ở đâu lại ra tụ tập đứng như lúc nãy. Còn tôi thì ngồi xuống chiếc ghé bên góc me của cậu cắt tóc vừa vào góc trong bụng ra với cái hộp thiếc đồ nghề.

Tôi hỏi chú bé :

- Hôm nào cũng dẹp mà chưa hết chợ cóc à ?

- Hết thế nào được ạ. Chợ chính thì quận thu thuế, chợ cóc thì lấy lệ phí, quận hay phường cũng đều cần tiền tiêu, cho nên cứ đóng kịch quanh quanh thế thôi.

Nguồn : Cái áo tể (Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Khác Trước

Soan còn nhớ như in cái hôm Triều bỏ nhà đi ra hậu phương (trong kháng chiến chống Pháp, người các vùng bị chiếm thường gọi vùng tự do là «hậu phương»). Mỗi lần nhớ, lại thương.

Hồi ấy đương đồng cạn, đêm nào vợ chồng cũng đi tát nước, gà gáy về lúi húi thổi cơm, ăn xong thì vừa tang tảng, chồng lại sắp gánh cho vợ đi hàng xáo. Hôm ấy, cơm xong, Triều sửa soạn gồng gánh sớm hơn thường ngày. Nhưng vừa rửa bát dưới ao lên, đột nhiên Triều quơ cái thanh tre dựng cửa bếp, không nói không rằng, quật luôn hai cái vào lưng vợ. Soan oằn người, gieo thúng gạo, gieo theo cả người xuống. Triều điềm nhiên phết cho hai cái nữa. Khi đó, Soan đã hết ngơ ngác và bắt đầu nổi giận. Chị lặn ngay ra đấy. Hai chân giẫy như tuồng trẻ dỗi mẹ, rồi rũ tóc ra, gào khóc.

Bà Cam, mẹ chồng, đương quét sân, thấy to tiếng, nhưng bà không ngẩng lên, như đã quen những chuyện ấy. Bà vừa lia cái chổi, vừa lẩm nhẩm : «Sáng mừng một vừa mở mắt ra đã quạc mồm như con quạ khoang». Ở bên kia rào găng, mẹ Nấp đứng chấp hai tay sau lưng, nhìn nghếch sang, chép miệng một mình : «Mát ruột, mát ruột. Cái đồ lười vãi thây chỉ mộ ăn không mộ làm

thì cũng phải được đòn đánh thế mới bớt rùng mỡ».

Hôm ấy lại là ngày phiên chợ. Cả xóm trong đi chợ qua, nghe tiếng xô xát, bảo nhau. «Cái anh Triều nom nhu mì thế mà dữ đòn, đánh vợ cứ như đòn mật thám». Những miệng hót leo ấy loang ra chợ, và chị Soan lại bỏ buổi chợ hôm ấy, thế là cả bốn xóm đều nói dăng dăng : mới sáng mừng một mà thằng Triều nện vợ một trận đau.

Soan gào một lúc rồi ngồi dậy, vén hai mé tóc xoã xươi, vạch ra cái mũi khóc đã bóng đỏ, khắc mấy cái, đứng lên nhấc hai thúng gạo vào buồng. Rồi không kê lể, không xụt xịt nữa, lẳng lặng nằm queo xuống giường, quay mặt vào trong vách. Đó cũng là cái thói quen mỗi khi có chuyện dỗi bỏ, Soan vẫn nằm vạ như thế.

Trong khi ấy, Triều cầm cái sào nứa, hăm hăm đi thẳng ra ngõ. Bà Cam quét sân xong, ngẩng lên đã thấy con trai thấp thoáng cắp cái nón mê ra tận giữa cánh đồng. Bà đoán Triều đi mua bèo hoa dâu. Việc ấy đáng lẽ vợ nó đi được, bà càng xót con. Hễ cứ vợ chồng Triều cãi nhau, bà lại cho là thằng Triều hiền lành lấy phải con vợ thần nanh đỏ mỏ. Bà cất chổi vào xó ngõ, rồi quay vào. Thấy cửa buồng đã che cánh cốt, bà biết con dâu lại nằm dỗi rồi. Bà xuống đuổi con gà mái mẹ đương cục cục với lũ con bới đống dăm trấu vừa vun

lên. Mụ gà mái ấp ham con, cứ xòe cánh ra quắc lại. Bà vừa xuy xuy dòn, vừa chửi, không ra chửi gà, không ra chửi người : «Cha đẻ mẹ mày ! Gan à ? Công bà quét còng cả lưng đấy. Gan à ? Tiền trăm bạc chục mua về đây chứ chả nước lã đổ hồ đâu, ngay xương lăm thì bà chẻ xác ra... Gan à, gan này... gan này...». Soan nằm trong buồng, tuy nghe không thủng, nhưng cứ cái giọng to nhỏ tri triết ấy thì Soan đã thuộc, Soan biết bà đương xói móc. Soan ghen đến cổ, nước mắt lại ứa ra. Đau chồng đánh một phen, đau mẹ chồng rức lác còn cay đắng gấp trăm. Nước mắt Soan cứ nổi nhau bò nghiêng một bên má rồi rỏ xuống từng giọt.

Con tức cũng dần dần vơi, Soan nằm nghĩ loảng quăng trong cái góc buồng tối. Chợt trông thấy một vệt ánh nắng thả xuống, rơi vào mấy củ khoai dưới gầm giường. Biết thế là mặt trời đã lên cao, nắng ra tới giọt tranh, mất buổi rồi. Con chim chào mào ở đâu bay đến hót trước sân, nghe rõ tiếng chân nó đậu rào rào vào cái sào nửa cọc rào mừng tơi. Như thế là ngoài sân vắng, mẹ chồng đã đi cào cỏ. Soan liền ngồi dậy, quần tóc, ra hè tìm cái rổ sảo, bốc đông khoai lang ngồi đầu hè nhặt khoai hà. Nghe tiếng lao xao ngoài gốc với bờ ao, Soan đứng lên bậc cửa, nhìn thấy bà Cam cầm cái cào cỏ, đương chuyện với mụ Nấp. Mụ này đưa hai ngón tay vuốt mép trầu :

- Cô ả nằm ngựa quen rồi, cái quân làng Trường ấy mà.

Bà Cam gật gật, ừ ào. Thật thì bà cũng không nghe mục Nấp nói, bà đương kể lại cái chuyện ban sáng «thằng Triều nó đánh vợ nó». Trong khi mục Nấp cũng chẳng nghe chuyện bà, mục cũng cứ «cái con làng Trường nằm ngựa quen rồi», hai người cùng nói và cũng không ai nghe chuyện nhau.

Đứng xa không rõ, nhưng Soan đoán «họ lại chỉ thôi mồm». Soan bực, cáu quá, Soan vơ một cây nứa. Soan đập chát chát lên cái cột. Ngoài kia nghe động, hai người bỏ đi hai ngã.

Bà Cam xách cào cỏ, trở về. Soan vội bê sào khoai lủi nhanh vào buồng, lại nhấc cái phen che kín cửa lại như lúc nãy. Bà Cam về lấy túi trầu bỏ quên. Thấy cửa buồng vẫn che, bà chếp miệng hai cái, rồi lại vác cào cỏ ra ruộng. Mẹ chồng đi khỏi, Soan lại ngồi dậy, bung cái sảo ra đầu hè nhặt khoai. Ánh nắng lên, mồ hôi xâm xấp ra lưng, Soan ngoái tay sờ thấy hai vết đòn lằn con trạch, đau rát. Soan lại ứa nước mắt. Nhưng Soan không thể ngờ được những roi đòn vũ phu thế. Bởi nửa đêm, nó còn hùng hục như quỷ giã. Lúc đi tát nước, lại cười đùa ngật ngèo, thế mà giờ mặt chóng thế.

Triều đi hôm ấy không về.

Tan chợ hôm sau, vẫn chưa thấy về. Soan ngờ ngợ, quơ tay lên dây treo áo thì thấy quang hắt hai cái quần và cái áo nâu cũ.

Sợ quá, quên cả những chuyện mẹ chồng nàng dâu đương giận nhau, Soan chạy ra, môi run không bắt được tiếng :

- U ời ! Nhà tôi nó đi rồi.

Bà Cam vào sờ lại cái thùng vắt áo trong hóc cột. Hai mẹ con ngẩn ngơ. Nhà bỗng vắng hắt đi.

Một phiên chợ nữa cũng không thấy Triều về.

Một hôm, lúc chập tối, có người ở xóm trên đến. Anh ta gọi Soan và bà Cam lại, nói nhỏ :

- Anh ấy nhắn tôi về bảo cả nhà yên tâm.

Hai người ngơ ngợ không hiểu. Người xóm trên mới kể : anh ấy và anh Triều ra hậu phương đi tòng quân. Vào phòng tân binh khám sức khỏe thì Triều trúng, được nhận ngay.

Người mẹ chồng và nàng dâu nhìn nhau. Bất giác, thấy lẻ loi, cô đơn quá. Những chuyện giận dỗi mấy hôm nay đã bỏ quên đâu tất cả.

Đêm ấy, mãi đến lúc sẩy xong hai mẻ gạo, khuya lắm, vào giường nằm, Soan vẫn còn như chiêm bao mất tiền. Bây giờ mới sáng dần cái việc anh ấy đi.

Ra họ đã ý tứ sửa soạn với nhau từ bao giờ ! Nghĩ lại mới tỏ ra. Nhớ có hôm vợ chồng đi tát nước chiều, trông đường cái ù trắng bụi ô-tô, Soan bảo chồng :

- Xe nó bắt lính ở Ninh Giang sang kia.

Triều cười nhạt :

- Rồi nó vào bắt lính làng này ấy.

- Nói đại !

- Đại với càn gì ! Nó muốn lừa hết con giai vùng này đi lính mà. Nhưng tao đã có bài của tao rồi. Hừ, ai đi đạo cứ đi đạo, ai đi đời cứ đi đời, chứ trâu hoá ra bò thế nào được. Không bao giờ tao chịu thân phận lính tráng cho chúng nó đâu.

Rồi Triều cười, tiếng cười khô không khóc. Còn Soan thì im lặng.

Ra anh ấy đã nói bóng, cười bóng như thế. Soan bỗng đột ngột giận chồng. Rồi lại tủi. Sao bỗng dưng nó lại đánh mình rồi bỏ đi. Hay là nghĩ mình chợ búa đi hôm về tắt giai gái thế nào... Hay mình cũng muộn mằn... Nhưng những ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua, mà một nỗi lo khác hiện ra. Lệ thường ở đây có người đi, lý trưởng biết đi ra «ngoài kia», chúng nó đến hạch, có khi đánh đập, bắt bẻ nộp phạt, vò tiền. Song nay anh ấy đi, cả bốn bên hàng xóm đều biết là chỉ vì giận vợ, đánh vợ mà đi. Đã rào trước đón sau có mưu mẹo cả rồi. Thế là Soan lại thấy thương chồng. Lấy nhau đã được ba cái Tết, nhưng vẫn còn son rồi. Bây giờ lại đi, biết bao giờ về? Mà đêm ngày thì cứ đùng đoàng thế này, biết có còn mà về với nhau không. Soan nằm nghiêng qua nghiêng lại trên ổ lá chuối khô, cánh tay Soan duỗi dài, buông xuống giường. Cái giường rộng hơn mọi khi nhiều.

Ăn cơm sáng hôm sau, Soan nói với mẹ chồng :

- U ạ, nhà con nó gan quá.

Bà Cam nói : «Tao biết rồi», rồi buông bát, mếu, ghen không ăn được. Bà đứng dậy, ra bậc cửa ngồi một lúc mới xách cái cào cỏ đi. Soan cũng không ăn nốt được. Chỉ có cô gái bé vẫn ngồi đến no mới đứng dậy rồi cũng cầm cào cỏ theo. Nhưng bà Cam ra đồng quơ quàng mấy nhát, cứ bồn chồn như ai cào ruột gan mình,

lại bỏ về nhà người con gái lấy chồng xóm dưới. Chưa hết buổi, Soan đã đi gọi bà về. Soan sợ cái nhà vắng quá. Bà ngồi nhà một lúc, cũng không yên, lại ra đồng cào cỏ. Không đứng đâu ngồi đâu yên hồn. Bà Cam có nhiều con, đứa thì đi xa, đứa thì phải tù trên tỉnh, đứa ở riêng, đứa chết năm đói. Bà ở với Triều là con trai út.

Bà Cam về tới gốc vối thì gặp mù Nắp. Gốc vối ấy ở ngay cổng nhà mù, lại là cầu ao. Chỗ ấy cũng gần như cái chỗ chuyện mảnh, chuyện thoáng của các nhà láng giềng, những đầu mối chuyện hũ mắm cáy, bát nước dừa, chuyện mẹ chồng nàng dâu, chuyện làng nước xa gần, ai phải lòng phải bề ai, ai đánh con chửi cái, đều là tin tức ở gốc gỏi cầu ao ấy mà ra.

- Nay người ta nói thằng Triều nhà bà đi Việt-Minh ?

Bà Cam chối đây đây :

- Vợ chồng nó đánh nhau quá nó giận bỏ đi, cả làng biết đấy, bà biết đấy, tôi biết nó đi đâu !

Nhưng, chẳng kịp nghe bà Cam trả lời, mù Nắp đã lại nói :

- Chẳng đi thì thằng Triều cũng chẳng thể ở được ở nhà. Cái con ngay lưng ấy mà đáo để ! Chứ có ai mà giận vợ đến nỗi phải biệt tích đi tìm cái khó nhọc. Nó là

quân Đắc Kỷ chứ không phải con người.

Hôm ấy, bà Cam không bắt chuyện nói xấu con dâu với mẹ Nấp.

Từ khi quận về đóng cái bột tổng dưng chỗ cây đa đầu đồng, bà Cam càng buồn. Nhà bà gần bột quá, đứng trong sân cũng trông thấy lô cốt, trông rõ cả thằng lính ngồi gác và cái keng bằng một dóng sắt treo ngoài mái tôn. Cứ tối đến, chốc nó lại gõ, inh ỏi khó chịu như gõ vào tai. Nhưng khổ nhất là, thâu đêm, trên lô cốt thường bắn phóng xuống. Đạn lung tung vào bụi tre, vào sân, vào nhà. Có người đã phải đạn, chết. Các nhà ở dọc bờ tre trông sang bột, hãi đạn, tối nào cũng phải vào ngủ nhờ trong làng.

Chỉ có việc tối đi ngủ nhờ mà hai mẹ con cũng hay vắng nhau. Nhà mẹ Nấp tường gạch cửa kín, nhà ngang khuất hai lần tường, đạn khỏe đến đâu cũng không phá được. Tối tối, bà Cam và cái Gái cắp chiếu sang nhà mẹ Nấp. Nhưng Soan thì đi nằm nhờ nhà khác. Mẹ Nấp nói mát : «Cô ấy cảnh cao lá dài. Bà Cam có cô dâu út kiêu kỳ nhỉ». Nhưng Soan nhất định không chịu vào nhà mẹ Nấp. Soan ghét «con mẹ lắm mồm hay đưa chuyện». Bà Cam tức tím ruột, mà không nói nổi con dâu. Vì có đi ngủ đâu, nhưng nửa đêm đi cấy, gà gáy đi tát nước, Soan vẫn lẩn lung làm chẳng thiếu một việc. Nhưng rồi

năm này sang năm khác, nhà cửa càng nhạt nhẽo, cứ gà lên chuồng thì mẹ con mỗi người một nơi. Khi chiều, khi đêm, thật buồn. Soan nhớ chồng, chẳng biết làm thế nào khuây được.

Có lần Soan lại dời về nhà mẹ bên làng Trường. Vì chuyện gặt ruộng làm của nhà mẹ Nấp. Cánh đồng triều, mùa nước cả ngập đến cổ, Soan phải túm từng đầu lúa, lặn xuống mới cắt được mà vớt lên thuyền. Phải năm mất mùa, cắt suốt đêm quang ruộng mà chưa nổi được lưng thuyền thúng lúa. Từ khi Tây về đóng bột, thóc gặt được, bà Cam cũng đem đẻ nhờ nhà mẹ Nấp. Tây đi càn thường lòng xết nhà tranh không hay vào nhà ngói. Gửi thế cho chắc chắn. Soan nói :

- Mùa này mất, chỉ cắt được có vậy thì mang về. U đem gửi, nhờ bà ấy mà trừ nợ thì toi công.

- Mày rõ trứng khôn hơn vịt...

Bà Cam mắng. Soan dời com, vào buồng nằm. Bà Cam xách giỏ đi bắt cua. Soan nằm ngoảnh mặt vào vách. Nhưng mà sao nằm dời vắng chồng, nó buồn thế, chán thế, lâu thế ! Quơ tay lên cái thùng vắt áo trên đầu giường, chỉ có muỗi vo vo bay ra. Thế là Soan trở dậy, đi về nhà mẹ đẻ.

Sang làng Trường, mẹ đuổi Soan cũng không về. Rồi nói mãi hoá nhảm, và lại vốn mẹ chiều con, cũng thôi.

Một hôm, bà Cam sang gọi Soan. Hai bà dâu da ngồi nhai trầu nhọp nhẹp, thăm chuyện gặt hái, rồi bà Cam khóc, mẹ Soan cũng khóc. Những giọt nước mắt cùng cảnh. Bỏ để Soan năm trước phải đại bác chết ngay đầu ngõ. Nhà cửa từ bấy giờ hắt hiu như mưa rằm về chiều. Hôm ấy, mẹ để Soan bắt Soan về, bà nói : «Mày phải thương chồng mày...». Nghe nói thế, Soan trở về. Trước chập tối, bà Cam đương sắp chiếu bảo cái Gái đi ngủ nhờ, bà nghe tiếng chào «u ạ», rồi tiếng mở cửa liếp buông. Biết con dâu về, trong bụng đã hồ hởi, nhưng vẫn làm mặt lạnh, không nói. Bà cấp cái chiếu ra ngõ, bà quay lại, đứng ngoài sân, nói vọng vào : «Nhà mày dấm cái bếp rồi hãy đi !» Cảnh nhà lại như thường, và thế cũng là yên rồi.

Nhưng, cũng chỉ yên thoáng yên thì. Một lần kia, không biết lại vì việc gì, Soan cãi rồi vào nằm góc nhà, che kín cửa liếp.

Chợt một bọn lính quận đi tuần ở đâu xộc vào, bảo bà Cam :

- Góm cho mụ già ! Con cháu đi chui hầm, đêm mới hiện lên chứ gì. Mày là phụ lão cứu quốc thôi com tiếp

tế, chúng ông khám mà thấy...

Trong buồng, Soan rón rén mở vách - trước nay cái vách vẫn mở sẵn đề phòng khi chạy tháo, Soan chui ra vườn. Soan chạy một mạch về làng Trường.

Thôn xóm ê chề phải chịu luôn mấy trận càn lấn đi lấn lại, cả vùng. Làng nọ đứng cạnh đồng trông thấy làng kia mà không ai dám qua. Bà Cam không dám đi gọi con dâu. Soan thì ở lý nhà mẹ. Bà Cam khóc ngày khóc đêm, lúc chửi thằng Tây, lúc chửi đàn gà hay bói, lúc chửi con dâu, lúc gọi : «ơi Triều ! Thằng Triều ở đâu không về mà cho cái con trời đánh không chết kia một trận». Cứ chập tối lúc mọi người đi tìm chỗ ngủ tránh đạn thì những tiếng lằm rằm chửi lại từ căn nhà vắng tanh vắng ngắt cất lên.

Mẹ chồng nàng dâu, hai người cùng đầy đoạ, làm khổ nhau. Những chuyện nhỏ nhen, lật vặt không đâu và những giận dữ, những rיעc lác, móc máy.

Lại một năm nữa qua.

Rồi một hôm, đương nghe nhiều tiếng súng dữ dội thì có tin ngừng bắn. Mừng quá, Tây còn ở trên bốt, trên tỉnh mà ai cũng cứ đi tênh tênh ngoài đường.

Mừng quá, Soan bỏ cả con dỗi mẹ. Soan ở làng Trường về. Soan quảy về thúng khoai riêng và một bu hai con gà nhép. Bà Cam lẳng lẳng coi như không có chuyện gì cả. Bà đem cho con gà một nắm ngô. Mẹ chồng nàng dâu cùng ăn khoai riêng và nhìn ra cánh đồng. Thật thì cũng chẳng khác lạ, nhưng Soan nói : «Hòa bình có khác, trông cánh đồng cũng khác». Bà mẹ chồng cười nhăn nheo nói theo đuôi : «Ừ, có khác thật».

Tối ấy, nhiều nhà ngủ yên ở nhà, người phản nọ chuyện trò sang phản kia rất khuya. Trong giấc ngủ đêm mịn màng, không gợn tiếng súng. Soan trở mình qua lại và thở dài, gãi ngón chân xuống chiếu. Soan thao thức lại cái hôm Triều đi. Triều đội nón, cầm chiếc sào, lủi thủi giữa cánh đồng kia. Thế mà đã năm, sáu năm rồi. Trong làng, nhiều người đi kháng chiến, rồi cũng lần lượt biết tin. Riêng Triều thì chỉ biết là Triều đi bộ đội, rồi cũng thôi, bần bật. Vì thế càng nhớ. Nhưng Soan kín đáo, không bao giờ nói ra. Bà Cam nghe người ta tính : làng ta có bốn anh hy sinh. Có anh thì biệt tích. Có anh về rồi... Anh ấy về rồi, anh kia về rồi, chỉ còn anh Triều chưa có tin. Bà Cam nghĩ : «Phải, còn thằng Triều sắp về». Nhưng hai mẹ con cùng im lặng, không nói, hồi hộp, lo lắng.

Bà Cam bây giờ tươi tỉnh hơn, song có chuyện gì cũng vẫn kể với mụ Nấp. Nhiều khi bà cũng giận mụ Nấp, nhất là cái năm mụ ấy khâu mất thuyền thóc thì bà Cam bỏ hai ba tháng không sang nhà. Nhưng rồi phai phai đi, vả lại tuần rằm mừng một vẫn sang đèn hương bên điện - bà Cam đội bát hương ở điện đồng Nấp - thế là rồi lại lân la, lại chuyện, thỉnh thoảng lại đứng to nhỏ dưới gốc vối.

- Ra bà lão này gan to, con giai đi bộ đội mà cấm có cho ai biết. Chuyện này thì bà lên xe xuống ngựa rồi. Tôi có phải lên địa chủ thì đừng quên tôi nhé.

Mẹ lại phàn nàn hộ bà Cam :

- Người ta đi đông đi tây về cả, mà sao anh Triều bên ấy chẳng tin tức gì. Hay là vợ Tây, vợ Tàu đâu rồi. Phải, mà những như cái ngữ vợ ở nhà thế thì anh ấy cũng cầm bằng cời cái áo rách vứt đi chứ tội gì !

Cứ mỗi lần chuyện với mụ Nấp, những câu tai ác của mụ lại thêm chồng chất thật nặng, thật cay trong đầu bà.

Bà Cam vừa quẩy bánh khoai về, mụ Nấp đã sang. Mụ đảo mắt một lượt, rồi rướn cổ, rà rà ngồi xuống, khẽ hỏi :

- Đâu rồi ?

Bà Cam chép miệng :

- Biết được người ta đi đâu. Bà ngồi chơi.

Thế là hai bà lão lại ngồi cà kê kể xấu con dâu và mọi chuyện làng xóm khác.

Tháng tám năm sau, đội cải cách về xã, Soan được ra làm cán bộ xóm. Tối đến, chưa dứt tiếng keng gọi họp, người các ngõ đã đổ ra. Tít tít bệ bộn những hội ý, họp xóm, họp xã, chẳng mấy lúc Soan có nhà.

Một hôm, Soan về nói với mẹ chồng :

- Từ giờ u đừng sang nhà con Nấp nữa.

- Người ta thế nào mà con nọ con kia, mày ăn nói xô bồ quá.

- Nhà nó thì địa chủ đến nơi, u chưa biết à ?

Nghe hai chữ «địa chủ» thì bà Cam im. Phải như mọi khi, nghe Soan nói thế, thế nào là cũng choác lên. Nhưng lúc này bà lặng lặng. Khi Soan lại tắt tưởi đi, thì bà lẩm bầm : «Phải, chưa biết... tôi chưa biết... chị biết nhiều, biết nhiều... Cứ chạy long lên thế thì rồi có khối cái đổ vào mồm, rồi rã họng ra... Nó mà ở nhà thì nó đánh tuốt xương chứ lại coi người nửa con mắt được à». Không nghe rõ câu, nhưng Soan đã biết tính mẹ chồng

hay nói làm bàm sau lưng. Bà lão lại đương chửi mình. Thế là, Soan tối sầm mặt lại. Trong bụng đương tập nập tính toán việc xóm, bỗng lại lạnh ngắt.

Rồi bà Cam vẫn cứ thì thầm với mẹ Nắp. Vẫn cái tính người già ưa trò chuyện và than thở. Làm sao mà mẹ Nắp khéo thế, cứ những lúc nhà chỉ có một mình bà Cam, mẹ lại dò sang. Mẹ vờ hỏi :

- Chị Soan có nhà không ?

- Người ta đi đâu, chắc lại đi họp rồi.

- Chẳng biết tôi gọi thế có được không đấy. Bây giờ, bà biết chưa, ai cũng phải gọi chị ấy là bà Soan. Có người xóm trên chào, chị ấy nghe không thủng, chị ấy bắt chào lại. Con dâu bà hách ra lửa đấy.

- Chết, chết...

- Việc gì mà chết, danh giá mới được thế chứ.

- Giá với rõ chẳng thấy đâu, làng nước người ta chửi cho ửng mả đã. Thằng Triều nhà tôi mà ở nhà thì nó đánh cho...

- Này thật đấy, thời đế quốc cũng không khinh người đến thế ! Mà bà ạ, tôi nghĩ thế cũng chỉ mang tiếng ác chứ được gì đâu. Từ ngày chị ấy ra công tác, xem chừng

càng lỏng tay việc nhà. Một mình bà thì bao giờ mới cấy hết ?

Bà Cam thở dài. Quả thật, lúa người ta xanh ngọn rồi mà ruộng mình còn trắng nước. Bà Cam bực, nhưng không nói. Dù sao, từ ngày Soan ra làm công tác, bà Cam cũng nể nể, ngại nói, mà chỉ bực bội ngầm. Đêm bà thở dài, rên rầm, thườn thượt, buồn rứt. Đi họp khuya về, cũng thường nghe mẹ chồng thở dài. Nhưng Soan cho những chuyện ấy là «lạc hậu», mẹ chồng là «lạc hậu». Vì thế, dù có nghe thở dài, chép miệng, Soan cũng chỉ hơi khó chịu, khi nào khó chịu quá thì ra điếm nằm với chị em du kích.

Nhưng, thật thì Soan cũng buồn. Mỗi lần thấy mặt bà Cam chảy chữ nãi, tối như trời mưa, tiếng thở dài rên rầm, Soan muốn đối đáp ngay, nhưng nghĩ đến xung quanh, thì Soan đành bậm bưng. Có khi Soan khóc một mình. Khỏi đưa cùng một cảnh làm dâu mà sao chúng nó tốt số. Nàng dâu đi về quá bữa, mẹ chồng mở rá úp mâm cơm bảo ăn. «Chẳng bù với mình, mẹ chồng chưa mở rá úp cơm đã đi nói xấu nàng dâu mười hôm không hết chuyện». Soan tiếc cái đời con gái ở với mẹ để chẳng bao giờ có thể trở lại được. Có lúc Soan tha thiết nhớ Triều. Giá Triều mà có nhà, thế nào phen này cũng được cùng nhau làm công tác. Bây giờ Soan không như

trước nữa rồi. Nhưng tiếc những cái đã qua thì chỉ càng buồn hơn mà thôi.

Buổi trưa ấy, cơn tức của bà vẫn còn nguyên. Thì Soan bỗng ở đâu về. Cơn tức vì sao thì cũng không rõ. Giận đấy, không đấy, vốn như cơm bữa. Bà Cam nghe tiếng con chó sủa những nhặng nửa quen nửa lạ ngoài đầu ngõ, nhìn ra, trông thấy Soan. Nhưng, cô con dâu cứ vào gần tới đâu thì bà mẹ chồng càng sững sờ. Soan thất lung bao da, khẩu súng trường nhấp nhô sau vai. Hôm mới hòa bình, bộ đội ta vào lấy tỉnh, bà Cam đi xem duyệt binh, trông thấy một đội các chị du kích chít khăn vuông, áo nâu mới, đeo súng, cũng oai như thế này. Soan đã vào đến trong sân. Những điều tức giận từ hôm qua, từ lúc nãy của bà Cam cứ phao phảo đầu mắt. Soan hạ khẩu súng xuống, «chào u», thì bà Cam nói một câu hiền lành mọi ngày :

- Về mà ăn cơm.

- Con vội đi bây giờ, con mang lẻ gạo đi đường thôi ăn thôi.

Ô hay ! Mấy sào ruộng nước còn chan chan, chưa cấy xuống được một cây mạ gọi là, lại «mang lẻ gạo đi», nghe cái giọng chồng lớn ấy, bà Cam vụt nổi cơn, những toan thốc cho một hồi. Nhưng, ngoài gốc rạ có

tiếng lạt sạt, bà nhìn ra thấy cái lão tổng Sa đứng đấy từ lúc nào, hai vai áo xo lên rù rù như con gà ốm. Chánh tổng Sa, nhà ngói bát vắn một dãy, ruộng nhà ông chánh rải từ cổng làng rải ra. Là người làng đây, nhưng cả khi còn con gái, bà cũng chưa được tường mặt tổng Sa. Hách dịch sấm sét trong vùng này, bây giờ trông thấy tổng Sa như cái tã rách phơi bờ rào thì bà Cam rất lạ. Bà ngây nhìn. Soan quát :

- Đứng đấy, ai cho mày đi !

- Thưa...

Tổng Sa lúng túng, lập cập, lẩn thân quay một vòng rồi lại đứng yên một chỗ. Bà Cam sợ sệt khẽ hỏi Soan :

- Dem người ta đi đâu bây giờ ?

Rồi bà vào vại, xúc một bát gạo, bọc vào khăn vuông cho con dâu. Lát sau, Soan đeo súng lên, bà Cam bàn thân theo ra tận ngõ ngoài. Không phải để chửi nguýt, rửa Soan. Mà bà Cam đương nhìn theo sự thật cái đời con người quyền quý chết rồi, mà nàng dâu mình đeo súng đi kia, đích là người ta đã đến thời «được ngồi ghế cao». Lúc bà trở vào, mụ Nấp đã đứng trong bờ rào. Mụ Nấp hỏi bà :

- Deo súng đi thế thì bao giờ về ?

- Chẳng biết.

- Cũng bận lắm nhỉ ? Ruộng nhà bà cấy hết chưa ?

Câu nói kháy ấy kéo bà Cam nhớ thửa ruộng làm rồi chưa cấy được, nước vẫn trắng nhờn, khi ấy khắp đồng, lúa nhà người ta đã bén rễ. Nhớ thế, bà Cam lại chán ngắt và khó chịu. Ấy, từng lúc, bà cứ giận, cứ sợ, cứ lạ, cứ mừng, không ra thế nào.

* * *

Các xóm đương bầu người đi đại hội nông dân xã. Hai lần trước, Soan đều trúng đại biểu.

Tối ấy, hội nghị xóm đã bầu xong, sắp thông qua, thì có người giờ tay :

- Các đại biểu khác thì tôi đồng ý. Nhưng cái nhà chị Soan thì hồi này tôi thấy ra mặt quan liêu lắm. Đề nghị...

Thế là đâm ngang ra. Nhiều người lúc nãy ngồi họp không để ý, bây giờ cũng đại khái nghĩ : cái Soan ấy ngày trước củ mủ cù mì, bây giờ ra làm việc, ờ mà có vẻ khác, «hình như» cũng lên mặt đấy. Lại hay vừa đi vừa hát, trông thật toe toét. Trong các cuộc họp, thường có khi không ai có ý kiến thì thôi, nhưng, việc gì cũng vậy,

hễ có người ngãng ra thì nhiều người hay hồ đồ mừng tượng như thế.

Một người nói :

- Tôi thấy nói có người xóm trên chào, chị ấy không nghe rõ, chị ấy bắt chào lại thật to. À hách ra lửa nhỉ !

Một người nữa gior tay :

- Mẹ chồng chị ta cũng nói thế.

Lố nhố những cánh tay gior không bằng lòng Soan đi đại biểu. Soan không cãi lại câu nào được. Lối họp thời cải cách, Soan cũng không được cãi.

Soan cứ bàng hoàng rùn rụt màng tai. Soan ngồi chúi đầu ở đồng rom ngoài sân, ngượng quá, tưởng mọi người đương trông cả vào mặt mình. Kỳ thực cái đèn lù mù trên đầu bàn chủ tịch kia chỉ vun quanh một vũng sáng ở đấy. Hội nghị ngồi thăm, cũng chẳng ai biết ai ngồi cạnh. Soan lủi đi.

«Bà Cam cũng nói thế». Chính người nhà mình ăn không nói có cho mình, cay quá. Đầu óc nhộn nhạo, Soan loăng quăng đi mà không định đi đâu. Trong trạm gác, mấy chị du kích đương ngồi hát. Không nhận được tiếng ai, nhưng Soan đứng lại trước cái đại nứa. Ánh

đèn trong trạm lé ra dưới chân. Soan không dám bước vào. Thành linh có tiếng hỏi ra : «Đồng chí Soan đây à?» Soan giật mình rồi không thừa, đi thẳng. Nhưng một lát sau, Soan lại quay lại. Soan trèo vào trong cùng cái giường nửa trong trạm gác, nằm cuộn chiếu tổ sâu một mình. Nhiều chị cùng nằm chơi đợi lượt gác, cười khúc khích. Chị ngồi ngoài ánh đèn quay vào, vờ nói : «Có một đồng chí bộ đội tên là Triều có giấy về phép, đồng chí trưởng xóm có cho người ta đi qua không ?» Thế là cả lũ đâm thùm thụp xuống cuộn chiếu tùm hum. Họ tưởng Soan ngủ, càng trêu tợn. Nhưng Soan không ngủ, nước mắt chảy ướt cả chiếu. Sao quanh ta vui thế, chỉ còn riêng ta khổ. Soan cứ mở chong mắt nằm cho tới lúc gà đã gáy sáng, trống canh ba, trời dần dần loăng, Soan mới chui dậy, lần về nhà.

Đứng dưới mái tranh, Soan nghe trong giường bà Cam trở mình, rên. Mấy hôm nay bà lão giờ giờ. Soan không động lòng, không thay đổi cái ý định từ nửa đêm qua. Giết nhau đến nước này thì không còn mặt mũi nào. Soan đã quyết định. Soan cũng không nhớ gì đến công tác và chúng bạn nữa. Soan nhất định về làng Trường. Soan vào góc nhà, chỉ lấy một cái quần nái, rồi Soan đi tắt qua cánh đồng.

Về đến bên Trường, trời mới tảng sáng. Như mọi khi, người làng Trường lại đoán cô Soan đổi mẹ chồng.

* * *

Mấy hôm nay, Soan vẫn ở bên làng Trường.

Khi cơn giận nhạt đi rồi, mỗi buổi chiều nghe tiếng cái keng sắt gõ cồng cồng gọi họp, Soan lại bồi hồi nhớ các buổi họp. Những tiếng keng gọi họp, gọi học, tiếng phát thanh, những khi họp tan đầu xóm, tiếng chân chạy, tiếng đùa đám nhau, tiếng cười, hát lô lô ngoài đường cái, sao mà thúc đẩy tợn. Mẹ Soan đã đi họp về, tiếng lẹt xẹt mở cánh cửa liếp; bà bước vào, quen miệng, chửi phũ đầu : «Cha đẻ mẹ mày ! Rõ cái thân làm tội cái đời !» Soan ngồi thần mặt, môi cong vều lên, hai hàng nước mắt đổ ra. Mà tủi, mà nhớ, mà cực, bồi rồi không biết nghĩ thế nào.

Nhưng không thấy bà mẹ chồng sang gọi như mọi khi. Cơn giận thì nguôi rồi, song chẳng nhẽ tự đứng lại lù lù về. Sốt ruột quá, Soan nghĩ : «Hay là cứ về».

Có người đi tìm lợn giống, tạt đến bảo :

- Bà Cam ồm mấy hôm nay.

Bây giờ thì Soan đã quả quyết. Tuy vậy, cũng phải đợi lúc mặt trời xế hẳn sang bên kia sông, khi Soan qua cánh đồng làng, sương và bóng tối đã lẫn lộn nhòe mặt, những con ếch, con trầu chàng ngồi trên vũng nước mưa mới dưới gốc rạ đã nhảy ra, kèng kặc kêu rôi cả tai thì cũng vừa lúc ấy, Soan vào đến cổng. Đường vắng. Các nhà đương sắp cơm, cũng chưa đổ đèn. Soan không gặp ai. Soan mừng thầm.

Soan đi thẳng vào sân. Trong nhà, thoáng ra tiếng rên, tiếng ú ớ nói mê. Mùi cứt gà, mùi rêu mốc bốc lên, càng vắng như nhà hoang, làm cho Soan xót xa, và thấy mình là tẻ.

Hình như bà Cam biết có người vào nhà. Bà thì thảo hỏi :

- Ai thế ? Soan thưa :

- Con.

Bà lão lặng ắng một lát, rồi lại rên. Soan hỏi :

- U sốt à ?

Không có tiếng trả lời. Biết tính bà, Soan không hỏi thêm. Soan xuống bếp thổi đông dấm, nấu cháo.

Hôm sau, Soan đi vờn cỏ sớm.

Đến trưa, trở về, anh em đội công tác biết tin, đã vào đây nhà.

- Bà mẹ chỉ tham công tiếc việc. Các cụ ai chẳng tham công tiếc việc. Chị phải vừa công tác vừa tranh thủ mà làm.

Nghe nói «phải tranh thủ mà làm», Soan lại khó chịu. Còn có lúc nào Soan ăn bơ làm biếng, từ khi Soan về nhà chồng. Nhưng, nghĩ cho cùng thì bà Cam đúng là người tham công tiếc việc. Giá Soan đi họp, và vẫn quẩy nước, rút rơm, trưa về đi vòn cỏ, thì mọi việc yên hết. Soan biết tính bà Cam thế, chẳng đợi ai nói mới biết, nhưng Soan hay bướng : chẳng nịnh ai mà phải lặn lội vào làm cho vừa lòng.

Dù sao thì bây giờ Soan đã nghĩ khác. Phải, Soan chỉ chịu khó một chút thì xong cả. Soan đã vừa làm vừa mê mải công tác. Mỗi ngày, Soan đi vòn cỏ với nhóm đội công. Cánh đồng mới cấy đã xanh biếc. Lá lúa vừa mọc đuôi, gió thổi vào bắt đầu có tiếng thềm thì.

Bà Cam đã khỏi hẳn. Bà đi làm cỏ với con dâu. Câu chuyện dỗi bỏ cũng đã qua. Bà chỉ để ý một điều là ở bên Trường về, nó không mặt bưng mặt phiu, và dù có bận họp xóm, họp xã cũng không bỏ việc nhà. Chắc ở bên làng Trường người ta cũng rửa cho một trận rồi. Có

thế mới nhảo về một mình. Phải, ở đâu bây giờ chẳng có cái cách, người ta chỉ đòn đánh bằng lời nói mà phải ngóc cổ dậy, chứ cứ đắp chiếu nằm vạ mãi được a ? Bà Cam yên tâm. Sự thuận hòa lặng lẽ tới với hai người lúc nào, cũng không ai biết.

Một hôm, Soan đi đâu về, thấy một bát hương úp sau gầm giường thờ. Soan hỏi :

- Nhà có bát hương nào thế này ? Bà Cam lúng túng nói :

- Tao vừa sang đem bên điện nhà Nấp về...

Nghe thế, Soan mừng lắm. Bà Cam đã biết cảnh giác phòng mụ Nấp lên địa chủ đã đi lấy bát hương thờ điện về.

Nhưng bà Cam đã nói dối. Thật ra thì vừa lúc chập tối, mụ Nấp sang nhà bà Cam. Mụ xách cái bát hương đặt xuống nói :

- Nhà tôi sắp sửa thất đức, không được ăn mày lộc thánh nữa, tôi xin đem trả bát hương của các ông các bà.

* * *

Bảy giờ, tết Nguyên Đán sắp đến. Soan nghe đội nói: «Có thể lấy một số cán bộ xã đi công tác. Sẽ đề nghị trên cho đồng chí Soan đi». Soan cười : «Cho tôi đi thật nhé», nhưng bụng Soan thì vừa phân vân, vừa mừng.

Tết nhất lại đến nơi. Những ngày cuối năm đầm ấm, người ở nhà hay nhắc người đi xa. «Anh Triều sắp về chứ ! Tết hòa bình thứ hai mà chưa về à ? Gan thế...». Soan cứ nghĩ miên man. Soan tưởng tượng từng cảnh thế này : một hôm, Triều về, Soan sắp đi công tác, tình cờ Triều về. Sao mà anh ấy về khéo thế. Vừa trông thấy nhau, mình giơ tay trước bắt tay anh ả một cái. Cán bộ bắt tay nhau là thường. Nào bắt tay, bắt tay rung lên rung xuống...

Nghĩ đến đây, Soan không dám nghĩ thêm nữa. Trong lòng thì man mác chan hòa, nhưng Soan thấy câu chuyện mơ tưởng có vẻ cứ lạ dần mãi. Có gì đâu, bởi vì Soan nhớ lại năm năm về trước. Khi Triều còn ở nhà, nhiều lần Triều đã nghe mẹ chửi đánh mình. Và lại, ngày Triều đi cũng là cái ngày Soan phải chồng đánh trận đòn đau. Dù đấy là đánh che mắt thằng Tây, nhưng chỉ vì che mắt thằng Tây mà phải đòn thì cũng là đau lắm. Bây giờ Soan được giác ngộ rồi, lại càng khó chịu. Soan không dám tưởng tượng nữa. Soan lừ mắt, vẻ nghĩ ngợi. «Ừ, để gặp xem thế nào. Xem hán ta tiến

bộ được bao nhiêu rồi». Làm như Triều thế nào cũng về. Triều đương đi ngoài bờ ao. Những ngày cuối năm, gió bắc thổi hun hút, nằm ỏ rơm mà cứ như dội nước vào người. Trần trọc, lặn đi lặn lại khó ngủ quá. Đêm ngoài điểm tuần, mấy chị du kích cứ quần chiếu tùm hum, chen nhau, cẩu nhau, rúc rích «cậu cậu, anh anh, mình mình», không nhớ không mong sao được !

Thế rồi, nhớ quá hoá ra thật, buổi sáng hôm ấy, Triều về.

Quần áo và mũ, giày quân đội. Triều to, cao lênh khênh. Gặp người làng, Triều chào. Người làng đứng sững, nhìn đi nhìn lại, rồi mới nhận ra cái mặt, cái cười anh Triều, «cái thằng cu Triều, bà Cam đẻ rơi ở ngoài đồng ruộng triều, đặt tên là thằng Triều». Cả cánh đồng đương làm chống cuộc chống cào quay về phía xa xa anh bộ đội đương đi vào cổng làng. Có người theo lên tận đường cái nhìn mặt cho được. Có người mau miệng đã báo cho Triều biết Soan đi đào giếng chống hạn dưới đồng sâu, bà Cam đương làm màu khoai đăng kia.

Triều tạt lại chỗ mẹ đương làm. Triều nhận ngay ra mẹ. Nhưng lạ sao, như người mẹ bé nhỏ hơn trước. Từ này Triều thấy cái gì cũng bé nhỏ hơn trước. Cả con đường cái chính xứ, ngày bé chạy dứt hơi chưa hết, bây giờ hình như ngắn ngủn, đi ba bước đã qua.

Triều cởi ba lô và túi đồ đầu bờ, xuống đặt dây khoai với mẹ. Câu thứ hai muốn hỏi về vợ, nhưng Triều cứ nần ná. Lát sau, đã đặt xong cả ba luống dây khoai. Hai mẹ con xách cuốc về. Đến nhà bà Cam nói : «Bây giờ thì nhà mày nó cũng về rồi», Triều mới yên trí.

Bà Cam xuống ao rửa chân. Triều đứng nhìn cái nhà mình, vẫn ba gian như ngày trước. Trận mưa đêm qua làm cho cả mái, vách tối đen, như cái ụ đất.

Soan đứng trong đầu bếp nhìn ra. Tiếng đồn Triều về đã bay ngay ra tận chỗ đào giếng. Soan chợt nhớ một điều là nhà hôm nay không có gì ăn. Hết buổi làm, Soan chạy ra lạch bắt quàng một mẻ cua và bây giờ đã lấp ló nắp đầu bếp. Triều đã vào tới gốc vối. Triều mặc quần áo bộ đội màu xanh cỏ ấu, người càng cao càng chinh tề, đúng như mình thường tưởng thế. Chẳng còn dấu vết đâu cái bộ áo rách toí, cái nón mê, cái sào nứa, buổi sáng hôm trốn đi. Thế là, bao nhiêu ý nghĩ của Soan không còn cứng cựa như lúc Triều chưa về, Soan thấy mình luống cuống «không thể nào dám bước ra bắt tay anh ả được nữa». Và, lẳng lặng trước khi Triều vào sân, Soan đã vội xuống bếp, ngồi quay lưng vờ thổi lửa. Mãi đến lúc có nhiều người đến thăm hỏi, Soan mới bước ra.

Triều nói chuyện, chào hỏi tíu tít và Triều làm như chưa trông thấy vợ. Hai người cũng không hỏi nhau.

Lạ thay, Soan có cảm giác rứt rề như tám năm trước, mới về nhà chồng, buổi sáng đầu tiên dậy sớm quét nhà. Mãi cho tới lúc các chị vào rủ đi hội ý buổi chiều, Soan mới trở lại tự nhiên. Họ cười nói như phá, làm cho Soan tỉnh, nhanh nhẹn và thấy lại được mình đương là cán bộ xóm.

- Tối nay cho anh Soan ngủ nhà, không phải ra điếm gác tập trung nhé.

Soan tự ái :

- Nhiệm vụ nào đi nhiệm vụ ấy chứ.

- Thế tối nay không phải ngủ nhà chắc ? Họ đâm nhau, nhện ra cả ngoài sân.

- Anh Triều này, tối nay phải phê bình con bé tợn vào. Độ này nó lòng hổng lắm. Triều cứ ngồi cười, vừa thích vừa hơi khó chịu vì câu nói chót nhả.

Một chị nói :

- Cái Soan ở nhà tiến bộ lắm. Cuối tháng này được tỉnh cho đi công tác đấy. Triều cười, miệng mở rộng, nhưng nhặt không thành tiếng.

Mấy chị nữa vừa đến, đứng ngoài sân hỏi vào :

- Cậu Soan đi họp chứ ?

Họ vờ như chưa biết Triều về.

- Sao cứ ngồi thu lu thế kia, nhớ chồng à ? Ờ kìa, anh Triều mới về đấy à, thế mà chúng em vô ý không biết. Chào anh ạ. Trông anh khác hẳn đi thôi. Chị Soan hôm nay nghỉ họp, hôm nay giờ mưa to.

- Phải gió, họp trên hết chứ !

- Cái gì trên, hả cậu Soan ?

Thế là lại đám, đẩy nhau cười. Lát sau, tiếng cười tiếng chân đuổi nhau đã xa ra tận ngõ xóm. Bọn họ đi họp cả rồi. Triều ngồi lại một mình, nghĩ lãng quăng, tự dưng buồn. Vợ mình bây giờ hay nhí nhảnh, hay chót nhả thế ư ? Vóc người Soan có đầy hơn, nhưng cũng lại phẳng phất khô hơn trước. Cái heo héo của tuổi. Năm nay Soan hai mươi năm. Cái thì mười tám đôi mươi đã đi qua rồi. Triều lại ra ý tiêng tiếc.

Triều hỏi mẹ :

- Nhà tôi nó sắp đi công tác à ?

- Thấy nói thế.

- Công việc ở nhà thế nào ?

- Không cho đi thì lại hoá buộc căng nó, mà người ta nói. Mày về thì mày bảo, thôi tuy các anh các chị, tôi thế nào cũng xuôi.

Thật ra thì bà Cam cũng chẳng ưa cái việc Soan đi công tác. Bà Cam không muốn Soan đi, nhưng cũng không thích Soan ở nhà. Bây giờ có ruộng, đủ ruộng rồi, chẳng còn thiếu đói được nữa. Vả lại, cháu gái nhón, nó với bà làm cũng được. Thì để cho cô ta bay nhảy. «Còn son rồi thì cứ bay nhảy đi». Tuy lâu nay trong nhà êm ả, không có to tiếng, nhưng bà Cam vẫn cánh nánh chuyện mẹ chồng nàng dâu xung khắc, bà cho là «cái số thế, suốt đời thế». Cho nên, ai hỏi có phải chị Soan sắp đi công tác thì bà chỉ ừ nhạt. Không ai biết bà bằng lòng hay không. Triều cũng không hiểu sâu được ý mẹ. Nhưng thấy mẹ nói thế thì Triều phát cáu :

- Công tác gì thì cũng phải đầy đủ việc nhà đã. Phụ nữ nước nào chả thế.

Bà Cam không biết nói thế nào với con trai. Bà thì tiếc việc, tham người. Nhưng bà không muốn, mà cũng không thể giữ Soan. Thời buổi giờ khác xưa, chúng nó như người hớn hở đi ra đường, mình là cái người già chân yếu, chỉ biết đứng xó trông theo, mình có bảo

chúng nó đi, chúng nó đứng, thì cũng như chuyện. Cho nên bà không nói.

Triều lằm lằm im lặng. Bà mẹ không biết con khó chịu, tưởng như tính nó xưa nay cũng thường lằm lì như thế.

Trời tối, rồi trời khuya dần. Lúc nãy thấy Soan khoác súng đi. Đêm nay ngủ du kích tập trung chẳng ? Tất nhiên, Triều không hỏi mẹ. Triều lằm mằm, sửa soạn chỗ ngủ tinh tươm, cẩn thận. Vẫn ở cái góc buồng đầu bếp có phen che, trên ba mảnh phản gỗ, ngày trước, khi mùa đông tới thì Soan trải ổ lá chuối khô và vợ chồng đắp một cái khổ tải. Bây giờ, Triều gạt ổ lá xuống đuôi giường, trải ra phản một mảnh bạt. Cái màn thì Triều căng thẳng như kẻ chỉ, rồi vắt gọn lên. Triều rút trong ba-lô một chiếc gối bông nhỏ bọc vải hoa, cùng màu với chăn. Túi ni-lông đựng đồ trải răng thì treo trên góc cột.

Mấy thứ xinh xẻo ấy Triều mới sắm. Rồi Triều lấy trong xác cốt ra một quyển thơ, nằm đọc vờ tự nhiên ê a. Nhưng thật đầu óc vẫn vờ nhiều nghĩ, nhiều nghe, khiến mắt Triều không thể trông thấy chữ nữa. Mùi lá chuối khô mốc, Triều đoán ít khi Soan ngủ nhà. Có lẽ Soan ngủ ở những điểm canh. Cái cảm tưởng về Soan nằm lang chạ như thế làm cho Triều buồn buồn. Trong

khi ấy thì miếng xà phòng ở túi ni-lông của Triều cứ toả mùi thơm êm đêm, ngòn ngọt.

Triều chợt nhớ mình đương nằm ở cái phản ngày trước vẫn góc phản ngày trước. Nhưng mùi xà phòng, cái quyển sách, cái bút... những gì nữa này, những thứ ấy làm cho Triều thấy mình khác trước. Người cũng còn đôi nữa là, nhiều cái đã khác. Triều bỗng để ý đến đôi dép cao- su đen Triều vừa treo lên đầu cột. Triều nghĩ về đôi dép cao-su đen. Trên đã phát giày vải, đôi giày mình đương đi đây.

Triều suy nghĩ lan man về đôi giày, đôi dép trong khi trời dần dần khuya. Những con chuột cống, con cầy hương, lúc này đường đã vắng, chúng ra tìm ăn, chạy lết xệt trên những lổt bùn và lá khô, nghe xung quanh càng lặng, cứ vừa êm đêm lại vừa thao thức. Tựa tựa có người đi vào, rồi lại không phải. Chốc chốc, Triều giật mình.

Bỗng ủa đến tiếng chân rậm rịch từ ngoài đầu ngõ. Rồi tiếng cười, tiếng nói ào ạt qua ngoài vách, nghe rõ mồn một.

Triều nhìn lên dui nhà. Ánh đèn và tiếng cười loang loáng qua trên ấy. Triều cảm thấy mình nằm thu lu lẻ loi, lép vế, Triều trở mình quay mặt vào vách, tay nhắc

quyển truyện kê giáp vào bóng đèn, như đương mãi đọc.

Soan bước vào, rồi phịch cái súng xuống góc nhà. Triều không quay ra, nhưng hỏi tự nhiên :

- Về đây à ?

Rồi Triều lại nói :

- Để súng thế là không bảo vệ vũ khí. Mà phải cảnh giác, treo súng vào phía trong giường chứ.

Soan làm theo lời Triều, ra cầm khẩu súng trường đặt vào vách trong, rồi cởi bao da lưng đạn, treo luôn lên đấy. Triều vẫn nhìn vào sách, lại hỏi :

- Đi sinh hoạt về à ?

- Anh có nhớ cái Pha không ?

- Cô Pha hay giấu truyền đơn vào giỏ cua rồi lộn cánh đồng đăng chợ vào tỉnh chứ gì.

Soan hớn hờ nói :

- Lễ kết nạp trọng thể lắm, anh ạ. Từ thuở bé, giờ em mới thấy cò búa liềm.

- Cốt ở cái tinh thần chứ cứ gì hình thức. Tinh thần cô Pha thế nào ?

- Tinh thần phụ nữ xã ta cao lắm. Cán bộ toàn xã phần nhiều là phụ nữ.

Triều toan nói : «Thôi đi, đừng tự phụ», nhưng thấy Soan ngồi ghé bên ánh đèn, Soan lật quyển sách Triều vừa bỏ xuống. Soan ngắm rồi thông thả đọc từng câu, thì Triều không nói nữa. Từ lúc nãy, Soan như không để ý tới những thay đổi trên cái giường lồi thoi, mà Triều đã mất công bày lại, Soan cứ nhẹ nhàng, nhón nhơ như không màng tới, Triều đã lạ. Bây giờ thì Triều phục vợ quá. Vì Triều tưởng chỉ có mình bao năm ở doanh trại, mới biết chữ được. Soan vẫn đọc thông thả, rành rọt. Ánh đèn bắt nghiêng lên mặt Soan. Đôi mắt vẫn lừ đừ năm xưa thế ấy. Cái lưng áo cánh nâu chắc nịch bốc nóng rình rịch. Nhưng nhìn thoáng khuôn mặt thì không còn tròn phính như trước. Dưới gò má, quầng một vết tối, hơi trũng xuống. Nét mặt Soan có nhẹ đi. Sáu năm, bao nhiêu tháng, bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm đã qua rồi. Triều bồi hồi và Triều âu yếm nói :

- Tắt đèn chứ, khuya đây.

Soan đứng dậy, đặt cái đèn lên mặt hòm phản. Câu chuyện hai vợ chồng lầm rầm dần dà lặn vào bóng tối.

Đêm mùa đông ấy, trời khô, vừa rét lại vừa ẩm.

- Anh ở chơi nhà mấy hôm ?

- Ngày kia thôi. Ngày, sắp đi công tác đấy à ?

- Ừ.

Trước khi Triều về, mỗi lần Soan tưởng tượng chuyện sắp đi công tác thì đầy đủ lắm : túi vải, ba-lô, bút máy gài túi. Nhưng lúc này, mặc dù vẫn hãnh diện về chuyện này và những điều nghĩ ngợi về lễ kết nạp chị Pha vào Đảng lúc này vẫn bồi hồi trong đầu, Soan có thể kể cho Triều nghe bao nhiêu chuyện, thế mà khi đó Soan chỉ «Ừ» một tiếng, Triều nghe thấy vừa hiền, vừa ngoan, trong khi hai vợ chồng nằm nghiêng lại với nhau. Triều nghĩ những ngày mới lấy nhau. Soan nét na, hay làm, Triều thì cục tính, hễ trái ý là chửi, đánh. Cả hôm đi tòng quân, lấy có che mặt mọi người để ra hậu phương cho dễ, Triều cũng đánh Soan một trận, nghĩ bây giờ còn ngượng. Soan cũng nhớ lại việc ấy một cách tình nghịch.

- Anh còn nhớ cái lần anh đánh em rồi anh ra hậu phương. Thế mà nhà đồng Nấp cũng đi báo đồn xuống đòi tiền phạt «nhà có người đi Việt Minh».

- Mình chính huân đã kiểm thảo thái độ đối với phụ nữ rồi.

- Không, em không nói anh đánh em đâu. Em kể chuyện nhà Nấp ấy. À anh ở bộ đội có kiểm thảo cả việc đánh em đấy à ?

- Ừ.

Chợt nhớ ra một điều vui lắm, Soan rinh rích cười, cười to, nghe giương ngoài bà Cam cựa mình, mới im.

Triều đề ý Soan gọi Triều bằng «anh» và xưng «em» rất tự nhiên. Triều thì chẳng dám «mày tao» với Soan như ngày trước, nhưng vẫn lúng túng chưa biết gọi thế nào, nên vẫn chỉ đối đáp trống không, Triều thấy ở Soan một vẻ chững chạc, mà trước kia Triều không hề tưởng tượng ra. Triều lạ và phục, nhưng cũng thấy tung tức, cảm như mình bị coi thường, dù mới chỉ về nhà một lúc. Triều buông một câu :

- Đi thì ai ở nhà làm ?

Soan nói gì về những ở nhà và đi công tác, nhưng Triều không nghe rõ. Sự bức bối và thương yêu cứ lẫn lộn, bối rối, vẩn vơ. Câu chuyện lảo đảo một lúc rồi im trong tiếng lá chuối sột sạt và tiếng cơn gió đông cứ dạt dào huýt sáo vào cái ống tre trên đầu hồi nhà. Một lúc

thật lâu, Triều bảo Soan :

- Ngủ đi.

Nhưng nào ai ngủ được. Chẳng bao lâu, tiếng gà đã nổi lên. Nhìn ra, đêm đã loăng trắng trên khung cửa liếp. Triều quay mặt vào, nhắm mắt. Bỗng khó chịu cái khung cửa liếp làm cho người ta thấy sắp sáng nhanh quá.

Còn tối đất, Soan đã dậy đi bừa. Triều cũng đứng lên, hăm hở ra sân tập thể dục.

Mặt trời lên độ con sào thì Soan về, khoả chân tay ngoài cầu ao rồi vào gác bừa. Triều đương lúi húi với đôi dép râu ở đầu hè.

Triều bảo Soan :

- Xỏ chân thử nào.

Soan đặt chân lên chiếc dép. Triều ngấm, nheo mắt, rút quai, đánh dấu bút chì. Miếng xà phòng và bát nước đã để sẵn. Triều tuốt xà phòng vào quai dép, rồi lần lượt xâu lại.

Đã đoán được việc Triều đương làm, nhưng Soan vẫn cứ hỏi :

- Anh làm gì đấy ?

- Cho em đôi dép này... để em đi...

Triều buột miệng một cách cố ý gọi vợ bằng «em», tiếng nhẹ nhõm, tự nhiên.

- Cho em thì anh lấy gì anh đi ?

- Anh đã có giày của trên phát rồi. Rút quai cho ngắn lại vừa chân em, xinh lắm.

Đôi má Soan hây hây cảm động, Soan rất tinh ý. Nghe cách nói, Soan biết đêm qua Triều không muốn cho Soan đi công tác. Nhưng bây giờ Triều đương sửa lại dép cho Soan, thế là Triều bằng lòng rồi. Vừa day tay rút xong được một bên quai dép, Triều ngẩng lên nhìn Soan, và cười.

Thật ra thì Soan chưa đoán hết được nghĩa cái cười ấy của chồng. Thì Soan sẽ đi công tác. Triều đã nghĩ vậy. Nhưng mà Triều cũng đương nghĩ giá lần này mà Soan có mang. Có thể có mang lắm chứ. Triều nhìn đôi má đỏ hồng của Soan và Triều cười. Ừ, Soan có mang thì rồi

Soan sẽ ở nhà, Soan đã có con. Cái mong muốn yếu đuối cuối cùng của người chồng chỉ còn âm thầm bám lại.

Soan không biết. Soan cũng hồn nhiên cười chúm chím. Ồ, đi công tác mà có dép thì nhất rồi. Soan cúi buông hai ống quần còn lấm tẩm bùn, vẫn xoe lên tận bẹn, từ nãy quên chưa bỏ xuống.

1956

[1] Không Văn Cu - Chuyện cũ Hà Nội của Tô Hoài
- Nhà xuất bản Hà Nội 2000 (trang 132)